

Số/No: 941/MB-HĐQT

Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2026
Hanoi, 06 August 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/State Securities Commission
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Vietnam Exchange
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/ Hochiminh Stock Exchange
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Hanoi Stock Exchange

1. Tên tổ chức/Name of organization: Ngân hàng TMCP Quân đội/Military Commercial Joint Stock Bank

- Mã chứng khoán/Stock code: MBB

- Địa chỉ/Address: Số 18 Lê Văn Lương, phường Yên Hòa, Hà Nội/No. 18 Le Van Luong, Yen Hoa ward, Hanoi

- Điện thoại liên hệ/Tel: (84-24) - 6266.1088 Fax:

- Email: vanphonghdqt@mbbank.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure: Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) công bố thông tin Bản Cáo bạch chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng/Military Commercial Joint Stock Bank (MB) disclosed information on the Prospectus for a Public Offering of Additional Shares.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của MB vào ngày 06/08/2026 tại đường dẫn www.mbbank.com.vn - Mục Nhà đầu tư - Phân Thông báo/This information was published on MB website on 06/08/2026, as in the link www.mbbank.com.vn - Investors - Disclosure.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Trân trọng cảm ơn!/ Best Regards!

Tài liệu đính kèm/

Attached document:

Bản Cáo bạch chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng/ Prospectus for a Public Offering of Additional Shares

NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI
MILITARY COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
NGƯỜI ỦY QUYỀN CBTT
PERSON AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION



Vũ Thị Hải Phượng
Phó Chủ tịch HĐQT/Vice Chairwoman of BOD

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 03/GP-NHNN ngày 16/01/2026, được bổ sung theo Quyết định số 53/QĐ-QLGS4 ngày 25/06/2026)



CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số...335.../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 7 năm 2026)

Bản cáo bạch này và các phụ lục của Bản cáo bạch sẽ được cung cấp tại những địa điểm dưới đây từ ngày 06 / 8 /2026.

1. NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI

Địa chỉ: Số 18 Lê Văn Lương, Phường Yên Hòa, Hà Nội

Điện thoại: 024 62661088

Website: <https://www.mbbank.com.vn>

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Địa chỉ: Khu vực 1-Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội

Điện thoại: 02473.045688

Website: <https://www.mbs.com.vn>

3. PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Vũ Thị Hải Phượng

Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị - Ngân hàng TMCP Quân Đội

Điện thoại: 024 62661088

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 03/GP-NHNN ngày 16/01/2026, được bổ sung theo Quyết định số 53/QĐ-QLGS4 ngày 25/06/2026)

**CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá chào bán:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:	805.499.990 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:	8.054.999.900.000 VNĐ

1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**Công ty TNHH KPMG**

Địa chỉ: Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72, Lô E6, đường Phạm Hùng, phường Yên Hòa, Hà Nội.

Điện thoại: +84 24 3946 1600

Website: <https://kpmg.com/vn/vi/home.html>

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN**Công ty cổ phần Chứng khoán MB**

Địa chỉ: Khu vực 1-Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội

Điện thoại: 02473.045688

Website: <https://www.mbs.com.vn/>

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	4
1. Tổ Chức Phát Hành	4
2. Tổ chức tư vấn.....	4
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	5
III. CÁC KHÁI NIỆM	14
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	15
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....	88
1. Kết quả hoạt động kinh doanh	88
2. Tình hình tài chính	90
3. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	99
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG.....	100
1. Thông tin về cổ đông sáng lập.....	100
2. Thông tin về cổ đông lớn.....	100
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.....	109
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	165
1. Loại cổ phiếu:.....	165
2. Mệnh giá cổ phiếu:.....	165
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:	165
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:	165
5. Giá chào bán dự kiến:.....	165
6. Phương pháp tính giá	165
7. Phương thức phân phối	167
8. Đăng ký mua cổ phiếu.....	168
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu	168
10. Phương thức thực hiện quyền.....	169
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu.....	170
12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	170
13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành	170
14. Hủy bỏ đợt chào bán: Không áp dụng.....	172
15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài	172
17. Thông tin về các cam kết	174
18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt	174
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	174
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	174
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN-	176
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	176
XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH ..	177
XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN	178
XIII. PHỤ LỤC.....	179

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Quá trình tăng vốn của MB	37
Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 30/06/2026.....	43
Bảng 3: Danh sách trái phiếu đã phát hành và còn dư nợ tại MB.....	44
Bảng 4: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu (hợp nhất)	54
Bảng 5: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu (riêng lẻ)	54
Bảng 6: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong tổng thu nhập hoạt động (hợp nhất)	55
Bảng 7: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong tổng thu nhập hoạt động (riêng lẻ)	55
Bảng 8: Cơ cấu huy động vốn của MB (hợp nhất)	56
Bảng 9: Cơ cấu huy động vốn của MB (riêng lẻ)	57
Bảng 10: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (hợp nhất)	57
Bảng 11: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (riêng lẻ)	57
Bảng 12: Phân loại chất lượng tín dụng MB.....	58
Bảng 13: Tỷ lệ an toàn hoạt động và tỷ lệ nợ quá hạn tại MB.....	58
Bảng 14: Tỷ lệ trích dự phòng theo quy định tại Nghị định 86/2024/NĐ-CP	59
Bảng 15: Tình hình trích lập dự phòng của MB	59
Bảng 16: Thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối (hợp nhất).....	60
Bảng 17: Thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối (riêng lẻ).....	60
Bảng 18: Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh tại MB (hợp nhất)	63
Bảng 19: Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh tại MB (riêng lẻ)	63
Bảng 20: Một số dự án đầu tư xây dựng mới và cải tạo trụ sở văn phòng tiêu biểu.....	64
Bảng 21: Tài sản cố định hữu hình (hợp nhất).....	66
Bảng 22: Tài sản cố định hữu hình (riêng lẻ).....	67
Bảng 23: Tài sản cố định vô hình (hợp nhất).....	68
Bảng 24: Tài sản cố định vô hình (riêng lẻ).....	69
Bảng 25: Tình hình lao động MB tại các thời điểm.....	82
Bảng 26: Tỷ lệ trả cổ tức trong những năm gần đây	85
Bảng 27: Nghĩa vụ tiềm ẩn và cam kết khác của MB	87
Bảng 28: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của MB năm 2024, 2025	88
Bảng 29: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh năm 2024, 2025.....	88
Bảng 30: Cơ cấu vốn kinh doanh - Riêng lẻ	90
Bảng 31: Cơ cấu vốn kinh doanh - Hợp nhất.....	90
Bảng 32: Thời gian khấu hao tài sản cố định.....	91
Bảng 33: Mức lương bình quân và thu nhập bình quân.....	91
Bảng 34: Tình hình công nợ các khoản phải thu – Hợp nhất.....	92
Bảng 35: Tình hình công nợ các khoản phải thu – Riêng lẻ	92
Bảng 36: Tình hình công nợ các khoản phải trả - Hợp nhất	92
Bảng 37: Tình hình công nợ các khoản phải trả - Riêng lẻ.....	93
Bảng 38: Chi tiết các khoản phải trả theo luật định - Hợp nhất.....	93
Bảng 39: Chi tiết các khoản phải trả theo luật định – Riêng lẻ.....	93
Bảng 40: Các quỹ trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng – Hợp nhất	94
Bảng 41: Các quỹ trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng – Riêng lẻ.....	94
Bảng 42: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Hợp nhất.....	96
Bảng 43: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Riêng lẻ	96
Bảng 44: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2026	99
Bảng 45: Danh sách cổ đông lớn nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổ Chức Phát Hành.....	101
Bảng 46: Danh sách người có liên quan của cổ đông lớn.....	102
Bảng 47: Danh sách Hội đồng quản trị	109
Bảng 48: Danh sách Ban Kiểm soát.....	130
Bảng 49: Danh sách Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc và Kế Toán Trưởng	140
Bảng 50: Lịch trình phân phối cổ phiếu.....	168

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH****1. Tổ Chức Phát Hành**

Ông: Lưu Trung Thái

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông: Phạm Như Ánh

Chức vụ: Tổng giám đốc

Bà: Nguyễn Thị Thanh Nga

Chức vụ: Giám đốc Tài chính

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện được ủy quyền:

Ông: Hoàng Hà

Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Theo Giấy ủy quyền số 26/2026/MBS – UQ ngày 16 tháng 04 năm 2026 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Đại diện pháp luật của MBS

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng khoán MB tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 06A/2026/MBS/IBHN-HĐTV ngày 19 tháng 06 năm 2026 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội cung cấp.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Năm 2025, tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt 8,02%, đạt mục tiêu của Quốc hội và Chính phủ đề ra. Mức tăng này chỉ thấp hơn tốc độ tăng 8,54% của năm 2022 trong giai đoạn 2011-2025. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%, đóng góp 5,30% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,95%, đóng góp 43,62%. Khu vực dịch vụ tăng 8,62%, đóng góp 51,08%. Trong đó, tăng trưởng của một số ngành dịch vụ thị trường như sau: Ngành vận tải, kho bãi tăng 10,99%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 10,02%; bán buôn và bán lẻ tăng 8,52%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,82%. Lạm phát được kiểm soát ở mức phù hợp. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân quý IV/2025 tăng 3,44% so với cùng kỳ năm trước, bình quân năm 2025 tăng 3,31%, thấp hơn mức tăng 3,63% của năm 2024. Lạm phát cơ bản tăng 3,21%.¹

Trong năm 2026, một số rủi ro tiếp tục có khả năng gây ảnh hưởng đến tăng trưởng và ổn định kinh tế Việt Nam cũng như kết quả hoạt động của MB bao gồm:

Các rủi ro khách quan: (i) Các rủi ro chính trị, biến động kinh tế có tầm ảnh hưởng đến kinh tế toàn cầu có nguy cơ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động xuất khẩu và thu hút FDI của Việt Nam, bao gồm: xu hướng bảo hộ thương mại gia tăng trên phạm vi toàn cầu; xung đột chính trị, quân sự tiếp tục kéo dài tại Nga - Ukraine và khu vực Trung Đông; và (ii) các hiện tượng/hậu quả của biến đổi khí hậu như xâm nhập mặn, hạn hán, bão lũ và việc khai thác tài nguyên nước trên thượng nguồn gây ảnh hưởng bất lợi trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp, lan truyền đến các ngành chế biến và kinh doanh sản phẩm nông nghiệp và (iii) những biến động của thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế, mặt bằng lãi suất và tỷ giá có thể ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh của các tổ chức tín dụng.

Các rủi ro từ nội tại nền kinh tế: (i) rủi ro chất lượng tăng trưởng thấp do nền kinh tế Việt Nam hiện vẫn còn phụ thuộc nhiều vào việc tích lũy các yếu tố sản xuất như vốn, lao động, tài nguyên thiên nhiên và đặc biệt là các động lực tăng trưởng từ bên ngoài, thiếu tính bền vững trong khi đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp vào GDP thấp và chậm được cải thiện; (ii) sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa được cải thiện nhiều, đặc biệt trong bối cảnh quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, thị trường tài chính phát triển thiếu cân đối, mức độ sẵn sàng về công nghệ và trình độ phát triển của doanh nghiệp còn thấp; và (iii) chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam chưa cao, năng suất lao động thấp, khả năng ứng dụng khoa học công nghệ trong công việc còn hạn chế, đặc biệt trước yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

MB hoạt động trong ngành ngân hàng, là một ngành chịu sự ảnh hưởng trực tiếp từ các rủi ro khách quan và nội tại của nền kinh tế, đồng thời cũng ảnh hưởng lớn tới chi phí đầu vào của các ngành kinh doanh khác. Bất kỳ một sự thay đổi kinh tế nào cũng có thể ảnh hưởng đáng kể và bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán của Tổ Chức Phát Hành. Tuy nhiên, MB thường xuyên nghiên cứu, phân tích và dự báo triển vọng kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính và các yếu tố có liên quan để xây dựng các

¹ Nguồn: Một số nét chính tình hình kinh tế – xã hội quý IV và năm 2025 – General Statistics Office of Vietnam

kịch bản hoạt động phù hợp, qua đó chủ động điều chỉnh kế hoạch kinh doanh và các biện pháp quản trị rủi ro trong từng thời kỳ.

2. Rủi ro về luật pháp

Nhìn chung, nền kinh tế và thị trường tại chính Việt Nam đang trong quá trình phát triển. Hiện nay, các văn bản pháp luật, hành lang pháp lý như Bộ Luật Dân Sự, Luật Thương Mại, Luật Chứng Khoán, Luật Đầu Tư và Luật Doanh Nghiệp, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng... vẫn đang tiếp tục thay đổi để hoàn thiện. Sự thay đổi trong chính sách hay trong cách hiểu và vận dụng pháp luật có thể dẫn đến những hậu quả không mong đợi mà có thể gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành.

NHNN quản lý hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại và có khả năng tác động đến thị trường tài chính và ngân hàng nói chung. NHNN và các cơ quan quản lý nhà nước khác có thể ban hành và/hoặc thay đổi các chuẩn mực và đưa ra những hướng dẫn và các quy định giám sát đối với hoạt động của các ngân hàng nói chung và MB nói riêng. Bản chất và ảnh hưởng của các thay đổi chính sách pháp luật, quy định và pháp lý trong tương lai là không thể dự đoán trước và nằm ngoài tầm kiểm soát của MB và các thay đổi chính sách pháp luật, quy định và pháp lý này có thể ảnh hưởng bất lợi đến điều kiện tài chính và kết quả hoạt động của MB. Các nhà đầu tư lưu ý rằng các quy định pháp luật của Việt Nam có thể khác so với hệ thống pháp luật của các quốc gia khác.

3. Rủi ro đặc thù ngành

Bên cạnh những rủi ro vĩ mô, tình hình hoạt động kinh doanh còn có thể bị ảnh hưởng bởi những yếu tố đặc thù của ngành và của Tổ Chức Phát Hành.

3.1. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với ngân hàng (trừ rủi ro tín dụng đối tác).

Nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng có thể xuất phát từ môi trường pháp lý cho hoạt động tín dụng chưa hoàn thiện, thông tin được cung cấp không đầy đủ, trung thực; khách hàng cố tình không trả nợ, chủ ý lừa đảo Ngân hàng; sự suy giảm chung của nền kinh tế khu vực hoặc toàn cầu; việc sụt giảm hiệu quả kinh doanh của khách hàng; thiên tai địch họa hoặc dịch bệnh gây tác động tới toàn bộ nền kinh tế toàn cầu, hoặc các yếu tố bất khả kháng khác. Tất cả những rủi ro đó có thể ảnh hưởng đến khả năng thu hồi nợ vay của MB và đòi hỏi ngân hàng phải tăng chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.

Để giảm thiểu rủi ro về tín dụng, MB đã duy trì một chính sách quản lý rủi ro tín dụng đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau:

MB đã duy trì một chính sách quản lý rủi ro tín dụng đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau:

- Thiết lập một môi trường quản lý rủi ro tín dụng phù hợp;
- Hoạt động theo một quy trình cấp tín dụng lành mạnh;
- Duy trì một quy trình quản lý, đo lường và giám sát tín dụng phù hợp; và

- Đảm bảo kiểm soát đầy đủ đối với rủi ro tín dụng.

MB tiến hành xét duyệt tín dụng qua nhiều cấp để đảm bảo một khoản tín dụng được xem xét một cách độc lập; đồng thời, việc phê duyệt các khoản vay được thực hiện trên cơ sở hạn mức tín dụng được giao cho từng cấp có thẩm quyền. Bên cạnh đó, mô hình phê duyệt tín dụng của Ngân hàng có sự tham gia của Hội đồng tín dụng để đảm bảo hoạt động phê duyệt tín dụng được tập trung với chất lượng cao nhất.

Ngân hàng đang sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận như một công cụ quản lý để quản trị rủi ro tín dụng, theo dõi mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên. Dữ liệu và kết quả xếp hạng của khách hàng trên toàn hệ thống được kiểm soát và quản lý tập trung tại Hội sở chính. Đây là cơ sở để cấp tín dụng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng cũng như việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định.

3.2. Rủi ro về thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: a) Rủi ro lãi suất là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với giá trị của giấy tờ có giá, công cụ tài chính có lãi suất, sản phẩm phái sinh lãi suất trên sổ kinh doanh của ngân hàng; b) Rủi ro ngoại hối là rủi ro do biến động bất lợi của tỷ giá trên thị trường khi ngân hàng có trạng thái ngoại tệ; c) Rủi ro giá cổ phiếu là rủi ro do biến động bất lợi của giá cổ phiếu trên thị trường đối với giá trị của cổ phiếu, giá trị chứng khoán phái sinh trên sổ kinh doanh của ngân hàng; d) Rủi ro giá hàng hóa là rủi ro do biến động bất lợi của giá hàng hóa trên thị trường đối với giá trị của sản phẩm phái sinh hàng hóa, giá trị của sản phẩm trong giao dịch giao ngay chịu rủi ro giá hàng hóa của ngân hàng.

Trạng thái rủi ro thị trường trên sổ kinh doanh của Ngân hàng được đo lường thông qua các công cụ, mô hình hiện đại và được quản lý bằng việc thiết lập các hạn mức rủi ro, cơ chế cảnh báo sớm, đồng thời thực hiện theo dõi, giám sát hàng ngày. Đơn vị thực hiện đo lường, giám sát rủi ro thị trường độc lập với đơn vị sở hữu rủi ro thị trường, đảm bảo nguyên tắc độc lập, khách quan trong công tác quản lý rủi ro của MB.

3.3. Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất tác động tới trạng thái sổ ngân hàng, làm ảnh hưởng tới vốn và thu nhập của ngân hàng. Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng bao gồm:

- Rủi ro chênh lệch: Phát sinh từ sự không khớp về thời điểm định giá lại lãi suất hoặc không khớp về kỳ hạn giữa tài sản và nợ phải trả (bao gồm cả các khoản mục ngoại bảng) trên sổ ngân hàng;
- Rủi ro cơ sở: Phát sinh từ sự khác nhau giữa lãi suất được sử dụng để định giá lại tài sản và nợ phải trả (bao gồm cả các khoản mục ngoại bảng) có cùng kỳ hạn;
- Rủi ro quyền chọn: Phát sinh từ việc thực hiện quyền chọn tự động hoặc quyền lựa chọn hành vi gắn với tài sản và nợ phải trả (bao gồm cả khoản mục ngoại bảng) trên sổ ngân hàng làm thay đổi giá trị và thời điểm phát sinh dòng tiền, bao gồm:

- Rủi ro quyền chọn tự động (Automatic option risk) phát sinh khi lãi suất thay đổi dẫn đến việc chắc chắn thực hiện quyền chọn theo quy định tại hợp đồng;
- Rủi ro quyền lựa chọn hành vi (Behavioral option risk) phát sinh khi lãi suất thay đổi có thể làm thay đổi hành vi của khách hàng.

MB thực hiện quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng theo nguyên tắc thận trọng. Trạng thái rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng của Ngân hàng được đo lường thông qua các công cụ, mô hình hiện đại và quản lý bằng việc thiết lập các loại hạn mức, đồng thời thực hiện cơ chế theo dõi, giám sát hàng ngày, hàng tuần. Triển khai quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng đảm bảo quy trình quản trị với các phương pháp luận vững chắc, giúp đo lường và theo dõi rủi ro lãi suất cơ sở đáp ứng các thông lệ quốc tế như Basel II và hướng đến đáp ứng Basel III cũng như tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước.

3.4. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống, do các yếu tố bên ngoài. Rủi ro hoạt động bao gồm cả rủi ro pháp lý và không bao gồm rủi ro danh tiếng, rủi ro chiến lược. Để quản trị rủi ro hoạt động hiệu quả, MB đã xây dựng Khung quản trị rủi ro (QTRR) hoạt động chặt chẽ theo thông lệ quốc tế Basel II (bao gồm: khẩu vị, chiến lược, chính sách QTRR hoạt động, hồ sơ rủi ro hoạt động) và trang bị các công cụ QTRR hoạt động để hỗ trợ các đơn vị trong quá trình triển khai (bao gồm: công cụ Thu thập và quản lý dữ liệu tổn thất LDC, công cụ Tự đánh giá rủi ro và kiểm soát RCSA, công cụ Chỉ số rủi ro chính KRI; công cụ tính vốn).

MB luôn chú trọng xây dựng hệ thống quy định, quy trình nghiệp vụ kinh doanh và vận hành đầy đủ; tăng cường hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ từ Hội sở đến Chi nhánh; thiết lập và duy trì ổn định hệ thống công nghệ thông tin, an ninh mạng để phục vụ hoạt động kinh doanh liên tục, an toàn và hiệu quả.

Mặc dù MB đã triển khai nhiều biện pháp quản trị và kiểm soát rủi ro theo các chuẩn mực quốc tế và quy định của pháp luật, Ngân hàng không thể bảo đảm loại trừ hoàn toàn các rủi ro hoạt động có thể phát sinh trong quá trình kinh doanh. Các sự kiện rủi ro hoạt động, nếu xảy ra, có thể ảnh hưởng bất lợi đến kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và uy tín của Ngân hàng.

3.5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro do: (a) Ngân hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn; hoặc (b) Ngân hàng có khả năng thực hiện nghĩa vụ tài chính khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của Ngân hàng. Đây là một trong những rủi ro trọng yếu đối với hoạt động Ngân hàng và thường có thể phát sinh từ hoặc chịu tác động của các rủi ro khác, do đó, bên cạnh việc làm tốt công tác quản trị với các loại rủi ro khác, quản trị rủi ro thanh khoản tại MB được đặc biệt chú trọng.

Với khung quản trị rủi ro thanh khoản chặt chẽ bao gồm 3 vòng phòng vệ, MB thực hiện quản trị rủi ro thanh khoản trong ngày, quản lý nguồn vốn huy động, quản lý dòng tiền tối thiểu và dự phòng thanh khoản sớm ít nhất 30 ngày, quản lý tài sản thanh khoản cao theo thời gian thực đồng thời đánh giá khả năng chuyển đổi sang tiền mặt, quản lý nguồn thanh khoản, quản lý rủi ro thanh khoản sản phẩm mới, thị trường mới; và quản lý rủi ro thanh khoản trong giai đoạn khủng hoảng.

Công tác đo lường và kiểm soát rủi ro thanh khoản tại MB được thực hiện liên tục trong ngày đảm bảo tuân thủ tuyệt đối các giới hạn thanh khoản của NHNN và nội bộ từng thời kỳ. MB thực hiện cơ chế cảnh báo sớm và đánh giá rủi ro thanh khoản hàng ngày để có các biện pháp xử lý thiếu hụt thanh khoản tạm thời hoặc kéo dài (nếu có).

MB triển khai đo lường và xây dựng lộ trình đáp ứng các chỉ tiêu thanh khoản như Tỷ lệ bao phủ thanh khoản LCR và Tỷ lệ tài trợ ròng NSFR theo tiêu chuẩn Basel III, khắt khe hơn quy định của NHNN Việt Nam; đồng thời tối ưu các mô hình trong quản lý rủi ro thanh khoản như mô hình dự báo dòng tiền vào/dòng tiền ra, mô hình xác định các tỷ lệ hành vi của khách hàng bao gồm tỷ lệ rút trước hạn, tỷ lệ tái tục tự động tiền gửi, tỷ lệ trả nợ trước hạn và quá hạn hàng ngày của khách hàng,... giúp đánh giá mức độ tác động đến thay đổi dòng tiền so với kỳ hạn danh nghĩa, giúp Ngân hàng xác định được chính xác hơn trạng thái thanh khoản thực, đưa ra các biện pháp cân đối vốn hợp lý nhằm tiết kiệm chi phí, gia tăng hiệu quả quản trị.

3.6. Rủi ro tập trung

Cũng như đa số các ngân hàng thương mại khác tại Việt Nam, hoạt động cho vay của MB thường tập trung vào một số nhóm ngành. Do vậy, sự suy thoái của một số ngành kinh tế có thể dẫn đến việc gia tăng nợ xấu của MB. Điều này có thể có ảnh hưởng bất lợi đến kết quả hoạt động kinh doanh và tình trạng tài chính của MB.

Tuy nhiên các nhóm ngành MB tập trung tài trợ được lựa chọn trên cơ sở đánh giá, phân tích kỹ lưỡng về tiềm năng, xu hướng phát triển và vị thế trong nền kinh tế Việt Nam, đồng thời MB cũng thiết lập hạn mức tín dụng đối với từng nhóm ngành cụ thể nhằm giảm thiểu rủi ro tập trung.

3.7. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Hoạt động ngoại bảng của ngân hàng là các nghiệp vụ kinh doanh được phản ánh trên mục “Các chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán” của ngân hàng như bảo lãnh, thư tín dụng,... Rủi ro của hoạt động này phát sinh khi khách hàng mất khả năng thanh toán cho người thụ hưởng, khi đó ngân hàng sẽ phải thay khách hàng thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết và các nghĩa vụ này sẽ được hạch toán như các khoản tín dụng nội bảng.

4. Rủi ro về đợt chào bán

4.1. Rủi ro của việc chào bán cổ phiếu

Đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của MB được thực hiện trong bối cảnh nền kinh tế và thị trường chứng khoán có những biến động nhất định. Trong điều kiện thị trường không thuận lợi, hoặc nhu cầu/khả năng thực hiện quyền mua của Nhà đầu tư thấp hơn dự kiến cùng với việc đợt chào bán không được bảo lãnh nên có thể xảy ra khả năng cổ phiếu không được chào bán hết, MB không huy động được số vốn đúng như dự kiến từ đó có thể ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kế hoạch sử dụng vốn từ đợt chào bán. Để giảm thiểu rủi ro này, ĐHCĐ đã ủy quyền cho HĐQT chủ động thực hiện việc phân phối số cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu không được cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua cho các đối tượng khác với mức giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu và bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về chào bán và phân phối cổ phiếu..

4.2. Rủi ro của việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Mục đích của đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng của MB là để nâng cao năng lực tài chính và bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh của MB..

Tuy nhiên, hiệu quả sử dụng nguồn vốn thu được từ đợt chào bán có thể chịu ảnh hưởng bởi những biến động của tình hình kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính, môi trường kinh doanh hoặc các yếu tố khách quan khác ngoài khả năng kiểm soát của MB. Do đó, hiệu quả sử dụng vốn trong thực tế có thể khác so với kế hoạch dự kiến, từ đó có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh và hiệu quả sinh lời của MB. Vì vậy, nhà đầu tư cần cân nhắc và đánh giá kỹ lưỡng rủi ro này trước khi quyết định đầu tư.

5. Rủi ro pha loãng

Sau khi Ngân hàng chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ, số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến trên thị trường của Ngân hàng cũng tăng lên tương ứng.

Tổng số cổ phiếu đã phát hành tại ngày 31/12/2025: 8.054.999.909 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 31/12/2025: 0 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu lưu hành tại ngày 31/12/2025: 8.054.999.909 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đăng ký chào bán: 805.499.990 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu lưu hành sau khi chào bán: 8.860.499.899 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên sẽ dẫn đến cổ phiếu của MB bị pha loãng. Việc pha loãng cổ phiếu có thể gây ra các ảnh hưởng sau:

- **Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS):**

EPS có thể suy giảm do lợi nhuận sau thuế được chia cho một lượng cổ phiếu lớn hơn. Tuy nhiên điều này còn phần nào phụ thuộc vào số tiền mà Ngân hàng huy động được trong đợt chào bán này để bổ sung kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận thu được từ số tiền đó.

Công thức tính

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lãi (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Trong đó:

$$\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{X \cdot 12 + Y \cdot T}{12}$$

✓ X: Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 31/12/2025

✓ Y: Khối lượng cổ phiếu phát hành thêm ra công chúng

✓ T: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm (tháng)

Giả sử, ngày hoàn tất đợt chào bán này của Ngân hàng 30/10/2026. Khi đó:

$$\text{Số lượng cổ phiếu đang} = \frac{8.054.999.909 \cdot 12 + 805.499.990 \cdot 2}{12} = 8.189.249.907$$

lưu hành bình quân
năm 2026

12

cổ phiếu

Giá định lợi nhuận sau thuế năm 2026 là 31.526.560.000.000 đồng.

Khi đó:

EPS năm 2026 (dự kiến)	31.526.560.000.000	3.913
trước khi pha loãng do phát hành thêm cổ phiếu	= $\frac{31.526.560.000.000}{8.054.999.909}$	= đồng/cổ phần
EPS năm 2026 (dự kiến)	31.526.560.000.000	3.849
sau khi pha loãng do phát hành thêm cổ phiếu	= $\frac{31.526.560.000.000}{8.189.249.907}$	= đồng/cổ phần

• **Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BVPS)**

Công thức tính:

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Khối lượng cổ phiếu đã phát hành - Cổ phiếu quỹ}}$$

Căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Ngân hàng, tại thời điểm 31/12/2024 và tại thời điểm 31/12/2025 giá trị sổ sách của Ngân hàng được xác định như sau:

Khoản mục	Đơn vị	Tại 31/12/2024	Tại 31/12/2025
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	117.059.581	142.022.525
Số lượng CP phổ thông lưu hành bình quân trong năm	CP	5.306.324.052	8.054.999.909
- Cổ phiếu quỹ	CP	-	-
Giá trị sổ sách mỗi CP	Đồng	22.060	17.632

Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt phát hành thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm và ngược lại.

• **Giá trị thị trường của cổ phiếu**

✓ Trường hợp giá đóng cửa cổ phiếu MBB tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền lớn hơn giá phát hành:

Tại ngày giao dịch không hưởng quyền, giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{pl} = \frac{P_t + P_{r1} \cdot I_1}{1 + I_1}$$

Trong đó:

- ✓ Ppl: Giá cổ phiếu pha loãng.
- ✓ Pt: Giá đóng cửa ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền (Giá định: 30.000 đồng/cổ phiếu);
- ✓ Pr₁: Giá phát hành đối với quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu (10.000 đồng/cổ phần);
- ✓ I₁: Tỷ lệ tăng vốn tăng thêm với việc chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu (10%);

Với giả định trên, tại thời điểm chốt danh sách để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, giá thị trường của cổ phiếu Ngân hàng sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$\begin{aligned}
 Ppl &= \frac{Pt + [Pr_1 * 10\%]}{1 + 10\%} \\
 &= \frac{30.000 + 10.000 * 10\%}{1 + 10\%} \\
 &= 28.181,8 \text{ đồng/ cổ phần}
 \end{aligned}$$

- ✓ Trường hợp giá đóng cửa cổ phiếu MBB tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền nhỏ hơn giá phát hành, giá tham chiếu của cổ phiếu MBB tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ không bị điều chỉnh.

• Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông có).

Các rủi ro từ việc pha loãng cổ phiếu nêu trên không phải bao giờ cũng xảy ra và mức độ rủi ro cũng phụ thuộc vào tình hình thị trường cũng như hiệu quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Tuy nhiên, những rủi ro này cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến lợi ích của những nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu của Ngân hàng, vì vậy nhà đầu tư cần có những đánh giá cẩn trọng về các vấn đề nêu trên.

6. Rủi ro về quản trị công ty

MB cam kết thực hành quản trị công ty (QTCT) tuân thủ theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành. MB đã nghiên cứu và áp dụng các thông lệ trong nước và quốc tế trong thực hành quản trị như thông lệ tốt về quản trị công ty của Việt Nam – VNCG Code và Nguyên tắc quản trị công ty của OECD để hướng tới hiệu quả, minh bạch, phát triển bền vững và phù hợp với tiến trình phát triển. MB cũng tham chiếu các tiêu chuẩn quản trị thông qua bộ tích điểm QTCT ASEAN 2021 để tự đánh giá và hoàn thiện công tác quản trị.

MB tuân thủ mô hình quản trị công ty theo quy định Ngân hàng Nhà nước và theo tiêu chuẩn Basel 2 được quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 và các chỉ số an toàn tuân thủ theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Theo đó, Hệ thống kiểm soát và phân phối quyền lực và trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành được quy định theo Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

MB xây dựng mô hình tổ chức có vai trò giám sát cấp cao và mô hình ba vòng tuyển bảo vệ theo các nội dung tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN của NHNN và thông lệ của Ủy ban Basel được MB ứng dụng, trong đó có giám sát quản lý cấp cao gồm 2 cấp: cấp HĐQT và Ban kiểm soát và cấp Ban điều hành; cấp thực thi gồm cấp nghiệp vụ và thực hiện mô hình ba vòng tuyển bảo vệ. Vòng tuyển bảo vệ thứ 1 gồm (i) chức năng kinh doanh tạo ra doanh thu, thực hiện quyết định có rủi ro, (ii) chức năng phân bổ hạn mức rủi ro, kiểm soát rủi ro với từng loại hình giao dịch, hoạt động kinh doanh, (iii) chức năng kế toán, nhân sự, (iv) các chức năng sở hữu khác và quản lý rủi ro - đối mặt trực tiếp với rủi ro trong hoạt động kinh doanh, hỗ trợ và vận hành. Vòng tuyển bảo vệ thứ 2 gồm: quản lý rủi ro, tuân thủ, quản lý chất lượng, kiểm soát tài chính, an ninh an toàn và thanh tra/điều tra. Vòng tuyển bảo vệ thứ 3 là kiểm toán nội bộ.

Các rủi ro quản trị có thể xảy ra là việc cấu trúc kiểm soát giữa 3 cấp và các vòng tuyển vào vệ bị phá vỡ do một trong ba cơ quan không làm tốt chức năng, không công khai minh bạch và có dấu hiệu lạm quyền dẫn đến tình trạng mất kiểm soát tại MB.

Biện pháp kiểm soát rủi ro: hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro và áp dụng các chuẩn mực, thông lệ quốc tế trong quản trị rủi ro, cụ thể MB đã và hoàn thiện:

- (1) Khung quản trị rủi ro toàn hàng được kiện toàn đảm bảo quản lý toàn diện các loại rủi ro trọng yếu trong hoạt động của Ngân hàng (rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro công nghệ, rủi ro tập trung, rủi ro gian lận...) theo các thông lệ tốt, thông lệ quốc tế của Ủy ban Basel, COSO, ISO. Chính sách quản lý rủi ro và khẩu vị rủi ro được văn bản hóa, tuyên ngôn cụ thể để định hướng, nhận diện đầy đủ các rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của MB. Các nguyên tắc, cơ chế quản lý và thiết lập các ngưỡng, giới hạn kiểm soát các rủi ro trọng yếu được thiết lập và giám sát định kỳ đảm bảo phù hợp với khẩu vị và tình hình hoạt động kinh doanh.
- (2) Vai trò giám sát cấp cao và mô hình ba vòng tuyển bảo vệ theo các nội dung quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN của NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung và thông lệ của Ủy ban Basel, được MB ứng dụng trong hoạt động quản trị, kiểm soát nội bộ của ngân hàng. Trách nhiệm giữa HĐQT và Tổng Giám đốc đối với hoạt động kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá về mức độ đủ vốn và hoạt động kiểm toán nội bộ được chuẩn hóa, đảm bảo vai trò độc lập, một cá nhân/đơn vị không đồng thời tham gia vào chức năng “điều hành” và chức năng “quản trị”.
- (3) MB chú trọng xây dựng văn hóa quản trị rủi ro. Tại MB, từng cán bộ nhân viên đều ý thức được trách nhiệm nhận diện, đánh giá, kiểm soát, giảm thiểu và báo cáo rủi ro của bản thân, từ đó xem xét, cân nhắc các yếu tố rủi ro trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. Đồng thời, việc cảnh báo rủi ro và chia sẻ, truyền thông bài học kinh nghiệm từ các rủi ro đã xảy ra được MB thực hiện thường xuyên, liên tục, giúp các cán bộ nhân viên nâng cao ý thức tuân thủ các quy định pháp luật, quy định/quy trình nội bộ.

7. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trình bày trên, MB còn có thể phải chịu các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố,... nếu xảy ra sẽ ít nhiều tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của MB.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

III. CÁC KHÁI NIỆM

MB/Tổ Chức Phát Hành /Ngân hàng/Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội
Cổ phiếu MBB	Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội
UBCK/UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
USD	Đô la Mỹ
VND	Việt Nam Đồng
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
QTRR	Quản trị rủi ro
RCSA (Risk and Control Self-Assessment)	Tự đánh giá rủi ro và kiểm soát.
LDC (Loss Data Collection)	Thu thập dữ liệu tổn thất
KRI (Key Risk Indicators)	Chỉ số rủi ro trọng yếu
NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
Hội đồng quản trị	Hội đồng quản trị
BĐH	Ban Điều Hành
TGD/CEO (Chief Executive Officer)	Tổng Giám đốc
PTGD	Phó Tổng Giám đốc
BKS	Ban Kiểm soát
HOSE	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
VSDC	Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
CP	Cổ phiếu
QTCT	Quản trị công ty
CTCP	Công ty cổ phần
Công ty TNHH	Công ty Trách nhiệm hữu hạn
TNNH MTV	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
Ngân hàng TMCP	Ngân hàng Thương mại cổ phần
QLRR	Quản lý rủi ro
CNTT	Công nghệ thông tin
CTTV	Công ty thành viên
BCTC	Báo cáo tài chính
NG	Nguyên giá
GTCL	Giá trị còn lại
Rủi ro hoạt động	RRHĐ
KH	Khách hàng
KHQĐ	Khách hàng quân đội
CQQLNN	Cơ quan quản lý Nhà nước

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]



IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành**

Tên đầy đủ bằng Tiếng Việt	:	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội
Tên đầy đủ bằng Tiếng Anh	:	Military Commercial Joint Stock Bank
Tên gọi tắt bằng Tiếng Việt	:	Ngân hàng TMCP Quân Đội
Tên viết tắt	:	MB
Tên giao dịch	:	Ngân hàng Quân Đội
Trụ sở	:	Số 18 Lê Văn Lương, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội
Điện thoại	:	024 62661088
Fax	:	024 62661080
Website	:	www.mbbank.com.vn
Giấy phép hoạt động	:	Giấy phép thành lập và hoạt động số 03/GP-NHNN ngày 16/01/2026, cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động số 100/GP-NHNN ngày 16/10/2018; được bổ sung nội dung hoạt động tại Quyết định của NHNN số 53/QĐ-QLGS4 ngày 25/06/2026.
Vốn điều lệ	:	80.549.999.090.000 VNĐ.
Người đại diện theo pháp luật	:	Lưu Trung Thái – Chủ tịch Hội đồng quản trị
Mã cổ phiếu	:	MBB
Sàn niêm yết	:	Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
Ngành nghề kinh doanh	:	1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác. 2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi. 3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: a) Cho vay; b) Chiết khấu, tái chiết khấu; c) Bảo lãnh ngân hàng; d) Phát hành thẻ tín dụng; e) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế; f) Thư tín dụng. 4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.



	5. Cung ứng các phương tiện thanh toán. 6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây: a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ; b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. 7. Vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn. 8. Mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước. 9. Cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. 10. Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật. 11. Mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước. 12. Mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản. 13. Mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối. 14. Tổ chức thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia. 15. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước. 16. Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm về ngoại hối trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định. 17. Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm phái sinh về lãi suất. 18. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. 19. Đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. 20. Các hoạt động kinh doanh khác: a) Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; b) Cung cấp các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ không qua tài khoản; c) Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán công cụ nợ của Chính phủ,
--	---

FL

	trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và các giấy tờ có giá khác; d) Dịch vụ môi giới tiền tệ; e) Kinh doanh vàng; f) Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng; g) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép; h) Phát hành trái phiếu; i) Lưu ký chứng khoán; j) Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. 21. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa. 22. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ. 23. Mua nợ. 24. Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế: Hệ thống của Hiệp hội Viễn thông Tài chính Liên ngân hàng Toàn cầu (SWIFT) Hệ thống thanh toán thẻ quốc tế của tổ chức thẻ quốc tế Visa. Hệ thống thanh toán thẻ quốc tế của tổ chức thẻ quốc tế MasterCard. Hệ thống thanh toán thẻ quốc tế của tổ chức thẻ quốc tế JCB. Hệ thống thanh toán thẻ quốc tế của tổ chức thẻ quốc tế UPI.
--	---

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội được thành lập vào ngày 4 tháng 11 năm 1994 với số vốn ban đầu thành lập là 20 tỷ đồng, 25 nhân sự và một điểm giao dịch duy nhất tại 28A Điện Biên Phủ, Hà Nội.

• Giai đoạn năm 1994-2004:

- Định hình phương châm hoạt động, xác định chiến lược kinh doanh và xác định thương hiệu.
- Chú trọng và mục tiêu và tầm nhìn dài hạn, MB đã vững vàng vượt qua cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á năm 1997 và là ngân hàng cổ phần duy nhất có lãi.
- Năm 2000, thành lập Công ty TNHH Chứng khoán Thăng Long (nay là Công ty Cổ phần Chứng khoán MB) và Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội (MBAMC).
- Năm 2003, MB tiến hành cải tổ toàn diện về hệ thống và nhân lực.

- Năm 2004, MB là ngân hàng đầu tiên phát hành cổ phần thông qua bán đấu giá ra công chúng với tổng mệnh giá là 20 tỷ đồng.
- Năm 2004, tròn 10 năm thành lập, tổng vốn huy động của MB tăng lên gấp trên 500 lần, tổng tài sản trên 7.000 tỷ đồng, lợi nhuận trên 500 tỷ đồng và khai trương trụ sở mới tại số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội.
- **Giai đoạn năm 2005-2009:**
 - Áp dụng giải pháp đổi mới tổng thể từ mở rộng quy mô hoạt động, phát triển mạng lưới, đầu tư công nghệ, tăng cường nhân sự, hướng mạnh về khách hàng với việc tách bạch chức năng quản lý và chức năng kinh doanh giữa Hội sở và Chi nhánh, tổ chức lại đơn vị kinh doanh theo nhóm khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ.
 - Đẩy mạnh triển khai các sáng kiến chiến lược sau này, góp phần đưa MB trở thành một trong những định chế tài chính hàng đầu Việt Nam hiện nay.
 - Năm 2005, MB tiến hành ký kết thỏa thuận ba bên với Vietcombank và Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel về việc thanh toán cước viễn thông của Viettel và đạt thỏa thuận hợp tác với Citibank.
 - Năm 2006, thành lập Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội HFM (nay là Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB). Triển khai thành công dự án hiện đại hóa công nghệ thông tin CoreT24 của Tập đoàn Temenos (Thụy Sĩ).
 - Năm 2008, MB tái cơ cấu tổ chức. Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel chính thức trở thành cổ đông chiến lược.
 - Năm 2009, MB ra mắt Trung tâm dịch vụ khách hàng 247.
 - Năm 2009, đánh dấu 15 năm phát triển, MB vinh dự nhận Huân chương Lao động Hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng.
- **Giai đoạn năm 2010-2016:**
 - Năm 2010, MB bắt đầu nghiên cứu xây dựng chiến lược giai đoạn mới 2011 – 2016, với kỳ vọng đưa MB vào Top 3 ngân hàng TMCP không do nhà nước nắm cổ phần chi phối.
 - Năm 2010, Khai trương chi nhánh đầu tiên tại nước ngoài (Lào).
 - Năm 2011, Thực hiện thành công việc niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh từ ngày 01 tháng 11 năm 2011. Khai trương chi nhánh thứ hai tại nước ngoài (Campuchia). Nâng cấp thành công hệ thống CoreT24 từ R5 lên R10.
 - Trong bối cảnh ngành Ngân hàng thực hiện tái cấu trúc mạnh mẽ, nhiều ngân hàng suy giảm lợi nhuận, thậm chí phải sát nhập, biến mất trên thị trường do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, MB kiên định với chiến lược phát triển bền vững, an toàn đã vươn lên dẫn đầu về nhiều chỉ tiêu tài chính quan trọng, hoàn thành mục tiêu nằm trong Top 3 trước 2 năm – vào năm 2013.
 - Năm 2014, MB vinh dự đón nhận Huân chương Lao động Hạng Nhất.



- Năm 2015, MB được phong tặng danh hiệu Anh Hùng Lao động.
- Năm 2016, MB tiếp tục thành lập hai công ty thành viên mới trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ là Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas (MB Ageas Life) và tài chính tiêu dùng là Công ty Tài chính tín dụng tiêu dùng TNHH MB Shinsei (Mcredit), kiện toàn mô hình tập đoàn tài chính đa năng. Những nền tảng vững chắc MB đã xây dựng trong những năm qua sẽ tạo đà phát triển vững chắc cho MB trong giai đoạn mới.

- **Giai đoạn năm 2017-2021**

- MB định hướng tầm nhìn “Trở thành Ngân hàng thuận tiện nhất” với mục tiêu đến năm 2021 sẽ nằm trong Top 5 hệ thống Ngân hàng Việt Nam về hiệu quả kinh doanh và an toàn, dẫn đầu về số hóa.
- Năm 2018, với phương châm “Đổi mới, hiện đại, hợp tác, bền vững”, MB đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh doanh đề ra từ đầu năm. Trong đó, đáng chú ý là lợi nhuận trước thuế đạt 7.767 tỷ đồng, tăng 68% so với năm 2017.
- MB cũng hoàn thành xuất sắc các mục tiêu lớn đặt ra gồm: triển khai chiến lược 2017 - 2021; chuyển dịch ngân hàng số với 2,6 triệu tài khoản người dùng đang hoạt động với sản phẩm chủ lực nhiều tiện ích là ứng dụng App MBBank; thay đổi nhận diện hình ảnh cho 100% điểm giao dịch, triển khai quyết liệt các dự án nhằm tăng trưởng đột phá.
- Năm 2019, MB ra mắt logo và bộ nhận diện thương hiệu mới, thành công thay đổi nhận diện thương hiệu mới thành một ngân hàng năng động, trẻ trung – Lọt vào Top 2 thương hiệu được yêu thích nhất, tăng 127 bậc so với năm 2020, lọt vào Top 300 thương hiệu ngân hàng có giá trị và mạnh nhất thế giới (theo báo cáo Banking 500 2022 của Brand Finance). MB tự hào tiếp tục nằm trong top doanh nghiệp đạt lợi nhuận trên 10.000 tỷ đồng, Top 5 các Ngân hàng tốt nhất Việt Nam.
- MB đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ, bứt phá trong hoạt động kinh doanh, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ, chỉ tiêu đề ra mặc dù gặp nhiều khó khăn bởi đại dịch Covid- 19 toàn cầu.

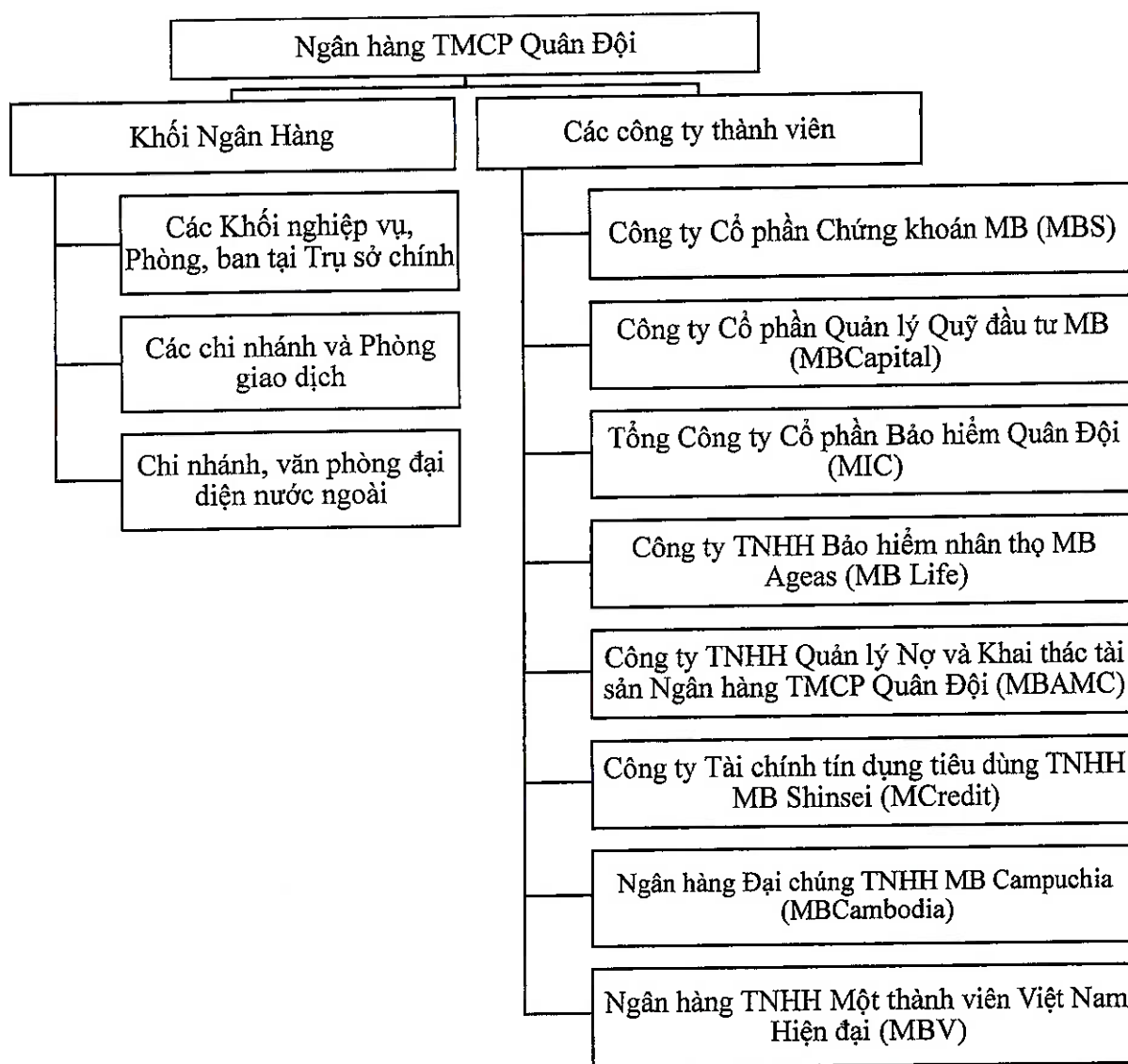
- **Giai đoạn năm 2022-2025**

- MB tập trung việc hoàn thiện hệ sinh thái tài chính cộng với chiến lược kinh doanh số và MB tiếp tục phát triển trên con đường chuyển đổi số mạnh mẽ hơn với phương châm “Tăng tốc số – Hấp dẫn khách hàng – Hiệp lực tập đoàn – An toàn bền vững”.
- MB là một trong số ít các ngân hàng có hệ sinh thái tài chính đầy đủ nhất Việt Nam, hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, quản lý quỹ, khai thác tài sản, bảo hiểm và tài chính tiêu dùng.
- Trong năm 2022, MB nằm trong 5 ngân hàng có lợi nhuận lớn nhất hệ thống, một trong những ngân hàng dẫn đầu về tỷ suất sinh lời trên vốn và top đầu về các chỉ số an toàn, chất lượng tín dụng.
- Đã đạt được những thành công nhất định trong chiến lược chuyển đổi số, App MBBank nằm trong Top 10 ứng dụng được yêu thích trên App Store 2022, App thiện nguyện đạt Giải A Sáng kiến vì cộng đồng.

- Năm 2023, MB đạt TOP 2 thương hiệu mạnh nhất Việt Nam, vinh dự đón nhận nhiều danh hiệu, giải thưởng lớn như Doanh nghiệp xuất sắc nhất Châu Á, Ngân hàng chuyển đổi số tiêu biểu, Top 3 Doanh nghiệp có vốn hóa lớn được nhà đầu tư yêu thích nhất, Top 50 công ty niêm yết tốt nhất, Top 3 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam ngành Ngân hàng 2023, App Thiện nguyện được vinh danh dự án vì cộng đồng.
- Năm 2024, Được sự tin tưởng của Quân ủy Trung Ương, Bộ Quốc Phòng, MB đã thực hiện chuyển giao nhân sự cấp cao thành công mở ra một chương mới cho sự phát triển của Ngân hàng.
- Năm 2025, MB vinh dự đón nhận Huân Chương Bảo vệ Tổ Quốc hạng Nhất và Huân chương Lao động hạng Ba.

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức Phát Hành

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành



Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

Tính đến thời điểm lập Bản cáo bạch này, cơ cấu tổ chức của MB bao gồm:

Khối Ngân hàng (Công ty mẹ) gồm có:

- 01 trụ sở chính đặt tại số 18 Lê Văn Lương, Phường Yên Hòa, Hà Nội.
- 115 chi nhánh (bao gồm 01 chi nhánh tại Lào), 213 phòng giao dịch trong nước.

Công ty thành viên

MB có tám (8) công ty thành viên như sau:

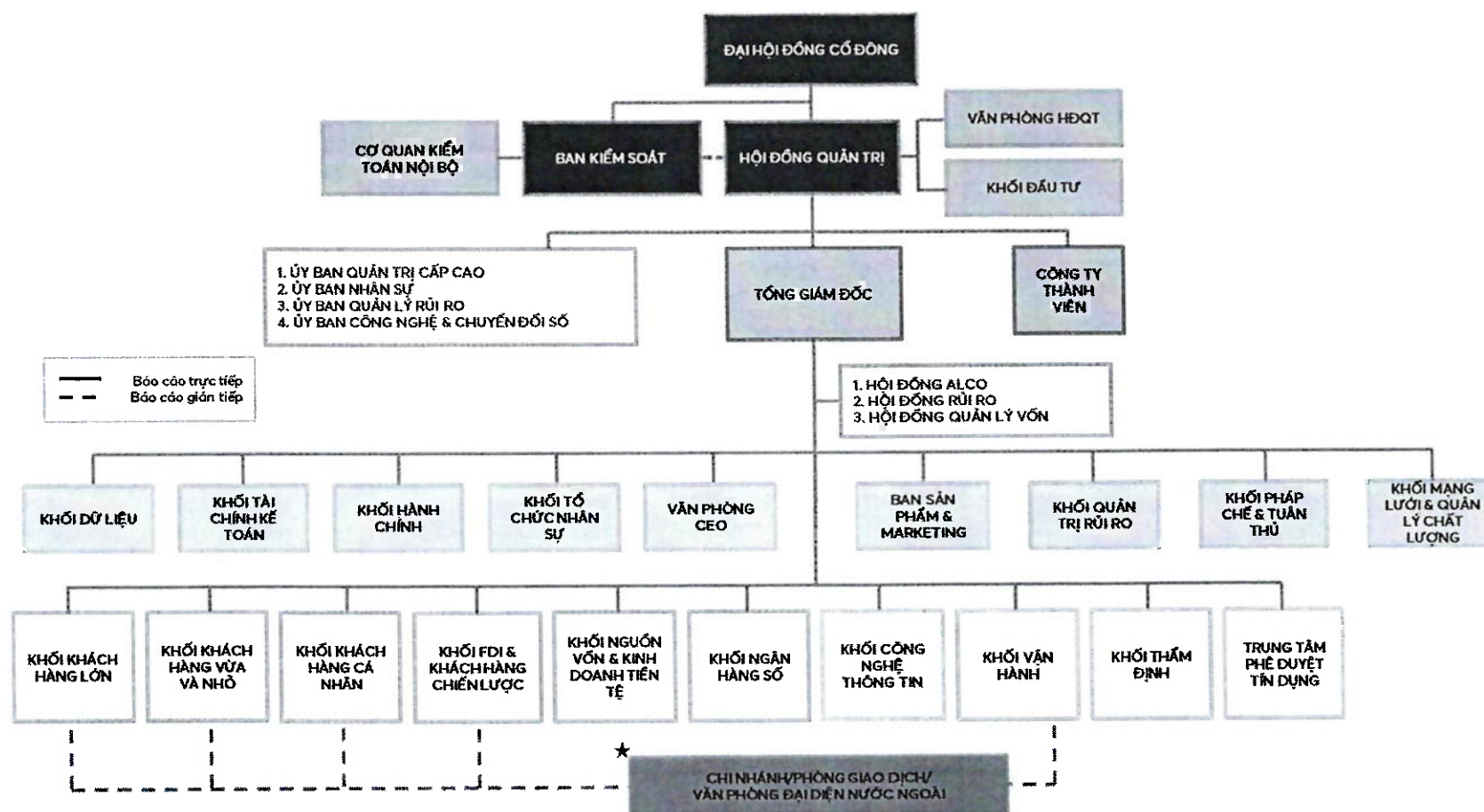
STT	Tên Công ty thành viên	Tỷ lệ sở hữu của MB tại thời điểm 30/06/2026
1	Công ty Cổ phần chứng khoán MB (“MBS”)	66,40%
2	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB (“MBCapital”)	90,77%
3	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân Đội (“MIC”)	67,68%
4	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas (“MB Life”)	61,00%
5	Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân Đội (“MBAMC”)	100,00%
6	Công ty tài chính tín dụng tiêu dùng TNHH MB Shinsei (“Mcredit”)	50,00%
7	Ngân hàng Đại chúng TNHH MB Campuchia (“MBCambodia”)	100,00%
8	Ngân hàng TNHH Một thành viên Việt Nam Hiện đại (“MBV”)	100,00%

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổ chức Phát Hành

Hình 2: Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành

Nguồn: MB



4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của MB. Tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết đều có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Thông qua định hướng phát triển của MB;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ MB;
- Thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phụ hợp với cá điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật;
- Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác hàng năm đối với Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.
- Xem xét và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho MB và cổ đông của MB.
- Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán.
- Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán.
- Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, phương án phân phối lợi nhuận;
- Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao;
- Thông qua phương án góp vốn, mua, bán, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của MB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, tổ chức khác theo quy định pháp luật có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của MB mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị trên 20% vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông lớn của MB; công ty thành viên, công ty liên kết của MB, trừ trường hợp ngân hàng thương mại đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc;
- Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi hình thức pháp lý, hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty thành viên của MB;



- Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu phá sản MB;
- Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của Luật các TCTD.
- Thông qua phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm theo quy định của Luật các TCTD.
- Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của MB.
- Quyền và nhiệm vụ khác phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ.

4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị MB, có toàn quyền nhân danh MB để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của MB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật và Điều lệ của MB. Hội đồng quản trị có từ năm (5) thành viên đến mười một (11) thành viên. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông MB quyết định. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ không quá 5 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị có tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không phải là người điều hành của MB và thành viên Hội đồng quản trị độc lập, trong đó có tối thiểu 01 thành viên độc lập và tối thiểu 02 thành viên chuyên trách.

4.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của Pháp luật, Quy định nội bộ của MB, Điều lệ, Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Quy chế tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát, Điều lệ MB và quy định pháp luật. Ban Kiểm soát có tối thiểu 05 thành viên, số lượng thành viên quy định tại Điều lệ MB. Ban kiểm soát gồm: Trưởng Ban kiểm soát, Phó Trưởng Ban kiểm soát (theo yêu cầu hoạt động của Ban kiểm soát từng thời kỳ) và các thành viên Ban kiểm soát. Số thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 năm cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát.

4.4. Cơ quan Kiểm toán nội bộ

Cơ quan Kiểm toán nội bộ là cơ quan thuộc Ban kiểm soát. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của Ngân hàng; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm Ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

4.5. Văn phòng Hội đồng quản trị

Văn phòng Hội đồng quản trị là cơ quan tham mưu, giúp việc các vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ/HĐQT/BĐH phạm vi Tập đoàn (MB và các công ty thành viên); tham mưu, giúp việc HĐQT, BĐH trong công tác quan hệ công chúng và báo chí tập đoàn; phụ trách hoạt động quan hệ nhà đầu tư và quản lý cổ đông; tổng hợp và thư ký công ty; các chương trình đối ngoại, hậu

cần HĐQT và thực hiện chức năng văn phòng của HĐQT tập đoàn.

4.6. Khối Đầu tư

Khối đầu tư chịu trách nhiệm quản lý, giám sát hoạt động công ty thành viên; triển khai hoạt động đầu tư chiến lược, đầu tư kinh doanh, các giao dịch M&A và dự án trọng điểm của MB; quản lý hoạt động đầu tư từ nguồn vốn chủ sở hữu của MB (bao gồm đầu tư tài sản, đầu tư góp vốn chiến lược, đầu tư góp vốn khác, sử dụng vốn chủ sở hữu vào hoạt động kinh doanh thường xuyên); quản lý hoạt động đầu tư tập đoàn, giám sát triển khai công tác của các cơ quan quản lý MB.

4.7. Ban điều hành

Ban điều hành là cơ quan điều hành các hoạt động hàng ngày của MB, tổ chức triển khai các chiến lược kinh doanh, chiến lược hoạt động nhằm đạt được các mục tiêu, kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thông qua.

4.8. Các Ủy ban/Hội đồng thuộc Hội đồng quản trị

❖ Ủy ban quản trị cấp cao

Tham mưu, tư vấn cho HĐQT, chủ tịch HĐQT các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT, Chủ tịch HĐQT; giúp HĐQT giải quyết kịp thời các công việc và giám sát của quản lý cấp cao

❖ Ủy ban nhân sự

Có chức năng tham mưu, tư vấn HĐQT, chủ tịch HĐQT các vấn đề liên quan đến tổ chức, nhân sự, đãi ngộ của MB và các công ty thành viên; trợ giúp HĐQT thực hiện giám sát của quản lý cấp cao về các vấn đề tổ chức nhân sự, đãi ngộ

❖ Ủy ban quản lý rủi ro

Có chức năng tham mưu cho HĐQT các vấn đề về hệ thống QLRR và tuân thủ của Tập đoàn, MB, công ty thành viên, giúp việc HĐQT thực hiện giám sát của quản lý cấp cao về hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống QLRR, tuân thủ và đánh giá nội bộ về mức đủ vốn

❖ Ủy ban công nghệ và chuyển đổi số

Có chức năng tham mưu, tư vấn và trợ giúp cho HĐQT, chủ tịch HĐQT trong lĩnh vực/hoạt động công nghệ, dữ liệu, chuyển đổi số của MB, công ty thành viên, tập đoàn

❖ Hội đồng điều phối Tập đoàn (GCC)

Hội đồng điều phối Tập đoàn có chức năng điều phối và thúc đẩy hoạt động quản trị tập đoàn, giám sát và thúc đẩy thực thi Chiến lược, Sáng kiến, Kế hoạch kinh doanh, đảm bảo phát triển nhanh và bền vững MB và các CTTV; phát hiện các vấn đề cần cải thiện và điều phối thúc đẩy việc triển khai các giải pháp đối với Tập đoàn (MB, MB và các CTTV, giữa các CTTV) để giải quyết các vấn đề được phát hiện.

❖ Hội đồng xử lý Rủi ro

Hội đồng xử lý rủi ro là cơ quan chịu trách nhiệm phê duyệt báo cáo tổng hợp toàn hệ thống về kết quả thu hồi nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, bao gồm kết quả xử lý tài sản bảo đảm

và xác định rõ cơ sở của việc phê duyệt; quyết định hoặc phê duyệt việc phân loại nợ, cam kết ngoại bảng, trích lập dự phòng, sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong toàn hệ thống; quyết định hoặc phê duyệt các biện pháp thu hồi nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong toàn hệ thống, bao gồm cả việc xử lý tài sản bảo đảm

4.9. Các Hội đồng thuộc cấp Ban điều hành

❖ Hội đồng Alco

Hội đồng Alco có chức năng tham mưu cho Tổng Giám đốc ra quyết định liên quan quản lý Tài sản nợ - Tài sản có của Ngân hàng gồm các phân mảng: quản lý hiệu quả bảng cân đối kế toán, thiết lập cơ chế điều chuyển vốn nội bộ và khung điều hành FTP theo từng thời kỳ, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết hội đồng Alco và các chức năng khác có liên quan đến quản lý tài sản Nợ - Có.

❖ Hội đồng rủi ro

Hội đồng quản lý rủi ro là cơ quan tham mưu cho Tổng Giám đốc các nội dung về:

- (i) Thực thi, giám sát hệ thống quản lý rủi ro;
- (ii) Ban hành chính sách, quy định, xây dựng các công cụ đo lường, giám sát rủi ro;
- (iii) Tổ chức thực hiện các chỉ đạo của HĐQT/TGĐ về quản lý rủi ro của ngân hàng.

❖ Hội đồng quản lý vốn

Hội đồng quản lý vốn có chức năng tham mưu cho Tổng Giám đốc liên quan đến các hoạt động quản lý vốn bao gồm mức độ đầy đủ của vốn, đề xuất chiến lược/kế hoạch vốn hàng năm, tổ chức thực hiện các giải pháp an toàn vốn.

4.10. Các cơ quan quản lý hệ thống

❖ Văn phòng CEO

Văn phòng CEO là cơ quan đầu mối tham mưu, giúp việc hàng ngày/ thường xuyên cho TGD, Ban điều hành. Xây dựng và giám sát kế hoạch kinh doanh, công tác truyền thông nội bộ, thực hiện các hoạt động đối ngoại, công tác thi đua khen thưởng, sáng kiến tại MB. Xây dựng, tổ chức, triển khai công tác Đảng, công tác Chính trị toàn hệ thống MB.

❖ Khối Quản trị rủi ro

Khối Quản trị rủi ro có trách nhiệm quản lý toàn diện và hiệu quả các loại rủi ro trong toàn MB gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên ngân hàng, rủi ro hoạt động, rủi ro thanh khoản, rủi ro công nghệ, rủi ro gian lận, rủi ro uy tín, rủi ro quốc gia, phòng chống rửa tiền... theo nguyên tắc tuân thủ quy định của Việt Nam, định hướng của Hội đồng quản trị MB, tiệm cận thông lệ quốc tế. Xây dựng, quản lý và giám sát thực hiện chiến lược quản trị rủi ro (khẩu vị rủi ro, hạn mức rủi ro, chính sách quản trị rủi ro, công cụ quản trị rủi ro, quy trình, hướng dẫn quản trị rủi ro...) phù hợp với chiến lược kinh doanh của MB. Tổ chức, quản lý và thu hồi hiệu quả nợ xấu toàn hệ thống MB.

❖ Khối Tài chính Kế toán

Khối Tài chính Kế toán thực hiện xây dựng, tổ chức, triển khai hoạt động tài chính kế toán, báo cáo tài chính, chế độ kế toán, công tác thuế trong toàn hệ thống MB, đảm bảo hiệu quả và tuân thủ quy định của pháp luật. Quản trị tài chính kế toán của tập đoàn (gồm MB và các công ty thành viên).

❖ **Khối Tổ chức Nhân sự**

Khối Tổ chức Nhân sự có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau: (i) xây dựng chính sách và quản lý nhân sự tập đoàn, (ii) xây dựng mô hình tổ chức, triển khai và giám sát công tác nhân sự toàn MB, (iii) triển khai kế hoạch học tập tại MB.

❖ **Khối Mạng lưới và quản lý chất lượng**

Khối Mạng lưới và quản lý chất lượng thực hiện phát triển mạng lưới, quản lý hoạt động của hệ thống chi nhánh, phòng giao dịch MB. Khối Mạng lưới và quản lý chất lượng cũng có nhiệm vụ quản lý toàn diện chất lượng dịch vụ của MB thông qua thiết lập, vận hành các công cụ đo lường chất lượng dịch vụ bao gồm đánh giá từ nội bộ và bên ngoài.

❖ **Ban Sản phẩm và Marketing**

Ban Sản phẩm và Marketing là đầu mối về công tác Phát triển sản phẩm và quản lý hiệu quả sản phẩm (KHCHN, KHDN) tại MB; công tác xây dựng và tổ chức triển khai chiến lược/chương trình marketing tập trung cho toàn hệ thống; chiến lược thương hiệu cho MB Group.

❖ **Khối Pháp Chế và Tuân thủ**

Khối Pháp chế và Tuân thủ thực hiện các vấn đề pháp lý và tuân thủ trong hoạt động quản trị, điều hành, kinh doanh; quản lý công tác pháp chế và tuân thủ Tập đoàn, công tác pháp chế MB tại nước ngoài; Quản lý hệ thống văn bản nội bộ; Tổ chức công tác tuân thủ: Xây dựng, triển khai giám sát và kiểm tra tuân thủ, quản lý và định hướng hoạt động tự kiểm tra, giám sát của các đơn vị vòng 1 và/hoặc Vòng 1,5 trong MB; Triển khai công tác điều tra; quản lý công tác giải quyết khiếu nại tố cáo; giải quyết tranh chấp.

❖ **Khối Hành chính**

Khối Hành chính có nhiệm vụ là: (i) Tổ chức thực hiện, giám sát và kiểm tra công tác hành chính quản trị toàn MB (văn thư - lưu trữ - bảo mật, hậu cần- lễ tân, công tác an ninh – an toàn, chăm sóc sức khỏe cán bộ nhân viên), (ii) Quản lý các dự án sửa chữa, xây mới các trụ sở chi nhánh và các công trình phụ trợ của MB, (iii) Tổ chức thực hiện, quản lý và hướng dẫn hoạt động mua sắm vật tư, trang thiết bị của ngân hàng.

❖ **Khối Dữ liệu**

Khối Dữ liệu có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau: (i) thiết lập, triển khai, giám sát thực thi chiến lược dữ liệu cho toàn hàng, (ii) triển khai hoạt động khai phá dữ liệu, phân tích chuyên sâu tạo giá trị kinh doanh từ dữ liệu, (iii) quản lý và vận hành các hoạt động quản trị dữ liệu, (iv) xây dựng và cung cấp báo cáo, dịch vụ dữ liệu toàn hàng, (v) xây dựng, quản lý kiến trúc dữ liệu toàn hàng, (vi) triển khai các hoạt động quản trị dữ liệu chung Tập đoàn.

4.11. Các cơ quan hỗ trợ kinh doanh

❖ **Khối Công nghệ thông tin**

Khối Công nghệ thông tin thực hiện các nhiệm vụ chính bao gồm: xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển CNTT phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh của Ngân hàng TMCP Quân đội; quản lý và vận hành toàn bộ hạ tầng CNTT của MB đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động kinh doanh. Quản lý trực tiếp CNTT của MB và các CTTV.

❖ **Khối Vận hành**

Khối Vận hành thực hiện: xây dựng chiến lược, chính sách, quy định, tiêu chuẩn và kế hoạch hoạt động vận hành trên toàn hệ thống; tổ chức triển khai và quản lý toàn bộ hoạt động nghiệp vụ hỗ trợ và vận hành tại MB.

❖ **Khối Thẩm định**

Khối Thẩm định có chức năng thực hiện nhiệm vụ chính sau: tổ chức, triển khai và quản lý hoạt động thẩm định, quản lý công tác định giá tài sản bảo đảm trong toàn MB đảm bảo hiệu quả, chuyên nghiệp và kiểm soát tốt rủi ro.

❖ **Trung tâm phê duyệt tín dụng**

Trung tâm phê duyệt tín dụng là cơ quan tổ chức, triển khai và quản lý hoạt động phê duyệt tín dụng đảm bảo chất lượng, tiến độ phê duyệt và thúc đẩy hoạt động kinh doanh.

4.12. Các Khối kinh doanh

❖ **Khối Nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ**

Khối Nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ thực hiện các nhiệm vụ chính sau: Kinh doanh vốn, ngoại tệ và các dịch vụ sản phẩm phái sinh trên thị trường tiền tệ, thị trường vốn, thị trường hàng hóa. Điều hành, quản lý tập trung nguồn vốn, thực thi các giải pháp quản lý tài sản nợ- có theo quyết nghị Alco, quản lý trạng thái ngoại tệ toàn hệ thống nhằm tập trung quản trị rủi ro lãi suất, tỷ giá, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ và gia tăng lợi nhuận cho MB. Thiết lập, phát triển quan hệ giao dịch và cung cấp sản phẩm dịch vụ của MB với các tổ chức tín dụng, tài chính trong và ngoài nước.

❖ **Khối Khách hàng lớn**

Khối Khách hàng lớn cung cấp trọn gói các giải pháp tài chính cho nhóm doanh nghiệp vừa và lớn đảm bảo phương châm tăng trưởng hợp lý, hiệu quả, tạo sự khác biệt, bền vững và kiểm soát tối đa rủi ro.

❖ **Khối Khách hàng vừa và nhỏ**

Khối Khách hàng vừa và nhỏ cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tài chính ngân hàng chuyên biệt cho tới từng khách hàng vừa và nhỏ rộng khắp trên địa bàn cả nước.

❖ **Khối Khách hàng cá nhân**

Khối Khách hàng cá nhân có nhiệm vụ chính như sau: Phục vụ các nhu cầu vay vốn, gửi tiết kiệm và phát triển, cung cấp trọn gói dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân bao gồm: Thanh toán, Dịch vụ thẻ, Kiều hối, Bancas, Private banking, mobile và internet banking,...

❖ **Khối FDI và Khách hàng chiến lược**

Khối FDI và Khách hàng chiến lược thực hiện tổ chức, triển khai các hoạt động kinh doanh cho



nhóm khách hàng FDI, khách hàng công, khách hàng chiến lược.

❖ **Khối Ngân hàng số**

Khối Ngân hàng số chịu trách nhiệm xây dựng chiến lược, triển khai phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng số và tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh ngân hàng số toàn hệ thống MB.

4.13. Chi nhánh và các phòng giao dịch

Chi nhánh và các phòng giao dịch là đơn vị trực tiếp cung cấp trọn gói các giải pháp và sản phẩm dịch vụ cho khách hàng, theo từng địa bàn trên cơ sở chính sách và chiến lược của MB.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức Phát Hành, những công ty mà Tổ chức Phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại như sau:

5.1. Danh sách Công ty mẹ của MB, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối đối với MB trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm đăng ký chào bán

Không có.

5.2. Danh sách Công ty con của MB, những công ty mà MB nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm đăng ký chào bán

STT	Danh sách công ty con	Vốn điều lệ tại thời điểm 30/06/2026	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 30/06/2026	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 31/12/2025	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 31/12/2024
1	Công ty Cổ phần chứng khoán MB ("MBS")	10.009,6 tỷ đồng	66,40%	66,76%	79,35%
2	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB ("MBCapital")	356,17 tỷ đồng	90,77%	90,77%	90,77%
3	Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân Đội ("MBAMC")	665,86 tỷ đồng	100,00%	100,00%	100,00%
4	Công ty Tài chính tín dụng tiêu dùng TNHH MB Shinsei ("Mcredit")	1.600 tỷ đồng	50,00%	50,00%	50,00%
5	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân Đội ("MIC")	2.115,03 tỷ đồng	67,68%	67,68%	68,37%
6	Công ty TNHH Bảo hiểm	1.500 tỷ	61,00%	61,00%	61,00%



STT	Danh sách công ty con	Vốn điều lệ tại thời điểm 30/06/2026	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 30/06/2026	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 31/12/2025	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 31/12/2024
	nhân thọ MB Ageas (“MB Life”)	đồng			
7	Ngân hàng Đại chúng TNHH MB Campuchia (“MBCambodia”)	76.552.197 USD	100,00%	100,00%	100,00%
8	Ngân hàng TNHH Một thành viên Việt Nam Hiện đại (“MBV”) (*)	-	100,00%	100,00%	-

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

(*) Nguồn: BCTC riêng lẻ của MB năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng lẻ Quý 2/2026 do MB tự lập

5.2.1. Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Tên đầy đủ : Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Tên tiếng anh : MB Securities Joint Stock Company

Tên viết tắt : MBS

Ngày thành lập : 09/12/2013

Giấy phép hoạt động : Giấy phép số 116/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 9/12/2013 và Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 63/GPĐC-UBCK ngày 01/06/2026

Vốn điều lệ tại thời điểm 30/06/2026 : 10.009,6 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của MB tại Công ty này tại thời điểm 30/06/2026 : 66,40%

Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của công ty này tại MB : 0%

Hoạt động kinh doanh chính : - Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán

Chi tiết: Môi giới chứng khoán và Môi giới chứng khoán phái sinh.

Handwritten signature/initials

- Hoạt động dịch vụ tài chính khác: tự doanh chứng khoán và tự doanh chứng khoán phái sinh.
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính: tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh, lưu ký chứng khoán, thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán, giao dịch chứng khoán trực tiếp, ứng trước tiền bán chứng khoán, bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh.

5.2.2. Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (MB Capital)

Tên đầy đủ : Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB

Tên tiếng anh : MB Capital Management Joint Stock Company

Tên viết tắt : MB Capital

Ngày thành lập : 15/11/2007

Giấy phép hoạt động : Giấy phép số 21/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán nhà nước cấp ngày 15/11/2007

Vốn điều lệ tại thời điểm : 356,17 tỷ đồng
30/06/2026

Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ : 90,77%
biểu quyết của MB
Công ty này tại thời
điểm 30/06/2026

Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ : 0%
biểu quyết của công ty
này tại MB

Hoạt động kinh doanh : Quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư chính

5.2.3. Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân Đội

Tên đầy đủ : Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Quân Đội

Tên tiếng anh : Military Bank Assets Management Company Limited

Tên viết tắt : MBAMC CO., LTD



Ngày thành lập : 11/09/2002

Giấy phép hoạt động : ĐKKD số 0105281799 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 11/9/2002

Vốn điều lệ tại thời điểm : 665,86 tỷ đồng
30/06/2026

Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu : 100%
quyết của MB tại Công ty
này tại thời điểm
30/06/2026

Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu : 0%
quyết của công ty này tại
MB

Hoạt động kinh doanh : Quản lý nợ và khai thác tài sản
chính

5.2.4. Công ty Tài chính tín dụng tiêu dùng TNHH MB Shinsei

Tên đầy đủ : Công ty tài chính tín dụng tiêu dùng TNHH MB Shinsei

Tên tiếng anh : MB Shinsei Consumer Credit Finance Limited Liability
Company

Tên viết tắt : MS Finance

Ngày thành lập : 10/03/2016

Giấy phép hoạt động : Giấy phép số 58/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà Nước Việt
Nam cấp ngày 21/9/2017.

Vốn điều lệ tại thời điểm : 1.600 tỷ đồng
30/06/2026

Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu : 50%
quyết của MB tại Công
ty này tại thời điểm
30/06/2026

Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu : 0%
quyết của công ty này tại
MB

Hoạt động kinh doanh : Tài chính tiêu dùng
chính

5.2.5. Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội

Tên đầy đủ : Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội
Tên tiếng anh : Military Insurance Corporation
Tên viết tắt : MIC
Ngày thành lập : 8/10/2007
Giấy phép hoạt động : Giấy phép số 43 GP/KDBH do Bộ Tài Chính cấp lần đầu
ngày 8/10/2007
Vốn điều lệ tại thời
điểm 30/06/2026 : 2.115,03 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ
biểu quyết của MB tại
Công ty này tại thời
điểm 30/06/2026 : 67,68%
Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ
biểu quyết của công ty
này tại MB : 0%
Hoạt động kinh doanh : Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ.
chính

5.2.6. Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas

Tên đầy đủ : Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas
Tên tiếng anh : MB Ageas Life Insurance Company Limited
Tên viết tắt : MB Life
Ngày thành lập : 21/07/2016
Giấy phép hoạt động : Giấy phép số 74/GP/KDBH do Bộ Tài Chính cấp ngày
21/07/2016
Vốn điều lệ tại thời
điểm 30/06/2026 : 1.500 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ
biểu quyết của MB tại
Công ty này tại thời
điểm 30/06/2026

: 61%

Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ
biểu quyết của công ty
này tại MB

: 0%

Hoạt động kinh doanh
chính : Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và đầu tư
tài chính

5.2.7. Ngân hàng đại chúng TNHH MB Campuchia

Tên đầy đủ : Ngân hàng đại chúng TNHH MB Campuchia

Tên tiếng anh : MB Bank (Cambodia) Plc

Tên viết tắt : MB Cambodia

Ngày thành lập : 02/01/2023

Giấy phép hoạt động : Số MOC-00021616 do Bộ Thương mại Campuchia cấp ngày
02/01/2023

Vốn điều lệ tại thời điểm
30/06/2026 : 76.552.197 USD

Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu
quyết của MB tại Công
ty này tại thời điểm
30/06/2026 : 100%

Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu
quyết của công ty này tại
MB : 0%

Hoạt động kinh doanh : Ngân hàng thương mại

5.2.8. Ngân hàng TNHH Một thành viên Việt Nam Hiện đại

Tên đầy đủ : Ngân hàng TNHH Một thành viên Việt Nam Hiện đại

Tên tiếng anh : Modern Bank of Viet Nam Limited

Tên viết tắt : MBV

Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu
quyết của MB tại Công
ty này tại thời điểm
30/06/2026 : 100%

Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu : 0%
quyết của công ty này tại
MB

Hoạt động kinh doanh : Ngân hàng thương mại

Ngày 17/10/2024, NHNNVN đã công bố quyết định chuyển giao bắt buộc đối với Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương cho MB theo phương án chuyển giao bắt buộc được NHNNVN phê duyệt. Sau khi được chuyển giao bắt buộc, Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương tiếp tục hoạt động dưới hình thức là một ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên do MB sở hữu 100% vốn điều lệ, được thực hiện các hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại theo quy định. Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương được đổi tên thành Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (MBV) căn cứ theo Quyết định số 741/QĐ-TTGSNH1 ngày 5 tháng 12 năm 2024 của Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành

▪ Giai đoạn từ năm 1994 đến năm 2009:

Ngân hàng TMCP Quân đội đã tăng vốn từ mức 20 tỷ đồng lên mức 5.300 tỷ đồng.

Cụ thể như sau:

TT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần) (mệnh giá 10.000 VNĐ)
1	Năm 1994		20.000	20.000	2.000.000
2	Năm 1995	20.000	30.158	50.158	3.015.800
3	Năm 1996	50.158	18.140	68.298	1.814.000
4	Năm 1997	68.298	31.702	100.000	3.170.200
5	Năm 1998	100.000	25.592	125.592	2.559.200
6	Năm 1999	125.592	20.048	145.640	2.004.800
7	Năm 2000	145.640	25.279	170.919	2.527.900
8	Năm 2001	170.919	38.132	209.051	3.813.200
9	Năm 2002	209.051	20.000	229.051	2.000.000
10	Năm 2003	229.051	50.949	280.000	5.094.900
11	Năm 2004	280.000	70.000	350.000	7.000.000
12	Năm 2005	350.000	100.000	450.000	10.000.000
13	Năm 2006	450.000	595.200	1.045.200	59.520.000
14	Năm 2007	1.045.200	954.800	2.000.000	95.480.000
15	Năm 2008	2.000.000	1.400.000	3.400.000	140.000.000
16	Năm 2009	3.400.000	1.900.000	5.300.000	190.000.000

Các đợt tăng vốn điều lệ kể từ ngày thành lập tới năm 2010 đều được Đại hội đồng cổ đông và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. Trong giai đoạn này, MB tăng vốn bằng hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu riêng lẻ. MB cam kết đã thực hiện tăng vốn đảm bảo các quy định của pháp luật liên quan.

▪ Giai đoạn từ năm 2010 đến nay:

Ngân hàng TMCP Quân Đội đã thực hiện nhiều đợt tăng vốn điều lệ với chi tiết các đợt tăng vốn như sau:

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Bảng 1: Quá trình tăng vốn của MB

TT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý	Ý kiến của kiểm toán
1	Năm 2010	5.300.000,000	2.000.000,000	7.300.000,000	200.000.000	Đợt 1: Phát hành cho cổ đông hiện hữu, CBCNV và CĐ chiến lược Đợt 2: Phát hành cổ phiếu thưởng	- Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 706/GCN-UBCK ngày 11/10/2010. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 thay đổi lần thứ 29 ngày 27/06/2011.	Không có
2	Năm 2012	7.300.000,000	2.700.000,000	10.000.000,000	270.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu, CBNV	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 300/NQ-MB-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2011 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 thay đổi lần thứ 31 ngày 29/03/2012. - Giấy chứng nhận chào bán số 132/GCN-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 28/12/2011.	Không có
3	Năm 2013	10.000.000,000	625.000,000	10.625.000,000	62.500.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 24/MB-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2012 - Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 52/GCN-UBCK ngày 30/11/2012 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 thay đổi lần thứ 33 ngày 31/01/2013	Không có
		10.625.000,000	631.250,000	11.256.250,000	10.625.000,000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và phát hành cho cán bộ nhân viên	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 24/MB-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2012 - Giấy chứng nhận chào bán số 48/GCN-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 01/10/2013 và Văn bản số 7126/NHNN-TTGSNH của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 26/09/2013 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 thay đổi lần thứ 35 ngày 12/04/2013	Không có



TT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý	Ý kiến của kiểm toán
4	Năm 2014	11.256.250,000	337.687,500	11.593.937,500	33.768.750	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 09/MB-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2014 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 thay đổi lần thứ 36 ngày 30/09/2014 - Công văn số 4790/UBCK-QLPH của UBCK ngày 26/08/2014 v/v phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của MBB	Không có
5	Năm 2015	11.593.937,500	347.818,120	11.941.755,620	34.781.812	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 08/MB-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2015 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 thay đổi lần thứ 37 ngày 07/09/2015 - Công văn số 4694/UBCK-QLPH của UBCKNN ngày 28/07/2015 v/v phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành ESOP và chào bán riêng lẻ của MBB	Không có
		11.941.755,620	152.181,880	12.093.937,500	15.218.188	Phát hành cho cán bộ nhân viên	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 08/MB-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2015 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 thay đổi lần thứ 38 ngày 22/09/2015	Không có
		12.093.937,500	3.906.062,500	16.000.000,000	390.606.250	Phát hành riêng lẻ	Công văn số 4694/UBCK-QLPH của UBCKNN ngày 28/07/2015 v/v phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành ESOP và chào bán riêng lẻ của MBB	Không có
6	Năm 2016	16.000.000,000	311.818,180	16.311.818,180	31.181.818	Sáp nhập Công ty tài chính Sông Đà	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 22/MB-ĐHĐCĐ ngày 06/10/2015 - Ngày 05/02/2016, Chủ tịch UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi số 11/GCN-UBCK cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội.	Không có

TT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý	Ý kiến của kiểm toán
							- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 thay đổi lần thứ 39 ngày 05/04/2016	
		16.311.818,180	815.590,910	17.127.409,090	81.559.091	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 11/MB-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2016 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 thay đổi lần thứ 40 ngày 10/11/2016 - Công văn số 6723/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 06/10/2016 v/v phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của MBB	Không có
7	Năm 2017	17.127.409,090	856.370,450	17.983.779,540	85.637.045	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 08/MB-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2017 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 thay đổi lần thứ 41 ngày 19/10/2017	Không có
		17.983.779,540	171.274,090	18.155.053,630	17.127.409	Phát hành cho cán bộ nhân viên	- Công văn số 6062/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 11/09/2017 v/v phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của MBB - Công văn số 6063/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 11/09/2017 v/v phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động của MBB	Không có
8	Năm 2018	18.155.053,630	3.449.460,180	21.604.513,810	344.946.018	Trả cổ tức bằng cổ phiếu và tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 05/MB-ĐHĐCĐ ngày 29/03/2018 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 thay đổi lần thứ 42 ngày 31/07/2018 - Công văn số 3577/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 06/06/2018 v/v phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn VCSH của MBB	Không có



TT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý	Ý kiến của kiểm toán
9	Năm 2019	21.604.513,810	1.690.718,720	23.295.232,530	169.071.872	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 26/MB-ĐHĐCĐ ngày 24/07/2019 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 thay đổi lần thứ 44 ngày 05/12/2019 - Công văn số 5154/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 26/08/2019 v/v phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của MBB - Công văn số 5307/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 03/09/2019 v/v phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động của MBB	Không có
		23.295.232,530	432.090,270	23.727.322,800	43.209.027	Phát hành cho cán bộ nhân viên		
10	Năm 2020	23.727.322,800	643.105,810	24.370.428,610	64.310.581	Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 26/MB-ĐHĐCĐ ngày 24/07/2019 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 thay đổi lần thứ 45 ngày 31/03/2020 - Công văn số 1089/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 21/02/2020 v/v hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ	Không có
		24.370.428,610	3.617.140,110	27.987.568,720	361.714.011	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 18/MB-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2020 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 thay đổi lần thứ 47 ngày 18/11/2020 - Công văn số 5624/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 17/09/2020 v/v phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của MBB	
11	Năm 2021	27.987.568,720	9.795.649,050	37.783.217,770	979.564.905	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 10/MB-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2021 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 thay đổi lần thứ 49 ngày 27/08/2021	Không có

TT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý	Ý kiến của kiểm toán
							- Công văn số 3073/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 23/06/2021 v/v phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của MBB	
12	Năm 2022	37.783.217,770	7.556.643,560	45.339.861,330	755.664.356	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 08/MB-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2022 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 thay đổi lần thứ 50 ngày 20/09/2022 - Công văn số 5030/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 02/08/2022 v/v phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của MBB	Không có
13	Năm 2023	45.339.861,330	6.800.979,190	52.140.840,520	680.097.919	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 09/NQ-MB-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2023 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 thay đổi lần thứ 53 ngày 23/08/2023 - Công văn số 4348/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 04/07/2023 v/v tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của MBB	Không có
14	Năm 2024	52.140.840,520	730.000,000	52.870.840,520	73.000.000	Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 12/NQ-MB-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2024 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 thay đổi lần thứ 54 ngày 16/05/2024 - Công văn số 1241/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 29/02/2024 v/v hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của MBB	Không có
		52.870.840,520	192.400,000	53.063.240,520	19.240.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 12/NQ-MB-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2024 - Công văn số 3303/UBCK-QLCB ngày 27/05/2024 về hồ sơ phát hành ESOP - Quyết định số 2571/QĐ-NHNN về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và	Không có



TT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý	Ý kiến của kiểm toán
							hoạt động của Ngân hàng TMCP Quân Đội ngày 25/11/2024	
15	Năm 2025	53.063.240,520	7.959.486,070	61.022.726,590	795.948.607	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 12/NQ-MB-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2024 - Công văn số 8830/UBCK-QLCB ngày 25/12/2024 của UBCK về hồ sơ báo cáo phát hành cổ phiếu trả cổ tức - Công văn số 371/UBCK-QLCB ngày 14/01/2025 của UBCK về việc nhận hồ sơ báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức - Quyết định số 236/QĐ-NHNN ngày 14/02/2025 về việc sửa đổi nội dung giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội	Không có
		61.022.726,590	19.527.272,500	80.549.999,090	1.952.727.250	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 19/NQ-MB-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2025 - Công văn số 3981/UBCK-QLCB ngày 01/08/2025 của UBCK về hồ sơ báo cáo phát hành cổ phiếu trả cổ tức - Công văn số 4691/UBCK-QLCB ngày 26/08/2025 của UBCK về việc nhận hồ sơ báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức - Quyết định số 3269/QĐ-NHNN ngày 24/09/2025 về việc sửa đổi nội dung giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội	Không có

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ Chức Phát Hành tại các doanh nghiệp khác

Các khoản góp vốn, thoái vốn trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổ chức Phát Hành tại thời điểm thực hiện: Không có.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 30/06/2026

TT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	234.561	6.267.091.161	77,80
1	Cổ đông tổ chức	406	4.429.282.510	54,99
2	Cổ đông cá nhân	234.155	1.837.808.651	22,81
II	Cổ đông nước ngoài	1.121	1.787.908.748	22,20
1	Cổ đông tổ chức	265	1.779.112.413	22,09
2	Cổ đông cá nhân	856	8.796.335	0,11
3	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0
	Tổng cộng	235.682	8.054.999.909	100

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 30/06/2026 của MB do VSDC cung cấp

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có

8.3. Các loại chứng khoán khác

Ngoài các cổ phiếu phổ thông đang lưu hành nói trên, tính đến thời điểm 30/06/2026, MB đang lưu hành 42.020.000 triệu đồng trái phiếu theo mệnh giá. Thông tin chi tiết trái phiếu đang lưu hành tại MB cụ thể như sau:

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Bảng 3: Danh sách trái phiếu đã phát hành và còn dư nợ tại MB

TT	Mã Trái phiếu	Số dư trái phiếu (trái phiếu)	Tổng mệnh giá trái phiếu (triệu đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Loại trái phiếu	Lãi suất trái phiếu tại thời điểm PH (/năm)	Lãi suất trái phiếu kỳ hiện tại (/năm)	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
1	MBB12608	30.000	3.000.000	21/05/2026	21/05/2029	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	8,3000%	8,3000%	3	Không có
2	MB.2018.10Y.01	1.700	170.000	16/10/2018	16/10/2028	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	8,5750%	6,4750%	10	Không có
3	MB.2018.10Y.02	1.400	140.000	17/10/2018	17/10/2028	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	8,5000%	8,5000%	10	Không có
4	MB.2018.10Y.03	250	25.000	26/10/2018	26/10/2028	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	8,5000%	8,5000%	10	Không có
5	MB.2018.10Y.04	450	45.000	28/11/2018	28/11/2028	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	8,5000%	8,5000%	10	Không có
6	MB.2018.10Y.05	200	20.000	28/11/2018	28/11/2028	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	8,5000%	8,5000%	10	Không có
7	MB.2019.10Y.01	600	60.000	30/09/2019	30/09/2029	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	8,6000%	8,6000%	10	Không có
8	MB.2019.10Y.02	800	80.000	04/11/2019	04/11/2029	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	8,7000%	8,7000%	10	Không có
9	MB.BOND.2017.10Y.01	5.000	500.000	07/09/2017	07/09/2027	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	8,4000%	8,6000%	10	Không có
10	MB.BOND.2017.10Y.08	200	20.000	10/10/2017	10/10/2027	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	8,4000%	8,6000%	10	Không có
11	MBB12501	1.000	100.000	29/04/2025	29/04/2032	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	6,2750%	7,5000%	7	Không có

TT	Mã Trái phiếu	Số dư trái phiếu (trái phiếu)	Tổng mệnh giá trái phiếu (triệu đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Loại trái phiếu	Lãi suất trái phiếu tại thời điểm PH (/năm)	Lãi suất trái phiếu kỳ hiện tại (/năm)	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
12	MBB12503	2.000	200.000	09/05/2025	09/05/2033	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	6,3750%	7,6000%	8	Không có
13	MBB12504	500	50.000	14/05/2025	14/05/2032	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	6,1750%	7,4000%	7	Không có
14	MBB12505	4.000	400.000	30/05/2025	30/05/2033	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	6,3750%	7,6000%	8	Không có
15	MBB12506	500	50.000	06/06/2025	06/06/2032	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	6,1750%	6,1750%	7	Không có
16	MBB12507	20.000	2.000.000	18/06/2025	18/06/2035	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	6,4750%	6,4750%	10	Không có
17	MBB12509	2.000	200.000	20/06/2025	20/06/2033	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	6,3750%	6,3750%	8	Không có
18	MBB12511	50.000	5.000.000	24/06/2025	24/06/2028	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	5,4000%	5,4000%	3	Không có
19	MBB12512	5.000	500.000	24/06/2025	24/06/2032	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	6,1750%	6,1750%	7	Không có
20	MBB12513	500	50.000	07/07/2025	07/07/2033	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	6,3750%	6,3750%	8	Không có
21	MBB12514	10.000	1.000.000	16/07/2025	16/07/2035	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	6,4750%	6,4750%	10	Không có
22	MBB12515	2.500	250.000	18/07/2025	18/07/2033	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	6,3750%	6,3750%	8	Không có

TT	Mã Trái phiếu	Số dư trái phiếu (trái phiếu)	Tổng mệnh giá trái phiếu (triệu đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Loại trái phiếu	Lãi suất trái phiếu tại thời điểm PH (/năm)	Lãi suất trái phiếu kỳ hiện tại (/năm)	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
23	MBB12516	2.500	250.000	18/07/2025	18/07/2033	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	6,3750%	6,3750%	8	Không có
24	MBB12517	10.000	1.000.000	21/07/2025	21/07/2033	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	6,3750%	6,9000%	8	Không có
25	MBB12518	1.000	100.000	23/07/2025	23/07/2035	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	6,4750%	6,4750%	10	Không có
26	MBB12519	2.800	280.000	06/08/2025	06/08/2033	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	6,3750%	6,3750%	8	Không có
27	MBB12520	20.000	2.000.000	12/08/2025	12/08/2028	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	5,6500%	5,6500%	3	Không có
28	MBB12521	2.000	200.000	20/08/2025	20/08/2032	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	6,3000%	6,7188%	7	Không có
29	MBB12522	2.000	200.000	26/08/2025	26/08/2033	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	6,3750%	6,3750%	8	Không có
30	MBB12523	700	70.000	29/08/2025	29/08/2035	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	6,4750%	6,4750%	10	Không có
31	MBB12524	30.000	3.000.000	03/09/2025	03/09/2028	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	5,8500%	5,8500%	3	Không có
32	MBB12525	30.000	3.000.000	08/09/2025	08/09/2028	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	5,6000%	5,6000%	3	Không có
33	MBB12526	7.450	745.000	30/09/2025	30/09/2032	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	6,2000%	6,2000%	7	Không có

TT	Mã Trái phiếu	Số dư trái phiếu (trái phiếu)	Tổng mệnh giá trái phiếu (triệu đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Loại trái phiếu	Lãi suất trái phiếu tại thời điểm PH (/năm)	Lãi suất trái phiếu kỳ hiện tại (/năm)	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
34	MBB12527	500	50.000	15/12/2025	15/12/2032	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	7,0250%	7,0250%	7	Không có
35	MBB12528	6.000	600.000	16/12/2025	16/12/2032	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	7,2750%	7,2750%	7	Không có
36	MBB12529	1.000	100.000	17/12/2025	17/12/2032	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	7,0250%	7,0250%	7	Không có
37	MBB12530	5.000	500.000	22/12/2025	22/12/2035	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	7,0000%	7,0000%	10	Không có
38	MBB12531	4.300	430.000	29/12/2025	29/12/2032	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	6,7000%	6,7000%	7	Không có
39	MBB12532	1.500	150.000	30/12/2025	30/12/2032	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	7,0250%	7,0250%	7	Không có
40	MBB12533	5.000	500.000	30/12/2025	30/12/2032	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	6,4000%	6,4000%	7	Không có
41	MBB12601	5.000	500.000	21/04/2026	21/04/2033	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	8,0000%	8,0000%	7	Không có
42	MBB12602	12.000	1.200.000	22/04/2026	22/04/2033	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	8,0000%	8,0000%	7	Không có
43	MBB12603	35.000	3.500.000	12/05/2026	12/05/2036	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	8,2000%	8,2000%	10	Không có
44	MBB12604	3.000	300.000	15/05/2026	15/05/2036	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	8,3000%	8,3000%	10	Không có



TT	Mã Trái phiếu	Số dư trái phiếu (trái phiếu)	Tổng mệnh giá trái phiếu (triệu đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Loại trái phiếu	Lãi suất trái phiếu tại thời điểm PH (/năm)	Lãi suất trái phiếu kỳ hiện tại (/năm)	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
45	MBB12605	15.000	1.500.000	28/05/2026	28/05/2036	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	8,2000%	8,2000%	10	Không có
46	MBB12606	500	50.000	15/05/2026	15/05/2036	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	8,3000%	8,3000%	10	Không có
47	MBB12607	1.000	100.000	19/05/2026	19/05/2036	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	8,3000%	8,3000%	10	Không có
48	MBB12609	2.000	200.000	26/05/2026	26/05/2036	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	8,3000%	8,3000%	10	Không có
49	MBB12610	3.000	300.000	28/05/2026	28/05/2031	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	8,3000%	8,3000%	5	Không có
50	MBB12611	1.000	100.000	29/05/2026	29/05/2036	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	8,3000%	8,3000%	10	Không có
51	MBBH2128002	10.000	100.000	31/08/2021	31/08/2028	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	7,2250%	6,3750%	7	Không có
52	MBBL2128001	17.000	170.000	31/08/2021	31/08/2028	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	7,2250%	6,3750%	7	Không có
53	MBBL2128004	12.000	120.000	10/09/2021	10/09/2028	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	7,2250%	6,3750%	7	Không có
54	MBBL2128005	24.500	245.000	20/09/2021	20/09/2028	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	7,2250%	6,3750%	7	Không có
55	MBBL2128008	20.000	200.000	05/10/2021	05/10/2028	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	7,2250%	6,3750%	7	Không có

TT	Mã Trái phiếu	Số dư trái phiếu (trái phiếu)	Tổng mệnh giá trái phiếu (triệu đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Loại trái phiếu	Lãi suất trái phiếu tại thời điểm PH (/năm)	Lãi suất trái phiếu kỳ hiện tại (/năm)	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
56	MBBL2128009	22.000	220.000	25/10/2021	25/10/2028	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	7,2000%	7,2000%	7	Không có
57	MBBL2128011	8.000	80.000	25/10/2021	25/10/2028	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	7,2250%	6,3750%	7	Không có
58	MBBL2229021	200	200.000	30/12/2022	30/12/2029	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	8,8000%	8,8000%	7	Không có
59	MBBL2328008	50	50.000	12/12/2023	13/12/2028	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	6,6750%	6,8750%	5	Không có
60	MBBL2330001	100	100.000	22/09/2023	22/09/2030	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	7,5000%	7,5000%	7	Không có
61	MBBL2330002	200	200.000	29/09/2023	29/09/2030	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	7,5000%	7,5000%	7	Không có
62	MBBL2330003	50	50.000	03/10/2023	03/10/2030	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	7,0000%	6,1750%	7	Không có
63	MBBL2431023	500	50.000	19/12/2024	19/12/2031	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	6,2750%	6,2750%	7	Không có
64	MBBL2431024	1.000	100.000	20/12/2024	20/12/2031	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	6,1750%	6,7000%	7	Không có
65	MBBL2432004	200	200.000	04/04/2024	04/04/2032	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	6,2750%	6,2750%	8	Không có
66	MBBL2432022	10.000	1.000.000	17/12/2024	17/12/2032	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	6,4000%	6,4000%	8	Không có

TT	Mã Trái phiếu	Số dư trái phiếu (trái phiếu)	Tổng mệnh giá trái phiếu (triệu đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Loại trái phiếu	Lãi suất trái phiếu tại thời điểm PH (năm)	Lãi suất trái phiếu kỳ hiện tại	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
								(/năm)		
67	MBBL2432025	3.000	300.000	20/12/2024	20/12/2032	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	6,2750%	6,2750%	8	Không có
68	MBBL2432026	500	50.000	23/12/2024	23/12/2032	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	6,2750%	6,2750%	8	Không có
69	MBBL2432027	7.000	700.000	23/12/2024	23/12/2032	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	6,2750%	6,2750%	8	Không có
70	MBB12613	1.000	100.000	05/06/2026	05/06/2036	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	8,3000%	8,3000%	10	Không có
71	MBB12612	500	50.000	05/06/2026	05/06/2036	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	8,3000%	8,3000%	10	Không có
72	MBB12614	1.500	150.000	09/06/2026	09/06/2026	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	8,4000%	8,4000%	10	Không có
73	MBB12615	1.000	100.000	18/06/2026	18/06/2036	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	8,3000%	8,3000%	10	Không có
74	MBB12616	2.000	200.000	19/06/2026	19/06/2036	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	8,3000%	8,3000%	10	Không có
75	MBB12617	20.000	2.000.000	22/06/2026	22/06/2029	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	8,6000%	8,6000%	3	Không có
76	MBB12618	5.000	500.000	29/06/2026	29/06/2031	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ	8,3000%	8,3000%	5	Không có
Tổng		515.150	42.020.000							

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

12

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức Phát Hành theo quy định pháp luật: 30%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức Phát Hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ: 23,2351%.
- Căn cứ văn bản số 3302/UBCK-PTTT ngày 02/07/2021 của UBCKNN về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại MB là 23,2351%.
- Theo thông tin về số liệu sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài do VSDC xác nhận, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại MB tại ngày 30/06/2026 (bao gồm cả tổ chức và cá nhân) là 1.787.908.748 cổ phiếu, tương ứng với tỷ lệ sở hữu: 22,1963%.

10. Hoạt động kinh doanh**10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh****10.1.1 Sản phẩm và dịch vụ**

MB cung cấp các hoạt động, sản phẩm dịch vụ của ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động:

• Hoạt động cấp tín dụng:

MB được cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: Cho vay, Chiết khấu, tái chiết khấu, Bảo lãnh ngân hàng, Phát hành thẻ tín dụng, Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế, Thư tín dụng, Hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

• Hoạt động ngân hàng khác

Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.

Phát hành chứng chỉ tiền gửi.

Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng trong nước và nước ngoài.

Cung ứng các phương tiện thanh toán.

Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây: Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác phù hợp quy định pháp luật; Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản; dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Các hoạt động ngân hàng khác phù hợp quy định pháp luật, giấy phép thành lập và hoạt động của MB, chấp thuận của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

• Vay, gửi tiền, mua, bán giấy tờ có giá

MB được vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

MB được mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

MB được cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

MB được vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.

- **Mở tài khoản**

MB mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước và duy trì số tiền dự trữ bắt buộc trên tài khoản này.

MB được mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

MB được mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

- **Tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán**

MB được tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

MB được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế phù hợp quy định của pháp luật.

- **Hoạt động đầu tư, góp vốn, mua cổ phần**

MB được thực hiện các hoạt động đầu tư, góp vốn, mua cổ phần trong nước và nước ngoài phù hợp quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan như sau:

Thành lập, mua lại, nhận chuyển giao công ty con, công ty liên kết và góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, tổ chức được phép khác trong và ngoài nước phù hợp quy định pháp luật.

MB đầu tư, liên doanh, liên kết, góp vốn, hợp tác đầu tư, phát triển các dự án phù hợp quy định của pháp luật.

Ủy thác và nhận ủy thác trong hoạt động đầu tư.

Các hoạt động đầu tư, góp vốn, mua cổ phần khác phù hợp với quy định pháp luật.

- **Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý**

MB được ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

MB được thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

- **Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh**

MB được kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm sau đây:

1.1. Ngoại hối.

1.2. Phái sinh về lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác (bao gồm cả phái sinh giá cả hàng hóa theo quy định của Ngân hàng Nhà nước).

Việc kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

PL

MB được cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa theo quy định pháp luật.

• **Các hoạt động khác**

MB thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:

1.1. Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.

1.2. Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản.

1.3. Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán giấy tờ có giá khác, trừ mua, bán giấy tờ có giá quy định tại khoản 2.1 Điều này.

1.4. Dịch vụ môi giới tiền tệ.

1.5. Kinh doanh vàng.

1.6. Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng.

1.7. Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong giấy phép của MB.

1.8. Tham gia thị trường tiền tệ.

1.9. Mua, bán nợ.

1.10. Các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

2. MB được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây phù hợp quy định của pháp luật có liên quan:

2.1. Mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương.

2.2. Phát hành trái phiếu.

2.3. Lưu ký chứng khoán.

2.4. Nghiệp vụ ngân hàng giám sát; nghiệp vụ ngân hàng lưu ký.

2.5. Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2.6. Các hoạt động khác phù hợp quy định của pháp luật có liên quan, văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Hệ thống của Hiệp hội Viễn thông Tài chính Liên ngân hàng Toàn cầu (SWIFT)

- Hệ thống thanh toán thẻ quốc tế của tổ chức thẻ quốc tế Visa.
- Hệ thống thanh toán thẻ quốc tế của tổ chức thẻ quốc tế MasterCard.
- Hệ thống thanh toán thẻ quốc tế của tổ chức thẻ quốc tế JCB.
- Hệ thống thanh toán thẻ quốc tế của tổ chức thẻ quốc tế UPI.

4. MB được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng ngoài các hoạt động trên theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; các hoạt động khác phù hợp quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan.

10.1.2 Tỷ trọng sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu, tổng thu nhập hoạt động

Bảng 4: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu (hợp nhất)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng năm 2026	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	69.061.893	68,29	89.088.116	73,27	62.988.909	77,82
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	14.602.602	14,44	18.062.236	14,86	9.833.528	12,15
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	7.057.250	6,98	5.077.663	4,18	4.283.802	5,29
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	2.553.518	2,53	1.048.998	0,86	630.564	0,78
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn	3.136.652	3,10	1.658.738	1,36	261.677	0,32
6	Thu nhập từ hoạt động khác	4.658.444	4,61	6.479.624	5,33	2.925.624	3,61
7	Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	52.643	0,05	174.344	0,14	24.376	0,03
	Tổng cộng	101.123.002	100,00	121.589.719	100,00	80.948.480	100,00

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất quý II năm 2026

Bảng 5: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu (riêng lẻ)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng năm 2026	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	61.597.454	73,08	79.247.389	76,88	57.105.105	81,93
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	5.881.302	6,98	8.255.433	8,01	4.495.886	6,45
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	7.050.229	8,36	5.071.668	4,92	4.276.703	6,14
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	1.582.842	1,88	359.335	0,35	136.919	0,20
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn	2.976.354	3,53	1.400.453	1,36	166.116	0,24
6	Thu nhập từ hoạt động khác	4.263.536	5,06	5.844.439	5,67	2.713.774	3,89
7	Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	940.899	1,12	2.906.796	2,82	805.928	1,16
	Tổng cộng	84.292.616	100,00	103.085.513	100,00	69.700.431	100,00

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng quý II năm 2026

Bảng 6: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong tổng thu nhập hoạt động (hợp nhất)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng năm 2026	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	41.152.219	74,26	51.610.117	76,24	35.806.771	84,00
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	4.368.249	7,88	6.578.681	9,72	3.514.419	9,28
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.000.164	3,61	1.756.922	2,60	105.534	0,28
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	1.756.022	3,17	668.384	0,99	249.524	0,66
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn	2.803.105	5,06	1.590.093	2,35	3.587	0,01
6	Thu nhập từ hoạt động khác	3.280.820	5,92	5.314.474	7,85	2.160.309	5,71
7	Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	52.643	0,10	174.344	0,26	24.376	0,06
	Tổng cộng	55.413.222	100,00	67.693.015	100,00	37.864.520	100,00

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất quý II năm 2026

Bảng 7: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong tổng thu nhập hoạt động (riêng lẻ)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng năm 2026	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	34.302.435	72,53	42.779.151	72,80	26.876.309	82,24
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	3.024.446	6,39	4.851.690	8,26	2.856.566	8,74
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.003.151	4,24	1.758.592	2,99	102.776	0,31
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	1.582.376	3,35	359.335	0,61	136.439	0,42
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn	2.682.096	5,67	1.402.492	2,39	(80.213)	(0,25)
6	Thu nhập từ hoạt động khác	2.759.304	5,83	4.706.585	8,01	1.983.234	6,07
7	Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	940.899	1,99	2.906.796	4,95	805.928	2,47
	Tổng cộng	47.294.707	100,00	58.764.641	100,00	32.681.039	100,00

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng quý II năm 2026

10.1.3 Huy động vốn

Bằng những chiến lược huy động vốn được xác định theo từng giai đoạn, MB xây dựng các chính sách huy động vốn phù hợp với tình hình kinh doanh của MB từng thời kỳ. Chiến lược của MB ưu tiên các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi kỳ hạn ngắn có tính ổn định cao. Điều này đem lại lợi ích cho MB về chi phí huy động vốn đầu vào so với các ngân hàng đối thủ cạnh tranh. Ngoài ra, MB cũng huy động vốn ở các kỳ hạn trung hạn và dài hạn với cơ cấu phù hợp để đáp ứng nguồn vốn cho vay trung dài hạn và đảm bảo tuân thủ các hệ số, giới hạn an toàn theo quy định.

MB chú trọng tới việc huy động vốn từ dân cư, đây là một cấu phần giữ vai trò quyết định trong ổn định dòng vốn cho các hoạt động kinh doanh của MB. Với nhiều sản phẩm đa dạng và linh hoạt nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của người gửi tiền, huy động vốn khách hàng cá nhân của MB luôn có mức tăng trưởng ổn định qua từng thời kỳ. Bên cạnh đó, MB cũng đã tập trung và thành công với việc huy động từ phân khúc khách hàng cá nhân cao cấp, phục vụ tốt cho chiến lược chung. Với ưu thế của ngân hàng dẫn đầu về chuyên dịch số, MB đã ra mắt nhiều sản phẩm, tiện ích trên kênh số bao gồm tiền gửi và tiết kiệm số có thể khởi tạo ngay trên ứng dụng App MBBank (cho khách hàng cá nhân) và đang nhận được sự tin tưởng ngày càng cao từ đối tượng khách hàng này.

Bên cạnh nhóm khách hàng cá nhân, MB cũng thực hiện nhiều giải pháp để thu hút tiền gửi của các khách hàng tổ chức thông qua nền tảng số BizMB dành riêng cho khách hàng doanh nghiệp, mạng lưới bán hàng quản lý và hỗ trợ quản lý từ trực tiếp của các khối kinh doanh CIB (khối khách hàng lớn), SME (khối khách hàng vừa và nhỏ) và các định chế tài chính khác.

Theo BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025, tổng giá trị huy động vốn của MB tại 31/12/2025 đạt 1.408.009.358 triệu đồng, tăng 46,02% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó tiền gửi của khách hàng năm 2025 tăng 29,02% so với năm 2024. Khả năng huy động vốn ổn định và đa dạng từ nhiều kênh đã giúp MB kiểm soát tốt rủi ro thanh khoản, đảm bảo hoạt động kinh doanh của MB.

Bảng 8: Cơ cấu huy động vốn của MB (hợp nhất)

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2024		Tại 31/12/2025		Tại 30/06/2026	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
I. Theo loại hình huy động	964.237.835	100,00	1.408.009.358	100,00	1.507.789.669	100,00
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà Nước	8.156.285	0,85	47.474.800	3,37	22.574.102	1,50
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	110.169.585	11,43	248.017.489	17,61	285.608.719	18,94
Tiền gửi của khách hàng	714.154.479	74,06	921.368.132	65,44	963.815.357	63,92
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	2.793.453	0,29	3.912.833	0,28	2.287.529	0,15
Phát hành giấy tờ có giá	128.964.033	13,37	187.236.104	13,30	233.503.962	15,49
II. Theo loại tiền	964.237.835	100,00	1.408.009.358	100,00	1.507.789.669	100,00
VNĐ	908.977.989	94,27	1.295.219.468	91,99	1.368.571.132	90,77
Ngoại tệ	55.259.846	5,73	112.789.890	8,01	139.218.537	9,23

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất quý II năm 2026



Bảng 9: Cơ cấu huy động vốn của MB (riêng lẻ)

Chi tiêu	Tại 31/12/2024		Tại 31/12/2025		Tại 30/06/2026	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
I. Theo loại hình huy động	933.982.285	100,00	1.360.301.245	100,00	1.472.709.201	100,00
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà Nước	8.156.285	0,87	47.474.800	3,49	22.574.102	1,53
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	91.840.369	9,83	220.585.065	16,22	262.966.885	17,86
Tiền gửi của khách hàng	714.066.927	76,46	917.083.583	67,41	963.918.620	65,45
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	73.300	0,01	6.284	0,00	3.917	0,00
Phát hành giấy tờ có giá	119.845.404	12,83	175.151.513	12,88	223.245.677	15,16
II. Theo loại tiền	933.982.285	100,00	1.360.301.245	100,00	1.472.709.201	100,00
VND	884.098.306	94,66	1.256.213.878	92,35	1.342.180.245	91,14
Ngoại tệ	49.883.979	5,34	104.087.367	7,65	130.528.956	8,86

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng quý II năm 2026

10.1.4 Hoạt động tín dụng

❖ Tổng dư nợ cho vay

Bảng 10: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (hợp nhất)

Chi tiêu	Tại 31/12/2024		Tại 31/12/2025		Tại 30/06/2026	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	413.956.564	53,30	587.136.924	54,16	603.040.884	49,12
Nợ trung hạn	88.454.207	11,39	127.883.727	11,80	159.277.634	12,98
Nợ dài hạn	263.953.346	33,98	353.958.134	32,65	448.407.905	36,53
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng tại MBS	10.293.729	1,32	15.040.585	1,39	16.828.054	1,37
Tổng dư nợ cho vay	776.657.846	100,00	1.084.019.370	100,00	1.227.554.477	100,00

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất quý II năm 2026

Bảng 11: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (riêng lẻ)

Chi tiêu	Tại 31/12/2024		Tại 31/12/2025		Tại 30/06/2026	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	401.672.344	54,68	571.645.110	55,44	587.489.301	50,09
Nợ trung hạn	72.708.233	9,90	110.680.641	10,73	142.201.391	12,13

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2024		Tại 31/12/2025		Tại 30/06/2026	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Nợ dài hạn	260.213.517	35,42	348.777.955	33,83	443.072.829	37,78
Tổng dư nợ cho vay	734.594.094	100,00	1.031.103.706	100,00	1.172.763.521	100,00

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng quý II năm 2026

MB tăng trưởng tín dụng trên cơ sở phù hợp với định hướng của Chính Phủ, Ngân hàng Nhà nước và các giá trị kinh doanh cốt lõi. Chiến lược kinh doanh của MB đảm bảo chất lượng hoạt động tín dụng được đặt lên hàng đầu và là cơ sở tạo nên nền tảng khách hàng ổn định, phát triển lâu dài.

❖ Chất lượng danh mục tín dụng và tỷ lệ nợ xấu (nợ khó đòi)

Hoạt động cho vay của MB được phát triển trên nguyên tắc chọn lọc, an toàn, hiệu quả, lấy chất lượng tín dụng làm nền tảng quyết định tăng trưởng tín dụng. MB đã hoàn thành xây dựng các mô hình đo lường xác suất vỡ nợ (PD), ước lượng tỷ lệ tổn thất dự kiến (LGD), ước lượng giá trị dư nợ tại thời điểm vỡ nợ (EAD) đáp ứng tiêu chuẩn Basel 2. MB luôn coi việc tăng trưởng và phát triển quy mô dư nợ tín dụng phải dựa trên nguyên tắc đảm bảo chất lượng tín dụng tốt nhất, danh mục tín dụng của MB luôn được kiểm soát chặt chẽ. Việc triển khai tái thiết kế quy trình tín dụng theo hướng tập trung và tổ chức bộ máy thẩm định, phê duyệt, vận hành tập trung tại Hội sở được phân quyền rõ ràng đảm bảo nguyên tắc độc lập khách quan với bộ phận kinh doanh, có tính chuyên môn hóa cao. Tỷ lệ nợ xấu theo số liệu hợp nhất tại 30/06/2026 là 1,45% đảm bảo kế hoạch Hội đồng quản trị MB đã đề ra trong năm 2026 theo mục tiêu là <1,5%.

Bảng 12: Phân loại chất lượng tín dụng MB

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2024		Tại 31/12/2025		Tại 30/06/2026	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn	741.581.903	95,48	1.044.741.249	96,38	1.180.939.478	96,20
Nợ cần chú ý	12.196.782	1,57	10.210.040	0,94	11.989.743	0,98
Nợ dưới tiêu chuẩn	3.379.646	0,44	3.276.216	0,30	4.622.128	0,38
Nợ nghi ngờ	4.599.274	0,59	4.330.016	0,40	4.428.065	0,36
Nợ có khả năng mất vốn	4.606.512	0,59	6.421.264	0,59	8.747.009	0,71
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng tại MBS	10.293.729	1,33	15.040.585	1,39	16.828.054	1,37
Tổng dư nợ	776.657.846	100,00	1.084.019.370	100,00	1.227.554.477	100,00

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất quý II năm 2026

Bảng 13: Tỷ lệ an toàn hoạt động và tỷ lệ nợ quá hạn tại MB

Khoản mục	Tại 31/12/2024	Tại 31/12/2025	Tại 30/06/2026
Tổng dư nợ (tỷ đồng)	776.658	1.084.019	1.227.554
Tỷ lệ nợ xấu	1,62%	1,29%	1,45%
Tỷ lệ nợ quá hạn	3,19%	2,24%	2,43%
Tỷ lệ an toàn vốn CAR (*)	11,76%	11,02%	10,73%

Ghi chú: (*) số liệu tại ngày 31/03/2026

Nguồn: BCTC và quản trị hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất quý II năm 2026

❖ **Rủi ro lãi suất và tình hình trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của MB**

Các hoạt động của MB chịu rủi ro về biến động lãi suất khi các tài sản thu lãi và nợ phải trả chịu lãi đáo hạn tại những thời điểm khác nhau hoặc với những giá trị khác nhau. Một số tài sản không có kỳ hạn cụ thể hoặc rất nhạy cảm với lãi suất và không tương ứng với từng khoản công nợ cụ thể.

Tại ngày 11/07/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 86/2024/NĐ-CP và ngày 30/06/2024 NHNN ban hành Thông tư 31/2024/TT-NHNN; 02 văn bản này thay thế cho thông tư 11/2021/TT-NHNN. Từ năm 2024, MB đã thực hiện phân loại các khoản nợ theo các mức độ rủi ro như sau: nợ đủ tiêu chuẩn, nợ cần chú ý, nợ dưới tiêu chuẩn, nợ nghi ngờ và nợ có khả năng mất vốn theo quy định tại Thông tư 31/2024/TT-NHNN. Các khoản nợ được phân loại là nợ dưới tiêu chuẩn, nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn được coi là nợ xấu.

Nguyên tắc trích lập dự phòng rủi ro cụ thể tuân thủ theo Nghị định 86/NĐ-CP và được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo kết quả phân loại nhóm nợ tại ngày 30/06/2026.

Bảng 14: Tỷ lệ trích dự phòng theo quy định tại Nghị định 86/2024/NĐ-CP

Nhóm	Loại	Tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Nguồn: Nghị định 86/2024/NĐ-CP

MB đồng thời áp dụng các quy định về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản vay đáp ứng yêu cầu của Thông tư 02/2023/TT-NHNN và Thông tư 06/2024/TT-NHNN về cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ cho khách hàng gặp khó khăn do NHNN ban hành ngày 23 tháng 4 năm 2023 (hết hiệu lực ngày 31/12/2024) ; Thông tư 53/2024/TT-NHNN về cơ cấu giữ nguyên nhóm nợ đối với khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3, ngập lụt, lũ, sạt lở đất sau bão số 3 ngày 04/12/2024.

Dự phòng chung tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư của các khoản nợ trừ các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn.

Bảng 15: Tình hình trích lập dự phòng của MB

Khoản mục	Tại 31/12/2024 (triệu đồng)	Tại 31/12/2025 (triệu đồng)	Tại 30/06/2026 (triệu đồng)
Dự phòng chung	5.795.573	8.098.145	9.156.802
Dự phòng cụ thể	5.814.288	5.052.448	7.506.079
Tổng quỹ dự phòng	11.609.861	13.150.593	16.662.881

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất quý II năm 2026



Trên nguyên tắc thận trọng cùng mục tiêu đảm bảo danh mục tín dụng lành mạnh, trong tầm kiểm soát, MB luôn thực hiện trích lập đầy đủ dự phòng theo quy định của pháp luật.

10.1.5 Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán

❖ Hoạt động kinh doanh ngoại tệ

Hiện nay, MB đang đáp ứng đầy đủ các dịch vụ về giao dịch ngoại tệ cho khách hàng doanh nghiệp và cá nhân. Các nhu cầu giao dịch ngoại tệ của khách hàng là doanh nghiệp hay tổ chức tập trung vào một số mục đích cụ thể như thanh toán quốc tế, trả nợ vay, chuyển vốn đầu tư trong ngoài nước; trong khi giao dịch ngoại tệ của khách hàng cá nhân phục vụ giao dịch kiều hối, chuyển tiền du học, du lịch hay chữa bệnh. MB đã đáp ứng nhu cầu giao dịch của khách hàng tất cả các loại ngoại tệ mạnh như đô la Mỹ, Euro, Bảng Anh, Yên Nhật, đô la HongKong, đô la Úc, đô la Canada, đô la Singapore, Franc Thụy Sĩ... thông qua đồng tiền đối ứng là đồng Việt Nam hoặc một loại ngoại tệ khác. MB tiếp tục cung cấp dịch vụ thanh toán biên mậu tại các chi nhánh Lào Cai, Móng Cái. Thông qua các chi nhánh này, các khách hàng trên toàn hệ thống của MB có giao thương với Trung Quốc đều được đáp ứng dịch vụ biên mậu.

Các sản phẩm phái sinh như hoán đổi tiền tệ (SWAP), quyền chọn ngoại tệ, giao dịch kỳ hạn và hoán đổi lãi suất đã được MB tư vấn cung cấp cho các khách hàng và sử dụng trong quản trị rủi ro cho chính danh mục của mình.

Các sản phẩm ngoại hối được giao dịch bao gồm: mua bán ngoại tệ giao ngay; giao dịch kỳ hạn; giao dịch hoán đổi ngoại tệ, giao dịch quyền chọn giữa ngoại tệ và ngoại tệ. Tổng doanh số giao dịch tăng đều qua các năm. Cụ thể, theo báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2025, kết quả từ hoạt động kinh doanh ngoại hối hợp nhất năm 2025 đạt xấp xỉ 1.757 tỷ đồng.

Bảng 16: Thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối (hợp nhất)

Khoản mục	Năm 2024 (triệu đồng)	Năm 2025 (triệu đồng)	6 tháng năm 2026 (triệu đồng)
Thu về kinh doanh ngoại tệ và vàng	3.996.204	3.607.161	1.265.277
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	3.061.046	1.470.502	3.018.525
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	7.057.250	5.077.663	4.283.802
Chi phí về hoạt động kinh doanh ngoại hối	(5.057.086)	(3.320.741)	(4.178.268)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.000.164	1.756.922	105.534

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất quý II năm 2026

Bảng 17: Thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối (riêng lẻ)

Khoản mục	Năm 2024 (triệu đồng)	Năm 2025 (triệu đồng)	6 tháng năm 2026 (triệu đồng)
Thu về kinh doanh ngoại tệ và vàng	3.989.183	3.601.166	1.258.178
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	3.061.046	1.470.502	3.018.525
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	7.050.229	5.071.668	4.276.703

Khoản mục	Năm 2024 (triệu đồng)	Năm 2025 (triệu đồng)	6 tháng năm 2026 (triệu đồng)
Chi phí về hoạt động kinh doanh ngoại hối	(5.047.078)	(3.313.076)	(4.173.927)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.003.151	1.758.592	102.776

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng quý II năm 2026

❖ Thanh toán trong nước

MB cung cấp dịch vụ thanh toán trong nước thông qua mạng lưới các điểm giao dịch và hệ thống ATM, hệ thống ngân hàng điện tử và thỏa thuận thanh toán với các ngân hàng khác như Vietcombank, BIDV, Agribank... để tham gia mạng lưới thanh toán của họ. Các dịch vụ thanh toán mà ngân hàng cung cấp bao gồm:

- MB cung cấp dịch vụ chuyển tiền trong nước;
- Dịch vụ quản lý tài khoản giao dịch với việc nhận tiền gửi, quản lý, theo dõi số dư;
- Cung cấp các dịch vụ về tài khoản cho khách hàng;
- Dịch vụ trả lương qua tài khoản;
- Sản phẩm, dịch vụ liên kết ngân hàng - viễn thông (kênh liên kết Viettel, ngân hàng điện tử) như Bank plus, Bank plus CA, MB plus....

Để phục vụ khách hàng tốt nhất MB đã không ngừng cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng dịch vụ. MB đã thành lập Trung tâm dịch vụ thanh toán tại Hội Sở để đảm bảo cung cấp dịch vụ trong hoạt động thanh toán nhanh nhất và có hiệu quả nhất cho khách hàng trên mọi miền của đất nước. MB chú trọng rà soát, ban hành các quy trình, quy chế về nghiệp vụ bảo đảm quy trình tinh gọn, thời gian xử lý nhanh chóng, luôn hướng đến khách hàng, đồng thời cân bằng được rủi ro trong hoạt động thanh toán.

Đặc biệt, với ứng dụng được đánh giá hàng đầu trong số các ứng dụng tài chính – ngân hàng hiện nay, ứng dụng App MBBank và Biz MBBank đã tích hợp nhiều sản phẩm, dịch vụ và các tính năng hỗ trợ khách hàng tối đa như thanh toán tiền điện, tiền nước, chuyển tiền miễn phí, chuyển tiền kiều hối, mua bán ngoại tệ online... đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

❖ Thanh toán quốc tế

Hệ thống mạng lưới hơn 800 ngân hàng đại lý trên khắp thế giới đã giúp cho hoạt động thanh toán quốc tế của MB được nhanh chóng, chính xác và được các đối tác đánh giá cao. Năm 2006, MB được Citigroup tặng giải thưởng Ngân hàng thực hiện xuất sắc nghiệp vụ thanh toán quốc tế. Năm 2007, MB nhận giải thưởng “Ngân hàng thực hiện xuất sắc các giao dịch quốc tế” từ tập đoàn HSBC. Năm 2008 và năm 2009, MB được Ngân hàng Wachovia N.Y trao tặng giải thưởng Ngân hàng có tỷ lệ điện thanh toán thành công cao.

Các dịch vụ thanh toán quốc tế mà Ngân hàng đang cung cấp bao gồm:

- Thanh toán hàng đổi hàng;
- Chuyển tiền ra nước ngoài;



- Chuyển tiền từ nước ngoài về Việt Nam;
- Nhờ thu chứng từ theo phương thức trả ngay (D/P) hoặc trả chậm (D/A) với vai trò là ngân hàng thu tiền, ngân hàng chuyển chứng từ;
- Thư tín dụng xuất khẩu với vai trò ngân hàng thông báo, ngân hàng chiết khấu hoặc ngân hàng xác nhận;
- Thư tín dụng nhập khẩu;
- Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu;
- Phát hành bảo lãnh quốc tế; và
- Bảo lãnh Quốc tế với vai trò Ngân hàng thông báo.

10.1.6 Hoạt động ngân hàng đại lý:

Không có.

10.1.7 Hoạt động đầu tư

❖ Định hướng chiến lược hoạt động đầu tư

Chiến lược đầu tư của MB là chú trọng đầu tư xây dựng hạ tầng, tăng năng lực tài chính, đầu tư kinh doanh trên thị trường vốn, đầu tư tăng năng lực các công ty thành viên, tăng cường hợp tác đầu tư với đối tác chiến lược, nhằm mục tiêu đa dạng hóa nguồn thu, tăng hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu, phát triển cơ sở hạ tầng cho Tập đoàn (Ngân hàng TMCP Quân Đội và các công ty thành viên).

Các hoạt động đầu tư chủ yếu của MB gồm:

- Đầu tư kinh doanh trên thị trường vốn;
- Đầu tư tăng năng lực, phát triển hệ thống các Công ty thành viên; và
- Đầu tư phát triển nguồn lực, xây dựng trụ sở, nhà cửa vật kiến trúc, hệ thống hạ tầng và công nghệ cho Ngân hàng.

MB quản lý các hoạt động đầu tư tập trung tại Hội sở. Các hoạt động đầu tư kinh doanh do MB thực hiện được tiến hành phù hợp quy định của pháp luật, quy định của NHNN Việt Nam và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Các công ty thành viên của MB thực hiện hoạt động đầu tư trong các lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư, mua bán nợ và khai thác tài sản, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ và tài chính tiêu dùng phù hợp với các quy định liên quan của từng ngành nghề.

MB nghiên cứu thực hiện các phương án M&A, tìm kiếm đối tác chiến lược nhằm nâng cao năng lực hoạt động quản trị, kinh doanh của MB và các Công ty thành viên; cải tiến mô hình bán chéo theo hướng xây dựng các cơ chế và các nền tảng công nghệ thông tin để thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động bán chéo giữa MB và các Công ty thành viên nhằm khai thác tối ưu nguồn lực Tập đoàn.

❖ Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh

Đầu tư và kinh doanh trên thị trường tài chính là một hoạt động lớn của MB, bao hàm cả việc đầu tư chứng khoán nợ, chứng khoán vốn tại MB và các hoạt động đầu tư hay tự doanh chứng khoán tại các Công ty thành viên.

Danh mục chứng khoán đầu tư là tài sản trọng yếu, trong đó chủ yếu là các chứng khoán nợ (gồm các giấy tờ có giá như trái phiếu chính phủ, trái phiếu kho bạc, trái phiếu các tổ chức tín dụng, trái phiếu các tổ chức kinh tế, ... và các loại công cụ nợ khác).

Hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm hoạt động tự doanh, mua bán chứng khoán tại các đơn vị thành viên có chức năng kinh doanh chứng khoán, chủ yếu tại MBS và MBS Capital. Chứng khoán kinh doanh luôn được duy trì với tỷ trọng nhỏ trên tổng vốn đầu tư toàn danh mục và được quản trị rủi ro chặt chẽ.

Bảng 18: Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh tại MB (hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Tại 31/12/2024	Tại 31/12/2025	Tại 30/06/2026
Chứng khoán kinh doanh	7.931.834	4.692.622	8.888.529
○ Chứng khoán nợ	7.719.682	4.375.694	8.534.610
○ Chứng khoán vốn	212.152	316.928	353.919
Chứng khoán đầu tư	210.120.460	225.807.589	247.318.343
○ Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	205.507.956	221.512.464	242.744.694
○ Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	4.612.504	4.295.125	4.573.649

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất quý II năm 2026

Bảng 19: Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh tại MB (riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Tại 31/12/2024	Tại 31/12/2025	Tại 30/06/2026
Chứng khoán kinh doanh	6.560.835	3.050.285	7.171.301
○ Chứng khoán nợ	6.560.835	3.050.285	7.171.301
○ Chứng khoán vốn	0	0	0
Chứng khoán đầu tư	200.085.402	212.508.942	236.425.978
○ Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	199.343.767	211.971.942	235.929.678
○ Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	741.635	537.000	496.300

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng quý II năm 2026

MB tuân thủ đầy đủ các quy định về hạn mức và giới hạn lĩnh vực đầu tư theo quy định của NHNN và các quy định khác của pháp luật. Danh mục đầu tư được đánh giá thường xuyên và định kỳ, công tác quản trị rủi ro đầu tư và dự phòng tổn thất được quan tâm chú trọng.

❖ **Hoạt động đầu tư nhà cửa, vật kiến trúc, công nghệ của MB**

MB dành ngân sách phù hợp cho việc phát triển hệ thống trụ sở MB tại các tỉnh, thành phố, khu đô thị trọng điểm trong cả nước, phục vụ mục tiêu mở rộng và nâng cao khả năng phục vụ khách hàng.

Tính đến 30/06/2026, MB đã đầu tư khoảng 4.870 tỷ VNĐ vào các dự án phát triển hạ tầng trụ sở. Trong kế hoạch phát triển hạ tầng những năm tiếp theo, MB đã định hướng đầu tư trụ sở cho MB tại khu vực các tỉnh/thành phố phía Nam và các đô thị kinh tế trọng điểm khác. MB hướng đến việc đầu tư vào các dự án xây dựng trụ sở với tiêu chuẩn tòa nhà văn phòng hạng A, có diện tích làm việc rộng rãi, khang trang, cơ sở vật chất làm việc và phục vụ khách hàng theo đúng tiêu chuẩn hiện đại, đa năng, hướng đến khách hàng (tương tự tòa nhà trụ sở chính tại 18 Lê Văn Lương, Yên Hòa, Hà Nội).

Bảng 20: Một số dự án đầu tư xây dựng mới và cải tạo trụ sở văn phòng tiêu biểu

STT	Dự án	Diện tích/Quy mô	Thời gian hoàn thành	Kế hoạch, tiến độ của dự án
1	Dự án đầu tư trụ sở MB 21 Cát Linh	Diện tích đất: 2.384 m ² . Xây dựng 19 tầng nổi, 3 tầng hầm	2012	Đã hoàn thành xây dựng công trình, đưa vào khai thác từ năm 2012
2	Dự án xây dựng trụ sở MB tại TP HCM – MB Sunny Tower	Diện tích đất 1.428,3 m ² . Xây dựng 23 tầng nổi và 3 tầng hầm	2015	Đã đưa vào khai thác từ năm 2015
3	Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Bắc Ninh & Văn phòng cho thuê tại đường Lý Thái Tổ, Phường Ninh Xá, Thành phố Bắc Ninh	Diện tích đất: 5.796 m ² . Xây dựng 9 tầng và 1 tầng hầm	2014	Đã hoàn thành xây dựng công trình, tháng 6/2015 đưa vào hoạt động
4	Dự án đầu tư, xây dựng trụ sở Chi nhánh Khánh Hòa tại Thành phố Nha Trang	Diện tích đất: 968 m ² . Xây dựng 6 tầng nổi, 1 tầng hầm	2015	Đã hoàn thành xây dựng công trình, đưa vào sử dụng tháng 11/2015
5	Dự án đầu tư, xây dựng trụ sở Chi nhánh Hải Phòng tại đường Lê Hồng Phong, Thành phố Hải Phòng	Diện tích đất: 1.650 m ² . Xây dựng 10 tầng nổi, 1 sân kỹ thuật và 1 tầng bán hầm	2015	Đã hoàn thành xây dựng công trình, đưa vào sử dụng tháng 05/2016
6	Dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Ngân hàng Quân đội tại 18 Lê Văn Lương, Yên Hòa, Hà Nội	Diện tích đất: 4.950 m ² . Xây dựng 25 tầng nổi, 3 tầng hầm và một tầng hầm lửng.	2020	Công trình cất nóc ngày 22/03/2017 và đưa vào sử dụng từ năm 2020
7	Dự án Đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Ngân	Diện tích đất: 600 m ² . Xây dựng 01 tầng bán hầm, 08	2022	Đã hoàn thành xây dựng công trình, đưa vào sử dụng tháng

STT	Dự án	Diện tích/Quy mô	Thời gian hoàn thành	Kế hoạch, tiến độ của dự án
	hàng TMCP Quân Đội – CN Tây Ninh	tầng nổi và 01 tầng kỹ thuật (tầng mái)		12/2022
8	Tòa nhà MB Cần Thơ	Diện tích đất: 592,2 m ² . Xây dựng 01 Tầng hầm, 08 Tầng nổi, 1 tầng tum	2018	Đã hoàn thành xây dựng công trình, đưa vào sử dụng năm 2018
9	Tòa nhà MB Việt Trì	Diện tích đất: 3.110,3 m ² . Xây dựng 01 tầng bán hầm, 08 tầng nổi, 1 tầng áp mái	2014	Đã hoàn thành xây dựng công trình, đưa vào sử dụng năm 2018
10	Tòa nhà MB Bình Định	Diện tích đất: 713,92 m ² . Xây dựng 01 tầng bán hầm, 05 tầng nổi, 1 tầng áp mái	2015	Đã hoàn thành xây dựng công trình, đưa vào sử dụng năm 2015
11	Tòa nhà Số 3 Liễu Giai	Diện tích đất: 1.500 m ² . Xây dựng 13 tầng nổi và 1 tầng bán hầm	2006	Đã hoàn thành xây dựng công trình, đưa vào sử dụng năm 2006
12	Tòa nhà 538 Cách Mạng Tháng 8	Diện tích đất: 1.004,7 m ² . Xây dựng 02 Tầng hầm, 01 Tầng trệt, 12 Tầng nổi	2011	Đã hoàn thành xây dựng công trình, đưa vào sử dụng năm 2011

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]



10.2. Tài sản

10.2.1. Tài sản cố định hữu hình

Bảng 21: Tài sản cố định hữu hình (hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Danh mục	31/12/2024			31/12/2025			30/06/2026		
	Nguyên giá (NG) (triệu đồng)	Giá trị còn lại (GTCL) (triệu đồng)	GTCL/NG (%)	Nguyên giá (NG) (triệu đồng)	Giá trị còn lại (GTCL) (triệu đồng)	GTCL/NG (%)	Nguyên giá (NG) (triệu đồng)	Giá trị còn lại (GTCL) (triệu đồng)	GTCL/NG (%)
Nhà cửa và vật kiến trúc	2.602.069	1.873.912	72,02	2.620.738	1.849.974	70,59	2.623.345	1.828.737	69,71
Máy móc thiết bị	3.972.594	1.086.362	27,35	5.274.315	1.538.358	29,17	5.598.282	1.655.313	29,57
Phương tiện vận tải	1.496.507	344.372	23,01	1.515.019	412.040	27,20	1.570.162	451.747	28,77
Các TSCĐ hữu hình khác	943.502	446.050	47,28	13.164	5.161	39,21	13.540	4.935	36,45
Tổng cộng	9.014.672	3.750.696	41,61	9.423.236	3.805.533	40,39	9.805.329	3.940.732	40,19

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất quý II năm 2026

[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống]

Bảng 22: Tài sản cố định hữu hình (riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Danh mục	31/12/2024			31/12/2025			30/06/2026		
	Nguyên giá (NG) (triệu đồng)	Giá trị còn lại (GTCL) (triệu đồng)	GTCL/NG (%)	Nguyên giá (NG) (triệu đồng)	Giá trị còn lại (GTCL) (triệu đồng)	GTCL/NG (%)	Nguyên giá (NG) (triệu đồng)	Giá trị còn lại (GTCL) (triệu đồng)	GTCL/NG (%)
Nhà cửa và vật kiến trúc	2.509.793	1.814.329	72,29	2.510.599	1.773.200	70,63	2.510.598	1.752.415	69,80
Máy móc thiết bị	3.122.957	695.287	22,26	4.354.866	1.149.161	26,39	4.634.443	1.269.970	27,40
Phương tiện vận tải	1.386.881	311.037	22,43	1.408.107	382.120	27,14	1.452.350	405.362	27,91
Các TSCĐ hữu hình khác	933.536	443.534	47,51	2.395	1.746	72,90	2.375	1.556	65,52
Tổng cộng	7.953.167	3.264.187	41,04	8.275.967	3.306.227	39,95	8.599.766	3.429.303	39,88

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng quý II năm 2026

[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống]

10.2.2. Tài sản cố định vô hình

Bảng 23: Tài sản cố định vô hình (hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Danh mục	31/12/2024			31/12/2025			30/06/2026		
	Nguyên giá (NG) (triệu đồng)	Giá trị còn lại (GTCL) (triệu đồng)	GTCL/NG (%)	Nguyên giá (NG) (triệu đồng)	Giá trị còn lại (GTCL) (triệu đồng)	GTCL/NG (%)	Nguyên giá (NG) (triệu đồng)	Giá trị còn lại (GTCL) (triệu đồng)	GTCL/NG (%)
Quyền sử dụng đất có thời hạn	1.153.177	893.797	77,51	1.185.389	905.139	76,36	1.185.389	894.562	75,47
Phần mềm máy vi tính	3.798.646	778.480	20,49	4.473.644	899.028	20,09	4.715.998	909.142	19,28
Tài sản cố định vô hình khác	24.846	7.443	29,96	25.871	6.847	26,47	28.197	7.884	27,96
Tổng cộng	4.976.669	1.679.720	33,75	5.684.904	1.811.014	31,86	5.929.584	1.811.588	30,55

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất quý II năm 2026

[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống]

Bảng 24: Tài sản cố định vô hình (riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Danh mục	31/12/2024			31/12/2025			30/06/2026		
	Nguyên giá (NG) (triệu đồng)	Giá trị còn lại (GTCL) (triệu đồng)	GTCL/NG (%)	Nguyên giá (NG) (triệu đồng)	Giá trị còn lại (GTCL) (triệu đồng)	GTCL/NG (%)	Nguyên giá (NG) (triệu đồng)	Giá trị còn lại (GTCL) (triệu đồng)	GTCL/NG (%)
Quyền sử dụng đất có thời hạn	1.136.125	876.745	77,17	1.168.337	888.087	76,01	1.168.337	877.510	75,11
Phần mềm máy vi tính	2.592.601	405.829	15,65	3.015.192	438.665	14,55	3.168.173	416.323	13,14
Tổng cộng	3.728.726	1.282.574	34,40	4.183.529	1.326.752	31,71	4.336.510	1.293.833	29,84

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng quý II năm 2026

[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống]



10.3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

10.3.1. Tổng quan quản trị rủi ro

Trong năm 2025, Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư số 14/2025/TT-NHNN ngày 30/06/2025 về việc quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư 14) thay thế cho Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016, đánh dấu bước tiến quan trọng trong quá trình hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về quản trị vốn dựa trên phương pháp nâng cao hơn, khẳng định định hướng điều hành hoạt động ngân hàng theo các chuẩn mực quốc tế, đặc biệt là Basel III.

Với tầm nhìn chiến lược trở thành tập đoàn tài chính, doanh nghiệp chuyển đổi số toàn diện giai đoạn 2022 - 2026, MB xác định quản trị rủi ro thông minh và vượt trội luôn là nền tảng trọng yếu ở các giai đoạn chiến lược. Là ngân hàng tiên phong ứng dụng các tiêu chuẩn quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế, trong năm 2024, 2025 trong khuôn khổ phạm vi dự án Basel III, PwC đã rà soát độc lập, đánh giá và công nhận MB tuân thủ các quy định của Basel III trong việc đo lường LCR, NSFR. Quá trình triển khai nền tảng quản trị rủi ro được MB thực hiện thông nhất, triệt để, toàn diện, chủ động nghiên cứu, vừa làm vừa thử nghiệm, ứng dụng và tính chỉnh nhanh vào thực tiễn kinh doanh.

10.3.2. Các chính sách quản trị rủi ro đang áp dụng

Các loại rủi ro tài chính quan trọng nhất mà MB thường gặp phải là rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Định hướng của MB là trở thành một tập đoàn tài chính đa năng. Do vậy, việc sử dụng các công cụ tài chính, bao gồm huy động vốn từ khách hàng (bằng sản phẩm tiền gửi và phát hành giấy tờ có giá) và đầu tư vào các tài sản tài chính có chất lượng cao đã trở thành hoạt động mang tính then chốt giúp MB đạt được mức chênh lệch lãi suất cần thiết. Xét từ khía cạnh quản lý rủi ro, MB cần duy trì cơ cấu danh mục tài sản, công nợ và nguồn vốn (bao gồm các khoản mục nội bảng và ngoại bảng) vì mục tiêu an toàn, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động ngân hàng. Bên cạnh đó, MB thực hiện đầu tư vào các chứng khoán hay cấp tín dụng cho các ngân hàng khác. Những rủi ro liên quan đến trao đổi ngoại tệ và thay đổi lãi suất được quản lý thông qua áp dụng hạn mức trạng thái nhằm hạn chế sự tập trung quá mức đồng thời tham gia vào các hoạt động có tác dụng cân bằng lẫn nhau để giảm thiểu rủi ro. MB nắm giữ nhiều tài sản là các công cụ tài chính có chất lượng cao để phòng ngừa rủi ro và đảm bảo khả năng thanh khoản. Thêm vào đó, MB cũng tham gia vào nhiều giao dịch phòng ngừa rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính như các cam kết kỳ hạn ngoại tệ, cam kết hoán đổi ngoại tệ, cam kết hoán đổi chéo tiền tệ lãi suất cho mục đích quản lý rủi ro lãi suất và rủi ro tiền tệ. Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, MB đã áp dụng Cẩm nang Tín dụng trong đó ghi chi tiết các chính sách và thủ tục cho vay cũng như các hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của MB. Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro ở mức độ hợp lý, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác và các giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản. MB thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời. Thêm vào đó, việc áp dụng các quy trình quản lý rủi ro nội bộ cũng trở nên hiệu quả hơn nhờ việc triển khai Hệ thống Quản lý Vốn Tập trung và Hệ thống Thanh toán Tập trung, theo đó toàn bộ các giao dịch



vốn và thanh toán của MB đều do Hội sở chính thực hiện. Việc đó cho phép MB giám sát hiệu quả hơn các biến đổi về vốn và giảm các sai sót có thể xảy ra cũng như những thủ tục phức tạp không cần thiết.

❖ Quản trị rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro vốn có trong hoạt động kinh doanh của các ngân hàng. Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

MB đã duy trì một chính sách quản lý rủi ro tín dụng đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau: • Thiết lập một môi trường quản lý rủi ro tín dụng phù hợp;

- Hoạt động theo một quy trình cấp tín dụng lành mạnh;
- Duy trì một quy trình quản lý, đo lường và giám sát tín dụng phù hợp; và
- Đảm bảo kiểm soát đầy đủ đối với rủi ro tín dụng.

MB tiến hành xét duyệt tín dụng qua nhiều cấp để đảm bảo một khoản tín dụng được xem xét một cách độc lập; đồng thời, việc phê duyệt các khoản vay được thực hiện trên cơ sở hạn mức tín dụng được giao cho từng cấp có thẩm quyền. Bên cạnh đó, mô hình phê duyệt tín dụng của Ngân hàng có sự tham gia của Hội đồng tín dụng để đảm bảo hoạt động phê duyệt tín dụng được tập trung với chất lượng cao nhất.

Ngân hàng đang sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận như một công cụ quản lý để quản trị rủi ro tín dụng, theo đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên. Dữ liệu và kết quả xếp hạng của khách hàng trên toàn hệ thống được kiểm soát và quản lý tập trung tại Hội sở chính. Đây là cơ sở cho việc cấp tín dụng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

❖ Quản trị rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản phát sinh trong quá trình MB huy động vốn nói chung và trong quá trình quản lý các trạng thái tiền tệ của MB. Rủi ro thanh khoản bao gồm rủi ro do việc không có khả năng huy động được tài sản theo các thời điểm đáo hạn và lãi suất phù hợp cũng như rủi ro do việc không có khả năng thanh lý được một tài sản với một mức giá hợp lý và trong một khoảng thời gian phù hợp.

Rủi ro thanh khoản được đo lường thông qua việc sử dụng các chỉ số liên quan tới dòng tiền, khả năng huy động vốn, khả năng thanh khoản tài sản của MB.

❖ Quản trị rủi ro hoạt động (QLRRHĐ)

Mặc dù MB là một trong những ngân hàng hàng đầu trong việc áp dụng các chính sách và kỹ thuật QTRR trong hoạt động, việc có thể kiểm soát đầy đủ và bảo vệ MB khỏi mọi rủi ro vẫn là một vấn đề khó khăn. Để giảm thiểu các rủi ro này, MB đang trong quá trình hoàn thiện hệ thống QTRR và áp dụng các chuẩn mực, thông lệ quốc tế trong QTRR, cụ thể:

- Ban hành đầy đủ hệ thống văn bản chính sách áp dụng cho rủi ro hoạt động theo yêu cầu của Ngân hàng nhà nước, đảm bảo nguyên tắc quản trị rủi ro và khẩu vị rủi ro của MB, như Chiến

lược QLRR hoạt động – được tích hợp trong Chính sách QLRR chung cấp HĐQT, Quy chế xử lý các trường hợp khẩn cấp, Quy chế QLRR hoạt động, Quy trình QLRR hoạt động

- Cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro hoạt động được tổ chức và phân định chức năng theo mô hình 03 vòng (tuyến) bảo vệ đảm bảo tính phù hợp, hiệu quả và không phát sinh xung đột về lợi ích. Vòng (tuyến) 1 bao gồm nhóm chức năng kinh doanh/vận hành/hỗ trợ, nhân sự, công nghệ thông tin, kiểm soát nội bộ; Vòng (tuyến) 2 bao gồm nhóm chức năng quản lý rủi ro, tuân thủ, thanh tra, tài chính; Vòng (tuyến) 3 là hoạt động kiểm toán nội bộ. Vai trò, trách nhiệm của các cấp trong quản lý rủi ro hoạt động được quy định rõ ràng đảm bảo vai trò giám sát của quản lý cấp cao (HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc) tới mọi mặt của hoạt động quản lý rủi ro hoạt động, với sự tham mưu, giúp việc tích cực của các Ủy ban, Hội đồng
- Công tác QLRRHĐ được triển khai đồng bộ trên toàn hệ thống thông qua các công cụ QLRRHĐ bao gồm (i) thu thập dữ liệu tổn thất (LDC), (ii) tự xác định/đánh giá RRHĐ và các biện pháp kiểm soát đang được áp dụng (RCSA), (iii) xây dựng và theo dõi các chỉ số rủi ro chính (KRIs), (iv) phân tích các phát hiện trong quá trình thanh tra, kiểm tra giúp MB chủ động kiểm soát, đầy đủ, kịp thời RRHĐ trong tất cả các hoạt động kinh doanh, sản phẩm, quy trình nghiệp vụ, hệ thống công nghệ thông tin và các hệ thống quản lý khác của ngân hàng.

❖ **Rủi ro thị trường**

MB xây dựng khung quản lý rủi ro thị trường là sự kết hợp chặt chẽ giữa cơ cấu tổ chức theo nguyên tắc ba tuyến bảo vệ và hệ thống quy định nội bộ, mô hình, hạn mức...; Rủi ro thị trường được quản lý theo quy trình nhận dạng, đo lường, theo dõi, kiểm soát, và báo cáo, trong điều kiện bình thường và điều kiện biến động mạnh về giá chứng khoán, giá hàng hóa, tỷ giá, lãi suất.

Rủi ro thị trường được đánh giá, nhận dạng toàn diện trong các giao dịch, sản phẩm, trạng thái trên sổ kinh doanh của MB, được đo lường và giám sát trong ngày giao dịch thông qua các hạn mức và ngưỡng cảnh báo. Các hạn mức rủi ro thị trường đang được MB quản lý bao gồm hạn mức về trạng thái mở, hạn mức dừng lỗ, hạn mức độ nhạy theo hạn mức độ nhạy đối với sự thay đổi của lãi suất (PV01), hạn mức giá trị rủi ro ước tính của một khoản đầu tư trong một khoảng thời gian nhất định (VaR)... để lượng hóa các tác động từ biến động của tỷ giá, lãi suất tới trạng thái rủi ro và lợi nhuận của danh mục. Việc đo lường giám sát hạn mức hàng ngày sẽ giúp MB có các biện pháp kịp thời để giảm thiểu rủi ro từ biến động thị trường và tác động tới lợi nhuận của hoạt động kinh doanh. Năm 2025, bên cạnh việc rà soát, định kỳ cập nhật chính sách, quy chế, quy trình..., MB triển khai nâng cấp hệ thống Front-to back, tăng cường tự động hóa, tinh chỉnh đường cong lợi suất chiết khấu tự động của các danh mục trading giúp phản ánh nhanh và kịp thời các biến động của thị trường vào danh mục, góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý rủi ro thị trường.

❖ **Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng**

MB xây dựng khung quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng là sự kết hợp chặt chẽ giữa cơ cấu tổ chức theo nguyên tắc ba tuyến bảo vệ và hệ thống quy định nội bộ, mô hình, hạn mức...; Triển khai quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng đảm bảo quy trình quản trị với các phương pháp luận vững chắc, giúp đo lường và theo dõi rủi ro lãi suất cơ sở, đáp ứng các thông lệ quốc tế như Basel II và hướng đến đáp ứng Basel III cũng như tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Năm 2025, MB tiếp tục rà soát, định kỳ cập nhật các chính sách, quy trình, phương pháp luận đo lường rủi ro, theo dõi, giám sát các hạn mức rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng như trạng thái chênh lệch kỳ định lại lãi suất (repricing gap profile), Thay đổi thu nhập lãi thuần (Change in net income - ΔNII), Thay đổi giá trị kinh tế vốn chủ sở hữu (Change in economic value of equity - ΔEVE), ứng dụng kết quả mô hình hành vi khách hàng trong việc xác định tiền gửi ổn định (core deposit), là cơ sở MB điều hành công tác kinh doanh linh hoạt phù hợp với biến động lãi suất của thị trường, từ đó giúp MB cân bằng mục tiêu tối ưu lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro.

10.3.3. Đánh giá tình hình thực hiện quản trị rủi ro tại MB

MB đã xây dựng và vận hành hệ thống quản trị rủi ro toàn diện, phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước và các thông lệ quốc tế. Ngân hàng áp dụng mô hình quản trị theo ba tuyến bảo vệ, đồng thời triển khai các chính sách, quy trình và công cụ quản trị đối với các loại rủi ro trọng yếu gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường và rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng.

MB thường xuyên rà soát, cập nhật các chính sách quản trị rủi ro, tăng cường ứng dụng công nghệ và các mô hình đo lường hiện đại nhằm nâng cao năng lực nhận diện, giám sát và kiểm soát rủi ro. Công tác quản trị rủi ro được triển khai đồng bộ trên toàn hệ thống, góp phần đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả và hỗ trợ mục tiêu phát triển bền vững của Ngân hàng.

10.4. Thị trường hoạt động

❖ Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Ngân hàng TMCP Quân Đội

Tính đến ngày 30/06/2026, ngoài Hội sở chính, hệ thống mạng lưới MB có 327 chi nhánh và phòng giao dịch trong nước, 01 chi nhánh tại Lào. Tại Việt Nam, hệ thống mạng lưới của MB đã phủ 33/34 tỉnh/thành và được đặt tại các khu vực kinh tế trọng điểm, tiềm năng, đông dân cư để đáp ứng tối đa nhu cầu sử dụng dịch vụ ngân hàng của người dân và doanh nghiệp.

❖ Mạng lưới của Công ty thành viên

- Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS): gồm 1 Trụ sở chính tại Hà Nội, 02 chi nhánh tại Hà Nội, 01 chi nhánh tại Hải Phòng, 03 chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh;
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (MBCapital): Trụ sở chính tại Hà Nội; 01 văn phòng đại diện tại TP Hồ Chí Minh;
- Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBAMC): Trụ sở chính tại Hà Nội, 04 chi nhánh tại: Hồ Chí Minh, Miền Trung và Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ;
- Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội (MIC): Trụ sở chính tại Hà Nội; 47 Công ty trực thuộc trên cả nước;
- Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MB Ageas: một trụ sở chính tại Hà Nội và 4 văn phòng kinh doanh tại Hà Nội, Hải Phòng, TP. HCM và Thanh Hóa;
- Công ty Tài chính tín dụng tiêu dùng TNHH MB Shinsei: Trụ sở chính tại Hà Nội, 1 văn phòng đại diện tại TP.HCM;
- Ngân hàng Đại chúng TNHH MB Campuchia: Trụ sở chính tại Phnom Penh và 5 Chi nhánh

tại Phnompenh và Kampongcham;

- Ngân hàng TNHH Một thành viên Việt Nam Hiện đại: Trụ sở chính tại Hà Nội.

❖ **Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng**

- *Khách hàng là doanh nghiệp, tổ chức*

Các khách hàng quan trọng như: Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Nhóm dự án năng lượng điện của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia, Ban Quản lý dự án điện Miền Bắc/Miền Trung, Tập đoàn Công nghiệp Than & Khoáng sản Việt Nam (TKV), Tổng Công ty Xăng dầu Quân đội. Bên cạnh đó, MB còn là ngân hàng tiên phong trong cấp tín dụng cho các dự án điện gió và điện mặt trời cung cấp một nguồn tài chính mạnh mẽ giúp các Doanh nghiệp tạo ra nguồn điện năng lượng tái tạo, góp phần gia tăng nguồn năng lượng sạch đáp ứng nhu cầu tăng trưởng bền vững quốc gia.

Trong chiến lược kinh doanh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt, ngoài mảng khách hàng lớn (CIB), MB đã và đang triển khai tích cực chiến lược khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) nhằm khai thác thế mạnh, tiềm lực kinh tế to lớn cũng như đạt được mục tiêu phân tán rủi ro khi phát triển tín dụng của MB. MB đã cung cấp nhiều sản phẩm, dịch vụ tiện ích cho nhóm khách hàng này, tài trợ vốn lưu động cho các khách hàng với mạng lưới kinh doanh rộng khắp cả nước thuộc lĩnh vực viễn thông, phân phối, lương thực, thực phẩm, hàng gia dụng, hàng tiêu dùng thiết yếu.

Để có thể tài trợ tín dụng tốt nhất cho khách hàng, MB đã thiết lập một hệ thống các sản phẩm dịch vụ tiện ích, hỗ trợ tích cực. Cụ thể:

- Tài trợ dự án các ngành năng lượng, dầu khí, cảng biển, tài trợ dự án ngành nhựa, điều;
- Tài trợ vốn lưu động cho các KH theo chuỗi ngành thực phẩm đồ uống, điện, viễn thông, xăng dầu, hàng không, hóa chất;
- Tài trợ vốn cho nhóm khách hàng FDI trong lĩnh vực sản xuất, phân phối;
- Tập trung phát triển các sản phẩm cho phân khúc khách hàng nhỏ và siêu nhỏ: cho vay Vốn lưu động siêu tốc dành cho doanh nghiệp siêu nhỏ, cho vay vốn kinh doanh trả góp, cho vay ô tô mới và ô tô cũ, ô tô kinh doanh vận tải;
- Đẩy mạnh các sản phẩm góp phần thực hiện 02 năng lực cốt lõi của MB: Trở thành ngân hàng số 1 phục vụ Khách hàng quân đội (KHQĐ): Cho vay xây lắp KHQĐ, bảo lãnh KHQĐ; Liên kết với Viettel: Gói sản phẩm cho doanh nghiệp cung ứng đầu vào cho VTG, Bankplus CA;
- Đa dạng hóa kênh cung cấp các sản phẩm Tài trợ thương mại thông qua việc mở rộng kênh. Cải tiến các sản phẩm tài trợ thương mại: Chiết khấu Bộ chứng từ xuất khẩu, LC tài trợ trước giao hàng, hạn mức LC vốn tự có;
- Cho vay theo hạn mức thấu chi;
- Bao thanh toán trong nước.

- *Khách hàng là cá nhân*

Để đáp ứng tốt nhất các nhu cầu đa dạng của khách hàng cá nhân, MB đã xây dựng và không ngừng hoàn thiện một hệ thống sản phẩm tín dụng, dịch vụ linh hoạt, thuận lợi và tiện ích phục vụ các khách hàng cá nhân:

- Cho vay mua, xây dựng và sửa chữa nhà đất;



- Cho vay mua nhà chung cư, đất dự án;
- Cho vay sản xuất kinh doanh;
- Cho vay mua xe trả góp phục vụ mục đích tiêu dùng;
- Cho vay mua xe trả góp phục vụ mục đích kinh doanh;
- Cho vay tín chấp cho mọi đối tượng khách hàng cá nhân;
- Cho vay cầm cố giấy tờ có giá: bổ sung hình thức cho vay cầm cố sổ dư tài khoản TKS trên eMB;
- Cho vay du học, xuất khẩu lao động;
- Cho vay chứng khoán;
- Cho vay hạn mức thấu chi.

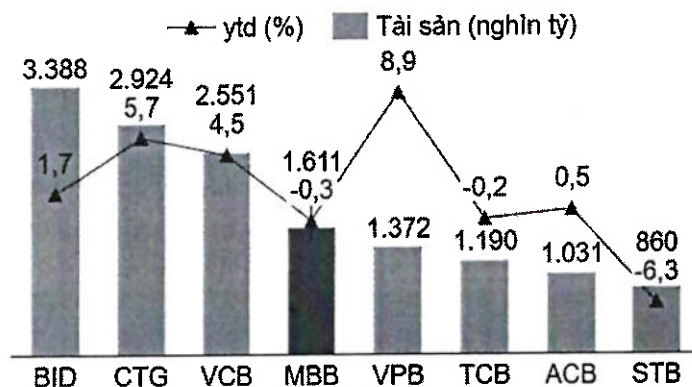
Đối tượng khách hàng cá nhân được phân khúc và đánh giá là phù hợp với chiến lược phát triển của MB. Việc cấp tín dụng cho khách hàng cá nhân được xem xét trên nguyên tắc thận trọng, có cơ chế kiểm soát chặt chẽ khi cho vay và khách hàng phải đáp ứng đủ điều kiện về tài chính, kinh nghiệm kinh doanh, tư cách đạo đức theo quy định của MB.

❖ Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành

Kết thúc quý 1 năm 2026, MB duy trì vị thế Top 4 về quy mô tổng tài sản, tín dụng, huy động, thu nhập phí thuần (NFI) và lợi nhuận trước thuế so với nhóm đối thủ cạnh tranh, quy mô tổng thu nhập hoạt động (TOI) đứng thứ 5. Về các chỉ tiêu hiệu quả, tỷ lệ CASA (tiền gửi không kỳ hạn) đứng TOP 2, Chi phí vốn (COF) và biên lãi ròng (NIM) đứng thứ 2 trong nhóm so sánh. MB thực hiện quản trị chi phí hoạt động tốt với tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) thấp thứ 2 và Tỷ lệ nợ xấu (NPL) kiểm soát tốt dưới 1,5%. Số liệu cụ thể như sau:

Về tổng tài sản

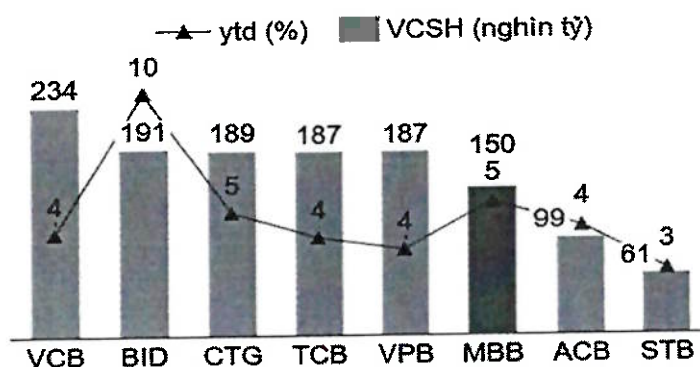
Kết thúc quý 1 năm 2026, tổng tài sản đạt 1.611 nghìn tỷ đứng thứ 4, chỉ sau 3 Ngân hàng TMCP Quốc doanh là BIDV, VietinBank và Vietcombank. Tốc độ tăng trưởng tổng tài sản bình quân (CAGR) giai đoạn 2017- Quý 1/2026 đạt 25,2%, là mức tăng trưởng cao thứ 2 trong nhóm so sánh, giúp MB cải thiện 1 bậc từ vị trí top 5 năm 2017 lên top 4 về quy mô tổng tài sản.



Nguồn: MB tổng hợp từ BCTC hợp nhất của các ngân hàng

Về vốn chủ sở hữu:

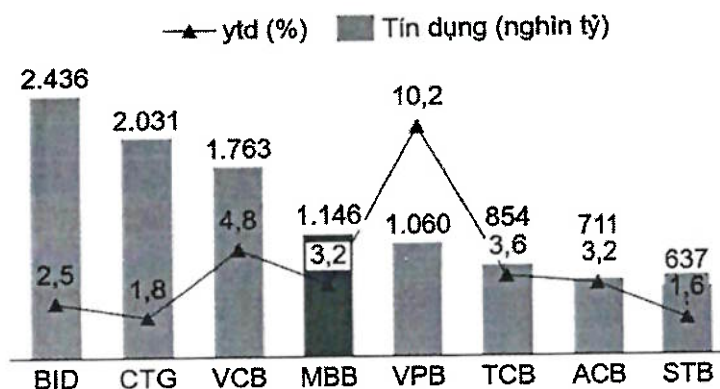
Kết thúc quý 1 năm 2026, vốn chủ sở hữu đạt 150 nghìn tỷ, đứng thứ 6, tăng trưởng 5,4% so với năm 2025, là mức tăng cao thứ 2 trong nhóm so sánh, đứng sau BID (9,8%). Trong đó, vốn điều lệ đứng thứ 2, tăng 3 bậc so với năm 2017.



Nguồn: MB tổng hợp từ BCTC hợp nhất của các ngân hàng

Về tín dụng:

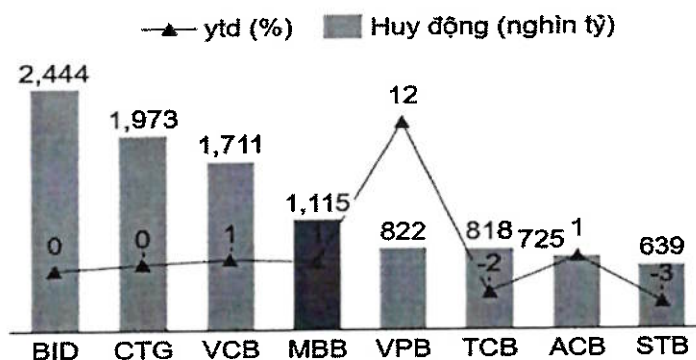
Tín dụng quý 1 năm 2026, bao gồm trái phiếu tổ chức kinh tế và mua nợ, đạt 1.146 nghìn tỷ, đứng thứ 4, tăng trưởng 3,2% so với năm 2025, là mức tăng trưởng cao thứ 4 trong nhóm so sánh. Đáng chú ý, tỷ lệ cho vay khách hàng cá nhân/tổng tín dụng tăng từ 32% năm 2017 lên 40% vào quý 1 năm 2026 cho thấy xu thế chuyển dịch rõ nét về phía khách hàng cá nhân.



Nguồn: MB tổng hợp từ BCTC hợp nhất của các ngân hàng

Về chỉ tiêu huy động vốn:

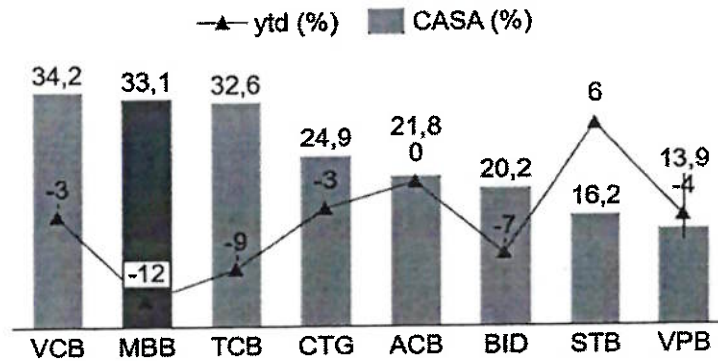
Huy động quý 1 năm 2026, bao gồm giấy tờ có giá, đạt 1.115 nghìn tỷ, đứng thứ 4, tăng trưởng 0,6% so với năm 2025, là mức tăng trưởng cao thứ 4 trong nhóm. Tỷ lệ huy động khách hàng cá nhân/tổng huy động tăng từ 41% năm 2017 lên 49% quý 1 năm 2026 cho thấy xu thế chuyển dịch huy động về phía khách hàng cá nhân.



Nguồn: MB tổng hợp từ BCTC hợp nhất của các ngân hàng

Về tiền gửi không kỳ hạn (CASA)

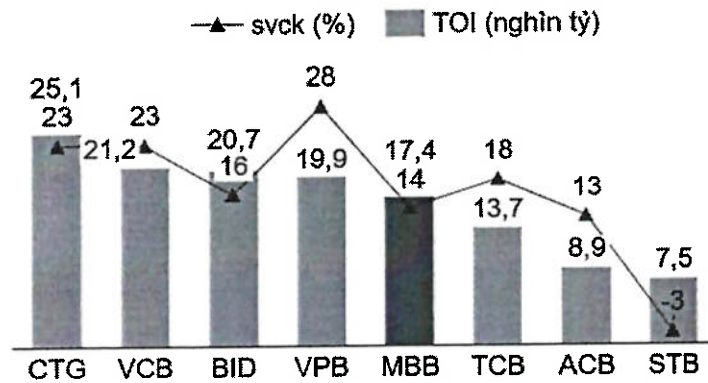
Tỷ lệ CASA kết thúc quý 1 năm 2026 đạt 33,1%, đứng vị trí thứ hai trong nhóm so sánh là lợi thế cạnh tranh đặc biệt của MB được duy trì từ năm 2017 đến nay.



Nguồn: MB tổng hợp từ BCTC hợp nhất của các ngân hàng

Tổng thu nhập hoạt động (TOI)

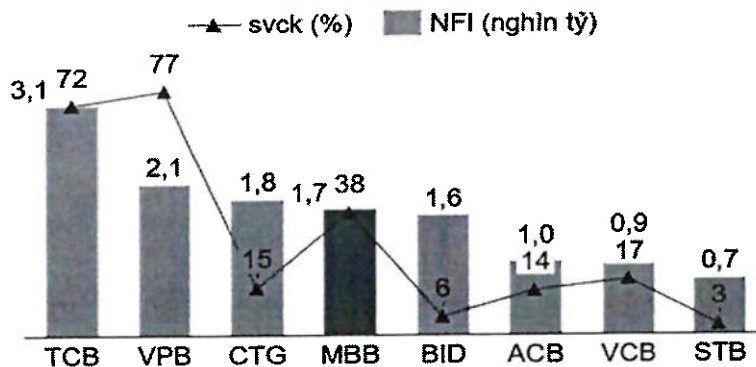
TOI quý 1 năm 2026 đạt 17,4 nghìn tỷ, đứng thứ 5, tăng trưởng 13,8% so với cùng kỳ năm 2025, là mức tăng trưởng cao thứ 6 trong nhóm so sánh.



Nguồn: MB tổng hợp từ BCTC hợp nhất của các ngân hàng

Thu nhập phí thuần (NFI)

NFI quý 1 năm 2026 đạt 1,7 nghìn tỷ, đứng thứ 4, tăng trưởng 38% so với cùng kỳ năm 2025, là mức tăng trưởng cao thứ ba trong nhóm so sánh.

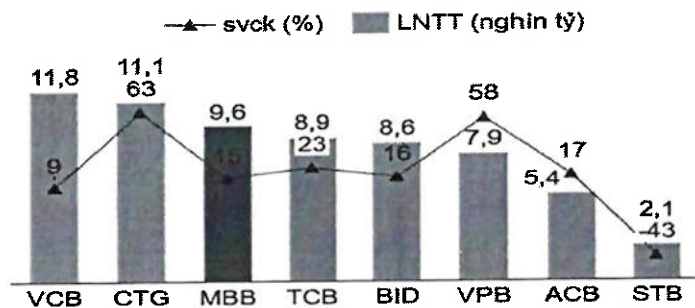


Nguồn: MB tổng hợp từ BCTC hợp nhất của các ngân hàng

Handwritten signature

Lợi nhuận trước thuế:

Lợi nhuận trước thuế quý 1 năm 2026 đứng thứ 3 đạt 9,6 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 14,8% so với cùng kỳ năm 2025, là mức tăng trưởng cao thứ 6 trong nhóm so sánh.



Nguồn: MB tổng hợp từ BCTC hợp nhất của các ngân hàng

❖ **Thị phần và khả năng cạnh tranh**

Chỉ tiêu (hợp nhất tại ngày 31/03/2026)	Toàn ngành		MB		Thị phần (%)
	Giá trị (tỷ đồng)	Tốc độ tăng trưởng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tốc độ tăng trưởng (%)	
Tổng tài sản	30.961.820	3,0	1.611.223	(0,3)	5,2
Tín dụng	19.186.824	3,2	1.145.976	3,2	6,0

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2025 của MB

Tại 31/03/2026, thị phần của MB về tổng tài sản, tín dụng so với toàn hệ thống ngân hàng lần lượt là 5,2% và 6,0%. Về tốc độ tăng trưởng so với năm 2025, MB ghi nhận tốc độ tăng trưởng tổng tài sản thấp so với toàn ngành, tốc độ tăng trưởng tín dụng tương đương với mức tăng trưởng toàn ngành.

10.5. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh

- Mô hình kinh doanh nền tảng số & hệ sinh thái:

MB tiếp tục đẩy mạnh mô hình kinh doanh nền tảng: nền tảng App MBBank cho KHCN, Biz MBBank cho KHDN phục vụ quy mô khách hàng lên 37,87 triệu khách hàng, chiếm 37% dân số Việt Nam. Doanh thu từ kênh số năm 2025 đạt 26.634 tỷ đồng, tăng trưởng 35% và đóng góp 50% tổng doanh thu, lũy kế 6 tháng đầu năm đạt 15.906 tỷ đồng, tăng 84% so với cùng kỳ 2025, đóng góp 53,9% tổng doanh thu, khẳng định vai trò kinh doanh nền tảng số trong cấu trúc tăng trưởng của MB.

MB mở rộng hệ sinh thái thông qua mô hình BaaS với ~1.800 API và 1.482 đối tác, cùng các giải pháp cho hệ kinh doanh như MB Seller, loa thanh toán (đã cung cấp được ~180.000 thiết bị) và phát hành bảo lãnh điện tử thông qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia cho KHDN. Các nền tảng mới như BeeRich (quản lý tài chính cá nhân) và Thiện Nguyên (lũy kế thu hút gần 2,4 triệu người

dùng và hơn 10.000 chiến dịch thiện nguyện với số tiền huy động 3.348 tỷ đồng), cùng mô hình Agent Banking qua đối tác, tiếp tục mở rộng nguồn thu, gia tăng mức độ gắn kết và tối ưu hóa kênh phân phối.

- **Nền tảng và hạ tầng CNTT:**

MB đẩy mạnh hạ tầng số nhằm nâng cao năng lực xử lý và đảm bảo vận hành ổn định. Nền tảng Payment Platform (PMP) giúp xử lý ~37 triệu giao dịch/ngày. Toàn ngân hàng đạt mức số hóa gần như toàn diện với 10,5 tỷ giao dịch (tăng 1,4 lần so với năm trước) trên kênh số và tỷ lệ chuyển đổi số ~98,8%, trong đó các nghiệp vụ trọng yếu đều đạt mức số hóa trên 90%.

Hạ tầng Multi-DC đảm bảo dịch vụ liên tục cho ~40 triệu khách hàng, tuân thủ NHNN và hạn chế tối đa gián đoạn khi xảy ra sự cố. Đồng thời, MB triển khai hệ thống an ninh đa lớp: giảm thiệt hại gian lận đến 90% (giảm từ 20 tỷ → 2,2 tỷ đồng/tháng), bảo vệ ~80% khách hàng; tiên phong xác thực sinh trắc học toàn bộ KH (kết nối CCCD) và giải pháp App Protection giúp phát hiện, cảnh báo rủi ro thiết bị, nâng cao an toàn giao dịch số.

- **Tự động hóa và ứng dụng AI:**

MB đẩy mạnh ứng dụng AI và tự động hóa trong toàn bộ hành trình khách hàng nhằm nâng cao trải nghiệm và tối ưu chi phí. Các giải pháp như AI Search (độ chính xác ~95%), OCR (tốc độ xử lý ~1 giây/giao dịch), Paste2Pay (thời gian phản hồi <5 giây) giúp rút ngắn đáng kể thời gian giao dịch và giảm gián đoạn cho khách hàng. Đồng thời, các nền tảng Doc AI, chatbot và chữ ký điện tử được triển khai rộng rãi, giúp tự động hóa khoảng 83% xử lý chứng từ và ~85% thời gian tương tác khách hàng.

- **Mô hình kinh doanh dựa trên dữ liệu:**

MB đang hình thành lợi thế cạnh tranh bền vững thông qua việc chuyển dịch sang mô hình ra quyết định dựa trên dữ liệu. Ngân hàng đã xây dựng hệ sinh thái dữ liệu với hơn 2.000 đặc trưng, triển khai hơn 200 mô hình rủi ro và 135 mô hình kinh doanh phục vụ trực tiếp cho hoạt động tín dụng và phát triển khách hàng. Hơn 7 triệu khách hàng đã được cấp hạn mức tín dụng trước dựa trên dữ liệu, đánh dấu bước chuyển từ thẩm định truyền thống sang tín dụng dựa trên AI với độ chính xác cao (Gini >60%). Đồng thời, các nền tảng quản trị lead và next-best-action cho phép cá nhân hóa kịch bản bán hàng theo thời gian thực, góp phần nâng cao tỷ lệ chuyển đổi và hiệu quả khai thác khách hàng.

10.6. Chiến lược kinh doanh

- **Tổng quan về chiến lược phát triển của MB giai đoạn năm 2022-2026:**

- Mục tiêu chiến lược: Top 3 thị trường về hiệu quả, hướng đến Top đầu Châu Á;
- Định vị giá trị: Tiên phong cung cấp trải nghiệm tài chính xuất sắc;
- Phương châm: Tăng tốc số, hấp dẫn khách hàng, hiệp lực tập đoàn và an toàn bền vững;
- Giá trị cốt lõi: Đoàn kết – Kỷ luật – Tận tâm; Thực thi – Tin cậy – Hiệu quả.

Chiến lược MB được xây dựng trên cơ sở tập trung vào trải nghiệm của khách hàng; sáng tạo ra các giá trị mới phục vụ khách hàng từ đó gia tăng giá trị cho MB, trong đó lấy triết lý “khách hàng là trung tâm” thể hiện trên các khía cạnh:



- Tăng tốc – An toàn: Tăng tốc số, đón bắt nhanh, tận dụng triệt để, khai thác hiệu quả công nghệ, nhu cầu khách hàng, đồng thời đảm bảo an toàn bền vững cho hệ thống
- Hấp dẫn khách hàng: Xây dựng trải nghiệm xuất sắc - Xuất phát từ nhu cầu và vươn tới kỳ vọng của khách hàng
- Hiệp lực tập đoàn: Toàn Tập đoàn kết nối, xây dựng trải nghiệm số One ID; đề xuất giá trị tập đoàn xuất sắc

- Định hướng chiến lược 3- 5 năm tiếp theo:

Trên cơ sở kết quả đạt được của Chiến lược giai đoạn 2022 - 2026, định hướng xây dựng Chiến lược phát triển MB giai đoạn 3 - 5 năm tiếp theo, dự kiến với tầm nhìn là "Doanh nghiệp số, Tập đoàn tài chính dẫn đầu" và đạt vị thế "Top 3 hiệu quả thị trường trong nước, Top đầu thương hiệu mạnh Châu Á", dự kiến nghiên cứu bổ sung:

- (1) FDI trở thành trọng tâm chuyển dịch - phát triển mạnh thị trường quốc tế.
- (2) Mở rộng, khai thác sâu các tầng của hệ sinh thái chuỗi giá trị doanh nghiệp.
- (3) Gia tăng giá trị cho KHCN với bộ sản phẩm dịch vụ tài chính toàn diện.
- (4) Ưu tiên đầu tư mạnh vào Công nghệ cao, Số hóa, Dữ liệu, Trí tuệ nhân tạo nhằm dẫn đầu thị trường về tốc độ, chất lượng phục vụ khách hàng, hệ thống hoạt động an toàn, hiệu quả.
- (5) Đổi mới mô hình hoạt động: i) mô hình phục vụ khách hàng; ii) mô hình cung cấp dịch vụ tại Hội sở.

- Định hướng triển khai chiến lược năm 2026:

Phương châm năm 2026 “Tăng tốc – Vững chắc – Hiệu quả”, kiên định mục tiêu “Ngân hàng Top 1 về Khách hàng, giao dịch, Top 3 về hiệu quả các NHTM”, cụ thể:

- Về quy mô: Thu hút khách hàng hiệu quả/ chất lượng đạt quy mô khách hàng lên 40 triệu khách hàng. Điều hành tăng trưởng quy mô dư nợ và huy động vốn khoảng 30%, mở rộng thị phần trên cơ sở tăng trưởng thực chất và bền vững.
- Về hiệu quả: Đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả, gia tăng thị phần tại các thị trường trọng điểm, hướng tới mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận đạt 15%.
- Về An toàn: Tối ưu năng suất lao động; kiểm soát chất lượng tín dụng, duy trì tỷ lệ nợ xấu dưới 1,5%. Tăng cường đầu tư công nghệ thông tin; đảm bảo đáp ứng yêu cầu tăng trưởng, an toàn – bảo mật, ổn định hệ thống, duy trì hoạt động vận hành, kinh doanh liên tục đối với khách hàng, giao dịch và các mô hình kinh doanh mới.
- Hiệp lực Tập đoàn, khai thác toàn diện và hiệu quả hệ sinh thái, phân đầu doanh thu bán chéo tăng trưởng ~ 30%/năm.

- Thời gian dự kiến thực hiện: Năm 2022 đến năm 2026.

- Nguồn vốn và nguồn lực dự kiến cho chiến lược kinh doanh

Nguồn vốn và nguồn lực của MB đều được triển khai đồng bộ nhằm tăng cường tối đa trên cả ba khía cạnh sau:

- Đối với nguồn vốn:

Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2025 là 80.549.999.090.000 VNĐ;

Dự kiến trong năm 2026, MB thực hiện phương án tăng vốn điều lệ trên cơ sở nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua:

Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 15% tổng số cổ phiếu phổ thông lưu hành tương đương tăng vốn thêm 12.082.499.860.000 VNĐ;

Phát hành quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10% tổng số cổ phiếu phổ thông lưu hành tương đương tăng vốn thêm 8.054.999.900.000 VNĐ;

Phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ thêm 2.000.000.000.000 VNĐ.

Tổng mức vốn điều lệ sau khi hoàn tất các phương án tăng vốn điều lệ nêu trên là 102.687.498.850.000 VNĐ.

- Đối với nguồn nhân lực:

Bên cạnh những hình thức đãi ngộ phúc lợi đã và đang được áp dụng tại MB để thu hút và giữ chân nhân tài nhằm thực hiện các mục tiêu chiến lược 2022-2026, MB hướng đến các hình thức chế độ gia tăng tính gắn kết của người lao động với ngân hàng: tổ chức các chương trình đãi ngộ, tri ân cán bộ nhân viên có thâm niên, áp dụng chính sách thưởng thành tích tích lũy cho cán bộ nhân viên hàng năm.

Số lượng nhân sự của Tập đoàn MB tính đến 30/06/2026 là 18.608, riêng ngân hàng là 13.344. MB thực hiện triển khai đa dạng các chương trình đào tạo với nhiều hình thức khác nhau và phù hợp theo từng nhóm vị trí chức danh từ cán bộ quản lý cấp trung/cấp cao, chức danh chuyên gia, đội ngũ cán bộ nguồn kế cận cho đến Chuyên viên. Một số nhóm chương trình trọng tâm được triển khai trong các năm qua gồm: Chương trình Nâng cao năng lực quản lý kinh doanh; Kỹ năng bán hàng thời đại số; Phương pháp làm việc mới: Linh hoạt và Tư duy thiết kế (Agile & Design Thinking); Chuỗi chương trình nâng cao chuyển đổi số (Quản trị dữ liệu; Kỹ năng thời đại số); Chuỗi chương trình phát triển nguồn kế cận; Chuỗi chương trình nâng cao năng lực chuyên môn cho các chức danh trọng yếu;...MB luôn chú trọng nâng cao trải nghiệm học tập của học viên và ứng dụng công nghệ trong hoạt động đào tạo (Quy mô đào tạo trong 6 tháng đầu năm 2026 là 295 chương trình đào tạo và 22.778 lượt người tham dự).

- Đối với nguồn lực CNTT:

MB đẩy mạnh phát triển ứng dụng công nghệ để triển khai hàng loạt các dự án chuyển đổi số với các sản phẩm nổi bật như App, Biz MBBank, mô hình giao dịch tự động Smartbank, Smart RM để phát triển các kênh giao dịch điện tử, các dịch vụ, phương thức thanh toán mới, hoàn thiện hệ sinh thái số với mục tiêu từng bước xây dựng 2 thói quen sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường cho khách hàng, đặc biệt cung cấp cho các khách hàng doanh nghiệp trải nghiệm đa kênh, thuận tiện, nhanh chóng trên bộ công cụ số hóa 100% trong việc quản trị doanh nghiệp (nhân sự, kế toán, thuế, trả lương), dịch vụ ngân hàng (quản lý dòng tiền, quản lý chuỗi cung ứng, thanh toán, chuyển tiền).

Năm 2021, Hội đồng Quản trị thông qua việc sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để đầu tư hạ tầng phục vụ hoạt động khoa học công nghệ tại MB và chỉ đạo triển khai các phương án mua sắm giải pháp triển khai nền tảng hạ tầng công nghệ điện toán đám mây (Private Cloud

Computing), giải pháp triển khai nền tảng hạ tầng công nghệ khai thác phân tích dữ liệu (DSB) và trí tuệ nhân tạo (AI), triển khai MetaData và hệ thống ODS, nâng cấp hạ tầng ứng dụng Core giai đoạn 2021 - 2023 và hệ thống dự phòng (DR) cho giải pháp đồng nhất cơ sở dữ liệu và các dự án đầu tư công nghệ lõi cho các Công ty thành viên. Trong năm 2022, HĐQT tiếp tục ưu tiên đầu tư cho hạ tầng CNTT, chuyển đổi số cho Ngân hàng MB trên cơ sở đảm bảo an ninh, an toàn, hiệu quả và đáp ứng hoạt động kinh doanh của MB; thông qua việc đầu tư triển khai mô hình Bank Lab có thể đáp ứng cho các dự án trọng điểm của MB và Tập đoàn.

Giai đoạn 2022-2026, tăng cường đầu tư nền tảng CNTT, triển khai đầu tư các giải pháp công nghệ mới phục vụ hoạt động kinh doanh, tăng tỷ lệ tự động hóa trong công tác quản trị và vận hành, nâng cao chất lượng hoạt động, tăng tiện ích cho ngân hàng.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Tình hình lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Ngân hàng, vì vậy MB luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Số lượng người lao động riêng MB bình quân trong năm 2024 là 11.318 người, năm 2025 là 12.601 người và tính đến hết tháng 06 là 13.145 người.

Tại thời điểm ngày 31/12/2024, ngày 31/12/2025 và ngày 30/06/2026 số lượng cán bộ nhân viên chính thức của riêng MB lần lượt là: 12.239 người, 13.126 người và 13.344 người.

Bảng 25: Tình hình lao động MB tại các thời điểm

TT	Loại lao động	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
I.	Phân theo giới tính	12.239	13.126	13.344
1	Nam	4.884	5.140	5.255
2	Nữ	7.355	7.986	8.089
II.	Phân theo trình độ học vấn	12.239	13.126	13.344
1	Trình độ từ Đại học trở lên	11.671	12.606	12.838
2	Trình độ dưới Đại học	568	520	506
III.	Phân thời hạn hợp đồng	12.239	13.126	13.344
1	Thường xuyên	11.596	12.564	12.933
2	Thời vụ	643	562	411

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

11.2. Chính sách đào tạo, chính sách đãi ngộ

11.2.1. Về chính sách đào tạo

Hoạt động đào tạo của MB được quản lý tập trung tại Trung tâm Học tập và Sáng tạo. Các chương trình đào tạo được thiết kế và xây dựng theo chức danh phù hợp với Khung năng lực tại các vị trí.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, MB đã tổ chức 295 chương trình đào tạo với 22.778 lượt người tham dự. Các chương trình đều nhận được nhiều đánh giá cao từ học viên nhờ nội dung chất lượng và tính thực tiễn sâu sắc.

Các chương trình đào tạo ngắn hạn trong nước

MB đã xây dựng một lộ trình học tập chuẩn mực và bài bản bám sát theo từng vị trí công việc. Bên cạnh việc trang bị các kỹ năng bổ trợ và kiến thức chuyên sâu, ngân hàng đặc biệt chú trọng nâng cao năng lực quản trị toàn diện. Đối với đội ngũ quản lý trẻ, MB tập trung tổ chức các khóa nghiệp vụ nâng cao cùng phương thức quản trị nhân sự theo chuẩn mực quốc tế.

Các khóa đào tạo nước ngoài

MB phối hợp cùng đối tác thiết kế các khóa đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu và study tour (học tập trải nghiệm) tại nước ngoài giúp đội ngũ nhân sự tại MB học hỏi được những kiến thức mới và kinh nghiệm vận hành/ quản trị ngân hàng tiên tiến tại các nước phát triển.

Khuyến khích đào tạo dài hạn

MB áp dụng các chính sách hỗ trợ nhân viên tham gia các khóa đào tạo dài hạn. Nhân viên có thể tham gia các lớp học văn bằng 2 hệ Đại học, các khóa sau Đại học chuyên sâu về lĩnh vực tài chính ngân hàng hay MBA để nâng cao kiến thức chuyên ngành và năng lực, kỹ năng quản lý với sự hỗ trợ tài chính từ phía MB.

Đào tạo tài năng trẻ

Với mục tiêu chủ động nhân sự nguồn kế cận có tố chất tốt, năng lực, đạo đức, phù hợp với văn hóa và cam kết cao; đảm bảo đủ nguồn lực thực thi những mục tiêu mới, chiến lược dài hạn, MB đã thực hiện quy hoạch cán bộ với các chức danh lãnh đạo, quản lý đáp ứng nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của từng đơn vị và của MB. Với nhân sự kế cận, MB tập trung đào tạo về mặt định hướng, chiến lược, kỹ năng quản lý và đặc biệt là nghiệp vụ chuyên sâu của từng nhân sự nhằm phát triển nhân sự một cách toàn diện. Với nhân sự tiềm năng, MB triển khai các chương trình đào tạo thực tế thông qua giao việc thử thách, đào tạo kèm cặp tại đơn vị tạo hành trang vững chắc cho nhân sự kế nhiệm được phát huy tại vị trí được kế nhiệm. Hàng năm, MB tổ chức các cuộc thi về nghiệp vụ, kiểm tra chức danh nhằm đánh giá chất lượng cán bộ cũng như tìm kiếm các nhân sự tiềm năng để đầu tư đào tạo phát triển toàn diện trong tương lai.

11.2.2. Chính sách đãi ngộ

Chính sách lương thưởng và đãi ngộ của MB được xây dựng dựa trên hiệu quả công việc, gắn triện đề với năng suất lao động, thành tích của từng cá nhân và mức độ đóng góp vào kết quả chung của tổ chức.

Hệ thống chính sách lương, thưởng, đãi ngộ & phúc lợi của MB cũng luôn được quan tâm đánh giá phân tích liên tục, điều chỉnh đa dạng đổi mới về hình thức và được cá nhân hóa theo nhu cầu. Là một tổ chức chú trọng sâu sắc tới trải nghiệm của CBNV nên MB luôn đổi mới và hoàn thiện hệ thống đãi ngộ đảm bảo hấp dẫn, tập trung tính dài hạn nhằm khuyến khích gắn kết, nâng cao tinh thần, hiệu suất làm việc tối đa của nhân viên. Nguồn nhân lực hạnh phúc, chất lượng chính là yếu tố then chốt để MB đạt được các mục tiêu chiến lược.

Trong năm qua, MB tiếp tục khẳng định định hướng lấy con người làm trọng tâm thông qua việc chủ động rà soát, cập nhật và linh hoạt hóa toàn diện hệ thống chính sách dành cho người lao động. Các chế độ, phúc lợi được điều chỉnh theo hướng thiết thực, kịp thời và phù hợp với bối cảnh mới,



nhằm tăng cường động lực làm việc, củng cố sự gắn kết và đồng hành lâu dài giữa cán bộ nhân viên với Tổ chức.

11.3. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

MB không có quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động mẫu hay chung cho tất cả các đợt phát hành. Tùy thuộc vào việc phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho người lao động từng thời kỳ, và tùy thuộc vào ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị sẽ xây dựng Quy chế phù hợp với nội dung phương án mà Đại hội đồng cổ đông thông qua từng thời kỳ.

Tình hình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động của Công ty trong 2 năm gần đây như sau:

Năm 2024: MB phát hành 19.240.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty, với giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

- Đợt phát hành kết thúc vào ngày 11/06/2024
- Số lượng người lao động được phân phối: 513 người.
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: cổ phiếu phát hành ESOP bị hạn chế chuyển nhượng. Kết thúc năm thứ 3 kể từ ngày kết thúc đợt phát hành sẽ được giải toả 50% số lượng cổ phiếu và kết thúc năm thứ 5 kể từ ngày kết thúc đợt phát hành sẽ được giải toả 100% số lượng cổ phiếu.
- Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty của MB đã được Hội đồng quản trị thông qua tại văn bản sau: Nghị quyết ĐHĐCĐ số 12/NQ-MB_ĐHĐCĐ ngày 19/4/2024, Nghị quyết số 09/NQ-MB-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2023, Nghị quyết ĐHĐCĐ số 08/NQ-MB-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2022, Nghị quyết ĐHĐCĐ số 10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2021, Nghị quyết HĐQT số 23/NQ-MB-HĐQT ngày 10/5/2024, Nghị quyết HĐQT số 10.1/NQ-MB-HĐQT ngày 18/4/2024, Nghị quyết HĐQT số 18/NQ-MB-HĐQT ngày 26/5/2023, Công văn số 4992/NHNN-TTGSNH ngày 27/6/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Năm 2025: Không có.

12. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ MB, kế hoạch chi trả/tạm ứng cổ tức được thực hiện theo nghị quyết của ĐHĐCĐ trên cơ sở đề nghị của HĐQT. MB chi trả cổ tức cho cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật; trích lập và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của Điều lệ và pháp luật; và vẫn bảo đảm thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn (nếu có) sau khi hoàn thành việc chi trả cổ tức.

ĐHĐCĐ quyết định việc chi trả cổ tức dựa trên cơ sở đề nghị của HĐQT, trong đó gồm các nội dung sau:

- Cổ tức được xác định căn cứ vào nguồn lợi nhuận giữ lại của MB,
- Cổ tức có thể chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của MB hoặc bằng tài sản khác phù hợp quy định pháp luật,
- HĐQT quyết định cụ thể phương án chi trả cổ tức, thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền



nhận cổ tức phù hợp với nghị quyết của ĐHĐCĐ trên cơ sở phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- HĐQT có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của MB và phù hợp với quy định của pháp luật.

Bảng 26: Tỷ lệ trả cổ tức trong những năm gần đây

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Tỷ lệ trả cổ tức	20% (trong đó tỷ lệ chi cổ tức bằng cổ phiếu 15% và tỷ lệ chi cổ tức bằng tiền 5%)	35% (trong đó tỷ lệ chi cổ tức bằng cổ phiếu 32% và tỷ lệ chi cổ tức bằng tiền mặt 3%)	25% (trong đó tỷ lệ chia cổ tức bằng cổ phiếu 15% và tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền 10%)
Tình trạng	Đã hoàn thành chi trả	Đã hoàn thành chi trả	Đã hoàn thành chi trả 10% cổ tức bằng tiền. Dự kiến chi trả cổ tức bằng cổ phiếu 15% trong năm 2026

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân đội

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

13.1. Thông tin về đợt chào bán chứng khoán gần nhất

Đợt chào bán chứng khoán ra công chúng gần nhất của MB là đợt chào bán trái phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/6/2024, theo đó, MB đã phát hành 3 mã trái phiếu, cụ thể như sau:

TT	Tên trái phiếu	Mã trái phiếu đăng ký tại VSDC	Giá trị theo mệnh giá (VND)	Ngày phát hành	Ngày mua lại toàn bộ
1	Trái phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội (MBBH2430001)	MBB124017	395.102.800.000	15/07/2024	15/07/2025
2	Trái phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội (MBBH2430002)	MBB124022	2.259.450.800.000	30/10/2024	30/10/2025
3	Trái phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội (MBBH2430003)	MBB125008	2.198.563.200.000	05/03/2025	05/03/2026

MB đã hoàn thành mua lại toàn bộ số trái phiếu nêu trên. Do đó, tại thời điểm triển khai hồ sơ chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo hình thức phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu, các trái phiếu nêu trên không còn lưu hành.

13.2. Tóm tắt tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng gần nhất:

Việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu nêu trên đã được phản ánh tại Báo cáo kiểm toán sử dụng vốn từ đợt Phát hành trái phiếu ra công chúng do Công ty TNHH kiểm toán và Tư vấn UHY thực hiện. Thông tin về tình hình sử dụng vốn từ các đợt phát hành trái phiếu ra công chúng đối với các mã trái phiếu MBBH2430001, MBBH2430002, MBBH2430003 như sau:

Mã trái phiếu	Phương án sử dụng số tiền thu được	Số tiền thu thực tế	Số tiền thực tế sử dụng	Chênh lệch
MBBH2430001	Cho vay đối với khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức có nhu cầu vay vốn tại Tổ Chức Phát Hành	395.102.800.000	395.102.800.000	0
MBBH2430002	Cho vay đối với khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức có nhu cầu vay vốn tại Tổ Chức Phát Hành	2.259.450.800.000	2.259.450.800.000	0
MBBH2430003	Cho vay đối với khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức có nhu cầu vay vốn tại Tổ Chức Phát Hành	2.198.563.200.000	2.198.563.200.000	0
	Tổng cộng	4.853.116.800.000	4.853.116.800.000	0

Nguồn: Báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng đối với các mã trái phiếu MBBH2430001, MBBH2430002, MBBH2430003 của Ngân hàng TMCP Quân Đội

Ý kiến của Công ty TNHH kiểm toán và Tư vấn UHY đối với Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ các đợt phát hành trái phiếu ra công chúng đối với các mã trái phiếu MBBH2430001, MBBH2430002, MBBH2430003 như sau:

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ việc phát hành trái phiếu ra công chúng của các Đợt năm 2024 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội đã được lập và trình bày, xét trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với “Cơ sở trình bày Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu” như mô tả tại Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức Phát Hành

Thông tin về các loại trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn của Tổ Chức Phát Hành

Tính đến thời điểm ngày 30/06/2026, Tổ Chức Phát Hành có các trái phiếu đã được phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán, chi tiết như sau:

Tổng dư nợ trái phiếu đang lưu hành (theo mệnh giá): 42.020.000 triệu đồng, trong đó:

- Trái phiếu tăng vốn cấp 2: 23.220.000 triệu đồng,
- Trái phiếu trung hạn: 18.800.000 triệu đồng.

(Chi tiết danh sách trái phiếu đang lưu hành theo bảng 3 điều 8.3. mục IV)

Đối với các trái phiếu chưa đáo hạn này, MB đã và đang thực hiện theo đúng các cam kết và nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành trái phiếu, bảo đảm thanh toán đầy đủ, chính xác và đúng hạn đối với tiền gốc, lãi trái phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới trái phiếu (nếu có) cho nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện trái phiếu, bảo đảm quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác, phù hợp với quy định của pháp luật.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Các nghĩa vụ tiềm ẩn và các cam kết khác của MB trong 2 năm liền trước như được trình bày ở bảng sau:

Bảng 27: Nghĩa vụ tiềm ẩn và cam kết khác của MB

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Hợp nhất			Riêng lẻ		
	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng năm 2026	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng năm 2026
I. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn						
1. Bảo lãnh vay vốn	238.395	1.684.717	1.690.753	238.395	1.684.717	1.690.753
2. Cam kết giao dịch ngoại hối	263.133.210	618.888.427	697.041.592	263.133.210	616.888.427	697.041.592
3. Cam kết trong nghiệp vụ L/C	29.138.440	59.728.018	77.029.906	29.138.440	59.722.523	76.572.639
4. Bảo lãnh khác	135.649.614	190.317.517	208.475.133	135.544.405	190.104.216	208.311.548
II. Cam kết đưa ra						
Cam kết khác	72.142.229	127.878.633	106.250.017	72.142.469	126.935.262	105.673.338

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025 và quý II năm 2026 (hợp nhất và riêng lẻ)

16. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Tính đến thời điểm của Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 28: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của MB năm 2024, 2025 và 6 tháng năm 2026 - Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm 2025/2024	6 tháng năm 2026
Tổng giá trị tài sản	1.128.801.062	1.615.763.927	43,14%	1.733.012.662
Thu nhập lãi thuần	41.152.219	51.610.117	25,41%	31.806.771
Tổng thu nhập hoạt động	55.413.222	67.693.015	22,16%	37.864.520
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	38.405.972	48.011.862	25,01%	27.890.159
Lợi nhuận trước thuế	28.829.328	34.268.358	18,87%	20.188.258
Lợi nhuận sau thuế	22.951.264	27.382.978	19,31%	16.148.193
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (*)	47,8%	103,2%		
Tỷ lệ cổ tức (*)	20%	35%		

Ghi chú: (*)Số liệu MB riêng lẻ

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất quý II năm 2026

Bảng 29: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh năm 2024, 2025 và 6 tháng năm 2026 - Riêng lẻ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm 2025/2024	6 tháng năm 2026
Tổng giá trị tài sản	1.067.158.251	1.528.579.205	43,24%	1.653.964.289
Thu nhập lãi thuần	34.302.435	42.779.151	24,71%	26.876.309
Tổng thu nhập hoạt động	47.294.707	58.764.641	24,25%	32.681.039
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	34.130.765	43.458.363	27,33%	24.780.407
Lợi nhuận trước thuế	27.639.316	33.889.368	22,61%	19.288.228
Lợi nhuận sau thuế	22.195.364	27.329.888	23,13%	15.585.226
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	47,8%	103,2%		
Tỷ lệ cổ tức	20%	35%		

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng quý II năm 2026

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2025, tổng giá trị tài sản của MB đạt 1.615.763.927 triệu đồng, tăng 43,14% so với thời điểm 31/12/2024. Lợi nhuận trước thuế của MB (hợp nhất) năm 2025 đạt 34.268.358 triệu đồng, tăng trưởng 18,87% so với năm 2024, thu nhập lãi thuần tăng trưởng 25,41%, chi lãi giảm nhờ tận dụng tốt nguồn vốn Casa.

Hoạt động kinh doanh riêng của ngân hàng cũng đạt kết quả tích cực. Tổng thu nhập hoạt động riêng lẻ của MB năm 2025 đạt 58.764.641 triệu đồng, tăng 24,25% so với năm 2024. Lợi nhuận

sau thuế 2025 đạt 27.329.888 triệu đồng, tăng 23,13% so với cùng kỳ năm 2024. Kết quả kinh doanh tích cực năm 2025 của MB là nhờ hoạt động quản lý danh mục sinh lời hiệu quả, tối ưu chi phí vốn đến từ việc tỷ lệ CASA cao (top đầu toàn hệ thống).

❖ **Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với các chỉ tiêu tài chính: Không có.**

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của

1.2.1. Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành trong 02 năm liên tục liên trước năm đăng ký chào bán

❖ **Thuận lợi:**

- Mặc dù môi trường quốc tế có nhiều bất ổn nhưng Việt Nam vẫn đạt được các chỉ tiêu vĩ mô tích cực. Các chỉ số căn bản được cải thiện rõ nét so với 10 năm trước. Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và kiều hối tăng trưởng. Mặc dù tỷ giá và lãi suất có tăng trên bình diện chung nhưng vẫn trong tầm kiểm soát của chính phủ.
- Chính phủ triển khai các chính sách thúc đẩy tăng trưởng, cải cách cơ cấu và thu hút đầu tư, đồng thời, nâng cao niềm tin của doanh nghiệp và nhà đầu tư trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, thu nhập người dân dự kiến tiếp tục cải thiện, thị trường lao động ổn định hơn sẽ thúc đẩy tiêu dùng cuối cùng. Ngoài ra, đầu tư công đặc biệt trong lĩnh vực hạ tầng giao thông, năng lượng và chuyển đổi số, tiếp tục đóng vai trò dẫn dắt, tạo hiệu ứng lan tỏa cho khu vực tư nhân và toàn nền kinh tế Việt Nam.
- Ngân hàng Nhà nước sẽ tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ một cách chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách khác, đảm bảo an toàn và thanh khoản của hệ thống, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế, tạo động lực để phát triển nhanh và bền vững.
- MB là một ngân hàng với 31 năm phát triển có uy tín với mạng lưới rộng lớn và hoạt động hiệu quả trong nhiều năm qua. Với chiến lược rõ ràng hướng tới trở thành một "Doanh nghiệp số, Tập đoàn tài chính dẫn đầu" dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và triển khai của Ban điều hành, đồng thời được sự ủng hộ của các cơ quan quản lý nhà nước, MB luôn duy trì tốc độ tăng trưởng cao hơn thị trường 1,2 đến 1,5 lần tùy từng chỉ tiêu. Bên cạnh đó, công tác quản trị rủi ro luôn được chú trọng, với tỷ lệ nợ xấu ở mức quanh 1% trong nhiều năm qua và tỷ lệ bao phủ nợ xấu luôn đạt mức gần 100%, có những thời điểm trên 300%.
- Kết thúc 30/06/2026, giá trị vốn hóa của MB đạt 203 nghìn tỷ, đứng thứ 6 trong ngành. Giá cổ phiếu MBB trong giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/06/2026 đã tăng 814%, cao gấp 4,5 lần mức tăng trưởng của VNIndex (180%) và đứng số 1 về mức tăng trưởng vốn hóa tính từ tháng 01/2017 tới 30/06/2026.

❖ **Khó khăn**

- Môi trường kinh tế vĩ mô còn nhiều biến số phức tạp, căng thẳng địa chính trị, lạm phát và lãi suất tăng mạnh tại nhiều quốc gia. Rào cản thương mại mới: Xu hướng áp thuế và các biện pháp bảo hộ thương mại từ Mỹ có thể ảnh hưởng gián tiếp đến xuất khẩu.
- Ở cấp độ vi mô, suy giảm lòng tin của nhà đầu tư và người dân ảnh hưởng đáng kể đến một số lĩnh vực kinh doanh nhất định như nghiệp vụ ngân hàng đầu tư. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 với trọng tâm là trí tuệ nhân tạo AI tiếp tục diễn ra mạnh mẽ, tác động sâu vào đời sống xã hội, tạo ra sự phát triển bùng nổ trên Thế giới là thách thức trong tương lai.

- Mặt bằng lãi suất đang ở mức cao trong khi tín dụng bị thắt chặt theo sự quản lý của NHNN sẽ hạn chế không gian tăng trưởng của MB.

1.2.2. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất, trường hợp không có cần nêu rõ.

Không có

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Ngân hàng luôn sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng.

Bảng 30: Cơ cấu vốn kinh doanh - Riêng lẻ

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Vốn chủ sở hữu	107.551.762	130.639.656	143.767.651
Vốn điều lệ	53.063.241	80.549.999	80.549.999
Thặng dư vốn cổ phần	1.304.334	1.304.334	1.304.334
Vốn khác	-	-	-
Quỹ của Tổ chức Tín dụng	14.703.445	19.079.365	24.823.435
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	38.480.742	29.705.958	37.089.883

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán, BCTC riêng quý II/2026

Bảng 31: Cơ cấu vốn kinh doanh - Hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Vốn chủ sở hữu	117.059.581	142.022.525	156.762.644
Vốn điều lệ	53.063.241	80.549.999	80.549.999
Thặng dư vốn cổ phần	1.304.334	1.304.334	1.304.334
Vốn khác	1.928.258	2.111.211	2.111.211
Quỹ của Tổ chức Tín dụng	14.996.847	19.390.884	25.147.692
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	137.797	202.211	202.898
Lợi nhuận chưa phân phối	40.718.224	32.577.391	40.020.849
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	4.910.880	5.886.495	7.425.661

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất quý II/2026

2.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá,



hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính:

Bảng 32: Thời gian khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	06-50 năm
Máy móc thiết bị	03-08 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-10 năm
Quyền sử dụng đất	30-50 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	03-08 năm
Phần mềm máy vi tính	03-08 năm
Tài sản cố định vô hình khác	03 năm

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

Ngân hàng luôn thực hiện trích lập khấu hao tài sản theo đúng quy định của Pháp luật.

2.1.3. Mức lương bình quân

Bảng 33: Mức lương bình quân và thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
Mức lương bình quân (Triệu đồng/người/tháng)	20,3	19,4
Thu nhập bình quân (Triệu đồng/người/tháng)	39,4	37,4

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

Ngân hàng có hoạt động trên địa bàn cả nước, do vậy, so sánh mức lương bình quân với một số ngân hàng khác tại Việt Nam như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng/người/tháng

Năm	Năm 2025		Năm 2024	
Chỉ tiêu	Lương bình quân	Thu nhập bình quân	Lương bình quân	Thu nhập bình quân
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (TCB)	39	48	42	49
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (CTG)	44,4	45,4	37,4	38,0
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)	37,7	41,2	27,7	31,1
Ngân hàng TMCP Quân đội (MBB)	20,3	39,4	19,4	37,4
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	14,1	37,6	13,9	38,1
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	23,3	35,8	22,3	32,9

Nguồn: MB tổng hợp dựa vào số liệu BCTC năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán của các ngân hàng công bố thông tin

2.1.4. Tình hình công nợ

2.1.4.1. Công nợ phải thu, phải trả

PL

MB thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản công nợ phải thu, phải trả và bảo đảm tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Chi tiết tình hình công nợ phải thu và phải trả như sau:

Bảng 34: Tình hình công nợ các khoản phải thu – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Các khoản phải thu	14.360.628	28.125.764	25.431.187
Các khoản lãi, phí phải thu	8.918.622	13.549.018	16.654.128
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải thu	38.912	34.339	44.326
Tài sản có khác	5.873.749	7.894.091	8.297.454
Các khoản dự phòng rủi ro khác	(193.424)	(71.730)	(73.454)
Tổng cộng	28.998.487	49.531.482	50.353.641

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất quý II năm 2026

Bảng 35: Tình hình công nợ các khoản phải thu – Riêng lẻ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Các khoản phải thu	9.194.616	22.847.390	20.526.994
Các khoản lãi, phí phải thu	7.793.412	12.035.745	14.887.839
Tài sản có khác	1.786.172	2.960.510	2.995.923
Các khoản dự phòng rủi ro khác	(39.258)	(24.968)	(17.668)
Tổng cộng	18.734.942	37.818.677	38.393.088

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng quý II năm 2026

Bảng 36: Tình hình công nợ các khoản phải trả - Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Các khoản lãi, phí phải trả	9.899.902	13.245.868	19.237.642
Các khoản phải trả và công nợ khác	37.411.147	51.785.481	48.645.739
Dự phòng các khoản nợ khác	1.052	2.188	5.579



Tổng cộng	47.312.101	65.033.537	67.888.960
-----------	------------	------------	------------

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất quý II năm 2026

Bảng 37: Tình hình công nợ các khoản phải trả - Riêng lẻ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Các khoản lãi, phí phải trả	9.819.589	12.817.185	18.905.463
Các khoản phải trả và công nợ khác	15.613.160	24.122.612	18.010.585
Tổng cộng	25.432.749	36.939.797	36.916.048

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng quý II năm 2026

Trái phiếu chưa đáo hạn:

Các trái phiếu chưa đáo hạn của MB được liệt kê đầy đủ theo thông tin tại Bảng 3 điều 8.3 mục IV của Bản Cáo Bạch này.

Đối với các trái phiếu chưa đáo hạn tại Bảng 3, MB đã và đang thực hiện theo đúng các cam kết và nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành trái phiếu, bảo đảm thanh toán đầy đủ, chính xác và đúng hạn đối với tiền gốc, lãi trái phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới trái phiếu (nếu có) cho nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện của trái phiếu, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác, phù hợp với quy định của pháp luật.

2.1.4.2. Các khoản phải trả theo luật định

Ngân hàng TMCP Quân đội nghiêm chỉnh thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước cũng như các chính sách có liên quan đến người lao động và luôn hoàn thành đầy đủ tất cả nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước. Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định tại ngày 31/12/2024, 31/12/2025 và 31/03/2026 như sau:

Bảng 38: Chi tiết các khoản phải trả theo luật định - Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

STT	Các loại thuế	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.200.018	3.897.818	2.125.588
2	Thuế giá trị gia tăng	118.529	175.047	155.672
3	Các loại thuế khác	255.662	145.394	146.872
Tổng cộng		3.574.209	4.218.259	2.428.132

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất quý II năm 2026

Bảng 39: Chi tiết các khoản phải trả theo luật định - Riêng lẻ

Đơn vị: triệu đồng

STT	Các loại thuế	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.962.754	3.543.524	1.922.947
2	Thuế giá trị gia tăng	59.270	106.982	81.423
3	Các loại thuế khác	194.826	75.179	105.361
Tổng cộng		3.216.850	3.725.685	2.109.731

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng quý II năm 2026

2.1.4.3. Các quỹ sau trích lập theo quy định

Các quỹ được sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng dựa trên các tỷ lệ quy định tại Luật tổ chức tín dụng và Nghị định số 135/2025/NĐ-CP, các quy định hiện hành và theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 10% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá vốn điều lệ của Ngân hàng;
- Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- Các quỹ khác: trích theo quy định hiện hành và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Bảng 40: Các quỹ trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

TT	Các loại quỹ	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
1	Quỹ dự phòng tài chính	9.294.156	11.513.914	13.973.516
2	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	4.735.002	6.972.588	9.718.408
3	Quỹ khác	967.689	904.382	1.455.768
Tổng cộng		14.996.847	19.390.884	25.147.692

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất quý II năm 2026

Bảng 41: Các quỹ trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng – Riêng lẻ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Các loại quỹ	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
1	Quỹ dự phòng tài chính	9.158.715	11.378.251	13.837.941
2	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	4.586.757	6.806.293	9.539.282
3	Quỹ khác	957.973	894.821	1.446.212

12

TT	Các loại quỹ	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
	Tổng cộng	14.703.445	19.079.365	24.823.435

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng lẻ quý II năm 2026

2.1.4.4. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất (31/12/2025)

Không có.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

2.2.1. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 42: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Hợp nhất

Nội dung	Đơn vị tính	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
1. Chỉ tiêu về vốn				
Vốn điều lệ	triệu đồng	53.063.241	80.549.999	80.549.999
Vốn tự có	triệu đồng	126.802.913	157.901.461	174.049.914
Tỷ lệ an toàn vốn	%	11,76	11,02	10,73 (*)
2. Chỉ tiêu về chất lượng tài sản				
Tỷ lệ nợ quá hạn	%	3,19	2,24	2,43
Tỷ lệ nợ xấu	%	1,62	1,29	1,45
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	69,9	68,1	72,0
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	97	96,8	96,9
3. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (**)				
Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	12,47	12,48	11,12
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	26,92	25,69	27,51
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	%	81,08	79,47	82,80
4. Chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh				
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	26,97	26,45	27,03
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,78	2,50	2,41
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	4,18	3,88	3,92
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA)	%	2,21	2,00	1,93
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	21,5	21,1	21,6
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng/cổ phần	2.589	3.325	1.955
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	7,88	9,72	9,28
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	15,15	19,20	17,41

Ghi chú: (*) Số liệu tại ngày 31/03/2026

(**) Số liệu MB riêng lẻ theo quy định của NHNN.

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và Báo cáo công bố thông tin tỷ lệ an toàn vốn tại ngày 31/12/2024, tại ngày 31/12/2025

Bảng 43: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Riêng lẻ



Nội dung	Đơn vị tính	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
1. Chỉ tiêu về vốn				
Vốn điều lệ	triệu đồng	53.063.241	80.549.999	80.549.999
Vốn tự có	triệu đồng	118.817.208	149.487.072	162.208.232
Tỷ lệ an toàn vốn	%	11,74	11,11	10,85 (*)
2. Chỉ tiêu về chất lượng tài sản				
Tỷ lệ nợ quá hạn	%	2,32	1,67	1,97
Tỷ lệ nợ xấu	%	1,43	1,13	1,31
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	69,1	67,6	71,2
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	97,1	96,9	96,9
3. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	12,47	12,48	11,12
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	26,92	25,69	27,51
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	%	81,08	79,47	82,80
4. Chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh				
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	28,18	28,46	28,12
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,81	2,61	2,42
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	3,67	3,40	3,49
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA)	%	2,25	2,11	1,96
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	22,6	22,9	22,7
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng/cổ phần			
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	6,39	8,26	8,74
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	10,94	14,32	14,81

Ghi chú: (*) Số liệu tại ngày 31/03/2026

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và Báo cáo công bố thông tin tỷ lệ an toàn vốn tại ngày 31/12/2024, tại ngày 31/12/2025

❖ Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có

2.2.2. Ý kiến của Tổ chức Kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ Chức Phát Hành

❖ Ý kiến của Công ty TNHH KPMG đối với báo cáo tài chính riêng năm 2024 tại Báo cáo kiểm toán số 24-02-00089-25-5 ngày 15/3/2025:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân



đội tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Ngân hàng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

❖ Ý kiến của Công ty TNHH KPMG đối với báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 tại Báo cáo kiểm toán số 24-02-00089-25-6 ngày 15/3/2025:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

❖ Ý kiến của Công ty TNHH KPMG đối với báo cáo tài chính riêng năm 2025 tại Báo cáo kiểm toán số 25-02-00061-26-6 ngày 15/3/2025:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Ngân hàng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

❖ Ý kiến của Công ty TNHH KPMG đối với báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 tại Báo cáo kiểm toán số 25-02-00061-26-7 ngày 15/3/2025:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính..”

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]



3. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Bảng 44: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2026

Chỉ tiêu	Thực hiện hợp nhất năm 2025	KH năm 2026	% tăng/giảm KH 2026 so với năm 2025
Tổng tài sản (Tỷ đồng)	1.615.764	Tăng trưởng ~ 28%	Tăng trưởng ~ 28%
Huy động vốn (Tỷ đồng)	1.062.198	Tăng trưởng ~ 30%	Tăng trưởng ~ 30%
Tín dụng (Tỷ đồng)	1.109.895	~ 30% (Theo giới hạn NHNN)	~ 30% (Theo giới hạn NHNN)
Tỷ lệ nợ xấu	1,29%	≤1,5%	
Lợi nhuận trước thuế (Tỷ đồng)	34.268	Tăng trưởng ~ 15%	Tăng trưởng ~ 15%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	25%	15 – 20%	

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân đội

❖ Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2026:

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2026 của MB đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

❖ Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và tỷ lệ chia lợi nhuận/cổ tức nêu trên:

Cơ sở để HĐQT của công ty đưa ra kế hoạch kinh doanh này như sau:

Trên cơ sở mục tiêu chiến lược giai đoạn 2022 – 2026 đã được HĐQT phê duyệt, đi kèm với các dự báo về điều kiện kinh tế vĩ mô, chính sách của Chính Phủ, NHNN và các nhiệm vụ kinh doanh trọng tâm năm 2026 như:

- Điều hành tăng trưởng quy mô đi kèm với tăng trưởng doanh thu, kiểm soát chi phí và nợ xấu.
- Triển khai quyết liệt, thực chất Sáng kiến chiến lược 2022-2026, hiệp lực tập đoàn nhằm khai thác toàn diện hệ sinh thái. Số hóa toàn diện công ty thành viên, đẩy mạnh chuyển đổi số vào sản phẩm dịch vụ, khách hàng và năng suất lao động.
- Tiếp tục kiện toàn các nền tảng trụ cột khung phát triển bền vững theo thông lệ quốc tế ESG, duy trì tỷ trọng xanh ~8-10% quy mô tín dụng toàn hàng, chủ trương cho vay những dự án mang lại lợi ích cho môi trường và xã hội, đóng góp vào mục tiêu phát triển bền vững quốc gia và quốc tế.
- Thu hút khách hàng hiệu quả/ chất lượng, tận dụng cơ hội mở rộng quy mô thị phần thông qua các mô hình kinh doanh mới. Thúc đẩy doanh thu từ kênh số đóng góp 60% tổng doanh thu.
- Tăng tốc đưa sản phẩm mới ra thị trường và phát triển dựa trên sự hiểu biết về khách hàng. Tiếp tục đầu tư mạnh mẽ cho các dự án AI nhằm nâng cao năng suất lao động của ngân hàng tăng tối thiểu 10%, phấn đấu đạt 20%/năm.
- Tăng trưởng tín dụng theo phê duyệt của NHNN, kiên định với mục tiêu chuyển dịch cơ cấu cho vay sang bán lẻ, phấn đấu gia tăng tỷ trọng cho các phân khúc khách hàng cá nhân/ SME siêu nhỏ thêm 1,5 – 3%/năm.
- Trọng tâm tăng trưởng huy động vốn bền vững nhằm hỗ trợ tốc độ tăng trưởng quy mô cao, đảm bảo thanh khoản và tuân thủ các giới hạn an toàn theo quy định của NHNN. Duy trì vị

thể dẫn đầu thị trường về tỷ lệ CASA, tận dụng nguồn vốn giá rẻ nhằm tối ưu chi phí vốn.

- Kiểm soát chất lượng tín dụng (NPL), triển khai các giải pháp QTRR hiệu quả hướng đến cải thiện chất lượng tài sản, tối ưu chi phí dự phòng. Quản lý hiệu quả chi phí hoạt động, tỷ lệ chi phí trên doanh thu hoạt động (CIR) ở mức $\leq 28\%$.
- Nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả hoạt động mạng lưới theo hướng đa kênh, thuận tiện, tinh gọn; ưu tiên tăng thị phần, tối ưu năng suất lao động.
- Cùng cố văn hóa doanh nghiệp đoàn kết, kỷ luật đi đôi với đổi mới sáng tạo và tư duy "lấy Khách hàng làm trung tâm" trong mọi quyết định. Phát triển nguồn nhân lực, chú trọng đào tạo theo khung năng lực tiêu chuẩn, lựa chọn ưu tiên nhân sự cho các dự án chiến lược/công việc tác động đến hệ thống.

❖ **Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận.**

Với tư cách là một tổ chức tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng, Công ty cổ phần Chứng khoán MB đã tiến hành thu thập các thông tin, nghiên cứu, phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Quân Đội cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Tổ Chức Phát Hành đang hoạt động, chúng tôi nhận thấy hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Quân Đội ổn định và có tiềm năng phát triển. Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của Tổ Chức Phát Hành được xây dựng trên cơ sở các dự báo về kinh tế vĩ mô, ngành ngân hàng nói chung và các dự báo về rủi ro tiềm ẩn, cũng như thực trạng và triển vọng kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành nói riêng. Trên cơ sở các kết quả kinh doanh tích cực mà Tổ Chức Phát Hành đã đạt được cũng như tình hình tài chính khả quan hiện nay thì có thể thấy kế hoạch kinh doanh, doanh thu/thu nhập và lợi nhuận mà MB đã đề ra trong năm 2026 là khả thi nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của ngân hàng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và các nguyên tắc, phương pháp phân tích tài chính, không hàm ý bảo đảm về giá trị của chứng khoán cũng như việc thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch hoặc các số liệu dự báo của Ngân hàng. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư, các nhà đầu tư cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng khi tự mình ra quyết định đầu tư vào cổ phiếu của MB.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Tổ Chức Phát Hành không có cổ đông sáng lập đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng.

2. Thông tin về cổ đông lớn

2.1. Danh sách cổ đông lớn nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ MB tại thời điểm 30/06/2026

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Bảng 45: Danh sách cổ đông lớn nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổ Chức Phát Hành

TT	Tên cổ đông	Năm thành lập	Số ĐKDN	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Người đại diện theo pháp luật	Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ Chức Phát Hành	Sở hữu của cổ đông lớn tại thời điểm 30/06/2026		Sở hữu của cổ đông lớn tại thời điểm sau đợt phát hành		Lợi ích liên quan	
								Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L	đối với Tổ Chức Phát Hành	tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành
1	Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	1989	0300514849	722 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, Hồ Chí Minh	10.096,237	Ông Ngô Minh Thuận-Chủ tịch, Tổng giám đốc	Bà Hoàng Thị Thu Hiền	570.727.399	7,085%	627.800.138	7,085%	Không	Không
2	Tổng Công ty trực thăng Việt Nam - Công ty TNHH và Chi nhánh	1996						679.074.898	8,430%	746.982.387	8,430%	Không	Không
2.1	Tổng Công ty trực thăng Việt Nam - Công ty TNHH		0100107966	Số 172 đường Trường Chinh, Phường Kim Liên, Hà Nội	3.953	Ông Kiều Đặng Hùng-Chủ tịch, Tổng giám đốc	Ông Vũ Xuân Nam	648.428.348	8,050%	713.271.182	8,050%	Không	Không
2.2	Chi nhánh Tổng công ty Trực thăng Việt Nam- Công ty trách nhiệm hữu hạn -Công ty Trực thăng Miền Nam		0100107966-006	36 Đường 30/4, P9, TP Vũng Tàu				30.646.550	0,380 %	33.711.205	0,380 %	Không	Không
3	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước - Công ty TNHH (SCIC)	2006	0101992921	Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Hà Nội	50.000	Ông Nguyễn Quốc Huy- TV HĐQT, Tổng giám đốc	Ông Nguyễn Anh Tùng	791.523.642	9,826%	870.676.006	9,826%	Không	Không
4	Tập đoàn Công nghiệp-Viên thông Quân đội	1989	0100109106	Lô D26 khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội	159.230	Ông Tào Đức Thắng - Tổng giám đốc	Bà Nguyễn Thị Hải Lý và ông Nguyễn Việt Quân	1.184.249.466	14,702%	1.302.674.412	14,702%	Không	Không
	Tổng cộng							3.225.575.405	40,044%	3.548.132.943	40,044%		

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 30/06/2026 của MB



2.2. Danh sách người có liên quan của cổ đông lớn

Bảng 46: Danh sách người có liên quan của cổ đông lớn

TT	Tên người có liên quan	Cổ đông lớn có liên quan	Mối quan hệ với cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 30/06/2026 (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL hiện tại (%)	Số cổ phiếu dự kiến sở hữu sau đợt phát hành (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu dự kiến/VĐL dự kiến sau đợt phát hành (%)	Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành	Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành
1	Ngô Minh Thuận	Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (SNP)	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc TCT	328.253	0,0040751%	361.078	0,0040751%	Không có	Không có
2	Nguyễn Năng Toàn	SNP	Phó TGD	1.761	0,0000219%	1.937	0,0000219%	Không có	Không có
3	Phùng Ngọc Minh	SNP	Phó TGD	29.282	0,0003635%	32.210	0,0003635%	Không có	Không có
4	Trịnh Văn Mọi	SNP	Bố vợ ông Nguyễn Năng Toàn-PTGD	63.573	0,0007892%	69.930	0,0007892%	Không có	Không có
5	Nguyễn Năng Hải An	SNP	Con trai ông Nguyễn Năng Toàn-PTGD	100	0,0000012%	110	0,0000012%	Không có	Không có
6	Nguyễn Thị Mai Lý	SNP	Em ruột ông Nguyễn Năng Toàn-PTGD	23	0,0000003%	25	0,0000003%	Không có	Không có
7	Phạm Thúy Oanh	SNP	Vợ ông Phùng Ngọc Minh-PTGD	9.000	0,0001117%	9.900	0,0001117%	Không có	Không có
8	Phạm Thị Sáu	SNP	Vợ ông Nguyễn Thanh Trúc-PTGD	73	0,0000009%	80	0,0000009%	Không có	Không có
9	Nguyễn Lê Sơn	SNP	Anh ruột ông Nguyễn Phương Nam-PTGD	20.000	0,0002483%	22.000	0,0002483%	Không có	Không có
10	Nguyễn Bích Thủy	SNP	Vợ ông Nguyễn Khắc Thủy-Kiểm soát viên	7.700	0,0000956%	8.470	0,0000956%	Không có	Không có
11	Nguyễn Thị Thu	SNP	Em ruột ông Nguyễn Khắc Thủy-Kiểm soát viên	1.196	0,0000148%	1.315	0,0000148%	Không có	Không có
12	Nguyễn Thị Thanh	SNP	Em ruột ông Nguyễn Khắc Thủy-Kiểm soát viên	5.108	0,0000634%	5.618	0,0000634%	Không có	Không có
13	Hoàng Thị Thu Hiền	SNP	Đại diện vốn của SNP tại MB và Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng	100	0,0000012%	110	0,0000012%	Hưởng thù lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đã thông qua	Không có

TT	Tên người có liên quan	Cổ đông lớn có liên quan	Mối quan hệ với cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 30/06/2026 (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL hiện tại (%)	Số cổ phiếu dự kiến sở hữu sau đợt phát hành (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu dự kiến sau đợt phát hành (%)	Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành	Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành
14	Lê Tiến Chung	SNP	Đại diện vốn của SNP tại Công ty CP Xây dựng công trình Tân Cảng	639	0,0000079%	702	0,0000079%	Không có	Không có
15	Trần Văn Cường	SNP	Đại diện vốn của SNP tại Công ty CP Tân Cảng - Cái Mép	12.650	0,0001570%	13.915	0,0001570%	Không có	Không có
16	Vũ Ngọc Hương	SNP	Đại diện vốn của SNP tại Công ty Cổ phần Đại lý giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng	20.000	0,0002483%	22.000	0,0002483%	Không có	Không có
17	Hoàng Đức Thịnh	SNP	Đại diện vốn của SNP tại Công ty CP Đại lý giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng	60.000	0,0007449%	66.000	0,0007449%	Không có	Không có
18	Đỗ Xuân Minh	SNP	Đại diện vốn của SNP tại Công ty CP Vận tải thủy Tân Cảng	160.000	0,0019863%	176.000	0,0019863%	Không có	Không có
19	Ngô Văn Ngự	SNP	Đại diện vốn của SNP tại Công ty CP Kho vận Tân Cảng	18.596	0,0002309%	20.455	0,0002309%	Không có	Không có
20	Trần Quang Thảo	SNP	Đại diện vốn của SNP tại Công ty CP Kho vận Tân Cảng và Công ty CP Dịch vụ biển Tân Cảng	870.287	0,0108043%	957.315	0,0108043%	Không có	Không có
21	Bùi Hải Dương	SNP	Đại diện vốn của SNP tại Công ty CP Tân Cảng - Tây Ninh	10.000	0,0001241%	11.000	0,0001241%	Không có	Không có
22	Nguyễn Văn Hòa	SNP	Đại diện vốn của SNP tại Công ty CP Tân Cảng - 189 Hải Phòng	170.302	0,0021142%	187.332	0,0021142%	Không có	Không có
23	Nguyễn Thị Thu Trang	SNP	Đại diện vốn của SNP tại Công ty TNHH Phát triển nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	59.388	0,0007373%	65.326	0,0007373%	Không có	Không có



TT	Tên người có liên quan	Cổ đông lớn có liên quan	Mối quan hệ với cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 30/06/2026 (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL hiện tại (%)	Số cổ phiếu dự kiến sở hữu sau đợt phát hành (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu dự kiến sau đợt phát hành (%)	Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành	Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành
24	Công ty cổ phần đầu tư thương mại Hải Âu	Tổng công ty trực thăng Việt Nam- Công ty TNHH (VNH)	Công ty con	2.768.020	0,0343640%	3.044.822	0,0343640%	Không có	Không có
25	Kiều Đăng Hùng	VNH	Chủ tịch- kiêm Tổng giám đốc	328.223	0,0040748%	361.045	0,0040748%	Không có	Không có
26	Nguyễn Văn Tường	VNH	Phó Tổng giám đốc	40.129	0,0004982%	44.141	0,0004982%	Không có	Không có
27	Đào Thị Tuyết Nhung	VNH	Kiểm soát viên	12.055	0,0001497%	13.260	0,0001497%	Không có	Không có
28	Vũ Sỹ Dũng	VNH	Kế toán trưởng	2	0,0000000%	2	0,0000000%	Không có	Không có
29	Nguyễn Kim Lan	VNH	Vợ ông Kiều Đăng Hùng- Chủ tịch- TGD	488	0,0000061%	536	0,0000060%	Không có	Không có
30	Mai Thị Thanh Nga	VNH	Vợ ông Lương Mạnh Quân- Phó TGD	3.351	0,0000416%	3.686	0,0000416%	Không có	Không có
31	Đào Thị Tuyết Hoa	VNH	Em gái bà Đào Thị Tuyết Nhung- Kiểm soát viên	93	0,0000012%	102	0,0000012%	Không có	Không có
32	Nguyễn Thanh Hà	VNH	Em rể bà Đào Thị Tuyết Nhung- Kiểm soát viên	100	0,0000012%	110	0,0000012%	Không có	Không có
33	Vũ Xuân Nam	VNH	Đại diện vốn góp của VNH tại MB	100	0,0000012%	110	0,0000012%	Hưởng thù lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đã thông qua	Không có
34	Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và xuất nhập khẩu Viettel	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (VIETTEL)	Công ty con	346.407.743	4,3005307%	381.048.517	4,3005307%	Không có	Không có
35	Đỗ Minh Phương	VIETTEL	Phó tổng giám đốc	113.147	0,0014047%	124.461	0,0014047%	Không có	Không có
36	Tào Lê Đan Chi	VIETTEL	Con gái ông Tào Đức Thắng- TGD	2.000	0,0000248%	2.200	0,0000248%	Không có	Không có
37	Tào Thị Thu	VIETTEL	Chị gái Ông Tào Đức Thắng- TGD	97	0,0000012%	106	0,0000012%	Không có	Không có
38	Nguyễn Thu Phương	VIETTEL	Chị ruột Ông Nguyễn Đạt Phó TGD	3.000	0,0000372%	3.300	0,0000372%	Không có	Không có

TT	Tên người có liên quan	Cổ đông lớn có liên quan	Mối quan hệ với cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 30/06/2026 (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL hiện tại (%)	Số cổ phiếu dự kiến sở hữu sau đợt phát hành (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu dự kiến/VĐL dự kiến sau đợt phát hành (%)	Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành	Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành
39	Nguyễn Thị Hiền	VIETTEL	Mẹ vợ Ông Cao Anh Sơn-Phó TGĐ	415.978	0,0033015%	457.575	0,0051642%	Không có	Không có
40	Vũ Thị Thu Hà	VIETTEL	Vợ Ông Cao Anh Sơn-Phó TGĐ	265.932	0,0000130%	292.525	0,0033015%	Không có	Không có
41	Cao Kim Oanh	VIETTEL	Em gái Ông Cao Anh Sơn-Phó TGĐ	1.046	0,0000004%	1.150	0,0000130%	Không có	Không có
42	Vũ Thị Minh Hằng	VIETTEL	Em vợ Ông Cao Anh Sơn-Phó TGĐ	32	0,0000017%	35	0,0000004%	Không có	Không có
43	Trịnh Thùy Dương	VIETTEL	Vợ ông Nguyễn Vũ Hà- Phó TGĐ	135	0,0000248%	148	0,0000017%	Không có	Không có
44	Phạm Thị Quỳnh Hoa	VIETTEL	Chị chồng bà Cao Thị Thu Huyền-Trưởng Ban kiểm soát	2.000	0,0000012%	2.200	0,0000248%	Không có	Không có
45	Nguyễn Thị Hương	VIETTEL	Vợ Ông Nguyễn Xuân Trường-Thành viên Ban kiểm soát	100	0,0027492%	110	0,0000012%	Không có	Không có
46	Nguyễn Thị Hải Lý	VIETTEL	Đại diện vốn góp của Viettel tại MB	221.446	0,0012431%	243.590	0,0027492%	Hưởng thù lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHCĐ đã thông qua	Không có
47	Nguyễn Việt Dũng	VIETTEL	Đại diện vốn góp của Viettel TCT CP Bưu chính Viettel	100.135	0,0007889%	110.148	0,0012431%	Không có	Không có
48	Trương Thị Thu Hà	VIETTEL	Đại diện vốn góp của Viettel tại Công ty CP Tư vấn và Dịch vụ Viettel	63.543	0,0008233%	69.897	0,0007889%	Không có	Không có
49	Phạm Anh Đức	VIETTEL	Đại diện vốn góp của Viettel Công ty Viettel Peru S.A.C	66.316	0,0012726%	72.947	0,0008233%	Không có	Không có
50	Nguyễn Chí Thành	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước-Công ty TNHH (SCIC)	Chủ tịch Hội đồng thành viên	102.508	0,0000130%	112.758	0,0051642%	Không có	Không có

TT	Tên người có liên quan	Cổ đông lớn có liên quan	Mối quan hệ với cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 30/06/2026 (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL hiện tại (%)	Số cổ phiếu dự kiến sở hữu sau đợt phát hành (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu dự kiến/ VĐL dự kiến sau đợt phát hành (%)	Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành	Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành
51	Nguyễn Quốc Huy	SCIC	Thành viên Hội đồng thành viên-Tổng giám đốc	5.000	0,0000621%	5.500	0,0000621%	Không có	Không có
52	Nguyễn Thanh Quang	SCIC	Thành viên Hội đồng thành viên	8.000	0,0000993%	8.800	0,0000993%	Không có	Không có
53	Bùi Đức Long	SCIC	Thành viên Hội đồng thành viên	1.980	0,0000246%	2.178	0,0000246%	Không có	Không có
54	Vũ Trí Thúc	SCIC	Phó Tổng Giám đốc	1	0,0000000%	1	0,0000000%	Không có	Không có
55	Lê Minh Trung	SCIC	Kiểm soát viên	5.025	0,0000624%	5.527	0,0000624%	Không có	Không có
56	CTCP Xây dựng và DV CC Bình Dương	SCIC	SCIC sở hữu trên 10% VĐL (SCIC nắm 30% vốn)	2.000	0,0000248%	2.200	0,0000248%	Không có	Không có
57	TCT Cổ phần Bảo Minh	SCIC	SCIC sở hữu trên 10% VĐL (SCIC nắm 50.7% vốn)	328.000	0,0040720%	360.800	0,0040720%	Không có	Không có
58	CTCP tư vấn Biển Việt	SCIC	SCIC sở hữu trên 10% VĐL (SCIC nắm 12.67%)	430.000	0,0053383%	473.000	0,0053383%	Không có	Không có
59	Ngô Thị Bình	SCIC	Vợ ông Đinh Chí Kiên- Thành viên Hội đồng thành viên	22.977	0,0002853%	25.274	0,0002852%	Không có	Không có
60	Bùi Đức Kiên	SCIC	Anh trai Ông Bùi Đức Long- Thành viên Hội đồng thành viên	18.408	0,0002285%	20.248	0,0002285%	Không có	Không có
61	Lý Phương Hằng	SCIC	Chị dâu Ông Bùi Đức Long- Thành viên Hội đồng thành viên	21.000	0,0002607%	23.100	0,0002607%	Không có	Không có
62	Vũ Nguyễn Hoàng Nam	SCIC	Con rể ông Vũ Trí Thúc- Phó TGĐ	1.560	0,0000194%	1.716	0,0000194%	Không có	Không có
63	Lê Minh Kiên	SCIC	Em ruột ông Lê Minh Trung- Kiểm soát viên	459.151	0,0057002%	505.066	0,0057002%	Không có	Không có
64	Nguyễn Tấn Đạt (B)	SCIC	Đại diện vốn của SCIC tại CTCP Xây dựng và Dịch vụ công cộng Bình Dương	500	0,0000062%	550	0,0000062%	Không có	Không có

12

TT	Tên người có liên quan	Cổ đông lớn có liên quan	Mối quan hệ với cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 30/06/2026 (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL hiện tại (%)	Số cổ phiếu dự kiến sở hữu sau đợt phát hành (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu dự kiến/VĐL dự kiến sau đợt phát hành (%)	Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành	Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành
65	Nguyễn Anh Tuấn	SCIC	Đại diện vốn của SCIC tại Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam	10.160	0,0001261%	11.176	0,0001261%	Không có	Không có
66	Nguyễn Quế Lâm	SCIC	Đại diện vốn của SCIC tại CTCP Tư vấn Biển Việt	14.600	0,0001813%	16.060	0,0001813%	Không có	Không có
67	Đàm Thúy Nga	SCIC	Đại diện vốn của SCIC tại Công ty TNHH 2 thành viên Đầu tư thương mại Trảng Tiền	7.000	0,0000869%	7.700	0,0000869%	Không có	Không có
68	Tổng Văn Toàn	SCIC	Đại diện vốn của SCIC tại Tổng công ty tư vấn xây dựng Việt Nam - CTCP (VNCC)	20.000	0,0002483%	22.000	0,0002483%	Không có	Không có
69	Trần Văn Tuấn (B)	SCIC	Đại diện vốn của SCIC tại Tổng công ty Sông Đà - CTCP	7	0,0000001%	7	0,0000001%	Không có	Không có
70	Đặng Quốc Bảo	SCIC	Đại diện vốn của SCIC tại Tổng công ty Sông Đà - CTCP	4.507	0,0000560%	4.957	0,0000559%	Không có	Không có
71	Nguyễn Thị Lương Thanh	SCIC	Đại diện vốn của SCIC tại Tổng công ty Thiết bị y tế Việt Nam - CTCP	30.031	0,0003728%	33.034	0,0003728%	Không có	Không có
72	Trần Thị Thu Trà	SCIC	Đại diện vốn của SCIC tại CTCP Nông sản thực phẩm xuất khẩu Cần Thơ	1	0,00000001%	1	0,00000001%	Không có	Không có
73	Phan Tuấn Linh	SCIC	Đại diện vốn của SCIC tại CTCP Nhiệt điện Phả Lại	14	0,0000002%	15	0,0000002%	Không có	Không có
74	Nguyễn Đắc Dũng	SCIC	Đại diện vốn của SCIC tại CTCP Đầu tư Việt Nam - Oman	25	0,0000003%	27	0,0000003%	Không có	Không có
75	Chu Thế Hoàng	SCIC	Đại diện vốn của SCIC tại CTCP Nhiệt điện Hải Phòng	1	0,00000001%	1	0,00000001%	Không có	Không có

TT	Tên người có liên quan	Cổ đông lớn có liên quan	Mối quan hệ với cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 30/06/2026 (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL hiện tại (%)	Số cổ phiếu dự kiến sở hữu sau đợt phát hành (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu dự kiến/VĐL dự kiến sau đợt phát hành (%)	Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành	Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành
76	Hồng Lệ Vân	SCIC	Đại diện vốn của SCIC tại CTCP Trà Bắc	4.000	0,0000497%	4.400	0,0000497%	Không có	Không có
77	Tổng Quang Vinh	SCIC	Đại diện vốn của SCIC tại CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh	10.000	0,0001241%	11.000	0,0001241%	Không có	Không có
78	Cao Văn Nhiên	SCIC	Đại diện vốn của SCIC tại CTCP Xây dựng Hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ	5.000	0,0000621%	5.500	0,0000621%	Không có	Không có
79	Vũ Trung Thực	SCIC	Đại diện vốn của SCIC tại Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp – CTCP	7.800	0,0000968%	8.580	0,0000968%	Không có	Không có
80	Phan Thế Thành	SCIC	Đại diện vốn của SCIC tại CTCP Viện máy và Dụng cụ công nghiệp	26.700	0,0003315%	29.370	0,0003315%	Không có	Không có
	Tổng cộng			354.209.198	4,3973830%	389.630.097	4,3973828%		

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 30/06/2026 của MB do VSDC cung cấp

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

Tại thời điểm ngày 30/06/2026, thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của MB cụ thể như sau:

3.1. Hội đồng quản trị

Bảng 47: Danh sách Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Ông Lưu Trung Thái	Chủ tịch HĐQT	15/06/2024
2	Bà Vũ Thị Hải Phượng	Phó Chủ tịch HĐQT	15/06/2024
3	Bà Nguyễn Thị Hải Lý	Phó Chủ tịch HĐQT	15/06/2024
4	Ông Vũ Thành Trung	Phó Chủ tịch HĐQT	15/06/2024
5	Ông Phạm Như Ánh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	15/06/2024
6	Ông Lê Viết Hải	Thành viên HĐQT	15/06/2024
7	Ông Nguyễn Việt Quân	Thành viên HĐQT	18/04/2026
8	Bà Hoàng Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT	15/06/2024
9	Ông Vũ Xuân Nam	Thành viên HĐQT	15/06/2024
10	Ông Hoàng Văn Sâm	Thành viên HĐQT độc lập	15/06/2024

3.1.1. Ông Lưu Trung Thái - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên:	Lưu Trung Thái
- Năm sinh:	1975
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:	
+ 10/1997 - 09/2001	Nhân viên tín dụng - Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 10/2001 - 05/2004	Phó Phòng phụ trách Phòng tín dụng - Ngân hàng

	TMCP Quân đội																				
+ 06/2004 - 11/2007	Giám đốc Chi nhánh - Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Đà Nẵng																				
+ 12/2007 - 04/2008	Giám đốc nhân sự Ngân hàng TMCP Quân đội																				
+ 04/2008 - 11/2011	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội																				
+ 11/2011 - 04/2013	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán MB																				
+ 04/2013 - 09/2013	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội																				
+ 09/2013 - 01/2017	Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội																				
+ 01/2017 - 12/04/2023	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội																				
+ 12/04/2023 – nay	Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội																				
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành	Chủ tịch HĐQT																				
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không																				
- Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 30/06/2026)	10.658.445 cổ phần, tỷ lệ 0,132% vốn điều lệ																				
+ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ																				
+ Sở hữu cá nhân	10.658.445 cổ phần, tỷ lệ 0,132% vốn điều lệ																				
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	<table><tr><th>Họ tên người liên quan</th><th>Mối quan hệ</th><th>Số lượng cổ phần sở hữu</th><th>Tỷ lệ/VĐL (%)</th></tr><tr><td>Lưu Thiệu Thu</td><td>Em gái</td><td>48.509</td><td>0,001</td></tr><tr><td>Phạm Văn Lôi</td><td>Em rể</td><td>107</td><td>0,000</td></tr><tr><td>Lưu Thị Thúy</td><td>Em gái</td><td>11.000</td><td>0,000</td></tr><tr><td>Tổng Anh Văn</td><td>Em rể</td><td>235.678</td><td>0,003</td></tr></table>	Họ tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/VĐL (%)	Lưu Thiệu Thu	Em gái	48.509	0,001	Phạm Văn Lôi	Em rể	107	0,000	Lưu Thị Thúy	Em gái	11.000	0,000	Tổng Anh Văn	Em rể	235.678	0,003
	Họ tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/VĐL (%)																	
	Lưu Thiệu Thu	Em gái	48.509	0,001																	
	Phạm Văn Lôi	Em rể	107	0,000																	
	Lưu Thị Thúy	Em gái	11.000	0,000																	
Tổng Anh Văn	Em rể	235.678	0,003																		
- Thông tin về những người có liên quan	Những người có liên quan của thành viên Hội đồng																				

PL

của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành	quản trị đồng thời là cổ đông: như trên Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành:: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:	
+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ	Không có
+ Thù lao và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:	+ Thù lao HĐQT năm 2024: 3.258 triệu đồng + Thù lao HĐQT năm 2025: 3.692 triệu đồng + ESOP năm 2024: 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với Công ty	366 triệu đồng (Dư nợ thẻ tín dụng)
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành	Không có

3.1.2. Bà Vũ Thị Hải Phượng - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên:	Vũ Thị Hải Phượng
- Năm sinh:	1970
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Kinh tế

- Quá trình công tác:	
+ 1993 - 04/1994	Nhân viên Viettronic Đồng Đa
+ 10/1994 - 06/2002	Nhân viên tín dụng - Trưởng Phòng Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 07/2002 - 07/2004	Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Lý Nam Đế
+ 07/2004 - 09/2004	Trưởng phòng Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 10/2004 - 06/2007	Phó Giám đốc - Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ
+ 06/2007 - 08/2008	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 09/2008 - 04/2014	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 04/2014 - 04/2019	Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 04/2019 - nay	Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 01/2020 - nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Tài chính tín dụng tiêu dùng TNHH MB SHINSEI (Mcredit)
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành	Phó Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT Công ty Tài chính tín dụng tiêu dùng TNHH MB SHINSEI (Mcredit)
- Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 30/06/2026)	5.712.176 cổ phần, tỷ lệ 0,071% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ
+ Sở hữu cá nhân	5.712.176 cổ phần, tỷ lệ 0,071% vốn điều lệ

	Họ tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/VĐL (%)
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Trần Minh Tuấn	Chồng	66.126	0,001
	Trần Vũ Hà Duy	Con trai	28.380	0,000
	Trần Hà Linh	Con gái	50.922	0,000
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành	Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông: như trên Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành: Không có			
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:				
+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ	Không có			
+ Thù lao và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:	+ Thù lao năm 2024: 2.575 triệu đồng + Thù lao năm 2025: 3.307 triệu đồng + ESOP năm 2024: 0 cổ phần			
- Các khoản nợ đối với Công ty	366 triệu đồng (Dư nợ thẻ tín dụng)			
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành	Không có			

3.1.3. Bà Nguyễn Thị Hải Lý - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Handwritten signature/initials

- Họ và tên:	Nguyễn Thị Hải Lý
- Năm sinh:	1974
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	- Cử nhân Quản trị - Đại học Kinh tế Quốc dân; - Cử nhân Luật - Đại học Luật Hà Nội
- Quá trình công tác:	
+ 01/1996 – 02/2005	Công ty Điện tử Viễn thông Quân đội; Công ty Viễn thông Quân đội - Nhân viên
+ 03/2005 - 12/2009	Phó phòng Đầu tư – Trưởng phòng Đầu tư Tổng Công ty Viễn thông Quân đội
+ 01/2010 - 08/2022	Trưởng Phòng Đầu tư – Trưởng Ban Đầu tư – Xây dựng Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội
+ 09/2018 - 04/2023	Phó Chủ tịch HĐQT – Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Đầu tư Quốc tế Viettel
+ 05/2023 – 08/2025	Trưởng Ban Đầu tư Tài chính Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội
+ 05/2023 - 06/2024	Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Đầu tư Quốc tế Viettel (VTG)
+ 6/2024 – nay	Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành	Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Chủ nhiệm Chính trị kiêm Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy tại Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội
- Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 30/06/2026)	710.771.125 cổ phần, tỷ lệ 8,824% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	710.549.679 cổ phần (đại diện 60% vốn góp của Viettel tại MB), tỷ lệ 8,821% vốn điều lệ

+ Sở hữu cá nhân	221.446 cổ phần, tỷ lệ 0,003% vốn điều lệ			
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Họ tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/VĐL (%)
	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel)	Viettel ủy quyền đại diện 60% vốn tại MB cho bà Nguyễn Thị Hải Lý	1.184.249.466	14,702
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành	Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông: như trên Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành: Không có			
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:				
+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ	Không có			
+ Thù lao và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:	+ Bà Nguyễn Thị Hải Lý là người đại diện vốn của Viettel, thù lao được trả thông qua doanh nghiệp cử người đại diện. + ESOP năm 2024: 0 cổ phần			
- Các khoản nợ đối với Công ty	1 triệu đồng (Dư nợ thẻ tín dụng)			
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ	Không có			

Chức Phát Hành	
----------------	--

3.1.4. Ông Vũ Thành Trung - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên:	Vũ Thành Trung
- Năm sinh:	1981
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Trình độ văn hóa:	
- Trình độ chuyên môn:	- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - International University of Japan; - Cử nhân Kinh tế đối ngoại - Đại học Ngoại Thương
- Quá trình công tác:	
+ 06/2003 – 06/2006	Nhân viên Công ty Kanematsu Corporation, Nhật Bản
+ 08/2008 – 10/2010	Trưởng Phòng Công ty Chứng khoán Vincome
+ 11/2010 – 05/2015	Giám đốc Đầu tư – Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Quản lý quỹ MB
+ 05/2015 - 04/2017	Phó Giám đốc Khối Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 4/2016 – 04/2023	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán MB
+ 04/2017 – 08/2020	Chánh Văn phòng TGD- Giám đốc Khối Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 08/2020– 10/12/2024	Thành viên Ban Điều hành Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 06/2024 - nay	Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 10/12/2024-nay	Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện đại (MBV)
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành	Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện đại (MBV)



- Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 30/06/2026)	1.636.811 cổ phần, tỷ lệ 0,02% vốn điều lệ			
+ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ			
+ Sở hữu cá nhân	1.636.811 cổ phần, tỷ lệ 0,02% vốn điều lệ			
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Họ tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/VĐL (%)
	Vũ Văn Quế	Bố đẻ	35.630	0,000
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành	Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông: như trên Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành: Không có			
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:				
+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ	Không có			
+ Thù lao và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:	+ Tiền lương năm 2024: 1.817 triệu đồng + Tiền lương, thù lao năm 2025: 3.054 triệu đồng + ESOP 2024: 286.000 cổ phiếu (giai đoạn phát hành ESOP chưa là thành viên HĐQT)			
- Các khoản nợ đối với Công ty	277 triệu đồng (Dư nợ thẻ tín dụng)			
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là	Không có			

khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành	
---	--

3.1.5. Ông Phạm Như Ánh - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên:	Phạm Như Ánh
- Năm sinh:	1980
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:	
+ 07/2002 – 04/2005	Trưởng Phòng Công ty TNHH Dệt may Thái Tuấn Đà Nẵng
+ 05/2005- 07/2006	Nhân viên tín dụng Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Đà Nẵng
+ 08/2006- 06/2007	Phó Phòng Khách hàng Doanh nghiệp Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Đà Nẵng
+ 07/2007- 08/2009	Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Bình Định
+ 09/2009 - 10/2011	Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Đông Sài Gòn
+ 11/2011 - 04/2017	Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Bắc Sài Gòn
+ 04/2017 - 08/2020	Giám đốc Khối Khách hàng lớn Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 08/2020 - 12/04/2023	Thành viên Ban Điều hành Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 12/04/2023 - 17/05/2023	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Điều hành Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 18/05/2023 – 14/06/2026	Tổng Giám Đốc Ngân hàng TMCP Quân đội

+ 15/06/2024 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội			
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội			
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không			
- Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 30/06/2026)	5.821.231 cổ phần, tỷ lệ 0,072% vốn điều lệ			
+ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ			
+ Sở hữu cá nhân	5.821.231 cổ phần, tỷ lệ 0,072% vốn điều lệ			
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Họ tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/VĐL (%)
	Lê Thị Hồng Phấn	Vợ	4.173.401	0,052
	Phạm Như Vân	Em trai	114	0,000
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành	Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông: như trên Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành: Không có			
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:				
+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ	Không có			
+ Thù lao và các lợi ích khác trong 02	+ Tiền lương năm 2024: 3.248 triệu đồng			

RL

năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:	+ Tiền lương năm 2025: 4.114 triệu đồng + ESOP năm 2024: 547.000 cổ phiếu (Thời điểm phát hành ESOP 2024 ông Phạm Như Ánh chưa giữ chức vụ TV HĐQT)
- Các khoản nợ đối với Công ty	6 triệu đồng (Dự nợ thẻ tín dụng)
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành	Không có

3.1.6. Ông Lê Viết Hải - Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên:	Lê Viết Hải
- Năm sinh:	1975
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:	
+ Từ tháng 09/1996 – tháng 10/2000	Cán bộ tín dụng Chi nhánh Điện Biên Phủ - Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)
+ Từ tháng 10/2000 – tháng 11/2002	Phó Giám đốc – Chi nhánh Lý Nam Đế - Ngân hàng TMCP Quân đội
+ Từ tháng 11/2002 – tháng 01/2004	Phó Giám đốc Chi nhánh Hoàng Quốc Việt - Ngân hàng TMCP Quân đội
+ Từ tháng 01/2004 – tháng 10/2010	Giám đốc Chi nhánh Hoàng Quốc Việt - Ngân hàng TMCP Quân đội
+ Từ tháng 10/2010 – tháng 11/2012	Phó Giám đốc Khối doanh nghiệp vừa và nhỏ - Ngân hàng TMCP Quân đội
+ Từ tháng 11/2012 – tháng 11/2013	Giám đốc Khối doanh nghiệp vừa và nhỏ - Ngân hàng TMCP Quân đội

+ Từ tháng 11/2013 – tháng 06/2016	Giám đốc Khối kiểm tra kiểm soát nội bộ - Ngân hàng TMCP Quân đội			
+ Từ tháng 07/2016 – tháng 04/2019	Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị - Ngân hàng TMCP Quân đội			
+ Từ tháng 04/2019 đến tháng 06/2020	Thành viên Hội đồng quản trị - Ngân hàng TMCP Quân đội			
+ Từ tháng 06/2020 đến tháng 03/2026	Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Chứng khoán MB			
+ Từ tháng 03/2026 đến nay	Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Tổng Giám đốc – MB Life (Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas)			
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành	Thành viên Hội đồng quản trị - Ngân hàng TMCP Quân đội			
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Tổng Giám đốc – MB Life (Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas)			
- Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 30/06/2026)	2.262.932 cổ phiếu Tỷ lệ: 0,028%			
+ Đại diện sở hữu	0 cổ phiếu Tỷ lệ: 0 %			
+ Sở hữu cá nhân	2.262.932 cổ phiếu Tỷ lệ: 0,028%			
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Họ tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/VĐL (%)
	Vũ Hoàng Yến	Vợ	1	0,000
	Lê Công Sòa	Bố đẻ	72.827	0,001
	Hoàng Lan Hương	Mẹ vợ	14	0,000
	Lê Thị Hải Yến	Em gái	4.772	0,000
	Trần Văn Đức	Em rể	81.642	0,001
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành	Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông: như trên Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát			

	Hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:	
+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ	Không có
+ Thù lao và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:	+ Thù lao HĐQT năm 2025: 2.308 triệu đồng + Thù lao HĐQT năm 2024: 2.089 triệu đồng + ESOP 2024: 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với Công ty	144 triệu đồng (Dư nợ thẻ tín dụng)
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành	Không có

3.1.7. Ông Nguyễn Việt Quân - Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên:	Nguyễn Việt Quân
- Năm sinh:	29/12/1975
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh – Đại học Khoa học ứng dụng Tây bắc Thụy Sĩ
- Quá trình công tác:	
+ Từ 01/1995- 12/2004	Trợ lý– Ban Tài chính – Cục Quân huấn/BTTM

+ Từ 12/2004 – 12/2007	Trợ lý – Phòng Quản lý Công trình huấn luyện – Cục Quân huấn/ BTMM												
+ Từ 12/2007 – 12/2009	Trợ lý Tài chính – Phòng TCKT – TCT Viễn thông Quân đội (nay là Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội)												
+ Từ 12/2009- 04/2015	Kế toán trưởng – Công ty CP Phát triển đô thị Vinaconex Viettel												
+ Từ 05/2015 – 01-2017	Trưởng phòng – Phòng Tài chính, Công ty Bất động sản Viettel												
+ Từ 01/2017 – 01/2020	Phó Giám đốc kiêm KTT – Công ty Quản lý tài sản Viettel												
+ Từ 01/2020- 04/2026	Phó Giám đốc Công ty Quản lý tài sản Viettel												
+ Từ 04/2026 – đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị - Ngân hàng TMCP Quân đội												
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành	Thành viên Hội đồng quản trị - Ngân hàng TMCP Quân đội												
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không												
- Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 30/06/2026)	473.699.787 cổ phần, tỷ lệ 5,881%												
+ Đại diện sở hữu của Ngân hàng TMCP Quân đội	473.699.787 cổ phần (Đại diện 40% vốn góp của Viettel tại MB), tỷ lệ 5,881%												
+ Sở hữu cá nhân	0 cổ phần												
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	<table><tr><th>Họ tên người liên quan</th><th>Mối quan hệ</th><th>Số lượng cổ phần sở hữu</th><th>Tỷ lệ/VĐL (%)</th></tr><tr><td>Phạm Thị Quỳnh Hoa</td><td>Vợ</td><td>2.000</td><td>0,000</td></tr><tr><td>Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel)</td><td>Viettel ủy quyền đại diện 40% vốn tại MB cho ông Nguyễn Việt Quân</td><td>1.184.249.466</td><td>14,702</td></tr></table>	Họ tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/VĐL (%)	Phạm Thị Quỳnh Hoa	Vợ	2.000	0,000	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel)	Viettel ủy quyền đại diện 40% vốn tại MB cho ông Nguyễn Việt Quân	1.184.249.466	14,702
	Họ tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/VĐL (%)									
	Phạm Thị Quỳnh Hoa	Vợ	2.000	0,000									
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel)	Viettel ủy quyền đại diện 40% vốn tại MB cho ông Nguyễn Việt Quân	1.184.249.466	14,702										

- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành	Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông: như trên Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:	
+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ	Không có
+ Thù lao và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:	Không phát sinh trong giai đoạn 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán do Ông Nguyễn Việt Quân bổ nhiệm từ 18/04/2026.
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành	Không có

3.1.8. Bà Hoàng Thị Thu Hiền - Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên:	Hoàng Thị Thu Hiền
- Năm sinh:	1976
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính - Đại học Kinh tế Quốc dân

- Quá trình công tác:									
+ 09/1998 – 04/2000	Nhân viên Công ty cổ phần Việt Long								
+ 05/2000 – 06/2004	Nhân viên Công ty Inlaco Sài Gòn – Chi nhánh Hà Nội								
+ 07/2004 – 04/2014	Nhân viên Công ty Inlaco Sài Gòn – Chi nhánh Hà Nội								
+ 5/2014 – 09/2021	Nhân viên – Trưởng phòng – Giám đốc Tài chính Công ty TNHH cảng Container Quốc tế Tân Cảng – Hải Phòng								
+ 10/2021 – 11/2022	Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn								
+ 12/2022 – nay	Phó phòng Kế hoạch – Đầu tư Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn								
+ 15/6/2024 – nay	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội								
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội								
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không								
- Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 30/06/2026)	570.727.499 cổ phần, tỷ lệ 7,085% vốn điều lệ								
+ Đại diện sở hữu	570.727.399 cổ phần (đại diện vốn góp của TCT Tân cảng Sài Gòn tại MB), tỷ lệ 7,085% vốn điều lệ								
+ Sở hữu cá nhân	100 cổ phần, tỷ lệ 0,000% vốn điều lệ								
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	<table><tr><th>Họ tên người liên quan</th><th>Mối quan hệ</th><th>Số lượng cổ phần sở hữu</th><th>Tỷ lệ/VĐL (%)</th></tr><tr><td>Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn</td><td>Bà Hoàng Thị Thu Hiền là đại diện vốn của TCT Tân Cảng Sài Gòn tại MB</td><td>570.727.399</td><td>7,085</td></tr></table>	Họ tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/VĐL (%)	Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Bà Hoàng Thị Thu Hiền là đại diện vốn của TCT Tân Cảng Sài Gòn tại MB	570.727.399	7,085
Họ tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/VĐL (%)						
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Bà Hoàng Thị Thu Hiền là đại diện vốn của TCT Tân Cảng Sài Gòn tại MB	570.727.399	7,085						
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ	Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông: như trên Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành: Không có								

Chức Phát Hành	
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:	
+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ	Không có
+ Thù lao và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:	+ Bà Hoàng Thị Thu Hiền là người đại diện vốn của TCT Tân Cảng Sài Gòn, thù lao được trả thông qua doanh nghiệp cử người đại diện. + ESOP năm 2024: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành	Không có

3.1.9. Ông Vũ Xuân Nam - Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên:	Vũ Xuân Nam
- Năm sinh:	1987
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	- Thạc sỹ Quản trị Doanh nghiệp - Đại học Kinh tế Quốc dân

- Quá trình công tác:									
+ 08/2011- nay	Trợ lý – Trưởng Ban – Phó Trưởng phòng – Trưởng phòng, Tổng Công ty Trục thăng Việt Nam								
+ 15/06/2024 – nay	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội								
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội								
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Trưởng phòng, Tổng Công ty Trục thăng Việt Nam								
- Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 30/06/2026)	679.074.998 cổ phần, tỷ lệ 8,430% vốn điều lệ								
+ Đại diện sở hữu	679.074.898 cổ phần, tỷ lệ 8,430% vốn điều lệ (đại diện vốn góp của Tổng công ty trục thăng Việt Nam- Công ty TNHH và chi nhánh)								
+ Sở hữu cá nhân	100 cổ phần, tỷ lệ 0,000% vốn điều lệ								
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	<table><tr><th>Họ tên người liên quan</th><th>Mối quan hệ</th><th>Số lượng cổ phần sở hữu</th><th>Tỷ lệ/VĐL (%)</th></tr><tr><td>Tổng Công ty trục thăng Việt Nam- Công ty TNHH và chi nhánh</td><td>Ông Vũ Xuân Nam là người đại diện vốn góp của TCT trục thăng Việt Nam và chi nhánh tại MB</td><td>679.074.898</td><td>8,430</td></tr></table>	Họ tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/VĐL (%)	Tổng Công ty trục thăng Việt Nam- Công ty TNHH và chi nhánh	Ông Vũ Xuân Nam là người đại diện vốn góp của TCT trục thăng Việt Nam và chi nhánh tại MB	679.074.898	8,430
Họ tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/VĐL (%)						
Tổng Công ty trục thăng Việt Nam- Công ty TNHH và chi nhánh	Ông Vũ Xuân Nam là người đại diện vốn góp của TCT trục thăng Việt Nam và chi nhánh tại MB	679.074.898	8,430						
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành	Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông: như trên Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành: Không có								
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:									

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ	Không có
+ Thù lao và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:	+ Ông Vũ Xuân Nam là người đại diện vốn góp của TCT trực thăng Việt Nam và chi nhánh tại MB thù lao được trả thông qua doanh nghiệp cử người đại diện. + ESOP năm 2024: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty	37 triệu đồng (Dư nợ thẻ tín dụng)
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành	Không có

3.1.10. Ông Hoàng Văn Sâm - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

- Họ và tên:	Hoàng Văn Sâm
- Năm sinh:	1960
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	- Cử nhân Luật Kinh tế - ĐH Luật HN; - Tiến sỹ Tài chính - tiền tệ, Học viện Tài chính;
- Quá trình công tác:	

+ 04/1982 - 03/2006	Trợ lý - Thanh tra viên - Phó Trưởng phòng - Trưởng phòng Cục Tài chính - BQP											
+ 04/2006 - 08/2012	Phó Cục trưởng Cục Tài chính - BQP											
+ 08/2012 - 10/2020	Phó Chánh Văn phòng QUTW, Văn phòng BQP											
+ 10/2020	Nghỉ hưu											
+ 15/06/2024 – nay	Thành viên độc lập HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội											
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành	Thành viên độc lập HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội											
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không có											
- Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 30/06/2026)	100 cổ phần, tỷ lệ 0,000% vốn điều lệ											
+ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ											
+ Sở hữu cá nhân	100 cổ phần, tỷ lệ 0,000% vốn điều lệ											
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	<table><tr><th>Họ tên người liên quan</th><th>Mối quan hệ</th><th>Số lượng cổ phần sở hữu</th><th>Tỷ lệ/VĐL (%)</th></tr><tr><td>Nguyễn Lan Thái</td><td>Vợ</td><td>1</td><td>0,00</td></tr></table>	Họ tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/VĐL (%)	Nguyễn Lan Thái	Vợ	1	0,00			
Họ tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/VĐL (%)									
Nguyễn Lan Thái	Vợ	1	0,00									
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành	Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông: như trên Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành: Không có											
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:												
+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với	Không có											

12

thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ	
+ Thù lao và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:	+ Thù lao năm 2024: 152 triệu đồng + Thù lao năm 2025: 1.411 triệu đồng + ESOP 2024: 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành	Không có

3.2. Ban Kiểm soát

Bảng 48: Danh sách Ban Kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Bà Lê Thị Lợi	Trưởng ban	15/06/2024
2	Bà Nguyễn Thị An Bình	Phó Trưởng Ban	15/06/2024
3	Bà Đỗ Thị Tuyết Mai	Thành viên	15/06/2024
4	Ông Đỗ Văn Tiến	Thành viên	15/06/2024
5	Bà Nguyễn Thị Nguyệt Hà	Thành viên	15/06/2024

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

3.2.1. Bà Lê Thị Lợi - Trưởng Ban Kiểm soát

- Họ và tên:	Lê Thị Lợi
- Năm sinh:	1970
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Trình độ văn hóa:	12/12

- Trình độ chuyên môn:	Tiền sĩ Kinh tế chuyên ngành tài chính			
- Quá trình công tác:				
+ 10/1994 - 06/1996	Kế toán tổng hợp Ngân hàng TMCP Quân đội			
+ 07/1996 - 10/1996	Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hồ Chí Minh			
+ 11/1996 - 12/2004	Kiểm soát viên - Phó Phòng Kế toán tài chính Ngân hàng TMCP Quân đội			
+ 01/2005 - 08/2008	Trưởng Phòng - Phó Giám đốc CN Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ			
+ 08/2008 - 06/2009	Phó Giám đốc Tài chính Ngân hàng TMCP Quân đội			
+ 07/2009 - 04/2014	Quyền Giám đốc Tài chính - Giám đốc Tài chính Ngân hàng TMCP Quân đội			
+ 05/2014 - 04/2019	Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Tài chính Ngân hàng TMCP Quân đội			
+ 04/2019 - nay	Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân đội			
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành	Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân đội			
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không			
- Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 30/06/2026)	4.448.624 cổ phần, tỷ lệ 0,055% vốn điều lệ			
+ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ			
+ Sở hữu cá nhân	4.448.624 cổ phần, tỷ lệ 0,055% vốn điều lệ			
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Họ tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/VĐL (%)
	Hoàng Hà My	Con gái	2.100	0,000



	<table><tr><td>Hoàng Lê Minh</td><td>Con trai</td><td>1.523</td><td>0,000</td></tr><tr><td>Lê Xuân Toàn</td><td>Anh trai</td><td>20</td><td>0,000</td></tr><tr><td>Lê Xuân Linh</td><td>Anh trai</td><td>2</td><td>0,000</td></tr><tr><td>Lê Thị Lai</td><td>Chị gái</td><td>1</td><td>0,000</td></tr></table>	Hoàng Lê Minh	Con trai	1.523	0,000	Lê Xuân Toàn	Anh trai	20	0,000	Lê Xuân Linh	Anh trai	2	0,000	Lê Thị Lai	Chị gái	1	0,000
Hoàng Lê Minh	Con trai	1.523	0,000														
Lê Xuân Toàn	Anh trai	20	0,000														
Lê Xuân Linh	Anh trai	2	0,000														
Lê Thị Lai	Chị gái	1	0,000														
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành	Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông: như trên Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành: Không có																
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:																	
+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ	Không có																
+ Thù lao và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:	+ Thù lao BKS năm 2024: 2.492 triệu đồng + Thù lao BKS năm 2025: 3.136 triệu đồng + ESOP năm 2024: 235.000 cổ phiếu																
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không có																
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành	Không có																

3.2.2. Bà Nguyễn Thị An Bình - Phó Trưởng Ban Kiểm soát



- Họ và tên:	Nguyễn Thị An Bình
- Năm sinh:	1972
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Tiến sĩ Kinh tế chuyên ngành tài chính
- Quá trình công tác:	
+ 1994 - 2001	Kế toán viên/Kiểm soát viên Phòng Kế toán Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 2001 - 2004	Phó Phòng Kiểm soát nội bộ Hội sở Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 2004 - 2008	Trưởng Phòng Kiểm soát nội bộ Hội sở Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 2008 - 2009	Giám đốc Khối Kiểm tra - Kiểm soát nội bộ Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 2009 - 24/06/2020	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 24/06/2020 - 29/06/2020	Thành viên BKS Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 06/2020 – nay	Phó Trưởng BKS Ngân hàng TMCP Quân đội
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành	Phó Trưởng BKS Ngân hàng TMCP Quân đội
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
- Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 30/06/2026)	4.705.962 cổ phần, tỷ lệ 0,058% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ
+ Sở hữu cá nhân	4.705.962 cổ phần, tỷ lệ 0,058% vốn điều lệ

- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Họ tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/VĐL (%)
	Tô Thùy Linh	Con gái	3.140	0,000
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành	Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông: như trên Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành: Không có			
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:				
+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ	Không có			
+ Thù lao và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:	+ Thù lao BKS năm 2024: 2.307 triệu đồng + Thù lao BKS năm 2025: 2.873 triệu đồng + ESOP năm 2024: 122.000 cổ phiếu			
- Các khoản nợ đối với Công ty	18 triệu đồng (Dư nợ thẻ tín dụng)			
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành	Không có			

3.2.3. Bà Đỗ Thị Tuyết Mai - Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên:	Đỗ Thị Tuyết Mai
- Năm sinh:	1976

- Quốc tịch:	Việt Nam			
- Trình độ văn hóa:	12/12			
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh; CMA Australia; CPIA Australia			
- Quá trình công tác:				
+ 1998 - 2000	Kế toán Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hải Phòng			
+ 2001 - 2002	Kho quỹ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Lý Nam Đế			
+ 2002 - 2004	Kế toán Phòng Kế toán Hội sở Ngân hàng TMCP Quân đội			
+ 2004 - 2007	Nhân viên Phòng Kiểm soát nội bộ Hội sở Ngân hàng TMCP Quân đội			
+ 2007 - 2009	Phó phụ trách Phòng Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Quân đội			
+ 2009 - 2019	Trưởng Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Quân đội			
+ 04/2019 - nay	Thành viên BKS Ngân hàng TMCP Quân đội			
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành	Thành viên BKS Ngân hàng TMCP Quân đội			
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không có			
- Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 30/06/2026)	761.687 cổ phần, tỷ lệ 0,009% vốn điều lệ			
+ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ			
+ Sở hữu cá nhân	761.687 cổ phần, tỷ lệ 0,009% vốn điều lệ			
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Họ tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/VĐL (%)
	Nguyễn Hải	Chồng	455.731	0,006

	Đỗ Thị Mai Hương Em gái 175 0,000
	Nguyễn Đỗ Khải Con trai 3.000 0,000
Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành	Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông: như trên Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành: Không có
Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:	
Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ	Không có
Thù lao và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:	- Thù lao BKS năm 2024: 931 triệu đồng - Thù lao BKS năm 2025: 1.191 triệu đồng - ESOP 2024: 64.000 cổ phiếu
Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành	Không có

3.2.4. Ông Đỗ Văn Tiến - Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên:	Đỗ Văn Tiến
- Năm sinh:	1970

- Quốc tịch:	Việt Nam			
- Trình độ văn hóa:	12/12			
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính - Học viện Ngân hàng.			
- Quá trình công tác:				
+ 11/1992 – 03/1996	Nhân viên kế toán NH TMCP Ngoại thương Việt Nam – PGD Móng Cái, CN Quảng Ninh			
+ 03/1996 – 06/2006	Cán bộ tín dụng – Phó Giám đốc NH TMCP Ngoại thương Việt Nam			
+ 07/2006 – 08/2007	Phó Giám đốc NH Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Bãi Cháy			
+ 10/2007 – 10/2023	Giám đốc Chi nhánh Quảng Ninh - Giám đốc phê duyệt tín dụng- Phó Giám đốc Chi nhánh Mỹ Đình kiêm Giám đốc MB Đan Phượng Ngân hàng TMCP Quân đội			
+ 10/2023 – 6/2024	Giám đốc phê duyệt tín dụng Ngân hàng TMCP Quân đội			
+ 15/6/2024 – nay	Thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân đội			
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành	Thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân đội			
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không có			
- Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 30/06/2026)	197.588 cổ phần, tỷ lệ 0,002% vốn điều lệ			
+ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ			
+ Sở hữu cá nhân	197.588 cổ phần, tỷ lệ 0,002% vốn điều lệ			
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Họ tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/VĐL (%)
	Trần Thị Hiền	Em dâu	105	0,000
- Thông tin về những người có liên	Những người có liên quan của thành viên Hội đồng			

quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành	quản trị đồng thời là cổ đông: như trên Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:	
+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ	Không có
+ Thù lao và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:	+ Thù lao BKS năm 2024: 443 triệu đồng (Bổ nhiệm từ 15/06/2024) + Thù lao BKS năm 2025: 1.080 triệu đồng + ESOP 2024: 58.500 cổ phiếu (giai đoạn phát hành ESOP chưa là thành viên BKS)
- Các khoản nợ đối với Công ty	80 triệu đồng (Dư nợ thẻ tín dụng)
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành	Không có

3.2.5. Bà Nguyễn Thị Nguyệt Hà - Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên:	Nguyễn Thị Nguyệt Hà
- Năm sinh:	1976
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Trình độ văn hóa:	12/12

- Trình độ chuyên môn:	- Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng - Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội; - Cử nhân Kế toán tổng hợp - Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội; - Chứng chỉ CPIA Australia			
- Quá trình công tác:				
+ 09/1998 – 06/2002	Phụ trách kế toán Công ty TNHH Lộc Trường Xuân			
+ 06/2002 – 05/2004	CV Kiểm soát nội bộ Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội			
+ 05/2004 – 01/2005	Thuế- Chính sách, dự toán ngân sách Tổng Cục thuế			
+ 01/2005 – 06/2024	Chuyên viên - Phó phòng - Trưởng phòng- Phó Giám đốc Khối - Giám đốc Khối – Trưởng Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Quân đội			
+ 15/6/2024 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân đội			
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành	Thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân đội			
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không có			
- Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 30/06/2026)	373.409 cổ phần, tỷ lệ 0,005% vốn điều lệ			
+ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ			
+ Sở hữu cá nhân	373.409 cổ phần, tỷ lệ 0,005% vốn điều lệ			
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Họ tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/VĐL (%)
	Trịnh Hữu Thọ	Chồng	15.335	0,000
	Trịnh Hoàng Vũ	Con trai	400	0,000
	Nguyễn Thị Đức	Mẹ đẻ	29.541	0,000
	Đường Khánh Việt	Em rể	2	0,000

- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành	Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông: như trên Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:	
+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ	Không có
+ Thù lao và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:	+ Thù lao BKS năm 2024: 479 triệu đồng (Bổ nhiệm từ 15/06/2024) + Thù lao BKS năm 2025: 1.191 triệu đồng + ESOP 2024: 100.975 cổ phiếu (giai đoạn phát hành ESOP chưa là thành viên BKS)
- Các khoản nợ đối với Công ty	2 triệu đồng (Dư nợ thẻ tín dụng)
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành	Không có

3.3. Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc và Kế Toán Trưởng

Bảng 49: Danh sách Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc và Kế Toán Trưởng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Ông Phạm Như Ánh	Tổng Giám đốc	18/05/2023

2	Bà Phạm Thị Trung Hà	Phó Tổng Giám đốc	27/4/2011, bổ nhiệm lại 15/06/2023
3	Ông Trần Minh Đạt	Phó Tổng Giám đốc	01/11/2014, bổ nhiệm lại 07/11/2025
4	Ông Hà Trọng Khiêm	Phó Tổng Giám đốc	26/11/2015, bổ nhiệm lại 06/01/2025
5	Ông Lê Quốc Minh	Phó Tổng Giám đốc	26/11/2015, bổ nhiệm lại 04/11/2021
6	Bà Nguyễn Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc	24/6/2020, bổ nhiệm lại 09/4/2025
7	Ông Nguyễn Xuân Học	Phó Tổng Giám đốc	02/07/2024
8	Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên Ban điều hành	15/06/2024
9	Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên Ban điều hành	15/06/2024
10	Bà Trần Thị Bảo Quế	Thành viên Ban điều hành	14/02/2019, bổ nhiệm lại 09/04/2025
11	Ông Vũ Hồng Phú	Thành viên Ban điều hành	06/08/2021
12	Bà Nguyễn Thị Thanh Nga	Giám đốc Tài chính	06/04/2025
13	Bà Đặng Thúy Dung	Kế Toán Trưởng	02/05/2018, bổ nhiệm lại 20/06/2023

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

3.3.1. Ông Phạm Như Ánh - Tổng giám đốc

Chi tiết sơ yếu lý lịch tại mục 3.1.1. Thành viên Hội đồng quản trị

3.3.2. Bà Phạm Thị Trung Hà - Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên:	Phạm Thị Trung Hà
- Năm sinh:	1975

- Quốc tịch:	Việt Nam
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Kinh tế
- Quá trình công tác:	
+ 04/1997 - 05/2003	Nhân viên tín dụng - Phòng Tín dụng - Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 05/2003 - 04/2004	Phó Phòng Tín dụng - Phòng Tín dụng - Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 04/2004 - 08/2005	Phó Phòng Quản lý tín dụng - Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 09/2005 - 12/2005	Trưởng Phòng Quản lý tín dụng - Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 12/2005 - 11/2007	Phụ trách Khối Quản lý tín dụng - Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 12/2007 - 09/2008	Phụ trách Khối Quản trị rủi ro Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 10/2008 - 10/2009	Phó Giám đốc Khối Quản trị rủi ro kiêm Trưởng phòng Quản lý rủi ro - Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 11/2009 - 04/2011	Giám đốc Khối Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 04/2011 - 05/2018	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Quản trị rủi ro - Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 05/2018 - nay	Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc Khối Quản trị rủi ro kiêm Giám đốc rủi ro tập đoàn – Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 31/03/2025 - nay	Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Quân đội(AMC)
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Quân đội(AMC)
- Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 30/06/2026)	3.359.974 cổ phần, tỷ lệ 0,042% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ

+ Sở hữu cá nhân	3.359.974 cổ phần, tỷ lệ 0,042% vốn điều lệ			
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Họ tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/VĐL (%)
	Phạm Thanh Bình	Em trai	100	0,000
	Phạm Trần Minh Hằng	Con gái	1.300	0,000
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành	Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông: như trên Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành: Không có			
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:				
+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ	Không có			
+ Thù lao và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:	+ Tiền lương năm 2024: 2.941 triệu đồng + Tiền lương năm 2025: 3.270 triệu đồng + ESOP năm 2024: 357.000 cổ phiếu			
- Các khoản nợ đối với Công ty	10 triệu đồng (Dư nợ thẻ tín dụng)			
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành	Không có			

3.3.3. Ông Trần Minh Đạt - Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên:	Trần Minh Đạt
- Năm sinh:	1968

- Quốc tịch:	Việt Nam
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Kinh tế
- Quá trình công tác:	
+ 02/2008- 06/2008	Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Minh Khai
+ 07/2008- 09/2011	Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hai Bà Trưng
+ 10/2011- 10/2014	Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Điện Biên Phủ
+ 11/2014- nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 04/2020 – 31/03/2025	Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Quân đội
+ 31/03/2025-nay	Chủ tịch HĐQT Tổng CTCP Bảo hiểm Quân Đội (MIC)
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT Tổng CTCP Bảo hiểm Quân Đội (MIC)
- Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 30/06/2026)	5.769.817 cổ phần, tỷ lệ 0,072% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ
+ Sở hữu cá nhân	5.769.817 cổ phần, tỷ lệ 0,072% vốn điều lệ
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không có
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành	Không có

- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:	
+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ	Không có
+ Thù lao và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:	+ Tiền lương năm 2024: 2.618 triệu đồng + Tiền lương năm 2025: 3.099 triệu đồng + ESOP năm 2024: 343.000 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với Công ty	90 triệu đồng (Dư nợ thẻ tín dụng)
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành	Không có

3.3.4. Ông Hà Trọng Khiêm - Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên:	Hà Trọng Khiêm
- Năm sinh:	1973
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Thực hành Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:	
+ 07/1996 – 06/2000	Nhân viên Tín dụng - Phòng Tín dụng - Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hồ Chí Minh
+ 06/2000- 5/2001	Nhân viên bộ phận dự án - Phòng Đầu tư - Thanh toán Quốc tế - Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hồ Chí Minh

+ 05/2001 – 01/2003	Phó phòng Đầu tư và Thanh toán Quốc tế - Ngân hàng TMCP Quân đội Chi nhánh Hồ Chí Minh												
+ 01/2003 – 04/2004	Phó phòng Tín dụng, Phụ trách phòng Tín dụng - Phòng Tín dụng - Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hồ Chí Minh												
+ 04/2004 - 07/2006	Trưởng phòng Tín dụng Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hồ Chí Minh												
+ 07/2006 - 01/2008	Giám đốc Chi nhánh - Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cần Thơ												
+ 01/2008 - 10/2009	Giám đốc Chi nhánh - Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hồ Chí Minh												
+ 10/2009 - 09/2012	Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn												
+ 09/2012 – 12/2012	Giám đốc phụ trách kinh doanh Khu vực Phía Nam kiêm Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn												
+ 01/2013- 11/2015	Giám đốc phụ trách kinh doanh KVPN Ngân hàng TMCP Quân đội												
+ 11/2015- nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội												
+ 10/12/2024- nay	Thành viên HĐQT Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên Việt Nam Hiện đại (MBV)												
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội												
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Thành viên HĐQT Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên Việt Nam Hiện đại (MBV)												
- Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 30/06/2026)	1.151.543 cổ phần, tỷ lệ 0,014% vốn điều lệ												
+ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ												
+ Sở hữu cá nhân	1.151.543 cổ phần, tỷ lệ 0,014% vốn điều lệ												
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	<table><tr><th>Họ tên người liên quan</th><th>Mối quan hệ</th><th>Số lượng cổ phần sở hữu</th><th>Tỷ lệ/VĐL (%)</th></tr><tr><td>Nguyễn Quỳnh Mai</td><td>Vợ</td><td>1.512.944</td><td>0,019</td></tr><tr><td>Hà Trọng Khoa</td><td>Em ruột</td><td>49.916</td><td>0,001</td></tr></table>	Họ tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/VĐL (%)	Nguyễn Quỳnh Mai	Vợ	1.512.944	0,019	Hà Trọng Khoa	Em ruột	49.916	0,001
Họ tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/VĐL (%)										
Nguyễn Quỳnh Mai	Vợ	1.512.944	0,019										
Hà Trọng Khoa	Em ruột	49.916	0,001										

	Nguyễn Như Quỳnh	Em dâu	179.162	0,002
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành	Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông: như trên Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành: Không có			
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:				
+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ	Không có			
+ Thù lao và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:	+ Tiền lương năm 2024: 2.440 triệu đồng + Tiền lương năm 2025: 2.799 triệu đồng + ESOP năm 2024: 208.000 cổ phiếu			
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không có			
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành	Không có			

3.3.5. Ông Lê Quốc Minh - Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên:	Lê Quốc Minh
- Năm sinh:	1979
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Kinh tế quốc dân, Tiến sỹ Tài chính Ngân hàng - Học viện Hậu cần

- Quá trình công tác:																	
+ 01/2006 - 09/2007	Phó Phòng Tín dụng Doanh nghiệp Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở Giao dịch 1																
+ 09/2007 - 03/2008	Trưởng Phòng Khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ																
+ 03/2008 - 12/2009	Trưởng Phòng Dự án và Quan hệ khách hàng lớn - Ngân hàng TMCP Quân đội																
+ 12/2009 - 04/2011	Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Ninh Bình																
+ 04/2011 - 12/2011	Phó Giám đốc Khối Doanh nghiệp lớn và các Định chế tài chính - Ngân hàng TMCP Quân đội																
+ 12/2011 - 11/2012	Phó Giám đốc phụ trách - Khối Doanh nghiệp lớn và các Định chế tài chính - Ngân hàng TMCP Quân đội																
+ 11/2012 - 11/2015	Giám đốc Khối - Khối Khách hàng lớn - Ngân hàng TMCP Quân đội																
+ 11/2015 - nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội																
+ 06/2024 - nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư MB (MB Capital)																
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội																
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư MB (MB Capital)																
- Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 30/06/2026)	3.244.172 cổ phần, tỷ lệ 0,04% vốn điều lệ																
+ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ																
+ Sở hữu cá nhân	3.244.172 cổ phần, tỷ lệ 0,04% vốn điều lệ																
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	<table><tr><th>Họ tên người liên quan</th><th>Mối quan hệ</th><th>Số lượng cổ phần sở hữu</th><th>Tỷ lệ/VĐL (%)</th></tr><tr><td>Lê Quốc Bình</td><td>Anh trai</td><td>10.244</td><td>0,000</td></tr><tr><td>Vũ Thu Thủy</td><td>Chị dâu</td><td>1.046</td><td>0,000</td></tr><tr><td>Lê Quốc Dũng</td><td>Em trai</td><td>124.095</td><td>0,002</td></tr></table>	Họ tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/VĐL (%)	Lê Quốc Bình	Anh trai	10.244	0,000	Vũ Thu Thủy	Chị dâu	1.046	0,000	Lê Quốc Dũng	Em trai	124.095	0,002
Họ tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/VĐL (%)														
Lê Quốc Bình	Anh trai	10.244	0,000														
Vũ Thu Thủy	Chị dâu	1.046	0,000														
Lê Quốc Dũng	Em trai	124.095	0,002														

	Trần Thị Thu Hường	Em dâu	100	0,000
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành	Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông: như trên Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành: Không có			
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:				
+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ	Không có			
+ Thù lao và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:	+ Tiền lương năm 2024: 2.416 triệu đồng + Tiền lương năm 2025: 2.774 triệu đồng + ESOP năm 2024: 238.000 cổ phiếu			
- Các khoản nợ đối với Công ty	170 triệu đồng (Dư nợ thẻ tín dụng)			
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành	Không có			

3.3.6. Bà Nguyễn Minh Châu - Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên:	Nguyễn Minh Châu
- Năm sinh:	1973
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Ngân hàng tài chính

- Quá trình công tác:									
+ 11/2009 - 04/2011	Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Khối Treasury Ngân hàng TMCP Quân đội								
+ 04/2011 – 11/2014	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Văn phòng Triển khai chiến lược - Ngân hàng TMCP Quân đội								
+ 11/2014 – 05/2017	Phó Tổng Giám đốc								
+ 05/2017- 06/2020	Thành viên cao cấp Ban điều hành, Giám đốc Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ - Ngân hàng TMCP Quân đội kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei								
+ 24/06/2020 – 05/2025	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ - Ngân hàng TMCP Quân đội								
+ 04/2025 – nay	Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Quân đội								
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội								
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không có								
- Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 30/06/2026)	2.526.836 cổ phần, tỷ lệ 0,031% vốn điều lệ								
+ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ								
+ Sở hữu cá nhân	2.526.836 cổ phần, tỷ lệ 0,031% vốn điều lệ								
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	<table><tr><th>Họ tên người liên quan</th><th>Mối quan hệ</th><th>Số lượng cổ phần sở hữu</th><th>Tỷ lệ/VĐL (%)</th></tr><tr><td>Bùi Thu Hằng</td><td>Em dâu</td><td>5</td><td>0,000</td></tr></table>	Họ tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/VĐL (%)	Bùi Thu Hằng	Em dâu	5	0,000
Họ tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/VĐL (%)						
Bùi Thu Hằng	Em dâu	5	0,000						
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành	Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông: như trên Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành: Không có								
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:									

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ	Không có
+ Thù lao và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:	+ Tiền lương năm 2024: 3.044 triệu đồng + Tiền lương năm 2025: 3.444 triệu đồng + ESOP năm 2024: 286.000 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành	Không có

3.3.7. Ông Nguyễn Xuân Học - Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên:	Nguyễn Xuân Học
- Năm sinh:	1980
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:	
+ 12/2003 - 11/2008	Chuyên viên IT Trung tâm Công nghệ thông tin Hội sở Ngân hàng TMCP Quân Đội
+ 11/2008 - 05/2012	Trưởng phòng Phát triển CBS - Trung tâm Công nghệ thông tin - Ngân hàng TMCP Quân Đội
+ 05/2012 - 05/2013	Phó Giám đốc Trung tâm - Trung tâm Vận hành và Hỗ trợ - Khối Công nghệ thông tin - Ngân hàng TMCP Quân Đội
+ 05/2013 - 11/2015	Trưởng phòng - Phòng Quản trị Công nghệ thông tin - Khối Công nghệ thông tin Ngân hàng TMCP Quân Đội

+ 11/2015 - 08/2017	Phó Giám đốc Khối Khối Công nghệ thông tin Ngân hàng TMCP Quân Đội
+ 08/2017 - 11/2018	Giám đốc Khối Khối Công nghệ thông tin Ngân hàng TMCP Quân Đội
+ 07/2020 - 03/2022	Giám đốc Khối Công nghệ thông tin kiêm Giám đốc CNTT Tập đoàn Ngân hàng TMCP Quân Đội
+ 03/2022 - 04/2023	Thành viên Ban Điều hành kiêm Giám đốc CNTT Tập đoàn Ngân hàng TMCP Quân Đội
+ 07/2024 - nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quân Đội
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quân Đội
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không có
- Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 30/06/2026)	1.383.855 cổ phần, tỷ lệ 0,017% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ
+ Sở hữu cá nhân	1.383.855 cổ phần, tỷ lệ 0,017% vốn điều lệ
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không có
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành	Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:	
+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm	Không có

soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ	
+ Thù lao và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:	+ Tiền lương năm 2024: 1.851 triệu đồng + Tiền lương năm 2025: 2.028 triệu đồng + ESOP năm 2024: 286.000 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành	Không có

3.3.8. Bà Nguyễn Thị Thủy - Thành viên Ban Điều Hành

- Họ và tên:	Nguyễn Thị Thủy
- Năm sinh:	1974
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:	
+ 06/1997 - 04/2003	Nhân viên Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 04/2003 - 06/2003	Phó Giám đốc Chi nhánh - Ngân hàng TMCP Quân đội CN. Lê Trọng Tấn
+ 06/2003 - 08/2009	Phó Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Chi nhánh - Ngân hàng TMCP Quân đội CN. Lê Trọng Tấn
+ 08/2009 - 04/2014	Giám đốc Chi nhánh - Ngân hàng TMCP Quân đội CN. Thăng Long
+ 04/2014 - 06/2024	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 06/2024 - 02/2026	Thành viên Ban Điều hành - Ngân hàng TMCP Quân

	đội												
+ 02/2026 - nay	Thành viên Ban Điều hành - Ngân hàng TMCP Quân đội kiêm Giám đốc Chi nhánh - Ngân hàng TMCP Quân đội CN. Sở giao dịch 3												
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành	Thành viên Ban Điều hành - Ngân hàng TMCP Quân đội kiêm Giám đốc Chi nhánh - Ngân hàng TMCP Quân đội CN. Sở giao dịch 3												
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không												
- Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 30/06/2026)	755.102 cổ phần, tỷ lệ 0,009% vốn điều lệ												
+ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ												
+ Sở hữu cá nhân	755.102 cổ phần, tỷ lệ 0,009% vốn điều lệ												
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	<table><tr><th>Họ tên người liên quan</th><th>Mối quan hệ</th><th>Số lượng cổ phần sở hữu</th><th>Tỷ lệ/VĐL (%)</th></tr><tr><td>Trần Trọng Hương</td><td>Chồng</td><td>240.000</td><td>0,003</td></tr><tr><td>Nguyễn Thị Hà</td><td>Chị dâu</td><td>103</td><td>0,000</td></tr></table>	Họ tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/VĐL (%)	Trần Trọng Hương	Chồng	240.000	0,003	Nguyễn Thị Hà	Chị dâu	103	0,000
Họ tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/VĐL (%)										
Trần Trọng Hương	Chồng	240.000	0,003										
Nguyễn Thị Hà	Chị dâu	103	0,000										
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành	Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông: như trên Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành: Không có												
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:													
+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm	Không có												

soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ	
+ Thù lao, Lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:	+ Tiền lương, thù lao năm 2024: 2.640 triệu đồng + Tiền lương năm 2025: 2.799 triệu đồng + ESOP 2024: 0 cổ phiếu (<i>giai đoạn phát hành ESOP là thành viên HĐQT</i>)
- Các khoản nợ đối với Công ty	24 triệu đồng (Dư nợ thẻ tín dụng)
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành	Không có

3.3.9. Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thành viên Ban Điều Hành

- Họ và tên:	Nguyễn Thị Ngọc
- Năm sinh:	1976
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:	
+ 05/1997 - 08/2001	Nhân viên Phòng Quản lý dự án - Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 09/2001 - 09/2008	Chuyên viên Pháp chế - Trưởng phòng Kế hoạch - Tổng hợp Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 10/2008 - 02/2010	Chánh Văn phòng HĐQT kiêm Trưởng phòng Kế hoạch - Tổng hợp - Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 03/2010 - 04/2014	Chánh Văn phòng HĐQT - Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 04/2014 - 06/2024	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội

+ 06/2024 - nay	Thành viên Ban Điều hành - Ngân hàng TMCP Quân đội			
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành	Thành viên Ban Điều hành - Ngân hàng TMCP Quân đội			
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không			
- Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 30/06/2026)	2.283.886 cổ phần, tỷ lệ 0,028% vốn điều lệ			
+ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ			
+ Sở hữu cá nhân	2.283.886 cổ phần, tỷ lệ 0,028% vốn điều lệ			
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Họ tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/VĐL (%)
	Nguyễn Hữu Doanh	Bố đẻ	122.536	0,002
	Đỗ Thị Ngọc Bảo	Mẹ đẻ	313.329	0,004
	Nguyễn Hữu Bảo Khánh	Em trai	2	0,000
	Nguyễn Thị Thủy Vân	Em dâu	101	0,000
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành	Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông: như trên Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành: Không có			
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:				
+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những	Không có			

Handwritten signature/initials

người có liên quan của họ	
+ Thù lao, Lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:	+ Tiền lương, thù lao năm 2024: 2.656 triệu đồng + Tiền lương năm 2025: 2.836 triệu đồng + ESOP 2024: 0 cổ phiếu (<i>giai đoạn phát hành ESOP là thành viên HĐQT</i>)
- Các khoản nợ đối với Công ty	30 triệu đồng (Dư nợ thẻ tín dụng)
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành	Không có

3.3.10. Bà Trần Thị Bảo Quế - Thành viên Ban Điều Hành

- Họ và tên:	Trần Thị Bảo Quế
- Năm sinh:	1977
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Kinh tế
- Quá trình công tác:	
+ 07/2000 - 08/2005	Chuyên viên Thanh toán quốc tế - Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 09/2005 - 06/2008	Phó phòng Thanh toán quốc tế - Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 06/2008 - 04/2009	Phó phòng Tổ chức Nhân sự kiêm Giám đốc Trung tâm đào tạo - Khối Tổ chức Nhân sự - Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 04/2009 - 02/2019	Giám đốc Nhân sự - Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 02/2019 - nay	Thành viên Ban Điều hành - Ngân hàng TMCP Quân đội

- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành	Thành viên Ban Điều hành - Ngân hàng TMCP Quân đội			
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không			
- Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 30/06/2026)	3.596.585 cổ phần, tỷ lệ 0,045% vốn điều lệ			
+ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ			
+ Sở hữu cá nhân	3.596.585 cổ phần, tỷ lệ 0,045% vốn điều lệ			
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Họ tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/VĐL (%)
	Doãn Thị Thịnh	Mẹ đẻ	637.329	0,008
	Trần Đức Việt	Em trai	129.305	0,002
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành	Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông: như trên Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành: Không có			
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:				
+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ	Không			
+ Thù lao, Lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:	+ Tiền lương năm 2024: 1.931 triệu đồng + Tiền lương năm 2025: 2.115 triệu đồng + ESOP 2024: 208.000 cổ phiếu			

- Các khoản nợ đối với Công ty	4 triệu đồng (Dư nợ thẻ tín dụng)
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành	Không

3.3.11. Ông Vũ Hồng Phú - Thành viên Ban Điều Hành

- Họ và tên:	Vũ Hồng Phú
- Năm sinh:	1983
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Kinh tế Ngân hàng
- Quá trình công tác:	
+ 09/2008 - 02/2010	Chuyên viên kinh doanh ngoại tệ - Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 02/2010 - 09/2012	Trưởng Bộ phận - Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ - Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 09/2012 - 10/2013	Phó phòng Phòng Phát triển kinh doanh - Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ - Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 10/2013 - 07/2014	Trưởng phòng Phòng Phát triển kinh doanh - Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ - Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 07/2014 - 03/2015	Phó Chánh văn phòng HĐQT - Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 03/2015 - 07/2016	Chánh văn phòng HĐQT - Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 07/2016 - 07/2019	Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas
+ 07/2019 - 05/2020	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas (MBAL)

+ 05/2020 - 08/2020	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas (MBAL) kiêm Thành viên HĐQT – Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội (MIC)												
+ 08/2020 - 04/2022	Thành viên Ban Điều hành Ngân hàng TMCP Quân đội, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas (MBAL) kiêm Thành viên HĐQT - Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội (MIC)												
+ 04/2022 - 07/2024	Thành viên Ban Điều hành Ngân hàng TMCP Quân đội, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas (MBAL)												
+ 07/2024 - 01/2026	Thành viên Ban Điều hành Ngân hàng TMCP Quân đội kiêm Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas												
+ 01/2026 - nay	Thành viên Ban Điều hành - Ngân hàng TMCP Quân đội kiêm Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas												
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành	Thành viên Ban Điều hành - Ngân hàng TMCP Quân đội												
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác													
- Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 30/06/2026)	952.979 cổ phần, tỷ lệ 0,012% vốn điều lệ												
+ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ												
+ Sở hữu cá nhân	952.979 cổ phần, tỷ lệ 0,012% vốn điều lệ												
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	<table><tr><th>Họ tên người liên quan</th><th>Mối quan hệ</th><th>Số lượng cổ phần sở hữu</th><th>Tỷ lệ/VĐL (%)</th></tr><tr><td>Lê Hồng Thanh</td><td>Em rể</td><td>193</td><td>0,000</td></tr><tr><td>Lê Phương Thảo</td><td>Em dâu</td><td>86</td><td>0,000</td></tr></table>	Họ tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/VĐL (%)	Lê Hồng Thanh	Em rể	193	0,000	Lê Phương Thảo	Em dâu	86	0,000
Họ tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/VĐL (%)										
Lê Hồng Thanh	Em rể	193	0,000										
Lê Phương Thảo	Em dâu	86	0,000										
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành	Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông: như trên Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát												

	Hành: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:	
+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ	Không có
+ Thù lao, Lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:	+ Tiền lương năm 2024: 1.841 triệu đồng + Tiền lương năm 2025: 2.114 triệu đồng + ESOP 2024: 238.000 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với Công ty	124 triệu đồng (Dư nợ thẻ tín dụng)
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành	Không có

3.3.12. Bà Nguyễn Thị Thanh Nga - Giám đốc Tài chính

- Họ và tên:	Nguyễn Thị Thanh Nga
- Năm sinh:	1981
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Kinh tế
- Quá trình công tác:	
+ 11/2003 - 02/2009	Chuyên viên quan hệ khách hàng - Ngân hàng TMCP Quân đội

+ 02/2009 - 02/2010	Phó phòng Tái thẩm định - Khối Quản trị rủi ro - Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 02/2010 - 07/2010	Trưởng phòng quản lý chất lượng tín dụng - Khối Quản trị rủi ro - Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 07/2010 - 06/2011	Phó Giám đốc Khối - Khối Quản trị rủi ro - Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 06/2011 - 05/2015	Phó Giám đốc Khối - Khối Thẩm định và Phê duyệt tín dụng - Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 05/2015 - 12/2017	Giám đốc Đầu tư - Khối Đầu tư - Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 12/2017 - 03/2019	Giám đốc Khối - Khối Đầu tư - Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 03/2019 - 04/2019	Phụ trách Khối - Khối Tài chính Kế toán
+ 04/2019 – nay	Giám đốc Tài chính - Ngân hàng TMCP Quân đội
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành	Giám đốc Tài chính
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
- Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 30/06/2026)	3.288.436 cổ phần, tỷ lệ 0,041% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ
+ Sở hữu cá nhân	3.288.436 cổ phần, tỷ lệ 0,041% vốn điều lệ
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không có
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành	Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:	

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ	Không có
+ Thù lao, Lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:	+ Tiền lương năm 2024: 1.930 triệu đồng + Tiền lương năm 2025: 2.115 triệu đồng + ESOP 2024: 286.000 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với Công ty	2.888 triệu đồng (Dư nợ khác)
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành	Không có

3.3.13. Bà Đặng Thúy Dung - Kế toán trưởng

- Họ và tên:	Đặng Thúy Dung
- Năm sinh:	1973
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Kinh tế
- Quá trình công tác:	
+ 03/1999 - 12/2004	Nhân viên Kế toán Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 12/2004 - 08/2005	Phụ trách bộ phận Ngân hàng TMCP Quân đội
+ 08/2005 - 10/2008	Phó phòng Kế toán Ngân hàng TMCP Quân đội



+ 10/2008 - 12/2009	Trưởng phòng Hỗ trợ Treasury Ngân hàng TMCP Quân đội																				
+ 12/2009 - 04/2011	Trưởng phòng Kế toán Ngân hàng TMCP Quân đội																				
+ 04/2011- 03/2012	Thành viên chuyên trách Ngân hàng TMCP Quân đội																				
+ 03/2012 - 04/2017	Phó Giám đốc Khối Treasury Ngân hàng TMCP Quân đội																				
+ 04/2017 - 05/2018	Phó Giám đốc Khối - Khối Tài chính Kế toán - Ngân hàng TMCP Quân đội																				
+ 05/2018 - nay	Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Quân đội																				
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Phát Hành	Kế toán trưởng																				
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không có																				
- Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 30/06/2026)	467.230 cổ phần, tỷ lệ 0,006% vốn điều lệ																				
+ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ																				
+ Sở hữu cá nhân	467.230 cổ phần, tỷ lệ 0,006% vốn điều lệ																				
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	<table><tr><th>Họ tên người liên quan</th><th>Mối quan hệ</th><th>Số lượng cổ phần sở hữu</th><th>Tỷ lệ/VĐL (%)</th></tr><tr><td>Vũ Thị Tuất</td><td>Mẹ đẻ</td><td>350.594</td><td>0,004</td></tr><tr><td>Đặng Thị Thủy</td><td>Em gái</td><td>237.285</td><td>0,003</td></tr><tr><td>Phạm Văn Giang</td><td>Em rể</td><td>1.053.014</td><td>0,013</td></tr><tr><td>Nguyễn Bảo Vân</td><td>Con gái</td><td>100</td><td>0,000</td></tr></table>	Họ tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/VĐL (%)	Vũ Thị Tuất	Mẹ đẻ	350.594	0,004	Đặng Thị Thủy	Em gái	237.285	0,003	Phạm Văn Giang	Em rể	1.053.014	0,013	Nguyễn Bảo Vân	Con gái	100	0,000
	Họ tên người liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/VĐL (%)																	
	Vũ Thị Tuất	Mẹ đẻ	350.594	0,004																	
	Đặng Thị Thủy	Em gái	237.285	0,003																	
	Phạm Văn Giang	Em rể	1.053.014	0,013																	
Nguyễn Bảo Vân	Con gái	100	0,000																		
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành	Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông: như trên Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là người nội bộ của Tổ Chức Phát Hành: Không có																				



- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:	
+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ	Không có
+ Thù lao, Lương và các lợi ích khác trong + 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:	+ Tiền lương năm 2024: 1.196 triệu đồng + Tiền lương năm 2025: 1.315 triệu đồng + ESOP 2024: 75.000 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành	Không có

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 805.499.990 cổ phiếu

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 8.054.999.900.000 VNĐ

5. Giá chào bán dự kiến: 10.000 đồng/cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá

❖ **Phương pháp tính giá**

Nguyên tắc xác định giá phát hành được dựa trên cơ sở giá trị sổ sách, giá thị trường và đánh giá mức độ pha loãng cổ phần dự kiến sau khi phát hành.

• **Giá trị sổ sách:**

Công thức tính:

Handwritten signature

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Khối lượng cổ phiếu đã phát hành - Cổ phiếu quỹ}}$$

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán, tại thời điểm 31/12/2024 và tại thời điểm 31/12/2025 giá trị sổ sách của MBB được xác định như sau:

Khoản mục	Đơn vị	31/12/2024	31/12/2025
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	117.059.581	142.022.525
Số lượng CP lưu hành	CP	5.306.324.052	8.054.999.909
Cổ phiếu quỹ	CP	-	-
Giá trị sổ sách mỗi CP	Đồng	22.060	17.632

Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt phát hành thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm.

• **Giá trị thị trường của cổ phiếu**

Tại ngày giao dịch không hưởng quyền, giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{pl} = \frac{P_t + Pr_1 * I_1}{1 + I_1}$$

Trong đó:

- ✓ P_{pl} : Giá cổ phiếu pha loãng.
- ✓ P_t : Giá đóng cửa ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền (Giá định: 30.000 đồng/cổ phiếu);
- ✓ Pr_1 : Giá phát hành đối với quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu (10.000 đồng/cổ phần);
- ✓ I_1 : Tỷ lệ tăng vốn tăng thêm với việc chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu (10%);

Với giả định trên, tại thời điểm chốt danh sách để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, giá thị trường của cổ phiếu Ngân hàng sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$\begin{aligned} P_{pl} &= \frac{P_t + [Pr_1 * 10\%]}{1 + 10\%} \\ &= \frac{30.000 + 10.000 * 10\%}{1 + 10\%} \\ &= 28.181,8 \text{ đồng/ cổ phần} \end{aligned}$$

Handwritten signature

Cổ phiếu được chào bán cho cổ đông hiện hữu, do tính chất ưu tiên của đối tượng phân phối, đồng thời căn cứ vào tình hình thị trường chứng khoán, nhu cầu sử dụng vốn, giá trị thị trường và giá trị sổ sách của cổ phiếu, cũng như trên cơ sở phân tích mức độ pha loãng giá, giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng 10.000 đồng/cổ phiếu.

7. Phương thức phân phối

- Tỷ lệ phân phối: Cổ phiếu phát hành thêm được chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền với tỷ lệ thực hiện quyền là 10: 1 (Tại thời điểm chốt danh sách để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 10 quyền được mua 01 cổ phiếu mới)
- Nguyên tắc làm tròn: Đối với cổ phiếu lẻ, phần lẻ cổ phần (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền, để đảm bảo không vượt quá số lượng chào bán, số lượng cổ phần chào bán thêm mà cổ đông được thực hiện quyền mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị; số cổ phiếu lẻ thập phân (nếu có) sẽ được làm tròn xuống thành 0 cổ phần.
- Phương thức xử lý số cổ phiếu lẻ, cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được thực hiện quyền mua nhưng chưa phân phối hết:

Số cổ phiếu lẻ, số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được thực hiện quyền mua nhưng chưa phân phối hết (cổ đông không đăng ký mua/từ chối thực hiện quyền mua/không nộp tiền mua/không nộp tiền mua đúng hạn/chưa phân phối hết trong các trường hợp khác) do HĐQT quyết định phương án xử lý phù hợp quy định pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc: (i) phân phối cho Công đoàn cơ sở MB theo phê duyệt của HĐQT và/hoặc chào bán cho (các) nhà đầu tư khác (không giới hạn các cổ đông hiện hữu khác) với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu, và/hoặc (ii) HĐQT quyết định kết thúc đợt chào bán.

HĐQT quyết định các nội dung cụ thể để thực hiện việc chào bán cho nhà đầu tư khác mua cổ phiếu lẻ, số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được thực hiện quyền mua nhưng chưa phân phối hết (bao gồm nhưng không giới hạn ở thời gian/thứ tự thực hiện, giá chào bán, các điều kiện chào bán, tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư, danh sách nhà đầu tư, tìm kiếm và lựa chọn nhà đầu tư, số cổ phiếu phân phối cho từng nhà đầu tư và các nội dung khác có liên quan).

Trong đó, việc HĐQT quyết định các nội dung cụ thể để thực hiện việc chào bán cho nhà đầu tư khác mua cổ phiếu lẻ, số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được thực hiện quyền mua nhưng chưa phân phối hết đảm bảo tuân thủ các điều kiện theo Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và các quy định pháp luật liên quan, bao gồm nhưng không hạn chế ở các điều kiện sau:

- Tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp 2020 (đã được sửa đổi, bổ sung): “*Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau*”.
- Đảm bảo các điều kiện chào bán quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính Phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán (đã được sửa đổi, bổ sung).

Trường hợp hết thời gian phân phối cổ phiếu theo quy định pháp luật (gồm cả thời gian gia hạn - nếu có), nếu vẫn còn cổ phiếu vẫn chưa phân phối hết thì HĐQT quyết định kết thúc đợt chào bán, phù hợp quy định pháp luật.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu:
Không giới hạn số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu.
- Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu:
Thời gian đăng ký mua cổ phiếu sẽ phụ thuộc vào thời gian phân phối cổ phiếu. Ngân hàng TMCP Quân Đội sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong Bản thông báo phát hành và đảm bảo thời hạn đăng ký mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo đúng quy định.
- Phương thức xử lý số cổ phiếu lẻ, cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được thực hiện quyền mua nhưng chưa phân phối hết: *Như mục VII.7 trên đây.*
- Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua cổ phiếu:

Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua cổ phiếu

Trong thời hạn ít nhất 20 ngày kể từ ngày quyền mua có hiệu lực, cổ đông thuộc Danh sách người sở hữu quyền mua sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần và nộp tiền theo tỷ lệ được mua đã quy định. Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở Thành viên Lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phần tại Thành viên Lưu ký đó. Cổ đông chưa thực hiện lưu ký cổ phiếu sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần tại MB/đơn vị được MB ủy quyền và nộp tiền mua cổ phần vào tài khoản phong tỏa (*chi tiết về tài khoản phong tỏa tại mục VII.12 dưới đây*).

Số lượng cổ phiếu đăng ký mua:

Là số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được quyền mua theo tỷ lệ hoặc/và số lượng cổ phiếu từ việc nhận chuyển nhượng quyền mua hoặc/và số cổ phiếu không bán hết được HĐQT quyết định phân phối tiếp. (Cổ phiếu quỹ không được thực hiện quyền mua cổ phiếu trong đợt chào bán).

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Việc phân phối cổ phần chào bán thêm dự kiến sẽ được tiến hành trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực. Thời gian phát hành dự kiến là trong năm 2026.

Bảng 50: Lịch trình phân phối cổ phiếu

TT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp có hiệu lực.	T



2	Công bố Bản thông báo phát hành trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Luật Chứng khoán và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của MB, HOSE, UBCKNN. Công bố Bản cáo bạch chính thức trên trang thông tin điện tử của MB.	T đến T+7
3	Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm trên trang thông tin điện tử của Tổ Chức Phát Hành, HOSE. Gửi hồ sơ Thông báo ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm đến Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.	T+1 đến T+3
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền.	T+12
5	Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.	T+13
6	Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp Danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.	T+13 đến T+15
7	Cổ đông hiện hữu chuyển nhượng quyền mua.	T+19 đến T+34
8	Cổ đông hiện hữu đăng ký thực hiện quyền mua, nộp tiền mua thêm cổ phiếu.	T+19 đến T+39
9	Tổng hợp việc thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu. Lập báo cáo trình HĐQT để HĐQT quyết định phương thức xử lý số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết.	T+39 đến T+49
10	Xử lý cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết sau khi cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua.	T+49 đến T+59
11	Báo cáo kết quả đợt chào bán lên UBCKNN.	T+59 đến T+69
12	Thực hiện đăng ký chứng khoán bổ sung tại VSDC, đăng ký niêm yết bổ sung tại HOSE, chuyển giao cổ phiếu cho nhà đầu tư.	T+69 đến T+90

10. Phương thức thực hiện quyền:

- Điều kiện thực hiện quyền: Các cổ đông hiện hữu có tên trong Danh sách người sở hữu cuối cùng tại ngày chốt danh sách phân bổ quyền mua. Cổ phiếu quỹ không được thực hiện quyền mua thêm cổ phiếu.

- Thời gian thực hiện quyền: Theo thời gian nêu trong lịch trình dự kiến ở trên.
- Phương thức thực hiện quyền: Cổ đông đã lưu ký chứng khoán đăng ký mua cổ phiếu phát hành thêm, chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, thực hiện quyền mua cổ phiếu tại các Thành viên Lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản chứng khoán. Cổ đông chưa lưu ký chứng khoán sẽ thực hiện các quyền tương tự trên tại MB/đơn vị được MB ủy quyền trong thời gian thực hiện quyền mua được MB thông báo tại Bản thông báo phát hành.

Hết thời hạn thực hiện quyền mua theo thông báo của MB, các cổ đông không thực hiện quyền mua được xem là từ chối quyền mua. Số lượng cổ phiếu cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền sẽ được Hội đồng quản trị phân phối cho Công đoàn cơ sở MB và/hoặc nhà đầu tư khác theo uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Quyền lợi người mua cổ phiếu: Cổ đông hiện hữu có tên trong Danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phần (do VSDC cung cấp) có quyền chuyển nhượng một số hoặc toàn bộ quyền mua cổ phần của mình cho người khác trong thời gian quy định (chậm nhất trong 05 (năm) ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp tiền mua).

Quyền mua cổ phần chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần duy nhất (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho người thứ ba). Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

- Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình nhưng chỉ được chuyển nhượng một lần và người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho bên thứ ba. Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng và thanh toán tiền chuyển nhượng.
- Số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền là cổ phiếu phổ thông được tự do chuyển nhượng.
- Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết gồm:

Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết nói trên khi chào bán tiếp cho Công đoàn cơ sở MB và/hoặc đối tượng khác theo quyết định của Hội đồng quản trị sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa như sau:

Tên Ngân hàng : Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV

Tài khoản số : 1247956018

Chủ tài khoản : Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội

13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành

Theo Công văn 5545/NHNN-QLGS ngày 26/06/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc tăng vốn điều lệ của MB, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có ý kiến như sau:

- (1) Chấp thuận việc MB tăng vốn điều lệ tối đa thêm 22.137.499.760.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi hai nghìn một trăm ba mươi bảy tỷ bốn trăm chín mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) từ nguồn lợi nhuận lũy kế chưa phân phối, phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu và chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo Phương án tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 11/NQ-MB-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2026 và Hội đồng quản trị MB thông qua tại Nghị quyết số 24/NQ-MB-HĐQT ngày 15/5/2026.
- (2) Yêu cầu MB:
 - a. Thực hiện việc tăng vốn điều lệ theo đúng quy định của pháp luật, bao gồm việc tuân thủ quy định về giới hạn sở hữu cổ phần của các cổ đông, cổ đông và người có liên quan của những cổ đông này theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 (đã sửa đổi, bổ sung) (Luật Các TCTD) và các văn bản hướng dẫn của NHNN sau khi tăng vốn điều lệ.
 - b. MB chỉ được thực hiện tăng vốn điều lệ theo điểm (1) công văn này khi tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.
 - c. Thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư mua cổ phần của MB thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của cổ đông theo đúng quy định tại Điều 62, Điều 63 Luật Các TCTD, Thông tư số 50/2025/TT-NHNN ngày 24/12/2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư số 50) và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, trong đó lưu ý nhà đầu tư về việc:
 - Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua; không được mua dưới tên cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho MB thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong MB. MB có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông nhận ủy thác đầu tư trong trường hợp cổ đông này không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác về chủ sở hữu thực sự các cổ phần.
 - Chịu trách nhiệm tuân thủ quy định của Luật Các TCTD về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài, giới hạn sở hữu cổ phần của cổ đông, cổ đông và người có liên quan.
 - Chịu trách nhiệm tuân thủ quy định về cổ đông lớn, cổ đông lớn và người có liên quan.
 - d. Tuân thủ quy định về phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu, chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo quy định của Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (đã được sửa đổi, bổ sung) và quy định của pháp luật có liên quan.
 - e. Trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc phát hành, chào bán cổ phiếu theo quy định của pháp luật, MB thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động theo quy định tại khoản 4 Điều 11, khoản 4 Điều 12 Thông tư số 50.
- (3) Văn bản này có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký và văn bản số 6471/NHNN-QLGS ngày 25/7/2025 của NHNN hết hiệu lực thi hành.

14. Hủy bỏ đợt chào bán: Không áp dụng.

15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Theo Công văn số 3302/UBCK-PTTT ngày 02/07/2021 của UBCK về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại MB: 23,2351%

Theo thông tin về số liệu sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài do VSDC công bố, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại MB tại ngày 30/06/2026 (bao gồm cả tổ chức và cá nhân) là 1.787.908.748 cổ phiếu, tương ứng với tỷ lệ sở hữu: 22,1963%.

Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của MB là phương án phát hành quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ. Cổ đông được phân bổ quyền mua theo danh sách người sở hữu chứng khoán tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện chào bán thêm cổ phiếu do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp. HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài cụ thể như sau:

- Trong quá trình cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu và phân phối số cổ phiếu lẻ, cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được thực hiện quyền mua nhưng chưa phân phối hết (nếu có), MB phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với VSDC để theo dõi, cập nhật và kiểm soát tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài của MB tuân thủ quy định pháp luật².
- Việc chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu, thực hiện quyền mua và phân phối số cổ phiếu lẻ, cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được thực hiện quyền mua nhưng chưa phân phối hết (nếu có) cho nhà đầu tư nước ngoài chỉ được thực hiện trong phạm vi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của MB. MB thực hiện công bố/thông báo chi tiết tới các cổ đông, nhà đầu tư về các yêu cầu tuân thủ để triển khai thống nhất. Đối với các giao dịch do MB tiếp nhận và thực hiện xác nhận giao dịch theo quy định pháp luật, MB chỉ xác nhận giao dịch sau khi đã phối hợp với VSDC để kiểm tra, đối chiếu tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của MB; việc xác nhận giao dịch được thực hiện trong phạm vi tỷ lệ sở hữu nước ngoài còn lại của MB theo thứ tự xử lý giao dịch (để làm rõ, thứ tự xử lý giao dịch ở đây là thứ tự thời gian) và bảo đảm không vượt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại mọi thời điểm theo quy định pháp luật.

16. Các loại thuế có liên quan

16.1. Đối với Tổ Chức Phát Hành

▪ **Thuế giá trị gia tăng**

Theo Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thuế giá trị gia tăng, Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

▪ **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

16.2. Đối với nhà đầu tư liên quan đến cổ phiếu chào bán

² Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Luật Chứng khoán, Khoản 5 Điều 139 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Công văn số 3302/UBCK-PTTT ngày 2/7/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các quy định pháp luật liên quan về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

- **Đối với nhà đầu tư cá nhân**

- ***Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:***

Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần được quy định tại Khoản 1 Điều 54 Nghị định 253/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập cá nhân.

- ***Thu nhập từ cổ tức:***

Thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.

Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.

Theo Khoản 4 Điều 52 Nghị định 253/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập cá nhân, trường hợp cá nhân nhận cổ tức bằng cổ phiếu, cá nhân là cổ đông hiện hữu nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu thì cá nhân chưa phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn khi nhận cổ phiếu. Khi chuyển nhượng số cổ phiếu này, cá nhân phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn mà tại thời điểm nhận cổ tức bằng cổ phiếu, nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu cá nhân chưa nộp thuế; đồng thời cá nhân thực hiện nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán theo quy định. Trường hợp chuyển nhượng cổ phiếu cùng loại thì phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn cho tới khi hết số cổ phiếu nhận thay cổ tức, cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Thu nhập tính thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn đối với trường hợp cá nhân nhận cổ tức bằng cổ phiếu, cổ đông hiện hữu nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu là giá trị cổ tức ghi trên sổ sách kế toán hoặc số lượng cổ phiếu thực nhận nhân (x) với mệnh giá của cổ phiếu đó. Trường hợp giá chuyển nhượng cổ phiếu thấp hơn mệnh giá tại thời điểm chuyển nhượng thì tính thuế thu nhập cá nhân đối với hoạt động đầu tư vốn theo giá thị trường tại thời điểm chuyển nhượng.

- **Đối với nhà đầu tư tổ chức**

- ***Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:***

- + **Đối với tổ chức trong nước:**

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

- + **Đối với tổ chức nước ngoài:**

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế phát sinh tại Việt Nam theo điểm g Khoản 3 Điều 12 Nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025.



• **Thu nhập từ cổ tức**

Theo quy định tại Khoản 7 Điều 4 Nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025, Thu nhập được chia từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần, liên doanh, liên kết kinh tế với doanh nghiệp trong nước, sau khi bên nhận góp vốn, liên doanh, liên kết đã nộp thuế theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả trường hợp bên nhận góp vốn, bên phát hành cổ phiếu, bên liên doanh, liên kết được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

17. Thông tin về các cam kết

- Cam kết về việc thực hiện niêm yết:

Hội đồng quản trị MB cam kết đăng ký chứng khoán bổ sung tại VSDC, thực hiện đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu trên HOSE đảm bảo tuân thủ quy định việc Tổ Chức Phát Hành phải hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

- Cam kết khác liên quan đến đợt chào bán: Không có.

18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, ngoài phương án phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025 và phát hành cổ phiếu riêng lẻ. Hai phương án phát hành này sẽ được thực hiện sau khi được UBCKNN thông báo nhận được hồ sơ báo cáo phát hành của MB theo quy định của pháp luật.

Sau khi UBCKNN thông báo nhận hồ sơ báo cáo phát hành cổ phiếu trả cổ tức của MB theo quy định của pháp luật, MB sẽ thực hiện chốt danh sách thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu cùng ngày với ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo hình thức phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu dự kiến tối đa 8.054.999.900.000 VNĐ sẽ được sử dụng để bổ sung vốn hoạt động, kinh doanh cho MB trên nguyên tắc an toàn, hiệu quả và mang lại lợi ích cho cổ đông, phù hợp với mục đích đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 11/NQ-MB-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2026 (chi tiết tại Tờ trình số 432/TTr-MB-HĐQT ngày 28/03/2026).

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo hình thức phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu dự kiến tối đa 8.054.999.900.000 VNĐ sẽ được sử dụng để bổ sung vốn hoạt động, kinh doanh cho MB trên nguyên tắc an toàn, hiệu quả và mang lại lợi ích cho cổ đông, phù hợp Nghị quyết ĐHĐCĐ số 11 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 30/NQ-MB-HĐQT ngày 03/07/2026, cụ thể như sau:

T T	Phương án sử dụng tiền thu được	Số tiền đầu tư dự kiến (VNĐ)	Thời gian sử dụng dự kiến
1	Cho vay bổ sung vốn lưu động sản xuất	3.170.000.000.000	Sau khi hoàn thành

Handwritten signature/initials

T T	Phương án sử dụng tiền thu được	Số tiền đầu tư dự kiến (VNĐ)	Thời gian sử dụng dự kiến
	kinh doanh		phương án tăng vốn, dự kiến trong Quý 4/2026, phù hợp với thực tế triển khai.
2	Cho vay tài trợ dự án, cho vay đầu tư tài sản cố định	4.180.000.000.000	
3	Cho vay cá nhân tiêu dùng, mua nhà	704.999.900.000	
	Tổng cộng	8.054.999.900.000	

Trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán ra công chúng theo hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích nêu trên thì thứ tự ưu tiên sử dụng cho các mục đích theo thứ tự ưu tiên giảm dần như sau:

- Ưu tiên 1: Cho vay bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh;
- Ưu tiên 2: Cho vay tài trợ dự án, cho vay đầu tư tài sản cố định;
- Ưu tiên 3: Cho vay cá nhân tiêu dùng, mua nhà.

Trong trường hợp kết thúc thời gian phân phối cổ phiếu theo quy định, MB không chào bán hết số cổ phiếu đã đăng ký và số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ như dự kiến, HĐQT quyết định thực hiện một hoặc một số các biện pháp: đề nghị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền gia hạn đợt chào bán phù hợp quy định pháp luật; và/hoặc sử dụng nguồn vốn khác để thực hiện kế hoạch vốn, phù hợp quy định pháp luật, quy định MB.

Đại hội đồng cổ đông năm 2026 cũng đã thông qua Ủy quyền và giao nhiệm vụ cho HĐQT Quyết định các nội dung cụ thể và việc điều chỉnh đối với kế hoạch sử dụng vốn thu được trên cơ sở hiệu quả, phù hợp với thực tế hoạt động, kinh doanh của MB và phù hợp quy định pháp luật.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]





X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán

Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ: Khu vực 1-Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội

Điện thoại: 024 7304 5688

Website: <https://www.mbs.com.vn>

2. Tổ chức kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2024, năm 2025 được kiểm toán bởi:

Công ty TNHH KPMG

Địa chỉ: Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa, Hà Nội.

Điện thoại: +84 24 3946 1600

Website: <https://kpmg.com/vn/vi/home.html>

3. Ý kiến của Tổ chức tư vấn:

Với vai trò là Tổ chức tư vấn, Chúng tôi đã tham gia hỗ trợ Tổ Chức Phát Hành trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Bản Cáo bạch này. Theo đó, Chúng tôi lưu ý rằng toàn bộ các thông tin, dữ liệu, số liệu, hình ảnh, thống kê và các nội dung khác được trình bày trong tài liệu này đều do Tổ Chức Phát Hành cung cấp. Chúng tôi không thực hiện việc kiểm tra, xác minh, đối chiếu, đánh giá độc lập hoặc xác nhận tính chính xác, trung thực, đầy đủ, toàn diện hay độ tin cậy của các thông tin và dữ liệu nêu trên.

Các nội dung trong Bản Cáo bạch được xây dựng nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo cho nhà đầu tư. Do đó, nhà đầu tư cần chủ động nghiên cứu, phân tích các cơ hội cũng như rủi ro liên quan trước khi đưa ra quyết định đầu tư, trên cơ sở mục tiêu tài chính, khả năng chấp nhận rủi ro và chiến lược đầu tư riêng của mình tại từng thời điểm.

Bản Cáo bạch này, cùng các tài liệu liên quan đến đợt chào bán và các ý kiến của Tổ chức tư vấn, không được xem là báo cáo phân tích đầu tư hoặc khuyến nghị đầu tư dưới bất kỳ hình thức nào. Các nội dung này không nhằm đưa ra sự bảo đảm, cam kết hay hàm ý về hiệu quả đầu tư, giá trị hoặc diễn biến của chứng khoán trong hiện tại hay tương lai.

Nhà đầu tư có trách nhiệm tự đánh giá, xem xét và đưa ra quyết định đầu tư phù hợp với nhu cầu, mục tiêu, mức độ chấp nhận rủi ro và định hướng đầu tư của mình.

4. Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán.

Không có.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.



XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lưu Trung Thái

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Như Ánh

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH



Nguyễn Thị Thanh Nga

XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2026

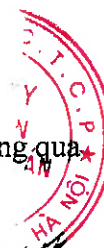
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB
TỔNG GIÁM ĐỐC



Hoàng Hà

XIII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Giấy phép thành lập và hoạt động của MB số 03/GP-NHNN ngày 16 tháng 01 năm 2026; Quyết định số 53/QĐ-QLGS4 ngày 25/06/2026.
2. Phụ lục II: Điều lệ Ngân hàng.
3. Phụ lục III: Nghị quyết của ĐHĐCĐ MB số 11/NQ-MB-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2026 thông qua phương án tăng vốn điều lệ.
4. Phụ lục IV: Nghị quyết của HĐQT MB số 24/NQ-MB-HĐQT ngày 15/05/2026 về việc triển khai các phương án tăng vốn điều lệ MB theo Nghị quyết ĐHĐCĐ MB năm 2026; Nghị quyết của HĐQT MB số 30/NQ-MB-HĐQT ngày 03/07/2026 về việc triển khai phương án tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu và Nghị quyết của HĐQT MB số 31/NQ-MB-HĐQT ngày 03/07/2026 về việc thông qua bộ hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng.
5. Phụ lục V: Văn bản xác nhận số 22445/BIDV-ĐCTC ngày 19/06/2026 của Ngân hàng TMCP Đầu tư Việt Nam (BIDV) về việc xác nhận thông tin tài khoản phong tỏa phục vụ mục đích tăng vốn của NHTMCP Quân đội.
6. Phụ lục VI: Văn bản số 5545/NHNN-QLGS ngày 26/06/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc tăng vốn điều lệ của MB.
7. Phụ lục VII: Báo cáo tài chính riêng lẻ, hợp nhất của MB năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng lẻ, hợp nhất của MB tại ngày 30/06/2026.
8. Phụ lục VIII: Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu ra công chúng với các mã trái phiếu MBBH2430001, MBBH2430002, MBBH2430003 đã được kiểm toán.



Số: 03 /GP-NHNN

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2026

GIẤY PHÉP

Về việc thành lập và hoạt động Ngân hàng Thương mại cổ phần

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 96/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 34/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; Quyết định số 2239/QĐ-NHNN ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc đính chính Thông tư số 34/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng;

Xét đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội số 729/MB-HĐQT ngày 04/9/2024, số 817/MB-HĐQT ngày 02/10/2024, số 943/MB-HĐQT ngày 13/11/2024, số 940/MB-HĐQT ngày 22/8/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động số 100/GP-NHNN ngày 16/10/2018 cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội như sau:

1. Tên Ngân hàng:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội.
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: Military Commercial Joint Stock Bank.
- Tên giao dịch: Ngân hàng Quân Đội.

- Tên viết tắt: MB

2. Địa chỉ trụ sở chính: số 18 Lê Văn Lương, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.

Điều 2. Vốn điều lệ của Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội là 80.549.999.090.000 đồng (bằng chữ: Tám mươi nghìn năm trăm bốn mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng).

Điều 3. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội là 99 năm kể từ ngày 14/9/1994.

Điều 4. Nội dung hoạt động

Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi.
3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - a) Cho vay;
 - b) Chiết khấu, tái chiết khấu;
 - c) Bảo lãnh ngân hàng;
 - d) Phát hành thẻ tín dụng;
 - đ) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế;
 - e) Thư tín dụng.
4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.
6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây:
 - a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
 - b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
7. Vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn.
8. Mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước.
9. Cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
10. Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.
11. Mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước.
12. Mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.
13. Mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
14. Tổ chức thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
15. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

16. Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm về ngoại hối trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định.

17. Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm phái sinh về lãi suất.

18. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

19. Đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

20. Các hoạt động kinh doanh khác

a) Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;

b) Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ không qua tài khoản;

c) Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và các giấy tờ có giá khác;

d) Dịch vụ môi giới tiền tệ;

đ) Kinh doanh vàng;

e) Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng;

g) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép;

h) Phát hành trái phiếu;

i) Lưu ký chứng khoán;

k) Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

21. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.

22. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.

23. Mua nợ.

Điều 5. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

Điều 6. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng số 100/GP-NHNN ngày 16/10/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Quyết định số 2009/QĐ-NHNN ngày 25/11/2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội; Quyết định số 719/QĐ-TTGSNH2 ngày 18/11/2024 của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội; Quyết định số 704/QĐ-QLGS4 ngày 25/4/2025 của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội; Quyết định số 3269/QĐ-NHNN ngày 24/9/2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội;



Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng số 14/GP-NHNN ngày 08/01/2013 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội tiếp tục có hiệu lực thi hành và là bộ phận không tách rời của Giấy phép này.

Điều 7. Giấy phép cấp đổi cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội được lập thành ba (03) bản chính: một (01) bản cấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội; hai (02) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (một (01) bản lưu tại Văn phòng Ngân hàng Nhà nước, một (01) bản lưu tại hồ sơ cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội))

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Bộ Công an;
- Bộ Tài chính;
- UBND TP. Hà Nội;
- Các đơn vị: Thanh tra NHNN, SGD, Vụ CSTT, Vụ TT, Vụ TD CNKT, Vụ PC, Vụ HTQT, Cục ATHT, Cục PHKQ, Cục CNTT, Cục QLNH, Cục PCRT;
- NHNN chi nhánh Khu vực 1;
- Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;
- Lưu: VP, QLGS4 (02b). PKOANH

**KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**



Phạm Quang Dũng

Số: /QĐ-QLGS4

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động
của Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ, GIÁM SÁT TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 96/2025/QH15 và Luật số 142/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 34/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-NHNN và Thông tư số 11/2026/TT-NHNN;

Xét đề nghị của Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội tại Văn bản số 557/MB-HĐQT ngày 24 tháng 4 năm 2026, Văn bản số 720/MB-HĐQT ngày 17 tháng 6 năm 2026 và hồ sơ, tài liệu kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý, giám sát ngân hàng thương mại cổ phần 1.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung vào Điều 4 về nội dung hoạt động tại Giấy phép thành lập và hoạt động số 03/GP-NHNN ngày 16/01/2026 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội như sau:

“24. Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế:

- Hệ thống của Hiệp hội Viễn thông Tài chính Liên ngân hàng Toàn cầu (SWIFT).
- Hệ thống thanh toán thẻ quốc tế của tổ chức thẻ quốc tế Visa.
- Hệ thống thanh toán thẻ quốc tế của tổ chức thẻ quốc tế MasterCard.
- Hệ thống thanh toán thẻ quốc tế của tổ chức thẻ quốc tế JCB.
- Hệ thống thanh toán thẻ quốc tế của tổ chức thẻ quốc tế UPI”.

Điều 2. Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội có trách nhiệm thực hiện các thủ tục quy định tại khoản 4 Điều 37 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 (đã sửa đổi, bổ sung) và các quy định pháp luật có liên quan đối với nội dung hoạt động được bổ sung nêu tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép thành lập và hoạt động số 03/GP-NHNN ngày 16/01/2026 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội.

Điều 4. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng Ban và các thành viên Ban kiểm soát; Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thống đốc NHNN (để b/c);
- PTĐ Phạm Quang Dũng (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- Sở Tài chính TP. Hà Nội (để ph/h);
- Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (để ph/h);
- Các đơn vị: Văn phòng NHNN, TTNH, SGD, Vụ TT, Cục PCRT, Cục QLNH, Vụ HTQT, Cục CNTT, NHNN CN Khu vực 1 (để ph/h);
- Lưu: VT, QLGS4. ĐTTTHUẾ.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Mai Khánh Dũng





Số: 11/NQ-MB-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI

V/v thông qua Phương án tăng vốn điều lệ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành, Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành liên quan;

Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Quân đội (MB);

Căn cứ Tờ trình số 432/TTr-MB-HĐQT ngày 28/03/2026 của Hội đồng Quản trị về việc thông qua Phương án tăng vốn điều lệ;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 540/BB-MB-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2026;

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ MB từ mức 80.549.999.090.000 VNĐ lên tối đa 102.687.498.850.000 VNĐ (tăng thêm tối đa 22.137.499.760.000 VNĐ) (bao gồm cả việc tiếp tục thực hiện chuyển tiếp phương án tăng vốn đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2025 thông qua theo điểm 4 mục II phương án kèm theo Nghị quyết này).

2. Thông qua việc đăng ký, lưu ký và đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu chào bán, phát hành thêm tại Cơ quan có thẩm quyền.

3. Ủy quyền và giao nhiệm vụ cho HĐQT quyết định các nội dung cụ thể và tổ chức thực hiện các phương án tăng vốn điều lệ nêu trên, quyết định thời gian, lộ trình, thứ tự thực hiện của phương án tăng vốn điều lệ cụ thể phù hợp nhu cầu thực tiễn hoạt động của MB, quy định pháp luật và hướng dẫn của Cơ quan có thẩm quyền, trên cơ sở hài hòa lợi ích của cổ đông; thực hiện các thủ tục có liên quan với các Cơ quan có thẩm quyền, cổ đông, nhà đầu tư và các bên liên quan để triển khai thực hiện các phương án tăng vốn, bao gồm nhưng không giới hạn trong các vấn đề sau:

3.1. Quyết định thời điểm, trình tự thực hiện cụ thể các phương án tăng vốn điều lệ: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, Phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu, Chào bán cổ phiếu riêng lẻ; Quyết định phương án đảm bảo việc chào bán/phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa.

3.2. Đối với phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phương án phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu: quyết định phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không phân phối hết trong đợt phát hành phù hợp quy định pháp luật.

3.3. Đối với phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ: quyết định lựa chọn, xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp đáp ứng các tiêu chí lựa chọn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quyết định số lượng cổ phiếu chào bán, giá chào bán cụ thể cho các nhà đầu tư, phù hợp



với phương án tăng vốn nêu tại mục II phương án kèm theo Nghị quyết này, thực tế triển khai, điều kiện thị trường phù hợp và văn bản/hướng dẫn của Cơ quan có thẩm quyền.

3.4. Quyết định các nội dung cụ thể và việc điều chỉnh đối với kế hoạch sử dụng vốn thu được trên cơ sở hiệu quả, phù hợp với thực tế hoạt động, kinh doanh của MB và phù hợp quy định pháp luật.

3.5. Quyết định việc thực hiện các thủ tục và ký hồ sơ, tài liệu có liên quan để thực hiện: (i) đăng ký, lưu ký, đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu được chào bán, phát hành; (ii) sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Điều lệ, các thủ tục, hồ sơ, giấy tờ pháp lý khác có liên quan đến việc cập nhật mức vốn điều lệ mới theo thực tế kết quả thực hiện các phương án tăng vốn; (iii) thủ tục khác có liên quan theo văn bản/hướng dẫn của Cơ quan có thẩm quyền.

4. Hội đồng Quản trị quyết định, tổ chức thực hiện, phân công, ủy quyền, giao nhiệm vụ cho cá nhân, đơn vị MB để triển khai, thực hiện công việc/thủ tục có liên quan, phù hợp quy định pháp luật và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Nơi nhận:

- Cổ đông (truy cập tại Website MB);
- HĐQT, BKS;
- BDH;
- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Lưu VP HĐQT.

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lưu Trung Thái



Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2026

PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI

Ban hành kèm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Quân đội
số 11/NQ-MB-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2026

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Việc MB tiếp tục tăng vốn điều lệ là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng nhằm nâng cao năng lực tài chính, năng lực hoạt động và khả năng cạnh tranh của MB. Cụ thể:

- Tiếp tục thực hiện chuyển tiếp trong năm 2026 đối với phương án tăng vốn điều lệ đã được ĐHĐCĐ thông qua năm 2025 để đảm bảo tăng quy mô vốn điều lệ hàng năm.
- Đảm bảo tuân thủ, đáp ứng tốt các chỉ tiêu an toàn trong hoạt động ngân hàng, nâng cao khả năng quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng.
- Nâng cao khả năng đầu tư tăng năng lực cho MB và phát triển mở rộng mạng lưới, bổ sung vốn đầu tư, kinh doanh sinh lời trong các hoạt động.
- Bảo toàn và phát triển vốn điều lệ phù hợp với quy định pháp luật.

II. KẾ HOẠCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Mức tăng vốn điều lệ dự kiến

a. Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2025: 80.549.999.090.000 VNĐ (*Bằng chữ: Tám mươi nghìn năm trăm bốn mươi chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu không trăm chín mươi nghìn đồng*) trong đó:

- + Số lượng cổ phần phổ thông đã phát hành: 8.054.999.909 cổ phần;
- + Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành: 8.054.999.909 cổ phần;
- + Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần;
- + Số lượng cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần.

b. Số vốn điều lệ dự kiến tăng thêm tối đa 22.137.499.760.000 VNĐ (*Bằng chữ: Hai mươi hai nghìn một trăm ba mươi bảy tỷ bốn trăm chín mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*), bao gồm:

- + Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức: tối đa 12.082.499.860.000 VNĐ (*Bằng chữ: Mười hai nghìn không trăm tám mươi hai tỷ bốn trăm chín mươi chín triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*). Chi tiết tại Mục II.2.
- + Tăng vốn từ phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu: tối đa 8.054.999.900.000 VNĐ (*Bằng chữ: Tám nghìn không trăm năm mươi tư tỷ chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng*). Chi tiết tại Mục II.3
- + Tăng vốn từ chào bán cổ phiếu riêng lẻ: tối đa 2.000.000.000.000 VNĐ (*Bằng chữ: Hai nghìn tỷ đồng*). Chi tiết tại Mục II.4.

c. Vốn điều lệ dự kiến sau khi hoàn thành việc tăng vốn điều lệ: tối đa 102.687.498.850.000 VNĐ (*Bằng chữ: Một trăm lẻ hai nghìn sáu trăm tám mươi bảy tỷ bốn trăm chín mươi tám triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

2. Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức

Tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025 với tỷ lệ 15% tổng số cổ phiếu phổ thông lưu hành tại thời điểm chốt danh sách cổ đông được thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu theo quy định pháp luật (tối đa phát hành thêm 1.208.249.986 cổ phiếu phổ thông tương đương với vốn điều lệ tối đa tăng thêm 12.082.499.860.000 VNĐ¹).

- **Đối tượng phát hành:** Cổ đông hiện hữu có tên trên Danh sách cổ đông được thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông phù hợp quy định pháp luật từng thời kỳ. HĐQT quyết định ngày chốt Danh sách cổ đông hưởng được thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu.

- **Số lượng cổ phiếu phát hành:** tối đa 1.208.249.986 cổ phiếu phổ thông; mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu.

- **Tổng mệnh giá phát hành:** tối đa 12.082.499.860.000 VNĐ.

- **Nguồn thực hiện:** Từ lợi nhuận lũy kế chưa phân phối của MB năm 2025, phù hợp quy định. Trong đó:

+ Lợi nhuận sau thuế hợp nhất MB năm 2025: 27.382.977.454.015 VNĐ;

+ Lợi nhuận sau thuế riêng MB năm 2025: 27.329.888.126.228 VNĐ;

+ Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối hợp nhất MB năm 2025: 32.577.391.341.214 VNĐ;

+ Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối riêng MB năm 2025: 29.705.958.179.051 VNĐ;

+ Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối riêng MB sau khi trích lập các quỹ năm 2025 dự kiến: 21.506.991.741.182 VNĐ.

- **Thông tin về quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận lũy kế chưa phân phối và các quỹ khác tại ngày 31/12/2025 theo Báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán của MB:**

TT	Chỉ tiêu (Đơn vị tính: triệu đồng)	Riêng ngân hàng	Hợp nhất
1	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	6.806.293	6.972.588
2	Thặng dư vốn cổ phần	1.304.334	1.304.334
3	Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối	29.705.958	32.577.391
4	Quỹ khác (bao gồm Quỹ dự phòng tài chính)	12.273.072	12.418.296

- **Thời gian hạn chế chuyển nhượng:** Cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức không bị hạn chế chuyển nhượng.

- **Thời gian dự kiến phát hành:** Năm 2026, phù hợp quy định pháp luật. Thời gian thực hiện cụ thể do HĐQT quyết định trên cơ sở giấy phép/chấp thuận của các Cơ quan có thẩm quyền và điều kiện thị trường phù hợp.

- **Phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ:** Số lượng cổ phiếu phát hành theo tỷ lệ phân phối quyền đối với từng cổ đông được tính theo số nguyên, phần thập phân sẽ không được làm tròn thành 01 cổ phiếu. Phương án xử lý số phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ, cổ phiếu chưa phân phối hết phát sinh (nếu có) do HĐQT quyết định phù hợp quy định pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn việc chuyển cho Công đoàn cơ sở MB quản lý và/hoặc phân phối/phân phối lại theo phê duyệt của HĐQT.

¹ Theo giả thiết ngày chốt Danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phần (phát hành cho cổ đông hiện hữu) trùng với ngày chốt Danh sách cổ đông được thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu.

3. Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu

Tăng vốn điều lệ thông qua chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo hình thức phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu tại thời điểm chốt Danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phần, phù hợp quy định pháp luật (tối đa phát hành thêm 805.499.990 cổ phiếu phổ thông tương đương với vốn điều lệ tối đa tăng thêm 8.054.999.900.000 VNĐ)².

- **Đối tượng phát hành:** Cổ đông hiện hữu có tên trên Danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phần phù hợp quy định pháp luật từng thời kỳ. Ngày chốt Danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phần (Ngày đăng ký cuối cùng) do HĐQT quyết định, phù hợp quy định pháp luật.

- **Giá chào bán:** 10.000 VNĐ/cổ phiếu (*Mười nghìn đồng một cổ phiếu*). Tổng mệnh giá chào bán dự kiến: tối đa 8.054.999.900.000 VNĐ.

- **Phương thức phát hành:** Phát hành quyền mua cổ phần cho các cổ đông hiện hữu thuộc Đối tượng phát hành.

- **Tỷ lệ thực hiện quyền:** 10:1; Tại ngày chốt Danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tại ngày chốt Danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phần sẽ được thực hiện 01 quyền mua cổ phần phát hành thêm. Cổ đông sở hữu 10 quyền mua thì được mua 01 cổ phiếu mới.

- **Thời gian dự kiến phát hành:** Dự kiến trong năm 2026. Thời gian phát hành cụ thể do HĐQT quyết định trên cơ sở giấy phép/chấp thuận của các Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền, thực tế triển khai và điều kiện thị trường phù hợp.

- **Thời gian phân phối cổ phiếu:** Sau khi có chấp thuận của UBCKNN, HĐQT quyết định thời gian cụ thể trong thời hạn phân phối, phù hợp quy định pháp luật và văn bản của Cơ quan có thẩm quyền.

- **Thời gian dự kiến hoàn thành:** Trong năm 2026 hoặc cho đến khi MB hoàn thành các thủ tục theo quy định pháp luật.

- **Chuyển nhượng quyền mua:** Cổ đông hiện hữu có tên trong Danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phần (do VSDC cung cấp) có quyền chuyển nhượng một số hoặc toàn bộ quyền mua cổ phần của mình cho người khác trong thời gian quy định (chậm nhất trong 05 (năm) ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp tiền mua).

Quyền mua cổ phần chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần duy nhất (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho người thứ ba). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- **Tỷ lệ chào bán thành công:** Không quy định.

- **Nguyên tắc làm tròn xuống, xử lý cổ phiếu lẻ, phần lẻ cổ phần:** Đối với cổ phiếu lẻ, phần lẻ cổ phần (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền, để đảm bảo không vượt quá số lượng chào bán, số lượng cổ phần chào bán thêm mà cổ đông được thực hiện quyền mua sẽ làm tròn xuống đến hàng đơn vị; số cổ phiếu lẻ thập phân (nếu có) sẽ được làm tròn xuống thành 0 cổ phần.

- **Phương án xử lý số cổ phiếu lẻ, cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được thực hiện quyền mua nhưng chưa phân phối hết:**

² Theo giả thiết ngày chốt Danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phần (phát hành cho cổ đông hiện hữu) trùng với ngày chốt Danh sách cổ đông được thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu.

Số cổ phiếu lẻ, số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được thực hiện quyền mua nhưng chưa phân phối hết (cổ đông không đăng ký mua/ từ chối thực hiện quyền mua/ không nộp tiền mua/ không nộp tiền mua đúng hạn/ chưa phân phối hết trong các trường hợp khác) do HĐQT quyết định phương án xử lý phù hợp quy định pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc: (i) phân phối cho Công đoàn cơ sở MB theo phê duyệt của HĐQT và/hoặc chào bán cho (các) nhà đầu tư khác (không giới hạn các cổ đông hiện hữu khác) với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu; và/hoặc (ii) HĐQT quyết định kết thúc đợt chào bán.

ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định các nội dung cụ thể để thực hiện việc chào bán cho nhà đầu tư khác mua số cổ phiếu lẻ, số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được thực hiện quyền mua nhưng chưa phân phối hết (bao gồm nhưng không giới hạn ở thời gian/thứ tự thực hiện, giá chào bán, các điều kiện chào bán, tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư, danh sách nhà đầu tư, tìm kiếm và lựa chọn nhà đầu tư, số cổ phiếu phân phối cho từng nhà đầu tư và các nội dung khác có liên quan).

Trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định pháp luật (gồm cả thời gian gia hạn - nếu có), nếu vẫn còn cổ phiếu vẫn chưa được phân phối hết thì HĐQT quyết định kết thúc đợt chào bán, phù hợp quy định pháp luật.

- **Hạn chế chuyển nhượng:** Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua cổ phần không bị hạn chế chuyển nhượng. Cổ đông hiện hữu sở hữu cổ phiếu MBB đang bị hạn chế chuyển nhượng tại Ngày chốt danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phần vẫn được thực hiện quyền mua cổ phần và số cổ phiếu được mua theo tỷ lệ thực hiện quyền mua không bị hạn chế chuyển nhượng.

Số cổ phiếu lẻ phát sinh trong quá trình cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua và số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được thực hiện quyền mua nhưng chưa phân phối hết sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định pháp luật.

- **Nghĩa vụ của cổ đông hiện hữu có quyền mua/Người nhận chuyển nhượng quyền mua:** Tuân thủ quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, quy định pháp luật có liên quan, văn bản của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các quy định, quyết định của cấp có thẩm quyền MB, trong đó đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của cổ đông, cổ đông và người có liên quan (nếu có), duy trì việc sở hữu cổ phiếu tại MB và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Phương án tăng vốn điều lệ thông qua chào bán cổ phiếu riêng lẻ

Tăng vốn điều lệ thông qua chào bán cổ phiếu riêng lẻ tối đa 200.000.000 cổ phiếu phổ thông, tương đương với vốn điều lệ tối đa tăng thêm 2.000.000.000.000 VNĐ trong đó:

+ Tiếp tục triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ MB số 19/NQ-MB-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2025, triển khai phương án tăng vốn điều lệ thông qua chào bán riêng lẻ đến tối đa 62.000.000 cổ phiếu phổ thông.

+ Bổ sung chào bán riêng lẻ tối đa 138.000.000 cổ phiếu phổ thông theo phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ như sau (theo đó tổng số cổ phiếu chào bán riêng lẻ lên tối đa 200.000.000 cổ phiếu):

- **Tiêu chí lựa chọn đối tượng được chào bán:** là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định pháp luật, có đủ tiềm lực tài chính, có năng lực kinh doanh/công nghệ, có thể hợp tác phát triển các hoạt động, kinh doanh phù hợp chiến lược của MB hoặc mô hình hoạt động.

kinh doanh có thể liên kết chặt chẽ với MB để tạo ra giá trị. Ưu tiên: các doanh nghiệp lớn, đã có thương hiệu mạnh/đánh giá xếp hạng cao trên thị trường trong lĩnh vực hoạt động, am hiểu về chiến lược và văn hóa kinh doanh của MB (không giới hạn các cổ đông lớn của MB).

- **Số lượng nhà đầu tư:** Số lượng nhà đầu tư được chào bán tối đa không quá số lượng nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật.

- **Số lượng cổ phiếu chào bán cho các nhà đầu tư:** tùy thuộc vào năng lực và sự cam kết của (các) nhà đầu tư trên cơ sở thỏa thuận và các nội dung hợp tác của các bên. Ủy quyền và giao HĐQT quyết định số lượng cụ thể cổ phiếu chào bán cho các nhà đầu tư, hài hòa quyền lợi của cổ đông và MB, phù hợp quy định.

- **Loại cổ phần:** cổ phần phổ thông. **Mệnh giá:** 10.000 VNĐ/cổ phiếu. **Tổng mệnh giá chào bán dự kiến:** tối đa 2.000.000.000.000 VNĐ.

- **Giá chào bán:** Giá thỏa thuận không thấp hơn giá trị sổ sách theo Báo cáo tài chính riêng lẻ của MB tại thời điểm gần nhất trước khi HĐQT MB phê duyệt phương án chào bán chi tiết. Ủy quyền và giao HĐQT quyết định giá chào bán cho từng nhà đầu tư được chào bán cụ thể, hài hòa quyền lợi của cổ đông và MB, phù hợp quy định.

- **Thời gian hạn chế chuyển nhượng:** Cổ phiếu phổ thông chào bán cho các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng theo thỏa thuận giữa MB và các nhà đầu tư phù hợp quy định pháp luật.

- **Thời gian dự kiến phát hành:** Dự kiến trong năm 2026, 2027. Thời gian thực hiện cụ thể giao và ủy quyền HĐQT quyết định trên cơ sở giấy phép/chấp thuận của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền, thực tế triển khai và điều kiện thị trường phù hợp.

5. Thời gian dự kiến hoàn thành việc tăng vốn điều lệ

Thời hạn hoàn thành việc tăng vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại giấy phép/chấp thuận của Cơ quan có thẩm quyền, thực tế triển khai và điều kiện thị trường phù hợp.

6. Công bố thông tin, lưu ký và niêm yết bổ sung

MB thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

Cổ phiếu được chào bán, phát hành thêm sẽ được đăng ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) theo quy định pháp luật, hướng dẫn của Cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

7. Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn

Theo Bảng 1 tại Phụ lục 01 đính kèm.

8. Danh sách cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 15% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn

Theo Bảng 2 tại Phụ lục 01 đính kèm.

9. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn

Tỷ lệ sở hữu cổ phần MB của nhà đầu tư nước ngoài tối đa hiện tại và dự kiến sau tăng vốn là: 23,2351% vốn Điều lệ MB. ĐHCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Trong trường hợp thay đổi tỷ lệ sở hữu tối đa cổ phần MB của nhà đầu tư nước ngoài, HĐQT sẽ báo cáo/xin ý kiến ĐHCĐ phù hợp quy định.

10. Kế hoạch sử dụng vốn tăng thêm

Phần vốn điều lệ tăng thêm (dự kiến 22.137.499.760.000 VNĐ), được sử dụng bổ sung vốn đầu tư tăng năng lực và đầu tư bổ sung vốn hoạt động, kinh doanh cho MB trên nguyên tắc an toàn, hiệu quả và mang lại lợi ích cho các cổ đông. Dự kiến sử dụng như sau:

- Đầu tư tài sản tăng năng lực (bao gồm việc đầu tư trụ sở MB ở khu vực phía Nam, miền Trung và/hoặc các khu vực khác với tổng mức đầu tư thấp hơn 20% vốn điều lệ của MB ghi trong Báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất: 13.633.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Mười ba nghìn sáu trăm ba mươi ba tỷ đồng);

- Bổ sung vốn đầu tư kinh doanh khác, hoạt động khác (bao gồm bổ sung vốn cho các hoạt động kinh doanh, mô hình kinh doanh mới,...): 8.504.499.760.000 VNĐ (Bằng chữ: Tám nghìn năm trăm lẻ bốn tỷ bốn trăm chín mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

III. HIỆU QUẢ KINH DOANH TRÊN CƠ SỞ MỨC VỐN ĐIỀU LỆ MỚI

Với phương án tăng vốn điều lệ và sử dụng vốn điều lệ tăng thêm như trên. MB dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh chính năm 2026 như sau:

Đơn vị: Tỷ Việt Nam đồng

TT	Chỉ tiêu	KQ 2025		KH 2026 (*)
		Hợp nhất	Riêng lẻ	
1	Vốn điều lệ	80.550	80.550	Thực hiện theo các phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua
2	Huy động vốn	1.062.198	1.049.871	Tăng trưởng phù hợp nhu cầu sử dụng vốn và thực tế triển khai, dự kiến ~ 30%
3	Tổng tài sản	1.615.764	1.528.579	
4	Tín dụng	1.109.895	1.053.111	Tăng trưởng dự kiến ~ 30% - 35%
5	Tỷ lệ nợ xấu	1,29%	1,13%	NPL ≤ 1,5%
6	Lợi nhuận trước thuế	34.268	33.889	Tăng trưởng dự kiến 15%
7	Cổ tức	~ 25%		Dự kiến 15% - 20%
8	Các tỷ lệ bảo đảm an toàn	Tuân thủ quy định của pháp luật, NHNN		Đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, NHNN.

(*) Kế hoạch hợp nhất dự kiến năm 2026 (Các tỷ lệ tăng trưởng so sánh với kết quả thực hiện năm 2025)

Nơi nhận:

- Cổ đông (truy cập tại Website MB);
- HĐQT, BKS;
- BDH;
- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Lưu VPHĐQT.

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đỗ Trung Thái

PHỤ LỤC 01: THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG, TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CỔ ĐÔNG LIÊN QUAN ĐẾN PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ
(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-MB-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2026)

BẢNG 1: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CỔ ĐÔNG CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN TỪ 5% TRỞ LÊN SO VỚI VỐN CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT VÀ SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI VÀ DỰ KIẾN SAU KHI TĂNG VỐN

STT	Tên cổ đông	Số ĐKKD	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (theo VSDC cung cấp)	Người đại diện theo Pháp luật	0. Tại thời điểm 27/02/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu ³ - Vốn điều lệ: 100.687.498.850.000 đồng*		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ: 102.687.498.850.000 đồng			
					Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu /VDL, Tỷ lệ sở hữu/vốn CP có quyền biểu quyết (%) ⁴	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu /VDL, Tỷ lệ sở hữu/vốn CP có quyền biểu quyết (%) ⁴	Cổ phần tối thiểu ⁴	Cổ phần tối đa ⁵	Tỷ lệ sở hữu /VDL, Tỷ lệ sở hữu/vốn CP có quyền biểu quyết (%)	
											Tối thiểu	Tối đa
1	Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn (SNP)	0300514849 cấp lần đầu: 30/6/2010. lần 6: ngày 14/05/2025 nơi cấp Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh	722 Điện Biên Phủ, Q.Bình Thạnh, HCM	Ngô Minh Thuận, CCCD Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 17/05/2021	570.727.399	7,085	713.409.247	7,085	713.409.247	913.409.247	6,947	8,895
2	Tổng Công ty trực thăng Việt Nam - Công ty TNHH và chi nhánh (VNH)	0100107966 ngày cấp 19/12/2022 nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Số 172 đường Trường Chinh, P.Khuong Thượng, Đống Đa, Hà Nội	Kiều Đặng Hùng, số CMT do Tổng cục chính trị cấp ngày 15/10/2022	679.074.898	8,430	848.843.621	8,430	848.843.621	1.022.922.231	8,266	9,962
3	Tập đoàn Công nghiệp- Viễn thông Quân đội (Viettel)	0100109106 ngày cấp 20/09/2019 nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Lô D26 khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Táo Đức Thắng, CCCD Cục CS QLHC về trật tự xã hội cấp 21/12/2021	1.184.249.466	14,702	1.480.311.831	14,702	1.480.311.831	1.515.209.859	14,416	14,756
4	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước- Công ty TNHH (SCIC)	0101992921 ngày cấp 05/05/2016 nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Số 117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	Nguyễn Quốc Huy, CCCD do Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 10/01/2017	791.523.642	9,826	989.404.552	9,826	989.404.552	1.024.893.941	9,635	9,981
TỔNG CỘNG					3.225.575.405	40,044	4.031.969.251	40,044	4.031.969.251	4.231.969.251	39,264	41,212

(*) MB hiện không còn cổ phiếu quỹ; do đó tổng vốn điều lệ và vốn cổ phần có quyền biểu quyết thời điểm trước và sau khi tăng vốn là như nhau

³ Theo giả thiết ngày chốt Danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phần (phát hành cho cổ đông hiện hữu) trùng với ngày chốt Danh sách cổ đông được thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu;

⁴ Trường hợp cổ đông lớn trong danh sách không tham gia phương án chào bán riêng lẻ 200 triệu cổ phần

⁵ Trường hợp các cổ đông lớn trong danh sách tham gia mua tối đa mức cổ phiếu chào bán riêng lẻ 200 triệu CP: SNP mua tối đa 200.000 CP; VNH mua tối đa 174.078.610 CP (đảm bảo tỷ lệ sở hữu tối đa của VNH và người liên quan sau tăng vốn không vượt quá 10% /VDL MB); Viettel mua tối đa 34.898.028 CP (đảm bảo tỷ lệ sở hữu tối đa của Viettel sau tăng vốn không vượt quá tỷ lệ sở hữu tại MB ngày 30/06/2024 ~14,756% /VDL MB); SCIC mua tối đa 35.489.389 CP (đảm bảo tỷ lệ sở hữu tối đa của SCIC và người liên quan sau tăng vốn không vượt quá 10%/VDL MB).

Danh sách cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên và người liên quan của cổ đông so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn⁶

STT	Tên cổ đông	Mã số DN	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	0. Tại thời điểm 27/02/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu - Vốn điều lệ: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ: 102.687.498.850.000 đồng			
					Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	
											Tối thiểu	Tối đa
1	Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (SNP)	0300514849 Cấp lần đầu: 30/6/2010, lần 6: ngày 14/5/2025. Số KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Ngô Minh Thuận CCCD số do Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 17/05/2021	570.727.399	7,085	713.409.247	7,085	713.409.247	913.409.248	6,947	8,895
1.1	Ngô Minh Thuận				328.253	0,004	410.315	0,004	410.315	410.315	0,004	0,004
1.2	Nguyễn Năng Toàn				1.761	0,000	2.201	0,000	2.201	2.201	0,000	0,000
1.3	Phùng Ngọc Minh				29.282	0,000	36.602	0,000	36.602	36.602	0,000	0,000
1.4	Trịnh Văn Mọi				63.573	0,001	79.465	0,001	79.465	79.465	0,001	0,001
1.5	Nguyễn Thị Mai Lý				23	0,000	28	0,000	28	28	0,000	0,000
1.6	Phạm Thị Sáu				73	0,000	90	0,000	90	90	0,000	0,000
1.7	Nguyễn Lê Sơn				14.000	0,000	17.500	0,000	17.500	17.500	0,000	0,000
1.8	Nguyễn Thị Thu				896	0,000	1.119	0,000	1.119	1.119	0,000	0,000
1.9	Nguyễn Thị Thanh				608	0,000	759	0,000	759	759	0,000	0,000
1.10	Hoàng Thị Thu Hiền				100	0,000	125	0,000	125	125	0,000	0,000
1.11	Lê Tiến Chung				39	0,000	47	0,000	47	47	0,000	0,000
1.12	Hoàng Đức Thịnh				20.000	0,000	25.000	0,000	25.000	25.000	0,000	0,000
1.13	Đỗ Xuân Minh				100.000	0,001	125.000	0,001	125.000	125.000	0,001	0,001
1.14	Ngô Văn Ngự					0,000					0,000	0,000

⁶ Theo quy định Điều 11 Thông tư 50/2025/TT-NHNN ngày 24/12/2025 có hiệu lực từ ngày 07/02/2026.

STT	Tên cổ đông	Mã số DN	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	0. Tại thời điểm 27/02/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu - Vốn điều lệ: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ: 102.687.498.850.000 đồng			
					Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	
											Tối thiểu	Tối đa
					18.596		23.244	0,000	23.244	23.244		
1.15	Nguyễn Đình Tứ				4.000	0,000	5.000	0,000	5.000	5.000	0,000	0,000
1.16	Bùi Hải Dương				3.000	0,000	3.750	0,000	3.750	3.750	0,000	0,000
1.17	Trần Quang Thào				838.787	0,010	1.048.483	0,010	1.048.483	1.048.483	0,010	0,010
1.18	Nguyễn Văn Hòe				160.302	0,002	200.377	0,002	200.377	200.377	0,002	0,002
1.19	Nguyễn Thị Thu Trang				59.388	0,001	74.234	0,001	74.234	74.234	0,001	0,001
	Tổng SNP và người liên quan				572.370.080	7,106	715.462.586	7,106	715.462.586	915.462.587	6,967	8,915
2	Tổng công ty trực thăng Việt Nam- Công ty TNHH (VNH)	0100107966 ngày 19/12/2022 Số KH&ĐT TP Hà Nội	Số 172 đường Trường Chinh, P.Khuong Thượng, Đống Đa, Hà Nội	Kiều Đặng Hùng số CMT ' do Tổng cục chính trị cấp ngày 15/10/2022	679.074.898	8,430	848.843.621	8,430	848.843.621	1.022.922.231	8,266	9,962
2.1	Công ty cổ phần đầu tư thương mại Hải Âu				2.768.020	0,034	3.460.025	0,034	3.460.025	3.460.025	0,034	0,034
2.2	Kiều Đặng Hùng				328.223	0,004	410.278	0,004	410.278	410.278	0,004	0,004
2.3	Nguyễn Văn Tường				40.129	0,000	50.160	0,000	50.160	50.160	0,000	0,000
2.4	Đào Thị Tuyết Nhung				15.055	0,000	18.818	0,000	18.818	18.818	0,000	0,000
2.5	Vũ Sỹ Dũng				2	0,000	2	0,000	2	2	0,000	0,000
2.6	Nguyễn Kim Lan				488	0,000	609	0,000	609	609	0,000	0,000
2.7	Đào Thị Tuyết Hoa				10.093	0,000	12.615	0,000	12.615	12.615	0,000	0,000
2.8	Nguyễn Thanh Hà				100	0,000	125	0,000	125	125	0,000	0,000
2.9	Vũ Xuân Nam				100	0,000	125	0,000	125	125	0,000	0,000
	Tổng VNH và người liên quan				682.237.108	8,470	852.796.378	8,470	852.796.378	1.026.874.988	8,305	10,000

STT	Tên cổ đông	Mã số DN	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	0. Tại thời điểm 27/02/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu - Vốn điều lệ: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ: 102.687.498.850.000 đồng			
					Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	
											Tối thiểu	Tối đa
3	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel)	0100109106 ngày cấp 20/09/2019 nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Lô D26 khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Tào Đức Thắng CCCD Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp 21/12/2021	1.184.249.466	14,702	1.480.311.831	14,702	1.480.311.831	1.515.209.859	14,416	14,756
3.1	Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và xuất nhập khẩu Viettel				346.407.743	4,301	433.009.678	4,301	433.009.678	443.217.788	4,217	4,316
3.2	Đỗ Minh Phương				113.147	0,001	141.433	0,001	141.433	141.433	0,001	0,001
3.3	Ngô Quốc Vương				5.000	0,000	6.250	0,000	6.250	6.250	0,000	0,000
3.4	Tào Thị Thu				97	0,000	120	0,000	120	120	0,000	0,000
3.5	Nguyễn Thu Phương				3.000	0,000	3.750	0,000	3.750	3.750	0,000	0,000
3.6	Nguyễn Thị Hiền				415.978	0,005	519.971	0,005	519.971	519.971	0,005	0,005
3.7	Vũ Thị Thu Hà				265.932	0,003	332.414	0,003	332.414	332.414	0,003	0,003
3.8	Cao Kim Oanh				1.046	0,000	1.306	0,000	1.306	1.306	0,000	0,000
3.9	Vũ Thị Minh Hằng				32	0,000	39	0,000	39	39	0,000	0,000
3.10	Trịnh Thủy Dương				135	0,000	168	0,000	168	168	0,000	0,000
3.11	Phạm Thị Quỳnh Hoa				2.000	0,000	2.500	0,000	2.500	2.500	0,000	0,000
3.12	Nguyễn Thị Hương				100	0,000	125	0,000	125	125	0,000	0,000
3.13	Nguyễn Thị Hải Lý				221.446	0,003	276.806	0,003	276.806	276.806	0,003	0,003
3.14	Phạm Doãn Cường				100	0,000	125	0,000	125	125	0,000	0,000
3.15	Trương Thị Thu Hà				63.543	0,001	79.428	0,001	79.428	79.428	0,001	0,001
3.16	Nguyễn Việt Dũng				135	0,000	168	0,000	168	168	0,000	0,000

STT	Tên cổ đông	Mã số DN	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	0. Tại thời điểm 27/02/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu - Vốn điều lệ: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ: 102.687.498.850.000 đồng			
					Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	
											Tối thiểu	Tối đa
3.17	Nguyễn Văn Phương				1.000	0,000	1.250	0,000	1.250	1.250	0,000	0,000
3.18	Phạm Anh Đức				66.316	0,001	82.894	0,001	82.894	82.894	0,001	0,001
	Tổng cộng Viettel và người liên quan				1.531.816.216	19,017	1.914.770.256	19,017	1.914.770.256	1.959.277.478	18,647	19,080
4	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước-Công ty TNHH	0101992921 ngày cấp 05/05/2016 nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Số 117 Trần Duy Hưng, P Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	Nguyễn Quốc Huy CCCD do Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 10/01/2017	791.523.642	9,826	989.404.552	9,826	989.404.552	1.024.893.941	9,635	9,981
4.1	Nguyễn Chí Thành				102.508	0,001	128.134	0,001	128.134	128.134	0,001	0,001
4.2	Bùi Đức Long				1.980	0,000	2.475	0,000	2.475	2.475	0,000	0,000
4.3	Vũ Trí Thúc				1	0,000	1	0,000	1	1	0,000	0,000
4.4	Lê Minh Trung				1.525	0,000	1.905	0,000	1.905	1.905	0,000	0,000
4.5	CTCP Xây dựng và DV CC Bình Dương				2.000	0,000	2.500	0,000	2.500	2.500	0,000	0,000
4.6	Nguyễn Quốc Hùng				3.000	0,000	3.750	0,000	3.750	3.750	0,000	0,000
4.7	Ngô Thị Bình				17.977	0,000	22.470	0,000	22.470	22.470	0,000	0,000
4.8	Bùi Đức Kiên				18.408	0,000	23.009	0,000	23.009	23.009	0,000	0,000
4.9	Lý Phương Hằng				21.000	0,000	26.250	0,000	26.250	26.250	0,000	0,000
4.10	Đinh Thị Ngọc Ánh				15.000	0,000	18.750	0,000	18.750	18.750	0,000	0,000
4.11	Lê Minh Kiên				459.151	0,006	573.938	0,006	573.938	573.938	0,006	0,006
4.12	Nguyễn Tấn Đạt (B)				2.500	0,000	3.125	0,000	3.125	3.125	0,000	0,000
4.13	Tổng Văn Toàn				30.000	0,000	37.500	0,000	37.500	37.500	0,000	0,000
4.14	Trần Thị Hồng Châm				5.000	0,000	6.250	0,000	6.250	6.250	0,000	0,000

STT	Tên cổ đông	Mã số DN	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	0. Tại thời điểm 27/02/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu - Vốn điều lệ: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ: 102.687.498.850.000 đồng			
					Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	
											Tối thiểu	Tối đa
4.15	Nguyễn Anh Tuấn				160	0,000	200	0,000	200	200	0,000	0,000
4.16	Trần Văn Tuấn (B)				7	0,000	8	0,000	8	8	0,000	0,000
4.17	Đặng Quốc Bảo				11.101	0,000	13.876	0,000	13.876	13.876	0,000	0,000
4.18	Nguyễn Thị Lương Thanh				30.031	0,000	37.538	0,000	37.538	37.538	0,000	0,000
4.19	Trần Thị Thu Trà				1	0,000	1	0,000	1	1	0,000	0,000
4.20	Phan Tuấn Linh				13	0,000	15	0,000	15	15	0,000	0,000
4.21	Nguyễn Đức Dũng				25	0,000	30	0,000	30	30	0,000	0,000
4.22	Chu Thế Hoàng				101	0,000	126	0,000	126	126	0,000	0,000
4.23	Vũ Thái Huyền				807.994	0,010	1.009.992	0,010	1.009.992	1.009.992	0,010	0,010
4.24	Tổng Quang Vinh				20.000	0,000	25.000	0,000	25.000	25.000	0,000	0,000
4.25	Phạm Hoàng Minh				64	0,000	79	0,000	79	79	0,000	0,000
4.26	Đặng Phương Lan				2.500	0,000	3.125	0,000	3.125	3.125	0,000	0,000
4.27	Vũ Trung Thực				6.100	0,000	7.625	0,000	7.625	7.625	0,000	0,000
4.28	Phan Thế Thành				26.700	0,000	33.375	0,000	33.375	33.375	0,000	0,000
Tổng SCIC và người liên quan					793.108.489	9,846	991.385.599	9,846	991.385.599	1.026.874.988	9,654	10,000

BẢNG 2. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CỔ ĐÔNG ĐÓ CỔ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN TỪ 15% TRỞ LÊN SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ THỜI ĐIỂM HIỆN TẠI VÀ DỰ KIẾN SAU KHI TĂNG VỐN
1. Cổ đông Viettel và người có liên quan của cổ đông:

STT	Tên cổ đông	Số ĐKKD	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (theo VSDC cung cấp)	Người đại diện theo Pháp luật	0. Tại thời điểm 27/02/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu - Vốn điều lệ: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ: 102.687.498.850.000 đồng			
					Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu /VDL (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu /VDL (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu /VDL (%)	
											Tối thiểu	Tối đa
1	Tập đoàn Công nghiệp-Viễn thông Quân đội (Viettel)	0100109106 ngày cấp 20/09/2019 nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Lô D26 khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Tào Đức Thắng, CCCD Cục CS QLHC về trật tự xã hội cấp 21/12/2021	1.184.249.466	14,702	1.480.311.831	14,702	1.480.311.831	1.515.209.859	14,416	14,756

Người liên quan của Viettel

STT	Tên cổ đông	Số Định danh/CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ với cổ đông	0. Tại thời điểm 27/02/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu - Vốn điều lệ: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ: 102.687.498.850.000 đồng			
								Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	
														Tối thiểu	Tối đa
1.1	Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và xuất nhập khẩu Viettel	0104831030	15/12/2011	Sở KH&ĐT TP.HN	1 Giang Văn Minh Ba Đình HN	Phạm Văn Hùng- CCCD ngày cấp 08/12/2022 nơi cấp Cục CS QLHC về TTXH	Công ty con	346.407.743	4,301	433.009.678	4,301	433.009.678	443.217.788	4,217	4,316
1.2	Đỗ Minh Phương		15/01/2023	Bộ Quốc phòng	Xã Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội		Phó tổng giám đốc	113.147	0,001	141.433	0,001	141.433	141.433	0,001	0,001

STT	Tên cổ đông	Số Định danh/CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ với cổ đông	0. Tại thời điểm 27/02/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu - Vốn điều lệ: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ: 102.687.498.850.000 đồng			
								Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	
														Tối thiểu	Tối đa
1.3	Ngô Quốc Vương		02/01/2014	Cục cảnh sát hành chính về TTXH	Xuân Phương, Quốc Hội, Nam Từ Liêm, Hà Nội		Thành viên ban kiểm soát	5.000	0,000	6.250	0,000	6.250	6.250	0,000	0,000
1.4	Tào Thị Thu		22/05/2014	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Lê Đức Thọ, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm		Chị gái Ông Tào Đức Thắng-TGD	97	0,000	120	0,000	120	120	0,000	0,000
1.5	Nguyễn Thu Phương		21/04/2021	Cục CS QLHC về TTXH	, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội		Chị ruột Ông Nguyễn Đạt PTGD	3.000	0,000	3.750	0,000	3.750	3.750	0,000	0,000
1.6	Nguyễn Thị Hiền		19/08/2021	Cục CS QLHC về TTXH	, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội		Mẹ vợ Ông Cao Anh Sơn-PTGD	415.978	0,005	519.971	0,005	519.971	519.971	0,005	0,005
1.7	Vũ Thị Thu Hà		24/06/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Cổng Vĩ, Ba Đình, Hà Nội		Vợ Ông Cao Anh Sơn-PTGD	265.932	0,003	332.414	0,003	332.414	332.414	0,003	0,003
1.8	Cao Kim Oanh		10/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Phan Đình Giót - Thanh Xuân - Hà Nội		Em gái Ông Cao Anh Sơn-PTGD	1.046	0,000	1.306	0,000	1.306	1.306	0,000	0,000
1.9	Vũ Thị Minh Hằng		04/06/2023	Cục CS QLHC về TTXH	Xuân Tảo, Bắc Từ Liêm, Hà Nội		Em vợ Ông Cao Anh Sơn-PTGD	32	0,000	39	0,000	39	39	0,000	0,000
1.10	Trịnh Thùy Dương		10/04/2021	Bộ Công an	Nghĩa Tân Cầu Giấy Hà nội		Vợ ông Nguyễn Vũ Hà- PTGD	135	0,000	168	0,000	168	168	0,000	0,000

STT	Tên cổ đông	Số Định danh/CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ với cổ đông	0. Tại thời điểm 27/02/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu - Vốn điều lệ: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ: 102.687.498.850.000 đồng			
								Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	
														Tối thiểu	Tối đa
1.11	Phạm Thị Quỳnh Hoa		22/11/2021	Cục cảnh sát QLHCV TTXH	Hào Nam, Đống Đa, Hà Nội		Chị chồng bà Cao Thị Thu Huyền-TBKS	2.000	0,000	2.500	0,000	2.500	2.500	0,000	0,000
1.12	Nguyễn Thị Hương		06/04/2016	Cục cảnh sát QLHC về TTXH	Khởi Doanh nghiệp vừa và nhỏ		Vợ Ông Nguyễn Xuân Trường-TV BKS	100	0,000	125	0,000	125	125	0,000	0,000
1.13	Nguyễn Thị Hải Lý		01/11/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội		Đại diện vốn góp của Viettel tại MB	221.446	0,003	276.806	0,003	276.806	276.806	0,003	0,003
1.14	Phạm Doãn Cương		01/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Kim Giang Kg, TX, Hà Nội		Đại diện vốn góp của Viettel tại MB	100	0,000	125	0,000	125	125	0,000	0,000
1.15	Trương Thị Thu Hà		22/11/2021	Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội	Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội		Người đại diện vốn góp của Viettel tại Công ty CP Tư vấn và Dịch vụ Viettel	63.543	0,001	79.428	0,001	79.428	79.428	0,001	0,001
1.16	Nguyễn Việt Dũng		20/07/2021	Cục trưởng Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Lạc Long Quân, Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội		Người đại diện vốn góp của Viettel tại CTCP Xi măng Cẩm Phả	135	0,000	168	0,000	168	168	0,000	0,000

STT	Tên cổ đông	Số Định danh/CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ với cổ đông	0. Tại thời điểm 27/02/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu - Vốn điều lệ: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ: 102.687.498.850.000 đồng			
								Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	
														Tối thiểu	Tối đa
1.17	Nguyễn Văn Phương		29/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội		Người đại diện vốn góp của Viettel tại Công ty VTA Telecom	1.000	0,000	1.250	0,000	1.250	1.250	0,000	0,000
1.18	Phạm Anh Đức		03/07/2024	Cục CS QLHC về TTXH	Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội		Người đại diện vốn góp của Viettel tại Công ty Viettel Peru S.A.C	66.316	0,001	82.894	0,001	82.894	82.894	0,001	0,001
Tổng cộng Viettel và người liên quan								1.531.816.216	19,017	1.914.770.256	19,017	1.914.770.256	1.959.277.478	18,647	19,080

2. Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và xuất nhập khẩu Viettel (Viettel_Commerce) và người liên quan

STT	Tên cổ đông	Số ĐKKD	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	0. Tại thời điểm 27/02/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu - Vốn điều lệ: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ: 102.687.498.850.000 đồng			
					Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	
											Tối thiểu	Tối đa
1	Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và xuất nhập khẩu Viettel (Viettel_Commerce)	0104831030	1 Giang Văn Minh Ba Đình HN	Phạm Văn Hùng số CCCD ngày cấp 08/12/2022 Cục CS QLHC về TTXH	346.407.743	4,301	433.009.678	4,301	433.009.678	443.217.788	4,217	4,316

STT	Tên cổ đông	Số Định danh/CMND /CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ với cổ đông	0. Tại thời điểm 27/02/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu - Vốn điều lệ: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ: 102.687.498.850.000 đồng			
								Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/ VDL (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	
														Tối thiểu	Tối đa
2.1	Tập đoàn công nghiệp-viên thông quân đội	0100109106	20/09/2019	Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Lô D26 khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Tào Đức Thắng CCCD ngày cấp 21/12/2021 nơi cấp Cục CS QLHCVT TXXH	Công ty mẹ	1.184.249.466	14,702	1.480.311.831	14,702	1.480.311.831	1.515.209.859	14,416	14,756
2.2	Đỗ Minh Phương		15/01/2023	Bộ quốc phòng	Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội		Chủ tịch Công ty	113.147	0,001	141.433	0,001	141.433	141.433	0,001	0,001
2.3	Phạm Văn Hùng		02/10/2019	Cục CSQL HC về TTXH	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội		Giám đốc Công ty	1.062.600	0,013	1.328.250	0,013	1.328.250	1.328.250	0,013	0,013
2.4	Lương Thế Quang		29/08/2019	Cục CSQL HC về TTXH	Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội		Phó Giám đốc Công ty	180.100	0,002	225.125	0,002	225.125	225.125	0,002	0,002
2.5	Đinh Thị Dung		24/04/2021	Cục CSQL HC về TTXH	Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội		Phó Giám đốc Công ty	24.051	0,000	30.063	0,000	30.063	30.063	0,000	0,000
2.6	Phạm Ngọc Nam		10/10/2016	Cục CSQL HC về TTXH	Văn Canh, Hoài Đức, Hà Nội		Kiểm soát viên	14	0,000	17	0,000	17	17	0,000	0,000
2.7	Phạm Ngọc Châu Anh		21/12/2021	Cục CSQL HC về TTXH	Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà		Con đẻ Ông Phạm Văn Hùng GD Cty	1.000.000	0,012	1.250.000	0,012	1.250.000	1.250.000	0,012	0,012



STT	Tên cổ đông	Số Định danh/CMND /CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ với cổ đông	0. Tại thời điểm 27/02/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu - Vốn điều lệ: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ: 102.687.498.850.000 đồng			
								Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/ VDL (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	
														Tối thiểu	Tối đa
					Nội										
2.8	Nguyễn Thị Hải Lý		01/11/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Nghĩa Tân, Cầu giấy, Hà nội		Đại diện vốn góp của Viettel Commerce tại MB	221.446	0,003	276.806	0,003	276.806	276.806	0,003	0,003
2.9	Phạm Doãn Cường		01/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Kim Giang Kg, TX, Hà Nội		Đại diện vốn góp của Viettel tại MB	100	0,000	125	0,000	125	125	0,000	0,000
	Tổng cộng Viettel- Commerce và người liên quan							1.533.258.667	19,035	1.916.573.328	19,035	1.916.573.328	1.961.679.466	18,664	19,103

3. Cổ đông Đỗ Minh Phương và người liên quan

STT	Tên cổ đông	Số Định danh/CMND/CCD/ Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	0. Tại thời điểm 27/02/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu - Vốn điều lệ: 100.687.498.850.000 đồng		2. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ: 102.687.498.850.000 đồng			
					Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	
											Tối thiểu	Tối đa
3	Đỗ Minh Phương		- Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội		113.147	0,001	141.433	0,001	141.433	141.433	0,001	0,001

Người liên quan ông Đỗ Minh Phương

STT	Tên cổ đông	Số Định danh/CMND/CCCD/ Hộ chiếu/ ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ với cổ đông	0. Tại thời điểm 27/02/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu - Vốn điều lệ: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ: 102.687.498.850.000 đồng			
								Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	
														Tối thiểu	Tối đa
3.1	Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và xuất nhập khẩu Viettel	0104831030	15/12/2011	Sở KH&ĐT TP Hà Nội	1 Giang Văn Minh Ba Đình HN	Phạm Văn Hùng CCCD ngày cấp 08/12/2022 nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH	Người quản lý công ty mẹ (Viettel)	346.407.743	4,301	433.009.678	4,301	433.009.678	443.217.788	4,217	4,316
3.2	Tập đoàn công nghiệp-viên thông quân đội	0100109106	20/09/2019	Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Lô D26 khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Tào Đức Thắng CCCD ngày cấp 21/12/2021 nơi cấp Cục CS QLHCVTXXH	Người quản lý của Viettel	1.184.249.466	14,702	1.480.311.831	14,702	1.480.311.831	1.515.209.859	14,416	14,756
Tổng cộng ông Đỗ Minh Phương và người liên quan								1.530.770.356	19,004	1.913.462.942	19,004	1.913.462.942	1.958.569.080	19,004	19,073

4. Cổ đông Nguyễn Thị Hải Lý và người liên quan

ST T	Tên cổ đông	Số Định danh/CMND/ CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	0. Tại thời điểm 27/02/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu -Vốn điều lệ: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP -Vốn điều lệ: 102.687.498.850.000 đồng			
					Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	
											Tối thiểu	Tối đa
4	Nguyễn Thị Hải Lý		Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội		221.346	0,003	276.681	0,003	276.681	276.681	0,003	0,003

Người liên quan bà Nguyễn Thị Hải Lý

ST T	Tên cổ đông	Số Định danh/CMND/ CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ với cổ đồng	0. Tại thời điểm 27/02/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đồng hiện hữu - Vốn điều lệ: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ: 102.687.498.850.000 đồng			
								Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	
														Tối thiểu	Tối đa
4.1	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel)	0100109106	20/09/2019	Sở KH&ĐT T TP Hà Nội	Lô D26 khu đôi thị mới Cầu Giấy, phường Yên Hoa, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Tào Đức Thắng CCCD () ngày cấp 21/12/2021 nơi cấp Cục CS QLHCVTT XH	Bà Nguyễn Thị Hải Lý là đại diện 60% vốn của Viettel tại MB	1.184.249.466	14,702	1.480.311.831	14,702	1.480.311.831	1.515.209.859	14,702	14,756
4.2	Công ty TNHH nhà nước một thành viên Thương Mại và xuất nhập khẩu VIETTEL (Viettel- Commerce)	0104831030	15/12/2011	Sở KH&ĐT T TP Hà Nội	1 Giang Văn Minh Ba Đình HN	Phạm Văn Hùng CCCD 682 ngày cấp 08/12/2022 nơi cấp Cục CS QLHC	Bà Nguyễn Thị Hải Lý là đại diện 60% vốn của Viettel tại MB	346.407.743	4,301	433.009.678	4,301	433.009.678	443.217.788	4,301	4,316

						về TTXH								
4.3	Phạm Đoàn Cương		01/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Kim Giang Kg, TX, Hà Nội	Cung đại diện vốn góp của Viettel, VCM tại MB	100	0,000	125	0,000	125	125	0,000	0,000
Tổng cộng bà Nguyễn Thị Hải Lý và người liên quan							1.530.878.655	19,005	1.913.598.315	19,005	1.913.598.315	1.958.704.453	19,005	19,074

5. Cổ đông Phạm Đoàn Cương và người liên quan

STT	Tên cổ đông	Số Định danh/CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	0. Tại thời điểm 27/02/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu - Vốn điều lệ: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ: 102.687.498.850.000 đồng			
					Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	
											Tối thiểu	Tối đa
5	Phạm Đoàn Cương		Kim Giang, Thanh Xuân, Hà Nội		100	0,000	125	0,000	125	125	0,000	0,000

Người liên quan ông Phạm Đoàn Cương

STT	Tên cổ đông	Số Định danh/CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ với cổ đông	0. Tại thời điểm 27/02/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu - Vốn điều lệ: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ: 102.687.498.850.000 đồng			
								Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	
														Tối thiểu	Tối đa
5.1	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel)	0100109106	20/09/2019	Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Lô D26 khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Tào Đức Thắng CCCD 80 ngày cấp 21/12/2021 nơi cấp Cục CS QLHC VTT XH	Ông Phạm Đoàn Cương là đại diện 40% vốn của Viettel tại MB	1.184.249.466	14,702	1.480.311.831	14,702	1.480.311.831	1.515.209.859	14,702	14,756
5.2	Công ty TNHH nhà nước một thành viên Thương Mại và xuất nhập	0104831030	15/12/2011	Sở KH&ĐT TP Hà Nội	1 Giang Văn Minh Ba Đình HN	Phạm Văn Hùng CCCD 82 ngày cấp 08/12/2022 nơi cấp Cục	Ông Phạm Đoàn Cương là đại diện 40% vốn của VCM	346.407.743	4,301	433.009.678	4,301	433.009.678	443.217.788	4,301	4,316

STT	Tên cổ đông	Số Định danh/CMND/CCCD/Hộ chiếu/DKKĐ	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ với cổ đông	0. Tại thời điểm 27/02/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu - Vốn điều lệ: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ: 102.687.498.850.000 đồng			
								Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	
														Tối thiểu	Tối đa
	khẩu VIETTEL (Viettel-Commerce)					CSQLHC về TTXH	tại MB								
5.3	Nguyễn Thị Hải Lý		01/11/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội		Cùng đại diện vốn góp của Viettel, VCM tại MB Vç	221.346	0,003	276.681	0,003	276.681	276.681	0,003	0,003
5.4	Nguyễn Thị Thanh Hiền		02/05/2021	Cục CS QLHC về TTXH	Kim Giang – Quận Thanh Xuân – Hà Nội			33.260	0,000	41.575	0,000	41.575	41.575	0,000	0,000
5.5	Lê Thị Quỳnh				Xã Anh Khánh, Huyện Hoài Đức, Hà Nội		Em dâu	242	0,000	302	0,000	302	302	0,000	0,000
Tổng cộng ông Phạm Đoàn Cương và người liên quan								1.530.912.157	19,006	1.913.640.192	19,006	1.913.640.192	1.958.746.330	19,006	19,075

6. Cổ đông Ngô Quốc Vương và người liên quan

STT	Tên cổ đông	Số Định danh/CMND/CCCD/Hộ chiếu/DKKD	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	0. Tại thời điểm 27/02/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu -Vốn điều lệ: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP -Vốn điều lệ: 102.687.498.850.000 đồng			
					Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	
											Tối thiểu	Tối đa
6	Ngô Quốc Vương		Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội		5.000	0,000	6.250	0,000	6.250	6.250	0,000	0,000

Người liên quan của ông Ngô Quốc Vương

STT	Tên cổ đông	Số Định danh/C MND/ CCCD/ Hộ chiếu/D KKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ với cổ đông	0. Tại thời điểm 27/02/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu -Vốn điều lệ: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP -Vốn điều lệ: 102.687.498.850.000 đồng			
								Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)	
														Tối thiểu	Tối đa
6.1	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel)	0100109106	20/09/2019	Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Lô D26 khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Tào Đức Thắng CCCD ngày cấp 21/12/2021 nơi cấp Cục CS QLHCVTTXH	TV BKS Viettel	1.184.249.466	14,702	1.480.311.831	14,702	1.480.311.831	1.515.209.859	14,702	14,756
6.2	Công ty TNHH nhà nước một thành viên Thương Mại và xuất nhập khẩu VIETTEL (Viettel-Commerce)	0104831030	15/12/2011	Sở KH&ĐT TP Hà Nội	1 Giang Văn Minh Ba Đình HN	Phạm Văn Hùng CCCD ngày cấp 08/12/2022 nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH	TV BKS công ty mẹ	346.407.743	4,301	433.009.678	4,301	433.009.678	443.217.788	4,301	4,316
Tổng cộng ông Ngô Quốc Vương và người liên quan								1.530.662.209	19,003	1.913.327.759	19,003	1.913.327.759	1.958.433.897	18,633	19,072





Số: 24 /NQ-MB-HĐQT

Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI

V/v Triển khai các phương án tăng vốn điều lệ MB theo Nghị quyết ĐHĐCĐ MB năm 2026

Căn cứ Luật các TCTD; Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, văn bản pháp luật liên quan;

Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Quân đội (MB);

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) MB số 10/NQ-MB-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2026 thông qua BCTC năm 2025 đã được kiểm toán và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025, phương án chia cổ tức từ lợi nhuận để lại (“*Nghị quyết ĐHĐCĐ số 10*”);

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ MB số 11/NQ-MB-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2026 thông qua phương án tăng vốn điều lệ (“*Nghị quyết ĐHĐCĐ số 11*”) và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ có liên quan;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu Hội đồng Quản trị MB (HĐQT) số 592/BB-HĐQT ngày 15/05/2026;

QUYẾT NGHỊ:

1. HĐQT thông qua việc triển khai các phương án tăng vốn điều lệ của MB theo Nghị quyết ĐHĐCĐ MB năm 2026, cụ thể:

- Việc triển khai phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 15% tổng số cổ phiếu phổ thông lưu hành tại thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu (Tương đương với dự kiến tăng tối đa 12.082.499.860.000 VNĐ thông qua phát hành tối đa 1.208.249.986 cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức).

- Việc triển khai phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu với giá chào bán 10.000 VNĐ/cổ phiếu, tương đương tỷ lệ thực hiện quyền 10:1 trên số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phần (Tương đương với dự kiến tăng tối đa 8.054.999.900.000 VNĐ thông qua phát hành tối đa 805.499.990 cổ phiếu phổ thông).

- Việc triển khai phương án tăng vốn điều lệ thông qua chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng tối đa 2.000.000.000.000 VNĐ thông qua chào bán riêng lẻ tối đa 200.000.000 cổ phiếu, trong đó:

+ Tiếp tục triển khai phương án tăng vốn điều lệ thông qua chào bán cổ phiếu riêng lẻ đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 19/NQ-MB-ĐHĐCĐ và được NHNN chấp thuận: Tăng tối đa đến 620.000.000.000 VNĐ thông qua chào bán riêng lẻ đến tối đa 62.000.000 cổ phiếu;

+ Bổ sung chào bán cổ phiếu riêng lẻ tối đa 1.380.000.000.000 VNĐ tương ứng tối đa 138.000.000 cổ phiếu.

Các phương án và nội dung triển khai các phương án tăng vốn điều lệ tại các Phụ lục.

2. HĐQT giao Chủ tịch HĐQT quyết định các nội dung triển khai chi tiết, ký hồ sơ, văn bản, tài liệu và thực hiện thủ tục đề nghị NHNN chấp thuận trước bằng văn bản, các công việc, thủ tục với Cơ quan có thẩm quyền, bên có liên quan để triển khai các phương án tăng vốn điều lệ, sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Điều lệ MB và văn bản liên quan (theo mức vốn điều lệ mới), thủ tục khác phù

hợp quy định pháp luật, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, hướng dẫn của Cơ quan có thẩm quyền, thực tế triển khai và điều kiện thị trường phù hợp.

3. HĐQT giao Tổng Giám đốc chỉ đạo các cơ quan phối hợp triển khai, đảm bảo chặt chẽ, an toàn, hiệu quả, phù hợp quy định pháp luật, Nghị quyết ĐHĐCĐ, phê duyệt của HĐQT/Chủ tịch HĐQT, quy định của MB.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Lưu VP HĐQT, K.TCKT.



Lưu Trung Thái

PHỤ LỤC 01:
TRIỂN KHAI PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ
THÔNG QUA PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC
(Kèm theo Nghị quyết số ~~24~~ /NQ-MB-HĐQT ngày ~~15~~ /05/2026)

Tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 15% tổng số cổ phiếu phổ thông lưu hành tại thời điểm chốt danh sách cổ đông được thực hiện nhận quyền cổ tức theo quy định pháp luật (phát hành thêm tối đa 1.208.249.986 cổ phiếu phổ thông tương đương với mức vốn điều lệ tăng thêm tối đa 12.082.499.860.000 VNĐ).

- **Mục đích tăng vốn điều lệ và kế hoạch sử dụng vốn tăng thêm:** Vốn điều lệ tăng thêm được sử dụng bổ sung vốn đầu tư tăng năng lực và bổ sung vốn kinh doanh cho MB trên nguyên tắc an toàn, hiệu quả và mang lại lợi ích cho cổ đông, phù hợp theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 11.

- **Đối tượng phát hành:** Cổ đông hiện hữu có tên trên Danh sách cổ đông được thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông phù hợp quy định pháp luật từng thời kỳ.

- **Số lượng cổ phiếu phát hành:** tối đa 1.208.249.986 cổ phiếu phổ thông; mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu.

- **Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá:** tối đa 12.082.499.860.000 VNĐ.

- **Nguồn thực hiện:** Từ lợi nhuận lũy kế chưa phân phối của MB năm 2025, phù hợp quy định. Trong đó:

+ Lợi nhuận sau thuế hợp nhất MB năm 2025: 27.382.977.454.015 VNĐ;

+ Lợi nhuận sau thuế riêng MB năm 2025: 27.329.888.126.228 VNĐ;

+ Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối hợp nhất MB năm 2025: 32.577.391.341.214 VNĐ;

+ Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối riêng MB năm 2025: 29.705.958.179.051 VNĐ;

+ Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối riêng MB sau khi trích lập các quỹ năm 2025 dự kiến: 21.506.991.741.182 VNĐ.

- **Thông tin về quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận lũy kế chưa phân phối và các quỹ khác tại ngày 31/12/2025 theo Báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán của MB:**

TT	Chỉ tiêu (Đơn vị tính: triệu đồng)	Riêng ngân hàng	Hợp nhất
1	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	6.806.293	6.972.588
2	Thặng dư vốn cổ phần	1.304.334	1.304.334
3	Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối	29.705.958	32.577.391
4	Quỹ khác (bao gồm Quỹ dự phòng tài chính)	12.273.072	12.418.296

- Thông tin về số tiền từ lợi nhuận lũy kế chưa phân phối được sử dụng để tăng vốn điều lệ: tối đa 12.082.499.860.000 VNĐ.

- **Thời gian hạn chế chuyển nhượng:** Cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức không bị hạn chế chuyển nhượng.

- **Thời gian dự kiến phát hành và thời gian dự kiến hoàn thành:** từ Quý 2 năm 2026, thời điểm cụ thể căn cứ theo chấp thuận của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và điều kiện thị

trường phù hợp. Chủ tịch HĐQT quyết định thời gian chốt danh sách cổ đông có quyền nhận cổ tức, phù hợp phê duyệt của ĐHĐCĐ, HĐQT; chấp thuận của CQQLNN.

- **Phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ:** Số lượng cổ phiếu phát hành theo tỷ lệ phân phối quyền đối với từng cổ đông được tính theo số nguyên, phần thập phân sẽ không được làm tròn thành 01 cổ phiếu. Phương án xử lý số phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ, cổ phiếu chưa phân phối hết phát sinh (nếu có) chuyển cho Công đoàn cơ sở MB quản lý và/hoặc phân phối/phân phối lại theo phê duyệt của HĐQT MB.

- **Đăng ký và niêm yết cổ phiếu dự kiến phát hành:** Cổ phiếu dự kiến phát hành được đăng ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) và đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) phù hợp quy định pháp luật.

- **Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn:** Chi tiết theo Bảng 1 Phụ lục 04 kèm theo.

- **Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 15% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn:** Chi tiết theo Bảng 2 Phụ lục 04 kèm theo.

PHỤ LỤC 02:
TRIỂN KHAI PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ
THÔNG QUA PHÁT HÀNH QUYỀN MUA CỔ PHẦN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU
(Kèm theo Nghị quyết số 24 /NQ-MB-HĐQT ngày 15 /05/2026)

Tăng vốn điều lệ thông qua chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo hình thức phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu tại thời điểm chốt Danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phần, phù hợp quy định pháp luật (tối đa phát hành thêm 805.499.990 cổ phiếu phổ thông tương đương với vốn điều lệ tối đa tăng thêm 8.054.999.900.000 VNĐ)¹.

- **Mục đích tăng vốn điều lệ và kế hoạch sử dụng vốn tăng thêm:** Vốn điều lệ tăng thêm được sử dụng bổ sung vốn đầu tư tăng năng lực và bổ sung vốn kinh doanh cho MB trên nguyên tắc an toàn, hiệu quả và mang lại lợi ích cho cổ đông, phù hợp theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 11.

- **Đối tượng phát hành:** Cổ đông hiện hữu có tên trên Danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phần phù hợp quy định pháp luật từng thời kỳ.

- **Số lượng cổ phiếu phát hành:** Tối đa 805.499.990 cổ phiếu.

- **Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá dự kiến:** tối đa 8.054.999.900.000 VNĐ.

- **Giá chào bán:** 10.000 VNĐ/cổ phiếu (Mười nghìn đồng một cổ phiếu).

- **Phương thức phát hành:** Phát hành quyền mua cổ phần cho các cổ đông hiện hữu thuộc Đối tượng phát hành.

- **Tỷ lệ thực hiện quyền:** 10:1; Tại ngày chốt Danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tại ngày chốt Danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phần sẽ được thực hiện 01 quyền mua cổ phần phát hành thêm. Cổ đông sở hữu 10 quyền mua thì được mua 01 cổ phiếu mới.

- **Thời gian dự kiến phát hành và thời gian dự kiến hoàn thành:** từ Quý 2 năm 2026, thời điểm cụ thể căn cứ theo chấp thuận của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền. Chủ tịch HĐQT quyết định thời gian phát hành, thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền mua cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu, phù hợp phê duyệt của ĐHĐCĐ, HĐQT, chấp thuận của CQQLNN.

- **Thời gian phân phối cổ phiếu:** Sau khi có chấp thuận của UBCKNN, Chủ tịch HĐQT quyết định thời gian cụ thể trong thời hạn phân phối, phù hợp quy định pháp luật, phê duyệt của ĐHĐCĐ, HĐQT và văn bản của Cơ quan có thẩm quyền.

- **Chuyển nhượng quyền mua:** Cổ đông hiện hữu có tên trong Danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phần (do VSDC cung cấp) có quyền chuyển nhượng một số hoặc toàn bộ quyền mua cổ phần của mình cho người khác trong thời gian quy định (chậm nhất trong 05 (năm) ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp tiền mua).

Quyền mua cổ phần chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần duy nhất (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho người thứ ba). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- **Tỷ lệ chào bán thành công:** Không quy định.

¹ Theo giả thiết ngày chốt Danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phần (phát hành cho cổ đông hiện hữu) trùng với ngày chốt Danh sách cổ đông được thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu.

- **Nguyên tắc làm tròn xuống, xử lý cổ phiếu lẻ, phần lẻ cổ phần:** Đối với cổ phiếu lẻ, phần lẻ cổ phần (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền, để đảm bảo không vượt quá số lượng chào bán, số lượng cổ phần chào bán thêm mà cổ đông được thực hiện quyền mua sẽ làm tròn xuống đến hàng đơn vị; số cổ phiếu lẻ thập phân (nếu có) sẽ được làm tròn xuống thành 0 cổ phần.

- **Phương án xử lý số cổ phiếu lẻ, cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được thực hiện quyền mua nhưng chưa phân phối hết:**

Số cổ phiếu lẻ, số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được thực hiện quyền mua nhưng chưa phân phối hết (cổ đông không đăng ký mua/ từ chối thực hiện quyền mua/ không nộp tiền mua/ không nộp tiền mua đúng hạn/ chưa phân phối hết trong các trường hợp khác) do HĐQT quyết định phương án xử lý phù hợp quy định pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc: (i) phân phối cho Công đoàn cơ sở MB theo phê duyệt của HĐQT và/hoặc chào bán cho (các) nhà đầu tư khác (không giới hạn các cổ đông hiện hữu khác) với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu; và/hoặc (ii) HĐQT quyết định kết thúc đợt chào bán.

HĐQT quyết định các nội dung cụ thể để thực hiện việc chào bán cho nhà đầu tư khác mua số cổ phiếu lẻ, số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được thực hiện quyền mua nhưng chưa phân phối hết (bao gồm nhưng không giới hạn ở thời gian/thứ tự thực hiện, giá chào bán, các điều kiện chào bán, tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư, danh sách nhà đầu tư, tìm kiếm và lựa chọn nhà đầu tư, số cổ phiếu phân phối cho từng nhà đầu tư và các nội dung khác có liên quan).

Trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định pháp luật (gồm cả thời gian gia hạn - nếu có), nếu vẫn còn cổ phiếu vẫn chưa được phân phối hết thì HĐQT quyết định kết thúc đợt chào bán, phù hợp quy định pháp luật.

- **Hạn chế chuyển nhượng:** Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua cổ phần không bị hạn chế chuyển nhượng. Cổ đông hiện hữu sở hữu cổ phiếu MBB đang bị hạn chế chuyển nhượng tại Ngày chốt danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phần vẫn được thực hiện quyền mua cổ phần và số cổ phiếu được mua theo tỷ lệ thực hiện quyền mua không bị hạn chế chuyển nhượng.

Số cổ phiếu lẻ phát sinh trong quá trình cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua và số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được thực hiện quyền mua nhưng chưa phân phối hết, HĐQT phân phối tiếp cho Công đoàn cơ sở MB và/hoặc (các) nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định pháp luật.

- **Nghĩa vụ của cổ đông hiện hữu có quyền mua/Người nhận chuyển nhượng quyền mua:** Tuân thủ quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, quy định pháp luật có liên quan, văn bản của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các quy định, quyết định của cấp có thẩm quyền MB, trong đó đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của cổ đông, cổ đông và người có liên quan (nếu có), duy trì việc sở hữu cổ phiếu tại MB và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- **Đăng ký và niêm yết cổ phiếu dự kiến phát hành:** Cổ phiếu dự kiến phát hành được đăng ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") và đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") phù hợp quy định pháp luật.

- **Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn:** Chi tiết theo Bảng 1 Phụ lục 04 kèm theo.

- **Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 15% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn:** Chi tiết theo Bảng 2 Phụ lục 04 kèm theo.

- **Tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn:** Tỷ lệ sở hữu cổ phần MB của nhà đầu tư nước ngoài tối đa hiện tại và dự kiến sau tăng vốn là: 23,2351% vốn Điều lệ MB. Trong trường hợp thay đổi tỷ lệ sở hữu tối đa cổ phần MB của nhà đầu tư nước ngoài, HĐQT báo cáo xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông phù hợp quy định. Phương án tăng vốn đảm bảo giới hạn tỷ lệ sở hữu tối đa của cổ đông, cổ đông và người có liên quan phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ MB.

- Trong quá trình triển khai các phương án tăng vốn dẫn đến các thay đổi về tỷ lệ sở hữu của (các) cổ đông lớn và người có liên quan, tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài (nếu có), MB thực hiện các thủ tục báo cáo/xin chấp thuận NHNN, CQQLNN và công bố thông tin theo quy định pháp luật từng thời kỳ.

PHỤ LỤC 03:
TRIỂN KHAI PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ THÔNG QUA
CHÀO BÁN RIÊNG LẺ TỐI ĐA 200 TRIỆU CỔ PHIẾU
(Kèm theo Nghị quyết số 24 /NQ-MB-HĐQT ngày 15 /05/2026)

- Tăng vốn điều lệ thông qua chào bán cổ phiếu riêng lẻ tối đa **200.000.000** cổ phiếu phổ thông, tương đương với vốn điều lệ tối đa tăng thêm **2.000.000.000.000 VNĐ** trong đó:
 - + Tiếp tục triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ MB số 19/NQ-MB-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2025, triển khai phương án tăng vốn điều lệ thông qua chào bán riêng lẻ đến tối đa 62.000.000 cổ phiếu phổ thông.
 - + Bổ sung chào bán riêng lẻ tối đa 138.000.000 cổ phiếu phổ thông theo phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ như sau (theo đó tổng số cổ phiếu chào bán riêng lẻ lên tối đa 200.000.000 cổ phiếu);
- **Mục đích tăng vốn điều lệ và kế hoạch sử dụng vốn tăng thêm:** Vốn điều lệ tăng thêm được sử dụng bổ sung vốn đầu tư tăng năng lực và bổ sung vốn kinh doanh cho MB trên nguyên tắc an toàn, hiệu quả và mang lại lợi ích cho cổ đông, phù hợp theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 11.
- Tổng số cổ phần dự kiến chào bán: tối đa 200.000.000 cổ phần;
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông. Mệnh giá: 10.000 VNĐ/ 01 cổ phần;
- Giá trị cổ phần dự kiến chào bán (theo mệnh giá): tối đa 2.000.000.000.000 VNĐ.
- Mức vốn điều lệ tăng thêm: tối đa 2.000.000.000.000 VNĐ.
- **Tiêu chí lựa chọn đối tượng được chào bán:** là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định pháp luật, có đủ tiềm lực tài chính, có năng lực kinh doanh/công nghệ, có thể hợp tác phát triển các hoạt động, kinh doanh phù hợp chiến lược của MB hoặc mô hình hoạt động, kinh doanh có thể liên kết chặt chẽ với MB để tạo ra giá trị. Ưu tiên: các doanh nghiệp lớn, đã có thương hiệu mạnh/đánh giá xếp hạng cao trên thị trường trong lĩnh vực hoạt động, am hiểu về chiến lược và văn hóa kinh doanh của MB (ưu tiên lựa chọn Doanh nghiệp quân đội, Doanh nghiệp nhà nước, không giới hạn các cổ đông lớn của MB).
- **Số lượng nhà đầu tư:** Số lượng nhà đầu tư được chào bán tối đa không quá số lượng nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật.
- Đối tượng được chào bán dự kiến và số lượng cổ phần chào bán cụ thể cho các nhà đầu tư tiềm năng: Giao và ủy quyền Chủ tịch HĐQT chỉ đạo tổ chức triển khai, quyết định và thực hiện các nội dung, thủ tục để tìm kiếm, đàm phán với (các) nhà đầu tư tiềm năng phù hợp phê duyệt của HĐQT và báo cáo HĐQT phê duyệt đối tượng chào bán và các nội dung triển khai chào bán riêng lẻ cụ thể, phù hợp quy định pháp luật, Nghị quyết ĐHĐCĐ số 11.
- **Giá chào bán:** được xác định bằng bình quân giá trị giao dịch cuối ngày của 15 phiên giao dịch gần nhất trên thị trường chứng khoán của MB so với thời điểm gửi thư mời quan tâm/thư chào bán; giá thỏa thuận không thấp hơn giá trị sổ sách của MB tại Báo cáo tài chính riêng lẻ của MB tại thời điểm gần nhất trước khi HĐQT phê duyệt phương án chào bán chi tiết, phù hợp quy định pháp luật, hướng dẫn của CQQLNN, phê duyệt của ĐHĐCĐ, HĐQT, thực tế triển khai và điều kiện thị trường phù hợp.
- **Thời gian hạn chế chuyển nhượng:** cổ phần chào bán riêng lẻ bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 05 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán trên cơ sở thỏa thuận giữa MB và từng Nhà

đầu tư, phù hợp quy định pháp luật. Thời hạn hạn chế chuyển nhượng cụ thể theo kết quả đàm phán với các Nhà đầu tư và báo cáo HĐQT phê duyệt cùng các nội dung triển khai chào bán riêng lẻ cụ thể.

- **Thời gian dự kiến triển khai:** từ Quý 2 năm 2026; thời gian dự kiến chào bán, kết thúc đợt chào bán phù hợp văn bản/chấp thuận của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật, phê duyệt của HĐQT, thực tế triển khai và điều kiện thị trường phù hợp.

- **Hồ sơ đăng ký chào bán riêng lẻ:** đảm bảo phù hợp quy định pháp luật và phương án được ĐHĐCĐ, HĐQT phê duyệt. Các thủ tục khác (công bố thông tin, báo cáo các CQQLNN có liên quan...): thực hiện theo quy định pháp luật, hướng dẫn của CQQLNN từng thời kỳ.

- **Đăng ký và niêm yết cổ phiếu dự kiến phát hành:** Cổ phiếu dự kiến phát hành được đăng ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") và đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") phù hợp quy định pháp luật.

- **Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn:** Theo Bảng 1 Phụ lục 04 kèm theo.

- **Danh sách cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 15% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn:** Theo Bảng 2 Phụ lục 04 kèm theo.

- **Tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn:** Tỷ lệ sở hữu cổ phần MB của nhà đầu tư nước ngoài tối đa hiện tại và dự kiến sau tăng vốn là: 23,2351% vốn Điều lệ MB. Trong trường hợp thay đổi tỷ lệ sở hữu tối đa cổ phần MB của nhà đầu tư nước ngoài, HĐQT báo cáo xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông phù hợp quy định.

- Phương án tăng vốn đảm bảo giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của cổ đông, cổ đông và người có liên quan phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ MB.

- Trong quá trình triển khai các phương án tăng vốn dẫn đến các thay đổi về tỷ lệ sở hữu của (các) cổ đông lớn và người có liên quan, tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài (nếu có), MB thực hiện các thủ tục báo cáo/xin chấp thuận NHNN, CQQLNN và công bố thông tin theo quy định pháp luật từng thời kỳ.

PHỤ LỤC 04:

THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG, TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LIÊN QUAN ĐẾN PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-MB-HDQT ngày 15/05/2026)

I. BẢNG 1: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CỔ ĐÔNG CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN TỪ 5% TRỞ LÊN (BAO GỒM SỞ HỮU GIÁN TIẾP) SO VỚI VỐN CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT VÀ SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI VÀ DỰ KIẾN SAU KHI TĂNG VỐN

STT	Tên cổ đông	Mã số DN	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (theo VSDC cung cấp)	Người đại diện theo Pháp luật	Tại thời điểm 27/02/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		0.Tại thời điểm 29/04/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu ² -Vốn điều lệ dự kiến: 100.687.498.850.000 đồng*		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP -Vốn điều lệ dự kiến: 102.687.498.850.000 đồng			
					Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu /VĐL, Tỷ lệ sở hữu/vốn CP có quyền biểu quyết (%)*	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu /VĐL, Tỷ lệ sở hữu/vốn CP có quyền biểu quyết (%)*	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu /VĐL, Tỷ lệ sở hữu/vốn CP có quyền biểu quyết (%)*	Cổ phần tối thiểu ³	Cổ phần tối đa ⁴	Tỷ lệ sở hữu /VĐL, Tỷ lệ sở hữu/vốn CP có quyền biểu quyết (%)	
													Tối thiểu	Tối đa
1	Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn (SNP)	030051484 9 cấp lần đầu: 30/6/2010. lần 6: ngày 14/05/2025 nơi cấp Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh	722 Điện Biên Phủ. Q.Bình Thạnh. HCM	Ngô Minh Thuận, CCCD do Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 17/05/2021	570.727.399	7,085	570.727.399	7,085	713.409.247	7,085	713.409.247	913.409.247	6,947	8,895
2	Tổng Công ty trực thăng Việt Nam - Công ty TNHH và chi nhánh (VNH)				681.842.918	8,465	681.842.918	8,465	852.303.646	8,465	852.303.646	1.026.391.818	8,300	9,995
2.1	Tổng Công ty trực thăng Việt Nam - Công ty TNHH và chi nhánh (VNH)	010010796 6 ngày cấp 19/12/202 2 nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Số 172 đường Trương Chinh. P.Khuong Thượng. Đống Đa. Hà Nội	Kiều Đặng Hùng, số CMT do Tổng cục chính trị cấp ngày 15/10/2022	679.074.898	8,430	679.074.898	8,430	848.843.621	8,430	848.843.621	1.022.931.793	8,266	9,962

² Theo giả thiết ngày chốt Danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phần (phát hành cho cổ đông hiện hữu) trùng với ngày chốt Danh sách cổ đông được thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu;

³ Trường hợp cổ đông lớn trong danh sách không tham gia phương án chào bán riêng lẻ 200 triệu cổ phần

⁴ Trường hợp các cổ đông lớn trong danh sách tham gia mua tối đa mức cổ phiếu chào bán riêng lẻ 200 triệu CP: SNP mua tối đa 200.000 CP; VNH mua tối đa 174.088.172 CP (đảm bảo tỷ lệ sở hữu tối đa của VNH và người liên quan sau tăng vốn không vượt quá 10% /VĐL MB); Viettel mua tối đa 34.898.028 CP, VCM mua tối đa 10.208.110 CP (đảm bảo tỷ lệ sở hữu tối đa của Viettel và người liên quan, VCM và người liên quan sau tăng vốn không vượt quá tỷ lệ sở hữu tại MB ngày 30/06/2024 ~19,072% /VĐL MB,); SCIC mua tối đa 35.755.322 CP (đảm bảo tỷ lệ sở hữu tối đa của SCIC và người liên quan sau tăng vốn không vượt quá 10%/VĐL MB)

STT	Tên cổ đông	Mã số DN	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (theo VSDC cung cấp)	Người đại diện theo Pháp luật	Tại thời điểm 27/02/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		0. Tại thời điểm 29/04/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu ² -Vốn điều lệ dự kiến: 100.687.498.850.000 đồng*		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP -Vốn điều lệ dự kiến: 102.687.498.850.000 đồng			
					Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu /VĐL, Tỷ lệ sở hữu/vốn CP có quyền biểu quyết (%)*	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu /VĐL, Tỷ lệ sở hữu/vốn CP có quyền biểu quyết (%)*	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu /VĐL, Tỷ lệ sở hữu/vốn CP có quyền biểu quyết (%)*	Cổ phần tối thiểu ³	Cổ phần tối đa ⁴	Tỷ lệ sở hữu /VĐL, Tỷ lệ sở hữu/vốn CP có quyền biểu quyết (%)	
													Tối thiểu	Tối đa
2.2	Công ty cổ phần đầu tư thương mại Hải Âu (công ty con của VNH)	031015145 7 ngày cấp 09/01/202 0 nơi cấp Sở KH&ĐT TP.HCM	39B- Đường Trường Sơn- Phường 4 - Quận Tân Bình HCM	Phạm Quốc Thắng CCCD do Cục CSQLHC& TTXH cấp ngày 09/08/2021	2.768.020	0,034	2.768.020	0,034	3.460.025	0,034	3.460.025	3.460.025	0,034	0,034
3	Tập đoàn Công nghiệp-Viễn thông Quân đội (Viettel)				1.530.657.209	19,003	1.530.657.209	19,003	1.913.321.509	19,003	1.913.321.509	1.958.427.647	18,632	19,072
3.1	Tập đoàn Công nghiệp-Viễn thông Quân đội (Viettel)	010010910 6 ngày cấp 20/09/201 9 nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Lô D26 khu đôi thị mới Cầu Giấy. phường Yên Hòa. quận Cầu Giấy. Hà Nội	Tào Đức Thắng. CCCD Cục CS QLHC về trật tự xã hội cấp 21/12/2021	1.184.249.466	14,702	1.184.249.466	14,702	1.480.311.831	14,702	1.480.311.831	1.515.209.859	14,416	14,756
3.2	Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và xuất nhập khẩu Viettel (VCM) (công ty con của Viettel)	010483103 0 do Sở KH&ĐT TP.HN cấp ngày 25/01/200 6	1 Giang Văn Minh Ba Đình HN	Phạm Văn Hùng- CCCD ngày cấp 08/12/20220 nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH	346.407.743	4,301	346.407.743	4,301	433.009.678	4,301	433.009.678	443.217.788	4,217	4,316
4	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước-Công ty TNHH (SCIC)				791.851.642	9,831	791.851.642	9,831	989.814.552	9,831	989.814.552	1.025.569.874	9,639	9,987
4.1	Tổng công ty Đầu tư và kinh	010199292 1 ngày cấp 05/05/201	Số 117 Trần Duy Hưng. P	Nguyễn Quốc Huy, CCCD	791.523.642	9,826	791.523.642	9,826	989.404.552	9,826	989.404.552	1.025.159.874	9,635	9,983

STT	Tên cổ đông	Mã số DN	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (theo VSDC cung cấp)	Người đại diện theo Pháp luật	Tại thời điểm 27/02/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		0. Tại thời điểm 29/04/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu ² - Vốn điều lệ dự kiến: 100.687.498.850.000 đồng*		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ dự kiến: 102.687.498.850.000 đồng			
					Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu /VĐL, Tỷ lệ sở hữu/vốn CP có quyền biểu quyết (%)*)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu /VĐL, Tỷ lệ sở hữu/vốn CP có quyền biểu quyết (%)*)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu /VĐL, Tỷ lệ sở hữu/vốn CP có quyền biểu quyết (%)*)	Cổ phần tối thiểu ³	Cổ phần tối đa ⁴	Tỷ lệ sở hữu /VĐL, Tỷ lệ sở hữu/vốn CP có quyền biểu quyết (%)	
													Tối thiểu	Tối đa
	doanh vốn Nhà Nước-Công ty TNHH (SCIC)	6 nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	do Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 10/01/2017										
4.2	TCT Cổ phần Bảo Minh (SCIC sở hữu 50,7% vốn điều lệ)	27GP/KD BH do Bộ tài chính cấp ngày 19/02/2024	26 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	Vũ Anh Tuấn CCCD do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 16/09/2021	328.000	0,004	328.000	0,004	410.000	0,004	410.000	410.000	0,004	0,004
TỔNG CỘNG					3.575.079.168	44,383	3.575.079.168	44,383	4.468.848.954	44,383	4.468.848.954	4.668.848.954	43,519	45,467

(*) MB hiện không còn cổ phiếu quỹ; do đó tổng vốn điều lệ và vốn cổ phần có quyền biểu quyết thời điểm trước và sau khi tăng vốn là như nhau

Danh sách cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên và người liên quan của cổ đông so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn⁵

STT	Tên cổ đông	Số CMND/CC CD/Mã số DN	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ với cổ đông	0. Tại thời điểm 29/04/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu -Vốn điều lệ dự kiến: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP -Vốn điều lệ dự kiến: 102.687.498.850.000 đồng			
								Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	
														Tối thiểu	Tối đa
1	Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn (SNP)	0300514849	Cấp lần đầu: 30/6/2010, lần 6: ngày 14/5/2025.	Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh	722 Điện Biên Phủ, Q. Bình Thạnh, HCM	Ngô Minh Thuận CCCD số do Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 17/05/2021		570.727.399	7,085	713.409.247	7,085	713.409.247	913.409.247	6,947	8,895
I.1	Ngô Minh Thuận						Chủ tịch-TGD	328.253	0,004	410.315	0,004	410.315	410.315	0,004	0,004
I.2	Nguyễn Năng Toàn						PTGD	1.761	0,000	2.201	0,000	2.201	2.201	0,000	0,000
I.3	Phùng Ngọc Minh						PTGD	29.282	0,000	36.602	0,000	36.602	36.602	0,000	0,000
I.4	Trịnh Văn Mọi						Bố vợ ông Nguyễn	63.573	0,001	79.465	0,001	79.465	79.465	0,001	0,001

⁵ Theo quy định Điều 11 Thông tư 50/2025/TT-NHNN ngày 24/12/2025 có hiệu lực từ ngày 07/02/2026.

STT	Tên cổ đông	Số CMND/CC CD/Mã số DN	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ với cổ đông	0. Tại thời điểm 29/04/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu - Vốn điều lệ dự kiến: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ dự kiến: 102.687.498.850.000 đồng			
								Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	
														Tối thiểu	Tối đa
							Năng Toàn-PTGD								
1.5	Nguyễn Năng Hải An						Con trai ông Nguyễn Năng Toàn-PTGD	100	0,000	125	0,000	125	125	0,000	0,000
1.6	Nguyễn Thị Mai Lý						Em ruột ông Nguyễn Năng Toàn-PTGD	23	0,000	28	0,000	28	28	0,000	0,000
1.7	Phạm Thúy Oanh						Vợ ông Phùng Ngọc Minh-PTGD	3.000	0,000	3.750	0,000	3.750	3.750	0,000	0,000
1.8	Phạm Thị Sáu						Vợ ông Nguyễn Thanh Trúc-PTGD	73	0,000	90	0,000	90	90	0,000	0,000
1.9	Nguyễn Lê Sơn						Anh ruột ông Nguyễn Phương Nam-PTGD	20.000	0,000	25.000	0,000	25.000	25.000	0,000	0,000
1.10	Nguyễn Bích Thủy						Vợ ông Nguyễn Khắc Thủy-KSV	7.700	0,000	9.625	0,000	9.625	9.625	0,000	0,000
1.11	Nguyễn Thị Thu						Em ruột ông Nguyễn Khắc Thủy-KSV	1.196	0,000	1.494	0,000	1.494	1.494	0,000	0,000

STT	Tên cổ đông	Số CMND/CC CD/Mã số DN	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ với cổ đông	0. Tại thời điểm 29/04/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu - Vốn điều lệ dự kiến: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ dự kiến: 102.687.498.850.000 đồng			
								Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	
														Tối thiểu	Tối đa
1.12	Nguyễn Thị Thanh						Em ruột ông Nguyễn Khắc Thủy-KSV	2.108	0,000	2.634	0,000	2.634	2.634	0,000	0,000
1.13	Hoàng Thị Thu Hiền						Đại diện vốn của SNP tại MB và Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng	100	0,000	125	0,000	125	125	0,000	0,000
1.14	Lê Tiến Chung						Đại diện vốn của SNP tại Công ty CP Xây dựng công trình Tân Cảng	39	0,000	47	0,000	47	47	0,000	0,000
1.15	Trần Văn Cường						Đại diện vốn của SNP tại Công ty CP Tân Cảng - Cái Mép	9.300	0,000	11.625	0,000	11.625	11.625	0,000	0,000
1.16	Hoàng Đức Thịnh						Đại diện vốn của SNP tại Công ty CP Đại lý giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng	60.000	0,001	75.000	0,001	75.000	75.000	0,001	0,001

STT	Tên cổ đông	Số CMND/CC CD/Mã số DN	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ với cổ đông	0. Tại thời điểm 29/04/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu - Vốn điều lệ dự kiến: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ dự kiến: 102.687.498.850.000 đồng			
								Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	
														Tối thiểu	Tối đa
1.17	Đỗ Xuân Minh						Đại diện vốn của SNP tại Công ty CP Vận tải thủy Tân Cảng	100.000	0,001	125.000	0,001	125.000	125.000	0,001	0,001
1.18	Ngô Văn Ngự						Đại diện vốn của SNP tại Công ty CP Kho vận Tân Cảng	18.596	0,000	23.244	0,000	23.244	23.244	0,000	0,000
1.19	Trần Quang Thảo						Đại diện vốn của SNP tại Công ty CP Kho vận Tân Cảng và Công ty CP Dịch vụ biển Tân Cảng	861.487	0,011	1.076.858	0,011	1.076.858	1.076.858	0,010	0,010
1.20	Nguyễn Đình Tứ						Đại diện vốn của SNP tại Công ty CP Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	3.500	0,000	4.375	0,000	4.375	4.375	0,000	0,000
1.21	Bùi Hải Dương						Đại diện vốn của SNP tại Công ty CP Tân Cảng - Tây Ninh	10.000	0,000	12.500	0,000	12.500	12.500	0,000	0,000
1.22	Nguyễn Văn Hòa						Đại diện vốn của SNP tại Công ty CP Tân Cảng -	100.302	0,001	125.377	0,001	125.377	125.377	0,001	0,001

STT	Tên cổ đông	Số CMND/CC CD/Mã số DN	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ với cổ đông	0. Tại thời điểm 29/04/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu - Vốn điều lệ dự kiến: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ dự kiến: 102.687.498.850.000 đồng			
								Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	
														Tối thiểu	Tối đa
							189 Hải Phòng								
1.23	Nguyễn Thị Thu Trang						Đại diện vốn của SNP tại Công ty TNHH Phát triển nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	59.388	0,001	74.234	0,001	74.234	74.234	0,001	0,001
	Tổng cộng SNP và người liên quan							572.407.180	7,106	715.508.961	7,106	715.508.961	915.508.961	6,968	8,915
2	Tổng công ty trực thăng Việt Nam- Công ty TNHH (VNH)	0100107966	19/12/2022	Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Số 172 đường Trường Chinh, P Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội	Kiều Đăng Hùng số CMT do Tổng cục chính trị cấp ngày 15/10/2022		679.074.898	8,430	848.843.621	8,430	848.843.621	1.022.931.793	8,266	9,962
2.1	Công ty cổ phần đầu tư thương mại Hải Âu	0310151457	Cấp lần đầu 10.07.2010, Thay đổi lần thứ 12 ngày 09.01.2020	Sở KH&ĐT TP.HCM	39B-Đường Trường Sơn- Phường 4 - Quận Tân Bình HCM	Phạm Quốc Thắng CCCD do Cục CSQLHC & TTXH cấp ngày 09/08/2021	Công ty con:	2.768.020	0,034	3.460.025	0,034	3.460.025	3.460.025	0,034	0,034

STT	Tên cổ đông	Số CMND/CC CD/Mã số DN	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ với cổ đông	0. Tại thời điểm 29/04/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu -Vốn điều lệ dự kiến: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP -Vốn điều lệ dự kiến: 102.687.498.850.000 đồng			
								Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	
														Tối thiểu	Tối đa
2.2	Kiều Đặng Hùng						Ông Kiều Đặng Hùng là Chủ tịch-kiểm Tổng giám đốc	328.223	0,004	410.278	0,004	410.278	410.278	0,004	0,004
2.3	Nguyễn Văn Tường						Phó Tổng giám đốc; Đại diện vốn góp của VNH tại Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật trực thăng	40.129	0,000	50.160	0,000	50.160	50.160	0,000	0,000
2.4	Đào Thị Tuyết Nhung						Kiểm soát viên	15.055	0,000	18.818	0,000	18.818	18.818	0,000	0,000
2.5	Vũ Sỹ Dũng						Kế toán trưởng	2	0,000	2	0,000	2	2	0,000	0,000
2.6	Nguyễn Kim Lan						Vợ ông Kiều Đặng Hùng- Chủ tịch- Tổng giám đốc	488	0,000	609	0,000	609	609	0,000	0,000

STT	Tên cổ đông	Số CMND/CC CD/Mã số DN	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ với cổ đông	0. Tại thời điểm 29/04/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu - Vốn điều lệ dự kiến: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ dự kiến: 102.687.498.850.000 đồng			
								Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	
														Tối thiểu	Tối đa
2.7	Mai Thị Thanh Nga						Vợ ông Lương Mạnh Quân-PTGD	2.351	0,000	2.938	0,000	2.938	2.938	0,000	0,000
2.8	Đào Thị Tuyết Hoa						Em gái bà Đào Thị Tuyết Nhung-KSV	93	0,000	115	0,000	115	115	0,000	0,000
2.9	Nguyễn Thanh Hà						Em rể bà Đào Thị Tuyết Nhung-KSV	100	0,000	125	0,000	125	125	0,000	0,000
2.10	Vũ Xuân Nam						Đại diện vốn góp của VNH tại MB	100	0,000	125	0,000	125	125	0,000	0,000
	Tổng cộng VNH và người liên quan							682.229.459	8,470	852.786.816	8,470	852.786.816	1.026.874.988	8,305	10,000
3	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel)	0100109106	20/09/2019	Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Lô D26 khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Tào Đức Thắng CCCD	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp 21/12/2021	1.184.249.466	14,702	1.480.311.831	14,702	1.480.311.831	1.515.209.859	14,416	14,756

STT	Tên cổ đông	Số CMND/CC CD/Mã số DN	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ với cổ đông	0. Tại thời điểm 29/04/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu -Vốn điều lệ dự kiến: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP -Vốn điều lệ dự kiến: 102.687.498.850.000 đồng			
								Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	
														Tối thiểu	Tối đa
3.1	Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và xuất nhập khẩu Viettel	0104831030	15/12/2011	Sở KH&ĐT TP.HN	1 Giang Văn Minh Ba Đình HN	Phạm Văn Hùng-CCCD ngày cấp 08/12/20220 nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH	Công ty con	346.407.743	4,301	433.009.678	4,301	433.009.678	443.217.788	4,217	4,316
3.2	Đỗ Minh Phương						Phó tổng giám đốc	113.147	0,001	141.433	0,001	141.433	141.433	0,001	0,001
3.3	Tào Thị Thu						Chị gái Ông Tào Đức Thắng-TGD	97	0,000	120	0,000	120	120	0,000	0,000
3.4	Tào Lê Đan Chi						Con gái ông Tào Đức Thắng-TGD	2.000	0,000	2.500	0,000	2.500	2.500	0,000	0,000
3.5	Nguyễn Thu Phương						Chị ruột Ông Nguyễn Đạt PTGD	3.000	0,000	3.750	0,000	3.750	3.750	0,000	0,000
3.6	Nguyễn Thị Hiền						Mẹ vợ Ông Cao Anh Sơn-PTGD	415.978	0,005	519.971	0,005	519.971	519.971	0,005	0,005

STT	Tên cổ đông	Số CMND/CC CD/Mã số DN	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chót của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ với cổ đông	0. Tại thời điểm 29/04/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu -Vốn điều lệ dự kiến: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP -Vốn điều lệ dự kiến: 102.687.498.850.000 đồng			
								Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	
														Tối thiểu	Tối đa
3.7	Vũ Thị Thu Hà						Vợ Ông Cao Anh Sơn-PTGD	265.932	0,003	332.414	0,003	332.414	332.414	0,003	0,003
3.8	Cao Kim Oanh						Em gái Ông Cao Anh Sơn-PTGD	1.046	0,000	1.306	0,000	1.306	1.306	0,000	0,000
3.9	Vũ Thị Minh Hằng						Em vợ Ông Cao Anh Sơn-PTGD	32	0,000	39	0,000	39	39	0,000	0,000
3.10	Trịnh Thùy Dương						Vợ ông Nguyễn Vũ Hà- PTGD	135	0,000	168	0,000	168	168	0,000	0,000
3.11	Phạm Thị Quỳnh Hoa						Chị chồng bà Cao Thị Thu Huyền-TBKS	2.000	0,000	2.500	0,000	2.500	2.500	0,000	0,000
3.12	Nguyễn Thị Hương						Vợ Ông Nguyễn Xuân Trường-TV BKS	100	0,000	125	0,000	125	125	0,000	0,000
3.13	Nguyễn Thị Hải Lý						Đại diện vốn góp của Viettel tại MB	221.446	0,003	276.806	0,003	276.806	276.806	0,003	0,003
3.14	Trương Thị Thu Hà						Người đại diện vốn góp của Viettel tại Công ty CP Tư vấn và Dịch vụ Viettel	63.543	0,001	79.428	0,001	79.428	79.428	0,001	0,001

STT	Tên cổ đông	Số CMND/CC CD/Mã số DN	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ với cổ đông	0. Tại thời điểm 29/04/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu -Vốn điều lệ dự kiến: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP -Vốn điều lệ dự kiến: 102.687.498.850.000 đồng			
								Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	
														Tối thiểu	Tối đa
3.15	Nguyễn Việt Dũng						Người đại diện vốn góp của Viettel tại CTCP Xi măng Cẩm Phả	135	0,000	168	0,000	168	168	0,000	0,000
3.16	Nguyễn Văn Phương						Người đại diện vốn góp của Viettel tại Công ty VTA Telecom	1.000	0,000	1.250	0,000	1.250	1.250	0,000	0,000
3.17	Phạm Anh Đức						Người đại diện vốn góp của Viettel tại Công ty Viettel Peru S.A.C	66.316	0,001	82.894	0,001	82.894	82.894	0,001	0,001
	Tổng cộng Viettel và người liên quan							1.531.813.116	19,017	1.914.766.381	19,017	1.914.766.381	1.959.277.478	18,647	19,080
4	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước- Công ty TNHH	0101992921	05/05/2016	Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Số 117 Trần Duy Hưng, P Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	Nguyễn Quốc Huy CCCD	do Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 10/01/2017	791.523.642	9,826	989.404.552	9,826	989.404.552	1.025.159.874	9,635	9,983

STT	Tên cổ đông	Số CMND/CC CD/Mã số DN	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ với cổ đông	0. Tại thời điểm 29/04/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu - Vốn điều lệ dự kiến: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ dự kiến: 102.687.498.850.000 đồng			
								Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	
														Tối thiểu	Tối đa
4.1	Nguyễn Chí Thành						Chủ tịch HĐQT	102.508	0,001	128.134	0,001	128.134	128.134	0,001	0,001
4.2	Nguyễn Quốc Huy						TV HĐQT-TGĐ	5.000	0,000	6.250	0,000	6.250	6.250	0,000	0,000
4.3	Bùi Đức Long						TV HĐQT	1.980	0,000	2.475	0,000	2.475	2.475	0,000	0,000
4.4	Vũ Trí Thức						PTGD, đại diện vốn của SCIC tại CTCP Sữa Việt Nam	1	0,000	1	0,000	1	1	0,000	0,000
4.5	Lê Minh Trung						Kiểm soát viên	5.025	0,000	6.280	0,000	6.280	6.280	0,000	0,000

STT	Tên cổ đông	Số CMND/CC CD/Mã số DN	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ với cổ đông	0. Tại thời điểm 29/04/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu - Vốn điều lệ dự kiến: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ dự kiến: 102.687.498.850.000 đồng			
								Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	
														Tối thiểu	Tối đa
4.6	CTCP Xây dựng và DV CC Bình Dương	3700149145	12/06/2018	Sở KHĐT tỉnh Bình Dương	91 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hòa, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Nguyễn Tấn Đạt do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 12/08/2021	SCIC sở hữu trên 10% VDL	2.000	0,000	2.500	0,000	2.500	2.500	0,000	0,000
4.7	TCT Cổ phần Bảo Minh	27GP/KDBH	08/09/2004 (lần đầu) 19/02/2024 (lần thứ 14)	Bộ Tài Chính	26 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	Vũ Anh Tuấn do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 16/09/2021	SCIC sở hữu trên 10% VDL	328.000	0,004	410.000	0,004	410.000	410.000	0,004	0,004
4.8	CTCP tư vấn Biển Việt	0100102679	10.4.2016	Sở KH&ĐT tp. Hà Nội	Số 06, Nguyễn Công Hoan, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam	Nguyễn Quê Lâm do Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư cấp	SCIC sở hữu trên 10% VDL	265.000	0,003	331.250	0,003	331.250	331.250	0,003	0,003
4.9	Ngô Thị Bình						Vợ ông Đinh Chí Kiên- TV HĐTV	22.977	0,000	28.720	0,000	28.720	28.720	0,000	0,000

STT	Tên cổ đông	Số CMND/CC CD/Mã số DN	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ với cổ đông	0. Tại thời điểm 29/04/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu - Vốn điều lệ dự kiến: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ dự kiến: 102.687.498.850.000 đồng			
								Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	
														Tối thiểu	Tối đa
4.10	Bùi Đức Kiên						Anh trai Ông Bùi Đức Long-TV HĐTV	18.408	0,000	23.009	0,000	23.009	23.009	0,000	0,000
4.11	Lý Phương Hằng						Chị dâu Ông Bùi Đức Long-TV HĐTV	21.000	0,000	26.250	0,000	26.250	26.250	0,000	0,000
4.12	Đinh Thị Ngọc Ánh						Chị gái ông Đinh Việt Tùng- Phó TGĐ	10.000	0,000	12.500	0,000	12.500	12.500	0,000	0,000
4.13	Vũ Nguyễn Hoàng Nam						Con rể ông Vũ Trí Thúc- Phó TGĐ	1.500	0,000	1.875	0,000	1.875	1.875	0,000	0,000
4.14	Lê Minh Kiên						Em ruột ông Lê Minh Trung- Kiểm soát viên	459.151	0,006	573.938	0,006	573.938	573.938	0,006	0,006
4.15	Nguyễn Tấn Đạt (B)						Đại diện vốn SCIC tại CTCP Xây dựng và Dịch vụ công cộng Bình Dương	2.500	0,000	3.125	0,000	3.125	3.125	0,000	0,000
4.16	Nguyễn Anh Tuấn						Đại diện vốn SCIC tại Tổng công ty CP Tài bảo hiểm Quốc	10.160	0,000	12.700	0,000	12.700	12.700	0,000	0,000

STT	Tên cổ đông	Số CMND/CC CD/Mã số DN	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ với cổ đông	0. Tại thời điểm 29/04/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu -Vốn điều lệ dự kiến: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP -Vốn điều lệ dự kiến: 102.687.498.850.000 đồng			
								Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	
														Tối thiểu	Tối đa
							Gia Việt Nam								
4.17	Nguyễn Quế Lâm						Đại diện vốn SCIC tại CTCP Tư vấn Biển Việt	4.800	0,000	6.000	0,000	6.000	6.000	0,000	0,000
4.18	Tổng Văn Toàn						Đại diện vốn SCIC tại Tổng công ty tư vấn xây dựng Việt Nam - CTCP	26.000	0,000	32.500	0,000	32.500	32.500	0,000	0,000
4.19	Trần Văn Tuấn (B)						Đại diện vốn SCIC tại Tổng công ty Sông Đà - CTCP	7	0,000	8	0,000	8	8	0,000	0,000
4.20	Đặng Quốc Bảo						Đại diện vốn SCIC tại Tổng công ty Sông Đà - CTCP	7.810	0,000	9.762	0,000	9.762	9.762	0,000	0,000
4.21	Nguyễn Thị Lương Thanh						Đại diện vốn SCIC tại Tổng công ty Thiết bị y tế Việt Nam - CTCP	30.031	0,000	37.538	0,000	37.538	37.538	0,000	0,000

STT	Tên cổ đông	Số CMND/CC CD/Mã số DN	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ với cổ đông	0. Tại thời điểm 29/04/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu - Vốn điều lệ dự kiến: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ dự kiến: 102.687.498.850.000 đồng			
								Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	
														Tối thiểu	Tối đa
4.22	Trần Thị Thu Trà						Đại diện vốn SCIC tại CTCP Nông sản thực phẩm xuất khẩu Cần Thơ, CTCP Xây dựng Tây Ninh	1	0,000	1	0,000	1	1	0,000	0,000
4.23	Phan Tuấn Linh						Đại diện vốn SCIC tại CTCP Nhiệt điện Phả Lại	14	0,000	17	0,000	17	17	0,000	0,000
4.24	Nguyễn Đức Dũng						Đại diện vốn SCIC tại CTCP Đầu tư Việt Nam - Oman	25	0,000	30	0,000	30	30	0,000	0,000
4.25	Chu Thế Hoàng						Đại diện vốn SCIC tại CTCP Nhiệt điện Hải Phòng	1	0,000	1	0,000	1	1	0,000	0,000
4.26	Hồng Lệ Vân						Đại diện vốn SCIC tại CTCP Trà Bắc	4.000	0,000	5.000	0,000	5.000	5.000	0,000	0,000
4.27	Tổng Quang Vinh						Đại diện vốn SCIC tại CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh	10.000	0,000	12.500	0,000	12.500	12.500	0,000	0,000

STT	Tên cổ đông	Số CMND/CC CD/Mã số DN	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ với cổ đông	0. Tại thời điểm 29/04/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu - Vốn điều lệ dự kiến: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ dự kiến: 102.687.498.850.000 đồng			
								Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	
														Tối thiểu	Tối đa
4.28	Vũ Trung Thực						Đại diện vốn SCIC tại Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP	7.500	0,000	9.375	0,000	9.375	9.375	0,000	0,000
4.29	Phan Thế Thành						Đại diện vốn SCIC tại CTCP Viện máy và Dụng cụ công nghiệp	26.700	0,000	33.375	0,000	33.375	33.375	0,000	0,000
	Tổng cộng SCIC và người liên quan							792.895.741	9,844	991.119.666	9,844	991.119.666	1.026.874.988	9,652	10,000

II. BẢNG 2. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CỔ ĐÔNG ĐÓ CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN TỪ 15% TRỞ LÊN SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ THỜI ĐIỂM HIỆN TẠI VÀ DỰ KIẾN SAU KHI TĂNG VỐN

1. Cổ đông Viettel và người có liên quan của cổ đông:

STT	Tên cổ đông	Mã số DN	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (theo VSDC cung cấp)	Người đại diện theo Pháp luật	0. Tại thời điểm 29/04/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu - Vốn điều lệ dự kiến: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ dự kiến: 102.687.498.850.000 đồng			
					Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu /VĐL (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu /VĐL (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu /VĐL (%)	
											Tối thiểu	Tối đa
1	Tập đoàn Công nghiệp-Viễn thông Quân đội (Viettel)	0100109106 ngày cấp 20/09/2019 nơi cấp Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Lô D26 khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Tào Đức Thắng, CCCD Cục CS QLHC về trật tự xã hội cấp 21/12/2021	1.184.249.466	14,702	1.480.311.831	14,702	1.480.311.831	1.515.209.859	14,416	14,756

Người liên quan của Viettel

STT	Tên cổ đông	Số CMND/CC CD/Hộ chiếu/Mã số DN	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ với cổ đông	0. Tại thời điểm 29/04/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu - Vốn điều lệ dự kiến: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ dự kiến: 102.687.498.850.000 đồng			
								Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	
														Tối thiểu	Tối đa
1.1	Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và xuất nhập khẩu Viettel	0104831030	15/12/2011	Sở KH&ĐT TP.HN	1 Giang Văn Minh Ba Đình HN	Phạm Văn Hùng- CCCD ngày cấp 08/12/2020 nơi cấp Cục CS QLHC về TTXH	Công ty con	346.407.743	4,301	433.009.678	4,301	433.009.678	443.217.788	4,217	4,316
1.2	Đỗ Minh Phương						Phó tổng giám đốc	113.147	0,001	141.433	0,001	141.433	141.433	0,001	0,001

STT	Tên cổ đông	Số CMND/CC CD/Hộ chiếu/Mã số DN	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ với cổ đông	0. Tại thời điểm 29/04/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu - Vốn điều lệ dự kiến: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ dự kiến: 102.687.498.850.000 đồng			
								Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	
														Tối thiểu	Tối đa
1.3	Tào Thị Thu						Chị gái Ông Tào Đức Thắng-TGD	97	0,000	120	0,000	120	120	0,000	0,000
1.4	Tào Lê Đan Chi						Con gái ông Tào Đức Thắng-TGD	2.000	0,000	2.500	0,000	2.500	2.500	0,000	0,000
1.5	Nguyễn Thu Phương						Chị ruột Ông Nguyễn Đạt PTGD	3.000	0,000	3.750	0,000	3.750	3.750	0,000	0,000
1.6	Nguyễn Thị Hiền						Mẹ vợ Ông Cao Anh Sơn-PTGD	415.978	0,005	519.971	0,005	519.971	519.971	0,005	0,005
1.7	Vũ Thị Thu Hà						Vợ Ông Cao Anh Sơn-PTGD	265.932	0,003	332.414	0,003	332.414	332.414	0,003	0,003
1.8	Cao Kim Oanh						Em gái Ông Cao Anh Sơn-PTGD	1.046	0,000	1.306	0,000	1.306	1.306	0,000	0,000
1.9	Vũ Thị Minh Hằng						Em vợ Ông Cao Anh Sơn-PTGD	32	0,000	39	0,000	39	39	0,000	0,000
1.10	Trịnh Thùy Dương						Vợ ông Nguyễn Vũ Hà-PTGD	135	0,000	168	0,000	168	168	0,000	0,000

STT	Tên cổ đông	Số CMND/CC CD/Hộ chiếu/Mã số DN	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ với cổ đông	0. Tại thời điểm 29/04/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu - Vốn điều lệ dự kiến: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ dự kiến: 102.687.498.850.000 đồng			
								Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	
														Tối thiểu	Tối đa
1.11	Phạm Thị Quỳnh Hoa						Chị chồng bà Cao Thị Thu Huyền-TBKS	2.000	0,000	2.500	0,000	2.500	2.500	0,000	0,000
1.12	Nguyễn Thị Hương						Vợ Ông Nguyễn Xuân Trường-TV BKS	100	0,000	125	0,000	125	125	0,000	0,000
1.13	Nguyễn Thị Hải Lý						Đại diện vốn góp của Viettel tại MB	221.446	0,003	276.806	0,003	276.806	276.806	0,003	0,003
1.14	Trương Thị Thu Hà						Người đại diện vốn góp của Viettel tại Công ty CP Tư vấn và Dịch vụ Viettel	63.543	0,001	79.428	0,001	79.428	79.428	0,001	0,001
1.15	Nguyễn Việt Dũng						Người đại diện vốn góp của Viettel tại CTCP Xi măng Cẩm Phả	135	0,000	168	0,000	168	168	0,000	0,000
1.16	Nguyễn Văn Phương						Người đại diện vốn góp của Viettel tại Công ty	1.000	0,000	1.250	0,000	1.250	1.250	0,000	0,000

STT	Tên cổ đông	Số CMND/CC CD/Hộ chiếu/Mã số DN	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ với cổ đông	0. Tại thời điểm 29/04/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu - Vốn điều lệ dự kiến: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ dự kiến: 102.687.498.850.000 đồng			
								Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	
														Tối thiểu	Tối đa
							VTA Telecom								
1.17	Phạm Anh Đức						Người đại diện vốn góp của Viettel tại Công ty Viettel Peru S.A.C	66.316	0,001	82.894	0,001	82.894	82.894	0,001	0,001
Tổng cộng Viettel và người liên quan								1.531.813.116	19,017	1.914.766.381	19,017	1.914.766.381	1.959.277.478	18,647	19,080

2. Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và xuất nhập khẩu Viettel (Viettel_Commerce) và người liên quan

STT	Tên cổ đông	Mã số DN	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	0. Tại thời điểm 29/04/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu - Vốn điều lệ dự kiến: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ dự kiến: 102.687.498.850.000 đồng			
					Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	
											Tối thiểu	Tối đa
	Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và xuất nhập khẩu Viettel (Viettel Commerce)	0104831030	1 Giang Văn Minh Ba Đình HN	Phạm Văn Hùng số CCCD ngày cấp 08/12/2022 Cục CSQLHC về TTXH	346.407.743	4,301	433.009.678	4,301	433.009.678	443.217.788	4,217	4,316

STT	Tên cổ đông	Số CMND/C CCD/Hộ chiếu/Mã số DN	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ với cổ đông	0. Tại thời điểm 29/04/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu - Vốn điều lệ dự kiến: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ dự kiến: 102.687.498.850.000 đồng			
								Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	
														Tối thiểu	Tối đa
2.1	Tập đoàn công nghiệp-viên thông quân đội	0100109106	20/09/2019	Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Lô D26 khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Tào Đức Thắng CCCD ngày cấp 21/12/2021 1 nơi cấp Cục CS QLHCVT TXH	Công ty mẹ	1.184.249.466	14,702	1.480.311.831	14,702	1.480.311.831	1.515.209.859	14,416	14,756
2.2	Đỗ Minh Phương						Chủ tịch Công ty	113.147	0,001	141.433	0,001	141.433	141.433	0,001	0,001
2.3	Phạm Văn Hùng						Giám đốc Công ty	1.062.600	0,013	1.328.250	0,013	1.328.250	1.328.250	0,013	0,013
2.4	Lương Thế Quang						Phó Giám đốc Công ty	181.100	0,002	226.375	0,002	226.375	226.375	0,002	0,002
2.5	Đinh Thị Dung						Phó Giám đốc Công ty	30.451	0,000	38.063	0,000	38.063	38.063	0,000	0,000
2.6	Phạm Ngọc Nam						Kiểm soát viên	14	0,000	17	0,000	17	17	0,000	0,000
2.7	Phạm Ngọc Châu Anh						Con đẻ Ông Phạm Văn Hùng GD Cty	1.000.000	0,012	1.250.000	0,012	1.250.000	1.250.000	0,012	0,012

STT	Tên cổ đông	Số CMND/C CCD/Hộ chiếu/Mã số DN	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ với cổ đồng	0. Tại thời điểm 29/04/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu -Vốn điều lệ dự kiến: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP -Vốn điều lệ dự kiến: 102.687.498.850.000 đồng			
								Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐ L (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	
														Tối thiểu	Tối đa
	Tổng cộng Viettel- Commerce và người liên quan							1.533.044.521	19,032	1.916.305.647	19,032	1.916.305.647	1.961.411.785	18,662	19,101

3. Cổ đông Đỗ Minh Phương và người liên quan

3. Cổ đông Đỗ Minh Phương và người liên quan												
STT	Tên cổ đông	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Mã số DN	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	0. Tại thời điểm 29/04/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu -Vốn điều lệ dự kiến: 100.687.498.850.000 đồng		2. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP -Vốn điều lệ dự kiến: 102.687.498.850.000 đồng			
					Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	
											Tối thiểu	Tối đa
3	Đỗ Minh Phương				113.147	0,001	141.433	0,001	141.433	141.433	0,001	0,001

Người liên quan ông Đỗ Minh Phương

Người liên quan ông Đỗ Minh Phương															
STT	Tên cổ đông	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Mã số DN	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ với cổ đông	0. Tại thời điểm 29/04/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đồng hiện hữu -Vốn điều lệ dự kiến: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP -Vốn điều lệ dự kiến: 102.687.498.850.000 đồng			
								Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	
														Tối thiểu	Tối đa
3.1	Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và xuất nhập khẩu Viettel	0104831030	15/12/2011	Sở KH&ĐT TP,HN	1 Giang Văn Minh Ba Đình HN	Phạm Văn Hùng CCCD ngày cấp 08/12/2022 nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH	Người quản lý công ty mẹ (Viettel)	346.407.743	4,301	433.009.678	4,301	433.009.678	443.217.788	4,217	4,316

STT	Tên cổ đông	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Mã số DN	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (căn cứ danh sách chốt của VSDC cung cấp)	Người đại diện theo pháp luật	Mối quan hệ với cổ đông	0. Tại thời điểm 29/04/2026 - Vốn điều lệ: 80.549.999.090.000 đồng		1. Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 2. Tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu - Vốn điều lệ dự kiến: 100.687.498.850.000 đồng		3. Tăng vốn thông qua phát riêng lẻ tối đa 200 triệu CP - Vốn điều lệ dự kiến: 102.687.498.850.000 đồng			
								Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Cổ phần tối thiểu	Cổ phần tối đa	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	
														Tối thiểu	Tối đa
3.2	Tập đoàn công nghiệp-viên thông quân đội	0100109106	20/09/2019	Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Lô D26 khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Tào Đức Thắng CCCD ngày cấp 21/12/2021 nơi cấp Cục CS QLHCVTTHH	Người quản lý của Viettel	1.184.249.466	14,702	1.480.311.831	14,702	1.480.311.831	1.515.209.859	14,416	14,756
Tổng cộng ông Đỗ Minh Phương và người liên quan								1.530.770.356	19,004	1.913.462.942	19,004	1.913.462.942	1.958.569.080	18,634	19,073

III. Thông tin về tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại 29/04/2026 là 22,9612 % vốn điều lệ và dự kiến sau khi tăng vốn điều lệ đảm bảo tối đa không vượt mức 23,2351% vốn điều lệ sau khi tăng vốn.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 30.../NQ - MB - HĐQT

Hà Nội, ngày 03.. tháng 07 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI

V/v Triển khai phương án tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng; Luật Doanh nghiệp; Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan;

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) MB số 11/NQ-MB-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2026 thông qua phương án tăng vốn điều lệ ("Nghị quyết ĐHĐCĐ số 11") và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ có liên quan;

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng Quản trị MB (HĐQT) số 24/NQ-MB-HĐQT ngày 15/05/2026 về việc triển khai các phương án tăng vốn điều lệ MB theo Nghị quyết ĐHĐCĐ MB năm 2026 ("Nghị quyết HĐQT số 24");

Căn cứ Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 5545/NHNN-QLGS ngày 26/06/2026 về việc tăng vốn điều lệ của MB;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu HĐQT MB số 76../BB-HĐQT ngày 03../07/2026;

QUYẾT NGHỊ

1. HĐQT thông qua lộ trình thực hiện các phương án tăng vốn điều lệ và phương án phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo thứ tự như sau:

- Triển khai thực hiện 02 phương án Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và Chào bán cổ phiếu ra công chúng theo hình thức phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu trong đó: Ngày đăng ký cuối cùng để cổ đông thực hiện quyền của 02 phương án là cùng một thời điểm, phù hợp quy định pháp luật.

- Triển khai phương án tăng vốn thông qua chào bán cổ phiếu riêng lẻ (theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 11 và Nghị quyết HĐQT số 24): nộp hồ sơ đăng ký chào bán riêng lẻ tới Ủy ban Chứng khoán nhà nước sau khi hoàn thành báo cáo kết quả phát hành/chào bán đối với 02 phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu.

Thời gian triển khai cụ thể từng phương án theo tiến độ văn bản/chấp thuận của CQQLNN, phê duyệt của cấp có thẩm quyền MB và thực tế triển khai với cổ đông, các nhà đầu tư và bên có liên quan.

2. HĐQT thông qua các nội dung triển khai cụ thể phương án phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu như sau:

2.1. Phương án xử lý số cổ phiếu lẻ, cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được thực hiện quyền mua nhưng chưa phân phối hết:

Thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 11 và Nghị quyết HĐQT số 24. Trong đó, việc HĐQT quyết định các nội dung cụ thể để thực hiện chào bán cho nhà đầu tư khác mua cổ phiếu



lẻ, số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được thực hiện quyền mua nhưng chưa phân phối hết đảm bảo tuân thủ các điều kiện theo Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019, Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các quy định pháp luật liên quan, bao gồm nhưng không hạn chế ở các điều kiện sau:

- Tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp 2020 (đã được sửa đổi, bổ sung): “*Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau*”.

- Đảm bảo các điều kiện chào bán quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán (đã được sửa đổi, bổ sung).

2.2. Phương án cụ thể đảm bảo việc chào bán cổ phiếu ra công chúng tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại MB (hiện là 23,2351% vốn điều lệ MB)¹:

- Trong quá trình cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu và phân phối số cổ phiếu lẻ, cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được thực hiện quyền mua nhưng chưa phân phối hết (nếu có), MB phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với VSDC để theo dõi, cập nhật và kiểm soát tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài của MB tuân thủ quy định pháp luật².

- Việc chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu, thực hiện quyền mua và phân phối số cổ phiếu lẻ, cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được thực hiện quyền mua nhưng chưa phân phối hết (nếu có) cho nhà đầu tư nước ngoài chỉ được thực hiện trong phạm vi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của MB. MB thực hiện công bố/thông báo chi tiết tới các cổ đông, nhà đầu tư về các yêu cầu tuân thủ để triển khai thống nhất. Đối với các giao dịch do MB tiếp nhận và thực hiện xác nhận giao dịch theo quy định pháp luật, MB chỉ xác nhận giao dịch sau khi đã phối hợp với VSDC để kiểm tra, đối chiếu tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của MB; việc xác nhận giao dịch được thực hiện trong phạm vi tỷ lệ sở hữu nước ngoài còn lại của MB theo thứ tự xử lý giao dịch và bảo đảm không vượt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại mọi thời điểm theo quy định pháp luật.

2.3. Phương án chi tiết sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo hình thức phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu dự kiến tối đa 8.054.999.900.000 VNĐ sẽ được sử dụng để bổ sung vốn hoạt động, kinh doanh cho MB trên nguyên tắc an toàn, hiệu quả và mang lại lợi ích cho cổ đông, phù hợp Nghị quyết ĐHĐCĐ số 11, cụ thể như sau:

TT	Phương án sử dụng tiền thu được	Số tiền đầu tư dự kiến (VNĐ)	Thời gian sử dụng dự kiến
1	Cho vay bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh	3.170.000.000.000	Sau khi hoàn thành phương án tăng vốn, dự kiến trong Quý 4/2026, phù hợp với thực tế triển khai.
2	Cho vay tài trợ dự án, cho vay đầu tư tài sản cố định	4.180.000.000.000	
3	Cho vay cá nhân tiêu dùng, mua nhà	704.999.900.000	
	Tổng cộng	8.054.999.900.000	

Trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán ra công chúng theo hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích nêu trên thì thứ tự ưu tiên

¹ Theo Công văn số 3302/UBCK-PTTT ngày 02/07/2021 của UBCK về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại MB: 23,2351%.

² Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Luật Chứng khoán, Khoản 5 Điều 139 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Công văn số 3302/UBCK-PTTT ngày 02/07/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các quy định pháp luật liên quan về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

sử dụng cho các mục đích theo thứ tự ưu tiên giảm dần như sau:

- Ưu tiên 1: Cho vay bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh;
- Ưu tiên 2: Cho vay tài trợ dự án, cho vay đầu tư tài sản cố định;
- Ưu tiên 3: Cho vay cá nhân tiêu dùng, mua nhà.

Trong trường hợp kết thúc thời gian phân phối cổ phiếu theo quy định, MB không chào bán hết số cổ phiếu đã đăng ký và số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ như dự kiến, HĐQT quyết định thực hiện một hoặc một số các biện pháp: đề nghị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền gia hạn đợt chào bán phù hợp quy định pháp luật; và/hoặc sử dụng nguồn vốn khác để thực hiện kế hoạch vốn, phù hợp quy định pháp luật, quy định MB.

2.4. Các nội dung khác liên quan đến việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng theo hình thức phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu và các phương án tăng vốn điều lệ khác của MB theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2026 (bao gồm cả các nội dung giao và ủy quyền, tổ chức thực hiện): thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 11 và Nghị quyết HĐQT số 24 và các văn bản có liên quan của cấp có thẩm quyền MB.

3. HĐQT giao và ủy quyền Chủ tịch HĐQT quyết định các nội dung triển khai cụ thể, ký hồ sơ/văn bản/báo cáo và thực hiện các thủ tục, công việc với Cơ quan có thẩm quyền, các bên liên quan để thực hiện đăng ký, báo cáo kết quả chào bán và triển khai hoàn thành phương án phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu, phù hợp quy định pháp luật, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, văn bản/hướng dẫn của Cơ quan có thẩm quyền, thực tế triển khai và điều kiện thị trường phù hợp.

4. HĐQT giao Tổng Giám đốc chỉ đạo các cơ quan phối hợp triển khai, phù hợp quy định pháp luật, văn bản/hướng dẫn của Cơ quan có thẩm quyền, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, phê duyệt của HĐQT/Chủ tịch HĐQT, quy định MB.

5. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Tổng Giám đốc;
- Khối TCKT;
- Lưu VP HĐQT.



Lưu Trung Thái





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 31...../NQ - MB- HĐQT

Hà Nội, ngày 03... tháng 07 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI

V/v Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng; Luật Doanh nghiệp; Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan;

Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Quân đội (MB);

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) MB số 11/NQ-MB-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2026 thông qua phương án tăng vốn điều lệ ("Nghị quyết ĐHĐCĐ số 11") và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ có liên quan;

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng Quản trị MB (HĐQT) số 24/NQ-MB-HĐQT ngày 15/05/2026 về việc triển khai các phương án tăng vốn điều lệ MB theo Nghị quyết ĐHĐCĐ MB năm 2026 ("Nghị quyết HĐQT số 24");

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu HĐQT MB số 776./BB-HĐQT ngày 03.../07.../2026;

QUYẾT NGHỊ

1. HĐQT thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo hình thức phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ MB, bao gồm các hồ sơ/tài liệu đính kèm Nghị quyết này.

2. HĐQT giao và ủy quyền Chủ tịch Hội đồng quản trị cập nhật/hoàn thiện hồ sơ đăng ký chào bán (bao gồm cả thông tin trong Bản cáo bạch theo các thông tin được MB công bố theo quy định), ký hồ sơ/văn bản/báo cáo và thực hiện các thủ tục, công việc với Cơ quan có thẩm quyền, bên liên quan để thực hiện đăng ký chào bán và hoàn thành phương án phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu, phù hợp quy định pháp luật, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, văn bản/hướng dẫn của Cơ quan có thẩm quyền, thực tế triển khai và điều kiện thị trường phù hợp.

3. HĐQT giao Tổng Giám đốc chỉ đạo các cơ quan phối hợp triển khai, phù hợp quy định pháp luật, văn bản/hướng dẫn của Cơ quan có thẩm quyền, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, phê duyệt của HĐQT/Chủ tịch HĐQT, quy định MB.

4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Tổng Giám đốc;
- Khối TCKT;
- Lưu VP HĐQT.



HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Đính kèm Nghị quyết số 31.../NQ - MB - HĐQT ngày 03/07/2026)

1. Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNNVN) số 5545/NHNN-QLGS ngày 26/06/2026 vv tăng vốn điều lệ của MB;
2. Giấy đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 781/BC-MB-HĐQT ngày 03/07/2026;
3. Giấy phép thành lập và hoạt động của MB số 03/GP-NHNN ngày 16/01/2026; Quyết định của NHNNVN số 53/QĐ-QLGS4 ngày 25/06/2026 về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động của MB;
4. Nghị quyết của ĐHĐCĐ MB số 11/NQ-MB-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2026 thông qua phương án tăng vốn điều lệ; Biên bản họp ĐHĐCĐ số 540/BB-MB-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2026; Tờ trình ĐHĐCĐ của HĐQT số 432/TTr-MB-HĐQT ngày 28/03/2026 v/v thông qua phương án tăng vốn điều lệ.
5. Nghị quyết của HĐQT MB số 24/NQ-MB-HĐQT ngày 15/05/2026 về việc triển khai các phương án tăng vốn điều lệ MB theo Nghị quyết ĐHĐCĐ MB năm 2026; Nghị quyết của HĐQT MB số 30/NQ-MB-HĐQT ngày 03/07/2026 về việc triển khai phương án tăng vốn thông qua phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu;
6. Bản cáo bạch chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;
7. Điều lệ MB;
8. Báo cáo tài chính riêng lẻ, hợp nhất của MB năm 2024, năm 2025 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng lẻ, hợp nhất quý gần nhất của MB năm 2026;
9. Văn bản xác nhận số 22445/BIDV-ĐCTC ngày 19/06/2026 của Ngân hàng TMCP Đầu tư Việt Nam (BIDV) về việc xác nhận thông tin tài khoản phong tỏa phục vụ mục đích tăng vốn của NHTMCP Quân đội;
10. Văn bản của HĐQT số 780/MB-HĐQT ngày 03/07/2026 cam kết triển khai niêm yết bổ sung cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng;
11. Văn bản của MB số 778/MB-HĐQT ngày 03/07/2026 cam kết đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán: Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
12. Văn bản của MB số 773/MB-HĐQT ngày 03/07/2026 cam kết về sử dụng vốn của đợt chào bán chứng khoán ra công chúng gần nhất;
13. Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ số 06A/2026/MBS/IBHN-HĐTV ngày 19/06/2026 ký giữa Ngân hàng TMCP Quân Đội và Công ty cổ phần Chứng khoán MB;
14. Công văn số 3302/UBCK-PTTT ngày 02/07/2021 của UBCKNN vv hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của MB.





NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22445/BIDV-ĐCTC
V/v Xác nhận thông tin tài khoản
phong tỏa phục vụ mục đích tăng vốn
của NHTMCP Quân đội

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2026

Kính gửi: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB)

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") xin xác nhận các nội dung như sau:

1. Thông tin khách hàng và tài khoản

- Tên tài khoản: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội
- Trụ sở chính: Số 18 Lê Văn Lương, Yên Hòa, Hà Nội
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 03/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 16/01/2026
- Số tài khoản: 1247956018
- Loại tiền tệ: VND
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – BIDV.
- Mục đích sử dụng: tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng của MB theo hình thức phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 11/NQ-MB-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2026.

2. Xác nhận phong tỏa và điều kiện giải tỏa

BIDV xác nhận tại ngày 19/06/2026, tài khoản nêu trên được BIDV thực hiện phong tỏa và chỉ thực hiện giải tỏa sau khi BIDV nhận được đồng thời các tài liệu sau đây:

- (1) Bản sao hợp lệ Văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đã nhận báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của Ngân hàng TMCP Quân đội;
 - (2) Chỉ thị bằng văn bản của Ngân hàng TMCP Quân đội đề nghị giải tỏa tài khoản.
- Giấy xác nhận được lập thành 09 bản: Ngân hàng TMCP Quân đội giữ 08 bản, BIDV giữ 01 bản./.

Nơi nhận (.....b):

- Như trên;
- CN BIDV Hoàn Kiếm;
- Lưu Ban ĐCTC, VT.

TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC BAN ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH



Phạm Vũ Thiên Nga